

Truyện Haruki Murakami

## Bánh Mật Ong

Dịch giả: Juriste



### Phần I

Dịch từ bản tiếng Pháp của tập " Sau trận động đất".

- Masakichi lấy cơ man nào là mật ong mà chú không thể ăn hết, bỏ vào một cái xô để vào bán ở thị trấn dưới chân núi. Chú gấu Masakichi vốn nổi tiếng là giỏi kiếm mật ong.

Làm sao mà một chú gấu lại có thể kiếm ra được một cái xô ? Sara hỏi.

- Tình cờ mà, Junpei giải thích, chú thấy cái xô này trên mặt đất, trên đường và nhặt về với ý nghĩ là nó sẽ cần cho mình một ngày nào đó.

- Và đúng là cái xô đã rất có ích cho chú !

- Đúng thế ! Vậy đó, Masakichi xuống thị trấn. Chú ngồi ở quảng trường trung tâm và viết một tấm biển : « Mật ong tự nhiên ngon tuyệt, hai trăm yên một lọ », và chú bắt đầu bán mật ong của mình.

- Gấu cũng biết viết cơ à ?

No, Junpei nói. Loài gấu không biết viết, nhưng Masakichi đã nhờ một ông già ngồi cạnh chú viết bằng bút.

- Ờ . Thế cậu có biết tính tiền không ?
- Yes, Masakichi được nuôi dưỡng bởi con người khi chú còn bé nên chú đã học nói và học tính toán. Cũng cần nói là chú vốn có năng khiếu bẩm sinh ?
- Ah . - Masakichi không phải như những con gấu bình thường khác.
- Đ. Đúng vậy. Masakichi khác với những chú gấu khác, chú là một chú gấu hơi đặc biệt. Vì vậy những chú gấu khác quanh chú hơi phân trịch thương với Masakichi.
- Trịch thương nghĩ là như thế nào ạ ?
- Có nghĩa là những chú gấu khác bảo « Eh, hấn có cái gì vậy kia, hấn xem mình là ai vậy chứ » hoặc là chúng sẽ kêu « Pff » sau lưng Masakichi hoặc là không nói chuyện với chú. Masakichi không thể đánh bạn với những chú gấu khác, đặc biệt con gấu béo ú Tonkichi rất ghét Masakichi.
- Tội nghiệp Masakichi.
- Ừ, tội nghiệp. Masa có vẻ bề ngoài của một chú gấu, vậy nên con người mới nói «Đồng ý là nó biết nói tiếng người như chúng ta, nó biết làm tính, nhưng rất cuộc, đó cũng chỉ là một con gấu thôi ».
- Cuối cùng Masa không được chấp nhận với bất cứ thế giới nào, thế giới loài người cũng như thế giới loài gấu.
- Điều đó thật là khủng khiếp, chú gấu tội nghiệp ! Mas không hề có bạn bè ư ?
- Không hề, tại vì chú không đến trường nên không có nơi nào để có thể kết bạn cả.
- Con thì lại có bạn bè, ở trường mẫu giáo. Sara nói.
- Tất nhiên, Junpei trả lời. Tất nhiên là con có nhiều bạn.
- Thế còn Jun, Jun có nhiều bạn bè chứ ?

Sara cảm thấy gọi Junpei đầy đủ tên dài quá nên gọi ngắn gọn lại là Jun.

- Bố của con là bạn tốt nhất của Jun từ rất lâu, và cả mẹ của con nữa.

- Càng tốt, rất tốt nếu có bạn bè.

- Đúng thế, cháu nói đúng. Thật tốt nếu có bạn bè

Junpei thường xuyên nghĩ ra các câu chuyện nhỏ mà anh vẫn kể cho Sara khi cô bé đi ngủ. Cô nhóc đặt ra cho anh những câu hỏi khi không hiểu và Junpei lại ngừng kể chuyện để giải thích mọi điều một cách cặn kẽ. Những câu hỏi của cô nhóc thường sâu sắc và thú vị. Trong khi Junpei nghĩ cách để trả lời cô bé thì những ý tưởng mới cho câu chuyện lại nảy sinh trong đầu anh.

Sayoko đi vào mới một cốc sữa nóng.

- . Mamam biết không, Jun kể cho con chuyện về chú gấu Masakichi. Sara giải thích. Đó là một chú gấu rất giỏi kiếm mật ong nhưng lại không có bạn bè.

- Hmm, Đó là một chú gấu rất to phải không ? Sayoko hỏi Sara.

Sara nhìn Junpei với vẻ lo âu.

- Masakichi rấ cao lớn phải không ạ?

- Không thực sự cao, Junpei nói. Thực ra thì đó là một chú gấu có phần bé nhỏ. Chỉ sắp xỉ con thôi, Sara ạ. Tính cách của chú có phần kín đáo. Không thích âm nhạc mạnh như punk hay hard rock. Chú chỉ nghe nhạc của Schubert, nghe một mình.

Sayoko hát nhảm bản la Truite.

-. Nhưng mà Masa nghe nhạc bằng cái gì chứ ? Sara hỏi. Nó có máy nghe CD hay cái gì đó tương tự như thế không ?

- Masa kiếm được một cái đài dưới đất, chú giữ lấy mà mang về nhà.

- Masa đã gặp may. Nhưng làm sao mà người ta lại có thể nhặt được bao nhiêu thứ đồ để quên trên núi chứ? Sara hỏi với vẻ hơi nghi ngờ.
  - Tại vì sườn núi rất dốc, cho nên khi mọi người leo núi và mệt, họ liền vứt bỏ những thứ không cần nữa. “Tôi không thể tiếp tục, ba lô của tôi nặng quá, tôi không cần xô, cuối cùng, tôi cũng không cần dung đài làm gì”. Cho nên người ta có thể tìm thấy vô số thứ đồ tiện dụng dọc theo những con đường mòn.
  - Mẹ có thể hiểu được những gì những người leo núi cảm thấy. Mẹ cũng thế, mệt mỏi khiến mẹ muốn vứt bỏ tất cả.
  - Nhưng con thì không, Sara nói.
  - Tại vì con là một đứa tham lam, Sayoko nói.
  - Không phải thế, Sara phản đối, con không hề tham lam
  - . Không, chỉ là vì con còn trẻ và khoẻ mạnh, Junpei sửa lời, chuyển câu chuyện sang hướng hoà giải. Nào, con phải uống sữa nhanh lên ,nếu con còn muốn Jun kể tiếp những cuộc phiêu lưu của chú gấu Masakichi.
  - Được thôi, Sara nói và cầm lấy cốc sữa bằng cả hai tay và uống liền một mạch cốc sữa nóng. Nhưng tại sao Masakichi lại không làm bánh mật ong để bán ở chợ nhỉ. Con nghĩ là sẽ có nhiều người ở thị trấn mua bánh.
  - Một ý tưởng tuyệt vời. Như thế, chú gấu Masa sẽ kiếm được nhiều tiền hơn. Sayoko vừa nói vừa cười.
  - Híc, phát triển thị trường để tăng giá trị gia tăng.... Con bé này tương lai sẽ là một chủ doanh nghiệp đây. Junpei nói.
- Khi Sara lên đường và ngủ trở lại thì đã hơn hai giờ sang. Sau khi chắc chắn là cô nhóc đã ngủ ngon giấc, Junpei và Sayoko ngồi đối diện với nhau bên bàn ăn và uống chung một chai bia. Sayoko không

uống được nhiều, còn Junpei thì phải lái xe để trở về nhà mình ở Yôyogi.

- Tớ xin lỗi vì đã gọi cậu vào lúc giữa đêm, Sayoko nói. Nhưng tớ thực sự không biết phải làm gì. Tớ gần như đờ người vì lệt và mất phương hướng, tớ không thể nghĩ tới ai khác ngoài cậu có thể khiến Sara dịu lại. Tớ thậm chí cũng không gọi điện cho Kan, hiểu chứ? Junpei gật đầu và uống một ngụm bia, nhâm nhi một cái bánh cracker trong cái đĩa trước mặt anh.

- Đừng lo cho tớ. Dẫu sao thì tớ cũng không ngủ cho tới lúc trời sáng, và ban đêm cũng chẳng có nhiều xe cộ trên đường. Đừng nghĩ là làm phiền tớ, thực thế!

- Cậu vẫn đang viết chứ?

- Viết dài hay ngắn?

- Một truyện ngắn nào đó?

Junpei gật đồng tỏ vẻ tán thành.

- Việc viết vẫn ổn chứ.

- Vẫn như thường lệ thôi. Tớ viết mấy truyện ngắn, rồi đăng trên một tạp chí văn học và chả ma nào đọc chúng cả.

- Có tớ, tớ đọc tất cả những gì cậu viết.

Cảm ơn, cậu thật là tốt, Junpei nói, nhưng truyện ngắn cậu thấy đó, một loại hình văn học cũng cũ kĩ như là dung lưới bắt cá vậy. Tóm lại, chả có tích sự quái gì cả. Tốt hơn là nói về chuyện của Sara nhé.

Con bé os thường xuyên bị những thứ như đêm nay không?

Sayoko gật đầu.

- Thường xuyên, nó hay nói mê khi ngủ. Dạo này thì hầu như đêm nào cũng bị thế. Đêm nào con bé cũng bị thức giấc và bị kích thích bởi những cơn hoảng loạn. Người nó run lên liên tục. Tớ làm đủ mọi

cách để trấn an nó, nhưng vô ích, nó vẫn cứ khóc. Không thể làm gì được.

- Cậu có nghĩ tới nguyên nhân nào đó không?

Sayoko uống hết phần bia còn lại, rồi ngắm nghía cái vỏ chai một lúc?

-Tớ nghĩ là do do con bé xem thời sự quá nhiều. Những hình ảnh của trận động đất ở Kobe dĩ nhiên là quá sức tưởng tượng đối với một đứa bé bốn tuổi. Từ lúc xảy ra trận động đất đêm nào nó cũng thức giấc. nó nói rằng có một ông già ác độc nào đó mà nó không biết đến đánh thức nó dậy. Nó gọi là “Lão già động đất”. Ông già thức nó dậy để ép nó chui vào một cái hộp nhỏ. Một cái hộp bé tí tẹo không thể chứa được người. Con bé đã chống lại việc chui vào cái hộp, nhưng ông già kia nắm chặt nó lại và uốn nó lại để nhét vào trong. Đó chính là lúc mà con bé thức dậy và la hét toáng lên.

- Nó hét “Lão già động đất” chẳng?

- Ừ, nó kể là ông lão này rất lớn và già. Khi nó thức dậy, nó bật tất cả bong trong nhà chạy khắp nhà để kiểm: trong tủ quần áo, trong tủ dày, dưới giường, trong tủ commode. Tớ cố hết sức để thuyết phục nó đó chỉ là một cơn ác mộng, nhưng vô ích. Con bé bình tĩnh trở lại và quay vào giường ngủ khi đã tìm khắp nhà và chắc chắn rằng ông già kia không trốn trong nhà. Thường thì phải ít nhất là hai giờ như thế, tớ bị thức giấc và không thể ngủ tiếp được nữa. Tớ thiếu ngủ mãn tính. Chính vì thế, tớ gần như không thể đứng vững và thậm chí không thể làm việc một cách bình thường.

Rất hiếm khi Sayoko biểu hiện những gì cô nghĩ như vậy.

- Trong mọi trường hợp thì tốt nhất cậu không xem thời sự trong một thời gian, Junpei nói. Mà tốt nhất là không xem vô tuyến, cứ bật kênh

nào ra cũng có hình ảnh tin tức về trận động đất.

- Tớ hầu như không xem vô tuyến nữa. Nhưng chắc ích gì cả. Nhưng “ông lão động đất” vẫn cứ đến. Tớ đã đưa Sara đến bác sĩ nhi khoa, nhưng tất tật những gì ông bác sĩ làm là kê cho nó uống một loại thuốc ngủ để nó ngủ yên giấc.

Junpei suy nghĩ một lúc rồi đề nghị:

- Liệu chúng mình có thể tới sở thú vào chủ nhật tới không?

Sayoko nhú mày lại để nhìn kĩ Junpei.

- Có thể như thế cũng tốt. Giúp con bé thay đổi ý nghĩ. Hmm. Ok, bốn chúng ta sẽ tới sở thú vào chủ nhật tới. Khá lâu rồi chúng mình không đi đâu đó cùng nhau. Cậu muốn gọi điện cho Kan và nói với anh ấy về việc này không??

Junpei năm nay 36 tuổi. Anh sinh ra và học phổ thông tại Nishinomiya, thủ phủ của Hyogo, trong một khu dân cư yên lành của Shukugawa. Bố anh là một chủ cửa hàng đồng hồ và trang sức. ông có hai cửa hàng, một ở Osaka và một ở Kobe. Junpei có một người em kém anh sáu tuổi. ANh học trường tư ở Kobe trước khi đậu vào trường đại học nổi tiếng Waseda ở Tokyo. Anh được nhận vào học cả ở khoa văn lẫn khoa thương mại. và anh chọn khoa văn không chút do dự. Tuy nhiên, anh đã nói dối cha mẹ và làm họ tin là anh đã chọn học chuyên ngành thương mại, bởi vì hai ông bà không đời nào chấp nhận chi tiền để anh học văn chương. Junpei không hề có ý định đánh mất bốn năm quý giá để nghiên cứu kĩ năng kinh doanh. Những gì mà anh mong muốn đó là nghiên cứu văn học, và hơn cả là trở thành nhà văn.

Ở lớp đại cương, anh gần như đánh bạn với 2 người: Takatsuki, biệt danh là Kan và Sayoko. Takatsuki người gốc vùng Nagano và đã

từng là đội trưởng đội bóng của trường phổ thông. Cao lớn, hai vai rộng. Vì anh phải mất hai năm học dự bị trước khi thi đậu vào trường Waesda, nên anh nhiều hơn Junpei một tuổi. Takatsuki là người thực tế và quyết đoán. Khuôn mặt anh có duyên và dễ gây cảm tình, và một phần nào đó tính độc đoán bản năng vốn đảm bảo cho anh vị trí người đứng đầu của bất cứ hội nhóm nào. Chỉ có điều Takatsuki không thực sự yêu thích đọc sách. Anh chọn khoa văn chỉ bởi vì anh bị đánh trượt ở kì thi vào các khoa khác.

- Nhưng điều đó chẳng quan trọng gì cả. Tớ có ý định làm nhà báo, cho nên dẫu sao thì tớ cũng nên học viết lách một cách chính xác, anh nói vẻ tỏ ra tích cực.

Junpei không thực sự hiểu điều gì ở anh khiến Takatsuki quan tâm. Khi có thời gian rỗi, anh ngồi ru rú ở nhà đọc sách và nghe nhạc, không thấy nhàm chán. Ngược lại, anh không thực sự mạnh ở các hoạt động chân tay. Vì anh vốn rụt rè nên khá khó kết bạn. Nhưng Takatsuki có vẻ như quyết định đánh bạn với Junpei ngay từ lần đầu gặp nhau trong lớp học. Chính Takatsuki ngỏ lời với trước với Junpei, vỗ nhẹ lên vai anh và đề nghị đi ăn cùng nhau. Bắt đầu từ ngày đó, họ trở thành những người bạn thân thiết nhất trên thế gian, luôn sẵn sàng thấu hiểu và tha thứ cho nhau tất cả. Nói cách khác, hai người hiểu nhau đến từng sợi tóc.

Takatsuki bắt chuyện với Sayoko khi đi cùng với Junpei cũng với cách như thế. Anh vỗ lên vai cô gái trẻ, đề nghị cô đi ăn trưa cùng anh và bạn anh. Và ngay lập tức họ trở thành bộ ba thực sự thân thiết. Họ không bao giờ đi đâu đó mà thiếu một trong ba người. Trao đổi với nhau vở ghi cours, đi ăn cùng nhau ở nhà ăn sinh viên, tán dóc về tương lai trong quán cafe giữa các giờ học, cùng kiếm việc



làm thêm ở một chỗ, cùng đi xem các liên hoan phim cũ xuyên đêm, hay đi tới các buổi biểu diễn nhạc rock, cùng đi lang thang trên các con đường của Tokyo, cùng uống bia trong các quán cho đến lúc say xỉn. Nói cách khác, họ làm tất cả những gì mà sinh viên vẫn làm.

Sayoko sinh ở Asakusa, trung tâm của Tokyo cổ, nơi bố cô làm chủ một cửa hàng các đạo cụ truyền thống Nhật Bản. Gia đình Sayoko từ nhiều thế hệ nay giữ được uy tín trong lĩnh vực này, là nhà cung cấp độc quyền cho các diễn viên kabuki nổi tiếng (Kabuki, một loại hình sân khấu truyền thống của Nhật-ND). Cô gái trẻ có hai người anh, một người nổi tiếng công việc của ông bố và nắm giữ nghề kinh doanh vốn có của gia đình, người kia làm việc trong một hãng kiến trúc. Sayoko từng học trường nữ sinh ANH Nhật trước khi vào học văn học ở Waseda. Cô muốn chuyên sâu vào văn học anh và theo đuổi sự nghiệp nghiên cứu sau này. Cô đam mê đọc sách. Cô và Junpei thường xuyên trao đổi sách với nhau và nói chuyện một cách sưa về những cuốn sách hai người đọc.

Sayoko có mái tóc rất đẹp và cái nhìn thông minh. Cô nói rất nhẹ nhàng nhưng thẳng thắn, và luôn có quan điểm của riêng mình, quan điểm được diễn đạt bằng cái miệng biểu cảm và có sức thuyết phục. Cô ăn mặc đơn giản, không trau chuốt, không trang điểm và không phải là kiểu người thu hút sự chú ý bằng vẻ bề ngoài. Nhưng cô có được tính hài hước đặc biệt, khi cô đùa cả khuôn mặt như nhăn nhúm lại, với một điệu bộ làm Junpei rất thích thú. Junpei tin chắc rằng Sayoko chính là người phụ nữ mà anh hằng luôn mơ ước. Anh chưa bao giờ yêu ai trước khi gặp Sayoko (Anh học ở trường dành cho bọn con trai nên ít có cơ hội gặp gỡ bọn con gái)

Tuy vậy, anh không có khả năng thú nhận tình cảm của mình với

Sayoko. Nếu một khi anh đã nói điều đó ra thì mọi việc sẽ không thể quay trở lại như trước được nữa. Và Sayoko có thể vượt ra khỏi tầm tay của anh. Ngay cả khi điều đó không xảy ra thì mối quan hệ dễ chịu giữa anh, Takatsukia và Sayoko chắc chắn cũng sẽ bị tổn hại. “Như hiện nay cũng tốt lắm rồi, cần đợi thêm một tí nữa”, Junpei tự nhủ.

Takatsuki đã đi trước anh.

- Tớ cảm thấy thật khó khăn khi nói với cậu điều này, nhưng tớ yêu Sayoko, Takatsu khi tuyên bố với Junpei. Tớ hi vọng là điều này không ảnh hưởng đến cậu?

Lúc đó là vào giữa tháng 9. Junpei quay về Kansai để nghỉ hè, trong thời gian này thì quan hệ giữa Takatsuki và Sayoko đã trở nên mật thiết hơn.

- Điều đó diễn ra một cách tình cờ, Takatsuki giải thích.

Junpei lặng nhìn mặt của bạn mình một lúc. Cần phải có một thời gian nhất định để anh có thể nắm chắc được sự tình, nhưng một khi anh đã chắc chắn, nó khiến anh cảm giác nặng nề như đang phải khoác một tấm áo giáp nặng bằng chì. Anh không có lựa chọn nào khác.

- Không, chuyện đó chẳng ảnh hưởng đến tớ đâu, anh trả lời.

Tớ thích như thế hơn, Takatsuki đáp lại với một nụ cười. Cậu hiểu chứ, tớ thấy lo lắng cho cậu, thật thế, giữa ba chúng ta đã có một mối quan hệ thật đặc biệt, và giờ đây tớ cảm giác là đã loại cậu ra ngoài, điều này làm tớ thấy ngại. Nhưng Junpei, cậu cần hiểu một điều là chuyện đó đằng nào cũng diễn ra, không sớm thì muộn. Ngay cả khi nó không xảy ra bây giờ thì cũng một lúc khác, không thể tránh khỏi...Nhưng thôi, mọi việc diễn ra như nó phải diễn ra, điều đó

không cản trở chúng mình vẫn là bạn bè của nhau, cả ba người, đúng không?

Junpei trả qua mấy ngày trong trạng thái mờ mịt. Anh không lên lớp nghe giảng, không tới chỗ làm thêm. Anh nằm dài suốt ngày trong căn phòng nhỏ của mình, không ăn gì cả ngoài vài thứ vật còn lại trong tủ lạnh, uống hết số rượu mà anh có. Anh suy nghĩ rất nhiều về chuyện bỏ học. Rằng anh sẽ kết thúc cuộc đời của anh trong cô đơn, tại một thị trấn xa xôi nơi anh không quen biết ai, và kiếm một công việc lao động chân tay. Có vẻ như đó là một cuộc sống hợp nhất với tinh thần anh từ nay trở đi.

Không thấy Junpei tới lớp, Sayoko tới tìm anh năm ngày sau. Cô mặc một chiếc áo t-shirt màu xanh thủy binh và quần cotton màu trắng, mái tóc cuộn kiểu đuôi ngựa.

Tại sao cậu bỏ học? Mọi người đều lo lắng cho cậu, và tự hỏi liệu cậu còn sống hay không! Kan yêu cầu tớ đi nghe ngóng tin tức. Cậu ấy không thể chấp nhận việc chính chính phát hiện ra xác của cậu. Đó là sự yếu đuối ở Kan, cậu cũng biết đấy.

Tớ thấy đau khổ, Junpei trả lời.

Đúng là cậu đã gây đi nhiều, Sayoko vừa nói vừa nhìn chăm chú Junpei. Cậu muốn tớ làm cái gì để ăn không?

Junpei lắc đầu.

-Tớ không thấy đói.

Sayoko mở tủ lạnh và kiểm tra bên trong, chỉ còn lại hai chai bia, một quả dưa chuột héo và một thỏi chất khử mùi. Sayoko ngồi cạnh Junpei.

-Nghe này, Junpei, tớ không biết nói với cậu thế nào, nhưng có phải chuyện của tớ và Kan làm cậu buồn?

-Tớ không thấy buồn, Junpei đáp.

Và sự thực là thế, anh không hề oán giận Kan và Sayoko chút nào, nếu anh có oán giận ai thì đó chính là bản thân mình. Hợp lý hơn khi Takatsuki là người yêu của Sayoko, điều đó gần như tự nhiên.

Takatsuki xứng đáng cho điều đó hơn là anh.

- Chúng mình có thể uống chung một chai bia chứ? Sayoko đề nghị.

- Ừ.

Sayoko lấy một chai bia trong tủ lạnh, rót một phần vào cốc, phần còn lại đưa cho Junpei. Hai người uống trong yên lặng.

- Nghe này, tớ cảm thấy ngượng khi nói với cậu điều này, nhưng tớ muốn vẫn là bạn của cậu, không phải chỉ bây giờ mà cả sau này, mãi mãi. Tớ yêu Kan, nhưng tớ cần tới cậu trên đời này, ở một nghĩa khác, cậu thấy tớ có ích kỉ không?

Junpei không chắc lắm nhưng anh lắc đầu để nói không.

Biết một điều gì và tạo cho điều đó một hình hài chắc chắn là hai việc khác nhau, cậu thấy đó. Nếu chúng có thể thực hiện được cả hai việc đó, cuộc sống sẽ trở nên đơn giản hơn.

Junpei ngẩn nhìn Sayoko, anh không thực sự hiểu ý cô muốn diễn đạt “Tại sao đầu óc mình lúc nào cũng chậm chạp” anh tự hỏi. Anh ngẩng đầu lên và mãi nhìn những vết nhơ trên trần nhà, không một chủ ý nào cả.

Nếu anh thú nhận tình yêu của mình với Sayoko trước Takatsuki thì mọi việc sẽ tiến triển như thế nào? Anh không có ý nghĩ nào khác hơn. Tất tật những gì mà anh biết đó là anh đã không thú nhận. Đó là sự thật rõ ràng nhất.

Anh cảm thấy có những giọt nước mắt rơi xuống chiếu. Những tiếng động nhẹ khô khan một cách lạ lùng. Trong khoảnh khắc anh nghĩ là

mình đang khóc mà không hề biết rằng chính Sayoko đang khóc. Cô gục đầu giữa hai đầu gối, tiếng thổn thức nhẹ nhàng rung hai bờ vai.

Gần như vô thức, Junpei chìa tay và vòng qua vai Sayoko, rồi anh kéo nhẹ cô lại bên mình. Sayoko không phản ứng gì. Junpei vòng hai tay ôm và đặt nhẹ môi mình lên môi Sayoko. Cô nhắm mắt lại, hơi hé miệng ra. Junpei cảm thấy mùi vị mặn mặn của những giọt nước mắt, hít lấy hơi thở của cô. Anh cảm nhận được sự êm dịu từ hai bầu vú nàng đang áp sát ngực anh. Cái gì đó đang chuyển động trong đầu anh, một sự chuyển động lớn lao đang diễn ra như thể các sự vật đang đổi vị trí, anh nghe rõ tiếng động, tiếng răng răng của thế giới. Nhưng mọi việc chỉ dừng ở đó. Sayoko lấy lại tinh thần, cúi đầu xuống và đẩy anh ra.

- Không, cô nói chậm rãi và lắc đầu. Không được như thế.

Junpei xin lỗi nhưng Sayoko không nói gì cả. Hai người lặng yên một lâu bên nhau. Gió tràn vào từ cửa sổ mang theo âm thanh của chiếc radio đang phát một bài hát mới nhất. “Chắc chắn mình sẽ nhớ bài hát này suốt cả đời” Junpei nghĩ. Nhưng rồi sau này, anh không thể, dù đã cố hết sức nhớ lại được tên của bài hát đó.

- Cậu không cần phải xin lỗi, đó không phải là lỗi của cậu. Sayoko nói.

- Tớ nghĩ là tớ không còn biết tớ đã làm gì, Junpei nói một cách thật thà.

Sayoko giơ tay khẽ che miệng anh.

- Nay, cậu sẽ tới lớp học vào ngày mai chứ? Cậu biết đấy, tớ chưa bao giờ có được một người bạn như cậu, cậu mang tới cho tớ nhiều thứ lắm, hãy nhớ lấy điều đó.

- Rất nhiều, nhưng không đủ, Junpei nói.
- Không phải thế, Sayoko nói với vẻ hơi phần cam chịu và hơi cúi đầu xuống, không phải vậy.

Junpei quay lại lớp học vào ngày hôm sau, và nhóm bộ ba tiếp tục tình bạn của họ cho tới lúc tốt nghiệp. Ý nghĩ bỏ ra đi từng có trong đầu Junpei biết mất hẳn. ...Được ôm chặt Sayoko trong vòng tay và đặt môi lên môi của nàng đã làm dịu cái gì đó sâu thẳm bên trong anh, đưa mọi việc trở lại trạng thái vốn có. “Dẫu sao thì mình cũng chẳng còn lý do gì để mà do dự” anh tự nhủ. Bây giờ thì quyết định đã rõ ràng, ngay cả đó là bởi một người khác chứ không phải là bởi chính anh.

Có đôi lúc Sayoko giới thiệu anh với bạn bè thời trung học của cô. Và họ cùng đi với nhau, bốn người, Takatsuko, Junpei, Sayoko và một người bạn cũ nào đó của cô. Junpei đã có quan hệ xa hơi với một trong số những cô gái đó, đó cũng là người đầu tiên anh ngủ cùng. Chuyện diễn ra vào khoảng tầm trước sinh nhật 20 của anh. Tuy nhiên trái tim anh luôn lơ đãng. Anh luôn tỏ ra nhã nhặn, nhẹ nhàng và tốt với bạn gái của mình, nhưng không bao giờ thể hiện sự cuồng nhiệt, hết mình và ân cần với cô. Anh chỉ thể hiện sự đam mê và nhiệt thành khi anh viết những trang tiểu thuyết cô đơn của riêng mình. Bạn gái anh không thể chờ đợi mãi và phải đi kiếm sự nồng ấm từ nơi khác. Họ chia tay nhau. Chuyện lại lặp lại tương tự như thế với những cô gái khác.

Khi Junpei tốt nghiệp, bố mẹ anh phát hiện ra anh tốt nghiệp về văn chương chứ không phải về thương mại. Quan hệ giữa anh và hai ông bà trở nên khó khăn. Ông bố muốn anh quay về Kansai để nắm giữ nghề kinh doanh của gia đình, nhưng Junpei không hề có ý định

đó. Anh trả lời là anh muốn ở lại Tokyo để viết tiểu thuyết. Hai ông bà từ chối mọi thoả hiệp và tranh cãi kịch liệt đã xảy ra sau đó. Hai bên nói với nhau những lời nặng nề chưa từng có. Kể từ lúc đó, Junpei không bao giờ gặp lại gia đình anh. Cũng bình thường nếu nếu mọi việc diễn ra tệ hại, Junpei tự nhủ. Khác với cô em gái luôn nghe lời bố mẹ, từ bé anh luôn có những ý kiến trái ngược với quan điểm của ông bà. “Vậy là sự đổ vỡ hoàn toàn cũng đã diễn ra”. Junpei thầm nói với một nụ cười cay đắng. Giống y chang những mâu thuẫn giữa mấy ông nhà văn những năm 20 với mấy ông bà bô vốn hưởng thụ nếp giáo dục nghiêm khắc và mang tinh thần khổng giáo.

Junpei không làm một công việc cố định mà anh tập trung chủ yếu vào viết lách, thi thoảng kiếm một vài việc làm thêm. Vào thời gian này, ngay khi viết xong một cái gì, anh thường đưa cho Sayoko đọc rồi hỏi những ý kiến chân thành của cô. Sau đó, anh sửa bản viết của mình dựa trên những nhận xét của Sayoko, rồi viết lại một cách tỉ mỉ và kiên nhẫn, cho tới khi có được một nhận xét tốt hơn. Anh không có bất cứ “cổ văn văn chương” nào khác. Anh cũng không gặp gỡ những người viết trẻ tuổi như mình. Ý kiến của Sayoko là ánh sáng duy nhất chỉ đường cho anh.

Ở tuổi 24, anh viết một truyện ngắn dành được giải thưởng cho những người viết trẻ của một tạp chí văn học, và được chỉ định để tranh giải thưởng Akutagawa. Trong 5 năm tiếp theo các tác phẩm của Junpei bốn lần được giới thiệu làm ứng viên tranh giải thưởng văn học danh tiếng nhất nước Nhật này. Anh luôn nhận được số điểm rất cao nhưng không bao giờ nhận được giải thưởng, nói cách khác anh luôn là một ứng cử viên tiềm tàng nhưng thiếu may mắn. Lời nhận xét luôn luôn vẫn là: “ Một tác phẩm có giá trị văn chương

cao đối với một ứng viên trẻ. Cách thức mô tả đáng chú ý, có sự tinh tế sâu sắc trong mô tả tâm lý nhân vật. Nhưng chúng tôi nhận thấy sự xu hướng đa cảm và thiếu vắng sự tươi tắn mới mẻ cũng như một bối cảnh văn học thực sự.”

Những nhận xét này làm Takatsuki bật cười.

- Mấy thằng cha này chỉ giỏi nói dóc. Một bối cảnh văn học thật sự là cái gì chứ? Người bình thường không sử dụng kiểu từ vựng ấy. Chẳng lẽ người ta nói món ragu đêm nay thiếu hẳn một bối cảnh của mùi thịt bò?

Ở tuổi 30, Junpei đã in được hai tuyển tập truyện ngắn. Tập thứ nhất mang tựa đề “những chú ngựa dưới mưa”, tập thứ hai có tên “Quả nho”. Tập đầu bán được mười nghìn bản tập còn lại được khoảng mười hai nghìn. Với số lượng đó theo nhà xuất bản thì không hề tệ cho một nhà văn trẻ chuyên viết truyện ngắn. Hơn nữa đó không phải là thể loại văn học bình dân, mà là văn học ở tầm cao cấp. Những phê bình nhận xét của báo chí nói chung là khá tích cực cho Junpei, tuy nhiên cũng không đến mức ca ngợi hết lời con đường của nhà văn trẻ này.

Truyện ngắn của Junpei thường kể về chuyện của những người đàn ông và phụ nữ trẻ tuổi chìm sâu trong dần dần của đam mê yêu đương không hi vọng, kết thúc luôn u sầu và hơi phần đa cảm. Anh viết rất hay, ai cũng nhận thấy thế khi đọc. Nhưng dĩ nhiên phong cách viết của anh hơi phần trữ tình với cốt truyện cũ kĩ, có phần đi xa xu thế văn học hiện thời. Người đọc của thế hệ anh đòi hỏi những câu chuyện và cách viết mạnh mẽ hơn, sáng tạo hơn. Đó là thời của trò chơi video và nhạc rap. Nhà xuất bản khuyến khích Junpei viết tiểu thuyết. Nếu anh vẫn tiếp tục chỉ viết truyện ngắn, sử dụng mãi



cùng một chất liệu và dù sao đi nữa thế giới tưởng tượng của anh cũng sẽ nghèo đi, người phụ sách nhà xuất bản nói. Trong nhiều trường hợp, viết tiểu thuyết dễ mở ra những bối cảnh mới cho tác giả. Và ngay cả trên quan điểm thuần túy lí thuyết, tiểu thuyết thường lôi cuốn được nhiều độc giả hơn là truyện ngắn. Nếu anh có ý định sống bằng nghề viết thì chuyên sâu mãi vào truyện ngắn không dễ dàng chút nào với người cầm bút.

Tuy nhiên, Junpei sinh ra là để viết truyện ngắn. Anh khép mình trong phòng quạnh quẽ và viết sơ thảo cho truyện ngắn trong ba ngày, bỏ quên những mối bận tâm khác để tập trung viết, khoảng bốn ngày tiếp sau, anh hoàn thành bản phác thảo. Tiếp đó, dĩ nhiên sau khi đưa cho Sayoko và người phụ trách nhà xuất bản đọc, anh sửa chữa chu đáo và soạn lại một cách chi tiết. Nhưng về căn bản mà nói thì công việc được tiến hành trong tuần làm việc đầu tiên. Những phần quan trọng nhất được xây dựng và quyết định trong khoảng thời gian này. Cách thức làm việc này phù hợp với tính cách của Junpei. Một sự tập trung cao độ trong một khoảng thời gian ngắn. Hình ảnh và ngôn ngữ được cô đọng. Nhưng khi anh cố viết một tiểu thuyết thì anh lại rơi vào trạng thái hỗn độn. Làm sao có thể duy trì được sự tập trung tinh thần cao trong nhiều tháng liên tục, thậm chí là một năm? Anh không thể duy trì nhịp điệu làm việc của mình như thế.

## **Bánh Mật Ong**

Dịch giả: Juriste

### **Phần II**

Sau nhiều lần thử bắt tay vào viết một cuốn tiểu thuyết và thất bại. Cuối cùng anh quyết định từ bỏ ý định đó. Dù có làm anh hài lòng hay không thì con đường duy nhất của anh vẫn là viết truyện ngắn. Đó là phong cách của Junpei. Anh không thể thay đổi tính cách, dù có nhiều nỗ lực. Con người ta có năng khiếu nhưng chỉ một vài giây phút thì không đủ tư chất để trở thành thuyền trưởng được.

Cuộc sống độc thân đơn giản mà Junpei đang có không đòi hỏi chi tiêu nhiều. Khi thu nhập đủ ở mức cần thiết cho bản thân, anh ngừng nhận đặt hàng viết. Anh chỉ nuôi một chú mèo con. Anh quan hệ với những cô nhân tình ít đòi hỏi, và khi anh chán, anh đều tìm được lý do để chia tay. Đôi khi, thường là tầm 1 tuần một lần, anh thức dậy vào vào lúc giữa đêm, bị giày vò bởi những nỗi lo lắng kinh hoàng. Anh cảm thấy nỗi lo sợ này thật kinh khủng, và dù đã cố gắng thoát khỏi nhưng anh không thể. Thường khi cảm giác như thế, anh ép mình ngồi và bàn và bắt đầu viết, hoặc ngồi uống cho đến lúc không thể đứng vững. Ngoài những cơn khủng hoảng kiểu này, anh có một cuộc sống yên bình, không khó khăn.

Takatsuki kiếm được chỗ làm cho một tờ nhật báo quốc gia, như

mong muốn của anh. Vì anh không học hành chăm chỉ lúc con sinh viên nên điểm số không thực sự xuất sắc, nhưng anh đã tạo được ấn tượng rất rất tốt khi phóng văn tuyển việc và nhanh chóng được nhận vào làm việc. Về phần Sayoko, thì cô theo đuổi luận án tiếng sĩ văn học đúng như cô từng ao ước. Sáu tháng sau khi tốt nghiệp cô và Takatsuki cưới nhau. Lễ cưới được tiến hành rất vui vẻ đúng như tính cách của Takatsuki. Cặp vợ chồng trẻ sang Pháp để hưởng tuần trăng mật. Cuộc sống của họ gặp nhiều thuận lợi. Hai người mua một căn hộ 2 phòng ở quận Kôenji. Hai hay ba lần một tuần, Junpei ghé qua nhà và ăn tối cùng vợ chồng bạn. Takatsuki và Sayoko luôn vui vẻ khi gặp anh với sự chân thành vốn có. Hai vợ chồng hầu như không cảm thấy lo lắng hay đắn đo gì với Junpei.

Takatsuki yêu thích công việc nhà báo của anh. Ban đầu anh phụ trách mục “sự kiện khắp nơi”: Người ta gửi anh tới đó để viết phóng sự và nhiều lần anh có cơ hội được nhìn những xác chết.

- Thật may mắn, anh nói, tớ thấy quen rồi, nhìn thấy người chết chả gây cho tớ cảm giác nào hết. Tớ thấy đủ mọi loại xác chết khác nhau: Xác chết bị tàu cán nát, xác bị cháy đen, mấy cái xác thối rữa và bốc mùi, hay xác chết đuối căng phồng lên, rồi mấy cái xác với óc bị đạn bắn nát, xác bị chặt nát ra, các bộ phận cơ thể bị tách rời. Khi sống con người ta thật khác nhau, nhưng một khi chết đi rồi thì ai cũng như nhau cả, chỉ như một con sò trống rỗng vô tích sự.

Thi thoảng, Takatsuki rất bận bịu với công việc và anh không thể về nhà trước lúc trời sáng. Trong trường hợp này, Sayoko thường gọi điện cho Junpei. Cô biết rõ là anh không bao giờ ngủ trước lúc bình minh.

- Tớ có thể nói chuyện với cậu không? Cậu đang làm việc à?

- Không, không, tớ không làm gì cả.

Hai người nói chuyện về những thứ họ vừa đọc, về những chuyện xảy ra trong đời sống hàng ngày cũng như những chuyện đã xảy ra trong quá khứ. Về những sự kiện diễn ra thời thanh niên, lúc cả ba còn rất tự do, hơi phần nổi loạn và cuồng nhiệt. Nhưng gần như hai người không bao giờ đề cập đến tương lai. Trong lúc nói chuyện, Junpei thường kết thúc bởi việc nhớ lại cái ngày năm xưa khi anh ôm Sayoko trong vòng tay : Làn môi dịu ngọt của nàng, vị mặt của nước mắt, sự đụng chạm giữa thân thể anh và ngực nàng. Tất cả với anh như chỉ mới vừa xảy ra đây. Anh nhớ lại mọi chi tiết một cách rõ ràng, thậm chí cả ánh sáng trong trần của ngày đầu thu chiếu dọi lên tấm chiếu trong căn phòng nhỏ thời sinh viên của anh.

Sayoko vừa tròn 30 tuổi và nàng đang mang thai. Lúc đó cô đang làm trợ giảng ở khoa nhưng cô xin nghỉ để sinh con. Cha mẹ nàng và Junpei cùng nhau suy nghĩ cái tên để đặt cho bé gái sắp sinh. Cuối cùng, cái tên Sara do Junpei nghĩ ra được nhất trí chọn.

- Sara, nghe rất là dễ thương, Sayoko nói.

Việc sinh nở diễn ra không hề khó khăn, vào đêm đó Takatsuki và Junpei ngồi cùng nhau mà không có Sayoko trong căn hộ của đôi vợ chồng, ngồi đối diện nhau trong bếp ăn, hai người uống cạn chai Whisky mà Jun mang đến để ăn mừng.

- Tại sao thời gian lại trôi nhanh thế nhỉ ? Takatsuki hỏi với vẻ nghiêm nghị vốn ít thấy ở anh. Tớ cảm giác như chỉ vừa mới vào đại học, gặp cậu, rồi gặp Sayoko... nhưng cùng lúc, tớ hiểu là mình đã là một ông bố. Điều này có vẻ hơi buồn cười, giống như xem một thước phim tua nhanh vậy. Còn cậu, cậu khó mà hiểu được điều đó, cậu vẫn sống như một thằng sinh viên vậy thôi.... Dường như cậu cũng

thấy ghen tị với tớ.

- Chẳng có lý do gì để tớ phải ghen tị cả, cậu thấy đó!

Tuy nhiên, Junpei hiểu rõ những gì Takatsuki cảm thấy. Sayoko đã làm mẹ, thực tế này cũng là một cú sốc cho Junpei. Hành trình của cuộc sống tiếp diễn không ngừng nghỉ, với một tiếng kêu rên rẹt khô khốc, và có một điều chắc chắn, con đường đó không thể nào quay lại phía sau được nữa. ...Junpei không biết chắc cần phải ứng thế nào với sự việc đó.

- Cậu biết không, bây giờ thì tớ có thể nói, tớ nghĩ là ban đầu Sayoko đã từng yêu cậu chứ không phải là tớ.

Takatsuki hơi say, nhưng ánh mắt của anh thì nghiêm nghị hơn bình thường.

- Tớ cóc tin điều đó ! Junpei vừa nói vừa cười.

- Thế nhưng, cậu nhầm. Tớ thì tớ biết chắc. Còn cậu lúc đó chả biết gì cả, vậy thôi. Cậu có thể viết được những câu văn đẹp để duyên dáng, điều này thì đúng, nhưng để hiểu được những gì mà một người đàn bà suy nghĩ và cảm thấy thì cậu chỉ là một thằng gà. Tớ thì lúc đó tớ yêu Sayoko, với tớ không người phụ nữ nào có thể thay thế được cô ấy. vậy nên tớ phải có được Sayoko. Ngay cả bây giờ tớ vẫn nghĩ rằng đó là người phụ nữ tuyệt vời nhất trên đời. Và tớ nghĩ rằng tớ có quyền có cô ấy cho riêng mình.

- Không ai khùng mà nói ngược lại cả. Junpei đáp.

Takatsuki gật đầu.

Nhưng cậu vẫn mãi không hiểu, bởi vì cậu là một thằng ngố không thể cải tạo. Tóm lại, cho dù cậu hơi phân ngó ngẩn, nhưng cậu không phải là một thằng tồi. Trước tiên, chính cậu đã đặt tên cho con gái tớ, cậu là cha đỡ đầu của nó...

- Ừ, đồng ý, nhưng tớ không hiểu được những điều quan trọng, cậu muốn nói thế chẳng ?
  - Chính xác, cậu chả hiểu cóc gì về những thứ quan trọng cả. Vậy đó, không hơn. Tuy thế, cậu viết rất khá, tớ tự hỏi là làm sao mà cậu viết được thế..
  - Viết lách, đó chẳng phải là cuộc sống, vậy thôi.
  - Tóm lại, dù gì đi nữa thì bây chúng ta cũng có 4 người, Takatsuki vừa nói vừa hơi thở dài. Nhưng tớ vẫn tự hỏi... Cậu có tin bốn là một con số đẹp ??
- Sara được hai tuổi, khi quan hệ giữa Sayoko và Takatsuki trên bờ vực của sự đổ vỡ không thể tránh khỏi. Junpei biết được điều này từ chính Sayoko, vốn hầu như chẳng bao giờ kể cho anh về hoàn cảnh của mình. Takatsuki có nhân tình, nàng giải thích, và hầu như không quay về nhà nữa. Chuyện bắt đầu từ hồi Sayoko mang thai, liên quan đến một cô đồng nghiệp của Takatsuki ở toà báo. Tuy nhiên Sayoko đã mất công giải thích sự việc một cách cặn kẽ mà Junpei vẫn không thể hiểu nổi. Lý do nào mà Takatsuki lại có nhân tình được chứ ? Chẳng phải chính anh đã khẳng định vào cái đêm Sara chào đời là Sayoko là người phụ nữ tuyệt vời nhất thế gian ư ? Những lời đó rõ là xuất phát từ đáy lòng anh. Hơn thế, Takatsuki rất yêu con gái mình. Tại sao anh lại vứt bỏ gia đình của mình ?
- Nghe này, tớ thường xuyên tới ăn tối nhà cậu, phải không ? Tớ không bao giờ có cảm giác giữa hai người có chuyện bất hoà. 2 người tỏ ra rất hạnh phúc bên nhau, và dưới con mắt của tớ thì hai cầu gần như là cặp vợ chồng hoàn hảo.
  - Đúng thế, Sayoko vừa nói vừa cười một cách nhẹ nhõm. Bọn tớ không bao giờ lừa dối nhau, không bao giờ đóng kịch cả . Nhưng chả

liên can gì hết, Kan có nhân tình, và chúng tớ không thể quay trở lại như xưa. Bởi thế chúng tớ mới dự tính chia tay. Nhưng đừng quá lo lắng cho bọn tớ. Tớ chắc rằng mọi thứ như thế lại tốt hơn cho cả hai. Tốt hơn ở nhiều mặt khác nhau.

- Ở nhiều mặt khác nhau, cô ấy nói thế đấy. Rõ ràng thế giới này có nhiều từ thật khó hiểu... Junpei nghĩ.

Vài tháng sau, Sayoko và Takatsuki chính thức ly hôn. Hai người thoải thuận với nhau về một số điểm cụ thể, và chẳng có bất đồng nào diễn ra giữa hai người. Không một lời trách móc cũng chẳng cãi cọ. Takatsuki chuyển nhà sang ở với bạn gái. Sara ở với mẹ. Tuần một lần anh đến Kôenji để thăm con gái. Cả hai đều thống nhất là sự có mặt của Junpei ở đó là tốt hơn.

- Như thế khiến mọi việc trở nên dễ dàng hơn. Sayoko giải thích với Junpei.

- Dễ dàng hơn là sao ? Junpei hỏi ?

Bất chợt anh cảm thấy mình thật là già. « Tuy nhiên mình chỉ mới tròn ba ba tuổi » anh nghĩ.

Sara gọi Takatsuki là bố và Junpei là Jun. bốn người tạo thành một gia đình hơi khác thường. Khi đến thăm con gái, Takatsuki chơi với cô nhóc những trò chơi quen thuộc và Sayoko thì xử sự một cách tự nhiên, như chưa hề có chuyện gì xảy ra. Có vẻ như bây giờ cô xử sự còn tự nhiên hơn cả trước đây. Sara còn chưa hiểu được rằng bố mẹ mình đã chia tay. Junpei không có bất cứ bình luận nào, anh hoàn thành vai trò được giao phó một cách hoàn hảo không than phiền. Ba người vẫn đùa với nhau như ngày xưa, kể lại những kỉ niệm thời sinh viên. Junpei hiểu rằng việc gặp gỡ lúc này đều cần thiết cho cả ba người.

- Này, Junpei, một lần trên đường trở về từ Kôenji, Takatsuki nói.  
Đó là một đêm trăng, hơi thở của hai người đàn ông bốc lên trong làn không khí lạnh.

- Cậu ý định lấy vợ một ngày nào đó chứ nhỉ ?

- Hiện tại thì chưa, Junpei trả lời.

- Thế cậu không có cô em nào mà cậu có ý định lấy làm vợ à ?

- Tớ nghĩ là không .

-Thì cậu lấy Sayoko vậy.

Junpei nhìn Takatsuki như thể anh hơi bị choáng.

-Tại sao ? Jun hỏi ?

-Tại sao nữa !

Chính Takatsuki mới là người bất ngờ lúc này.

-Điều đó là đương nhiên, ai cũng thấy. Tại vì tớ không muốn người nào khác ngoài cậu thay thế tớ bên cạnh Sara.

-Cậu muốn tớ lấy Sayoko chỉ vì lý do này thôi hả?

Takatsuki buông một tiếng thở dài, choàng cánh tay lực lưỡng lên vai bạn mình.

Ý tưởng lấy Sayoko không làm cậu hài lòng hả? Hay bởi vì việc đó do tớ đề nghị làm cậu không thích.

-Chẳng sao cả. Cái làm tớ hơi khó chịu đó là dường như cậu dự định điều đó như một kiểu giao kèo giữa hai thằng mình... Đó...đó là vấn đề về mặt ý nhị.

- Đó không hề là một kiểu giao kèo, Takatsuki nói. Cậu yêu Sayoko đúng không? Cậu cũng rất yêu Sara, hay là tớ nhầm? Đó không phải là những điều quan trọng nhất hay sao? Cậu hơi phức tạp hoá vấn đề, tớ hiểu điều đó. Nhưng với tớ, cậu chỉ có vẻ như đang cố cời cái quần sịp của mình mà không cời quần dài trước đó, thế thôi.



Junpei không đáp lại. Takatsuki cũng im lặng. Anh không có thói quen im lặng lâu như thế. Đi cạnh nhau, hơi thở gặp không khí lạnh tạo thành những vệt hơi trắng, hai người tiếp tục đi tới nhà ga trong lặng lẽ.

- Suy cho cùng thì cậu có ý tốt chẳng để làm khổ gì và hơi phần ngu ngốc, Junpei nói.

- Cậu có thể nói thế cũng được, Takatsuki trả lời, cậu hoàn toàn đúng. Tớ không hề phủ nhận. Tớ đang làm cho cuộc sống tớ lộn tung phèo cả lên. Nhưng nghe này Junpei, không có thể ngăn cản được điều đó xảy ra, cũng chẳng thể dừng lại được. Tớ cũng không thể, tớ chẳng biết tại sao lại xảy ra như thế. Tớ cũng không thể giải thích. Nhưng điều đó đã xảy ra, vậy thôi. Và ngay cả điều đó không diễn ra lúc này thì cũng sẽ một lúc nào đó, sớm hay muộn.

Junpei có cảm giác đã nghe kiểu lý luận này ở đâu đó.

- Chắc là cậu quên những gì cậu đã nói vào đúng đêm Sara chào đời? Rằng Sayoko là người phụ nữ tuyệt vời nhất trên đời? Cậu còn nhớ không? Rằng cậu không đòi cô ấy để lấy bất cứ ai trên thế gian này?

- Điều đó luôn đúng, điều đó không thay đổi. Nhưng đôi khi mọi việc không diễn ra một cách đúng đắn chỉ vì lý do này.

- Tớ không hiểu cậu muốn nói gì.

- Và cậu chẳng bao giờ hiểu hết, Takatsuki nói rồi lắc đầu.

Hai năm trôi qua từ ngày chia tay, Sayoko vẫn chưa quay lại công việc ở trường. Junpei giới thiệu cô cho một người quản lý nhà xuất bản và cô tham gia dịch thuật. Sayoko làm rất tốt. Không chỉ có năng khiếu về mặt ngôn ngữ, cô còn có khả năng viết rất tốt. Cô thực hiện công việc một cách nhanh chóng với sự cẩn thận và hiệu quả. Người

quản lý kia thực sự hài lòng với chất lượng công việc mà cô làm, và một tháng sau bản dịch đầu tiên, ông giao cho cô dịch hẳn cả một tác phẩm văn học lớn. Công việc này được trả không thật cao nhưng cũng góp thêm vào phần trợ cấp Takatsuki gửi cho cô hàng tháng. Với 2 khoản này cho phép cô và Sara có một cuộc sống khá thoải mái.

Takatsuki, Sayoki và Junpei tiếp tục gặp nhau thường xuyên mỗi tuần, ăn tối cùng với Sara. Đôi khi vì vướng bận làm phóng sự, Takatsuki không tới được, khi đó thì Sayoko, Junpei và Sara ăn tối cùng nhau mà không có anh. 3 người yên tĩnh bên bàn ăn giống như cuộc sống thường ngày của một cặp vợ chồng với một đứa con. Bất cứ ai nếu không quenhek thì đều nghĩ đó là một gia đình bình thường. Junpei tiếp tục viết truyện ngắn với nhịp độ thường có, và tập truyện ngắn thứ tư của anh “Ánh trăng lặn lẽ” xuất bản khi anh ba mươi lăm tuổi nhận được giải thưởng văn học dành cho các tác giả chưa có tiếng. Truyện ngắn cùng tên được dựng thành phim. Ngoài mấy tập truyện ngắn, Junpei còn viết nhiều tác phẩm phê bình âm nhạc, một cuốn sách về nghệ thuật làm vườn, dịch một tập truyện ngắn của John Updike. Các tác phẩm của anh được đón nhận nồng nhiệt bởi giới phê bình. Anh phát triển phong cách riêng cho phép anh viết những câu ngắn gọn và thuyết phục bằng sắc thái tinh tế đầy hình ảnh cộng với nhịp điệu âm thanh trầm lắng sâu sắc. Anh có một lượng độc giả trung thành và thu nhậpcũng trở nên ổn định. Từng bước một anh đảm bảo cho mình vị trí của một nhà văn thực sự.

Junpei tiếp tục suy nghĩ nghiêm túc về việc cầu hôn Sayoko. Đôi khi anh nghĩ về việc đó suốt cả đêm, không ngủ cho tới lúc trời sáng.

Điều đó cũng ảnh hưởng tới công việc của anh. Nhưng mãi vẫn chẳng đưa đến quyết định dứt khoát. Nghĩ kĩ lại thì, ngay từ fban đầu quan hệ của anh với Sayoko luôn được xác định bởi một ai khác chứ không phải anh. Junpei luôn ở trong trạng thái bị động. Chính Takatsuki làm quen với anh, chọn anh trong trong sổ bạn bè trong lớp và tạo nên nhóm bộ ba. Rồi, cũng chính Takatsuki cưới Sayoko, có con với cô rồi rời bỏ cô. Và giờ đây cũng chính Taka thúc dục Junpei cưới cô. Dĩ nhiên là Junpei yêu Sayoko, anh không mấy may nghi ngờ điều này. Và đó là cơ hội lý tưởng để hai người cuối cùng có thể gắn kết với nhau. Dĩ nhiên là Sayoko sẽ không từ chối lời cầu hôn của anh. Điều này anh cũng biết rõ. Nhưng, tất cả như thế đối với anh có vẻ như quá hoàn hảo? Đây là quyết định của riêng anh cho tất cả những chuyện này? Anh vẫn cứ chần chừ và không đưa đến quyết định dứt khoát nào cả. Và lúc đó thì trận động đất xảy ra. Junpei đang ở Tây Ban Nha trong thời điểm đó. Anh làm một phóng sự ở Barcelone cho một tờ tạp chí của công ty hàng không. Một đêm khi quay về khách sạn, anh bật vô tuyến lên để xem thời sự: Anh thấy hình ảnh những cột khói đen bốc lên trên những con đường đổ nát, người ta có cảm giác như thành phố bị một trận ném bom tàn phá. Vì bản tin bằng tiếng Tây Ban Nha nên Junpei không hiểu được ngay nó liên quan đến vùng nào. Tuy nhiên anh nhận ra nhanh chóng đó là Kobe. Không nghi ngờ gì nữa: Những cảnh sắc của thời thơ ấu, con đường đi qua Ashiya hoàn toàn bị phá hủy.

-Ông là người gốc vùng Kobe phải không? Anh thợ nhiếp ảnh đi cùng anh hỏi?

-Vâng.

Nhưng Junpei không có ý định gọi điện về nhà bố mẹ anh. Sự bất

hoà giữa họ quá sâu sắc, lại diễn ra trong một thời gian dài nên hầu như chẳng có chút cơ may nào hoà giải. Junpei mua vé máy bay, quay về Tokyo, quay lại cuộc sống quen thuộc của anh. Anh không xem vô tuyến và cũng không đọc báo nữa. Khi người ta nói về trận động đất thì anh im lặng. Đó là một cú sốc cho cái quá khứ mà anh chôn chặt từ rất lâu. Anh thậm chí không hề quay trở lại Kobe kể từ ngày anh tốt nghiệp đại học. Tuy nhiên, những hình ảnh tang thương trên màn ảnh truyền hình Tây Ban Nha thổi bùng lên vết thương đau nhói trong anh. Thảm họa khủng khiếp với nhiều nạn nhân đó dường như chui sâu vào mọi mặt của cuộc sống Junpei, không ồn ào mà thấm sâu bên trong. Anh cảm thấy cô đơn cùng cực.

Vào sáng sớm chủ nhật lúc họ cùng nhau tới sở thú thì Junpei nhận được điện thoại của Takatsuki.

- Tớ phải bay đến Okinawa bây giờ. Anh giải thích, tớ phải thực hiện cuộc phóng vấn cá nhân với ông tỉnh trưởng ở đó. Cuộc phóng vấn diễn ra trong vòng một tiếng. Tớ rất tiếc nhưng ba người cứ tới sở thú đi nhé. Bà u em kia sẽ không giận tớ, hi vọng thế.

Junpei tới sở thú Ueno cùng Sayoko và Sara. Anh nâng cô nhóc lên bằng hai cánh tay để chỉ cho nó thấy mấy con gấu.

- Có phải đó là Masakichi không ? Cô nhóc vừa hỏi vừa chỉ tay về phía con gấu to lớn và có màu đen nhất.

- Không, không phải là Masa, Masa bé hơn, và có vẻ rất thông minh. Đây chính là Tokichi, chú gấu béo thô thiển.

- Tonkichi ! Sara gọi nhiều lần về hướng con gấu, nhưng nó chẳng thèm chú ý.

Sara quay về phía Junpei.

- Này Jun, Jun kể cho cháu nghe chuyện về Tonkichi nhé ?

-Ah nghe này, Jun thấy hơi cáu, vì Jun không biết những câu chuyện vui vẻ liên quan đến Tonkichi. Nó không giống như Masakichi, con thấy không, nó chỉ là một con gấu bình thường, không biết nói cũng không biết làm tính.

-Nhưng ít nhất nó cũng có một cái gì đó hay ho chứ, dù chỉ là một...

- Ừ, đúng thế, Ngay cả con gấu bình thường nhất cũng có ít nhất một điều hay ho nào đó. Đúng, Jun quên mất, Tonchiki, con thấy đó...

- Tonkichi, Sara đánh chính một cách nhanh nhẩu.

- Xin lỗi, Tonkichi, tất cả những gì mà chú biết là bắt cá hồi. Khi nó còn sống ngoài thiên nhiên, nó thường trốn sau một mỏm đá trên dòng sông, và tóm những chú cá hồi bơi qua. Cần phải nhanh nhẹn để làm được việc đó. Tonkichi không phải là một chú gấu thông minh, nhưng chú biết bắt cá hồi nhanh hơn bất kì chú gấu nào khác trên núi. Nhưng vì chú không biết nói tiếng người nên chú không thể bán số cá thừa của mình ở chợ.

- Chẳng sao, dễ mà, Sara nói, chỉ cần Tonkichi đổi số cá hồi thừa lấy mật ong của Masakichi. Masa có rất nhiều mật ong thừa không thể ăn hết, đúng không ạ ?

- Chính xác, con hoàn toàn có lý. Và quả thực Tonkichi cũng có ý tưởng như con vậy. CHÚ đã đổi cá hồi lấy mật ong của Masa, việc đó cũng làm hai chú gấu hiểu nhau hơn. Tokichi nhận ra là Masa không phải là một chú gấu kiêu căng như chú từng nghĩ, và Masakichi cũng thấy Tonkichi không phải là một chú gấu to béo thô thiển. Hai chú gấu trở thành bạn bè, chúng gặp nhau thường xuyên, nói với nhau đủ thứ chuyện. Cả hai trao đổi những hiểu biết với nhau, cũng kể những câu chuyện hài hước. Tonkichi cố sức để bắt cá hồi, còn Masa cố kiếm mật ong ! Nhưng một ngày đẹp đẹp trời, chợt có một

tiếng sét ầm vang, và cá hồi biến mất khỏi dòng sông...

- Một tiếng sét ???

- Một tiếng sét trên bầu trời quang đãng, có nghĩa là, đột nhiên, Sayoko giải thích.

Đột nhiên cá hồi biến mất khỏi lòng sông, Sara nói bằng giọng chán nản, nhưng tại sao chứ ?

- Tất cả cá hồi trên trái đất tổ chức một cuộc họp để bàn bạc và đi đến quyết định là không bơi vào dòng sông này nữa, tại vì ở đây có một chú gấu bắt cá hồi quá thành thạo. Bắt đầu từ lúc đó, Tonkichi không kiếm được con cá hồi nào nữa. Thi thoảng chú tóm được một chú ếch nhỏ gầy gò để ăn, nếu có cái gì đó khó ăn nhất thì đó là một chú ếch gầy còm.

- Tội nghiệp Tonkichi ! Sara nói

- Có phải vì thế nên cuối cùng người ta đưa Tonkichi vào sở thú không ? Sayoko hỏi.

- Chuyện đó lại là một câu chuyện dài khác, Junpei đáp.

ANH HO và lại tiếp tục :

- Nhưng tóm lại căn bản là thế.

- Thế Masakichi không giúp gì Tokichi sao ? Sara hỏi.

- Có chứ, dĩ nhiên là có, Ma sa cố gắng giúp đỡ Tonkichi, Masa là bạn tốt nhất của Tonkichi mà. Bạn bè là để giúp đỡ nhau mà. Masa chia số mật ong của mình với Tonkichi mà không đòi hỏi gì cả.

Nhưng tonkichi lại nói : « Không, tớ không thể để cậu làm thế, tớ có cảm thấy lợi dụng lòng tốt của cậu. » Masakichi trả lời « Đừng nói như thế chúng mình là những kẻ xa lạ, Tonkichi, nếu tớ rơi vào hoàn cảnh của cậu, tớ chắc là cậu cũng làm như tớ thôi, đúng không ? »

- Dĩ nhiên, Sara nói đồng thời gật đầu rất mạnh.

- Nhưng quan hệ của hai chú khôn không kéo dài lâu mãi. Sayoko tham gia vào.
  - Đúng thế, Junpei tiếp lời “Cậu và tớ, Tonkichi nói, chúng mình xem nhau như những người bạn, không có nghĩa là một người chỉ cho và một người chỉ biết nhận. như thế không thực sự là tình bạn. vậy nên, nghe này Masa, tớ sẽ xuống núi, và thử vận may của mình xem sao. Và nếu chúng ta lại gặp nhau, tớ và cậu ấy, cậu sẽ lại là bạn tốt nhất của tớ”. Và thế là hai chú gấu xiết chặt tay và tạm biệt. Nhưng khi Tonkichi xuống núi thì chú đột nhiên rơi vào bẫy của thợ săn. Bởi vì chú không biết rõ về thế giới, cũng không có tính nghi ngờ. Chú đánh mất tự do và bị nhốt vào chuồng thú.
  - Tội nghiệp quá.
  - Đáng lẽ cậu phải tìm một kết cục vui vẻ hơn. Đại loại như kiểu “Hai chú gấu gặp lại nhau và sống hạnh phúc với nhau mãi mãi”. một lúc sau Sayoko nói với Junpei.
  - Tớ không tìm được một kết cục nào hay ho cả, Junpei đáp.
- Đêm ấy, Sayoko, Junpei và Sara ăn tối cùng nhau như thường lệ trong căn hộ nhỏ của Sayoko.
- Sayoko nấu mỳ và làm tan đông hộp xốt cà chua vừa khe khẽ hát bản la Truite của Schuber trong khi Junpei làm salade đậu xanh trộn với hành. Hai người mở một chai vang và uống mỗi người một ly, trong khi Sara thì uống nước cam. Tiếp sau, khi đã sắp xết lại bát đĩa, Junpei đọc cho Sara một đoạn chuyện trong cuốn sách có kèm hình. Khi anh đọc xong sách thì cũng đến giờ cô nhóc phải đi ngủ, nhưng Sara không chịu đi ngủ.
- Maman này, làm trò nịt ngực đi, con bé yêu cầu.
- Sayoko đỏ mặt.

- Đừng vớ vẩn, mẹ không thể làm trước mặt khách được.
- Nhưng đây không phải là khách, đây là Jun mà.
- Chuyện gì thế? Junpei hỏi.
- Oh chỉ là một trò dờ hơi ấy mà.
- Maman phải cởi nịt ngực của mình ra, đặt nó lên bàn rồi mặc lại trong khi một tay vẫn để trên bàn. Không được cử động tay này, nếu không maman sẽ thua cuộc. Còn chúng ta sẽ tính xem bao thời gian để làm việc đó. Jun thấy đó mẹ rất giỏi.
- Thôi nào, đủ rồi, Sayoko vừa nói vừa lắc đầu. Đó là một trò đùa giữa mẹ và con ở nhà thôi, mẹ thấy ngượng nếu phải làm trước mặt ai khác.
- Ha, trò đó có vẻ nhộn đấy, Junpei nói.
- Nào làm đi, xin maman đấy, hãy thể hiện cho Jun thấy, chỉ một lần là đủ, xin maman đấy, con hứa là ngủ ngay sau đó.
- Thôi được, Sayoko nói.

Sau đó con phải ngủ, hứa nghe? Nào đếm từ một đến ba, mẹ sẽ bắt đầu, nhìn kĩ nhé nhóc.

Sayoko mặc chiếc áo pull lớn màu đen cổ chui. Cô đặt hai tay lên bàn và nói “ Một, hai, ba”, rppò tay phải thò vào ống tay áo pul như thể một con rùa đang thụt đầu vào mai, rồi cô kéo rụt nhẹ cổ, rồi chìa tay phải ra, đặt tay lên bàn, đến lượt dùng tay trái thò vào áo pull, Sayoko quay nhẹ đầu, và tai trái lại chìa ra, kéo theo cái áo nịt ngực màu trắng. Cô làm nhanh đến mức kinh ngạc. Cái áo nịt ngực đột nhiên biến mất trong ống tay, tay trái lại thò ra, tay phải thò tiếp vào ống ao, cổ hơi cựa quậy, tay phải thò ra rồi Sayoko chìa hai tay lên bàn: Xong

-Hai lăm giây, Sara kêu lên, Maman thật tuyệt vời, mămam đã lập kỉ



lục mới, hôm trước nhanh nhất là ba sáu giây.

Junpei vỗ tay

- Tuyệt vời, như trò ảo thuật vậy

Sara vỗ hai tay. Sayoko đứng dậy nói:

- Rồi, trò chơi đã kết thúc, bây giờ thì đi ngủ như đã hứa nào.

Sara hôn nhẹ lên má Junpei và đi ngủ.

Sau khi kiểm tra xem con bé đã ngủ yên giấc, Sayoko quay ra ngồi xuống canapé trong phòng khách và thú thật:

thực ra thì thì tớ đã gian lận.

- Gian lận?

- Ừ, tớ không mặc lại áo ngực mà thả sau lưng để nó rơi xuống đất.

Junpei cười.

- Bà mẹ gian dối.

- Tớ muốn tạo một kỉ lục mới, Sayoko vừa nói vừa cười, hai mí mắt nheo lại.

Đã lâu lắm rồi Junpei không thấy cô cười một cách thoải mái như thế. Anh cảm thấy như dòng thời gian chao đảo trong anh, như một tấm ridô rung lên trước gió. Khi anh chìa tay choàng lên vai Sayoko, cô đột nhiên nắm chặt tay anh. Hai người ôm ghì lấy nhau trên canapé, siết chặt lấy nhau như thể hoàn toàn tự nhiên, hai môi tìm đến nhau. Không có gì thay đổi từ lúc hai người chỉ mới 19 tuổi, đôi môi của Sayoko vẫn nguyên vị ngọt ngào như thuở ấy.

Đáng lẽ chúng mình phải như thế này ngay từ đầu, Sayoko thì thầm khi cả hai đã ở trong phòng ngủ. Nhưng chỉ cậu là người duy nhất không biết gì, cậu chẳng chịu hiểu gì cả cho tới khi những con cá hồi biến mất khỏi lòng sông...

Cả hai cởi quần áo, nhẹ nhàng ghì lấy nhau, ôm chặt nhau một cách

vụng về như thể hai thiếu niên làm tình lần đầu tiên. Người này kiếm tìm sự hiện hữu của người kia, rồi Junpei vào trong Sayoko. Cô đón nhận anh vào toàn vẹn trong cô. Nhưng Junpei không thể tin được thực tế đang diễn ra. Anh cảm giác như đang đi qua một cầu cầu hoang vắng và dài vô tận trong ánh sáng mờ ảo. Sayoko phản kháng lại từng cử động của anh. Nhiều lần anh muốn phóng ra trong cô nhưng kìm lại. Anh sợ nếu mình làm như thế, anh sẽ bị đánh thức và nhận ra là mình đang mơ.

Đúng lúc đó thì Junpei nghe thấy tiếng cọt kẹt nhẹ sau lưng anh: Cánh cửa phòng mở ra nhè nhẹ. Ánh sáng từ phía hành lang rọi qua cánh cửa vừa hé mở chiếu thẳng vào giường ngủ. Junpei đứng thẳng dậy và quay đầu ra nhìn: Sara đang đứng ngay cửa. Sayoko lẩy lại hơi, nhẹ nhàng dịch ra khỏi người Junpei, cô kéo chăn lên che tận ngực, tay giữ chặt một đầu rìa.

Sara không khóc, không la hét. Cô nhóc đơn giản là đang đứng, bất động, tay giữ chặt nắm cửa và chằm chằm nhìn hai người. Nhưng thực ra thì con bé không nhìn thấy họ. Mắt nó dính chặt vào sự vô định.

Sara, Sayoko gọi.

- Chính lão già bảo con đi sang đây. Con bé nói.

Nó nói với giọng lơ đãng, như thể vừa thoát khỏi một cơn ác mộng.

- Lão già nào ? Sayoko hỏi.

Lão già động đất. Ông ta vừa thức con dậy và bảo : Đi nói với mẹ của mày là ta đã mở nắp hộp để nhốt mọi người vào đó và ta đang đợi ở đây. » Ông ta bảo con nói với maman thế và như thế maman sẽ hiểu.

Đêm đó, Sara ngủ trên giường của Sayoko. Junpei vác chăn ra

canapé nằm, nhưng anh không tài nào ngủ được. Anh nhìn cái vô tuyến ở ngay đối diện anh một lúc lâu, nhìn chăm chăm vào cái màn hình đen. Chúng đã ở phía sau, anh biết điều đó, chúng đã mở nắp hộp và chúng đang đợi ở đó. Cơ rung mình lạnh ngắt chạy dọc xương sống anh và kéo dài mãi đến lúc trời sáng.

Từ bỏ ý định ngủ tiếp. Anh đi vào nhà ăn, pha cafe. Trong lúc anh ngồi uống cafe, anh thấy cái gì đó mềm mền dưới bàn chân. Là chiếc áo nhục của Sayoko. Nó vẫn nằm ở đây từ đêm qua. Anh nhặt nó lên, vắt lên ghế. Đó là một chiếc áo ngực đơn giản không hề có đăng ten. Một thứ đồ lót không khiến ta nghĩ là đồ lót. Vắt vào lưng ghế, cho tới lúc bình minh. Dường như cái nịt ngực ấy trở nên một nhân chứng vô tình của một khoảng thời gian từ lâu lắm.

Junpei lại nghĩ về năm đầu tiên ở trường đại học. Giọng nói ấm áp của Takatsuki, khi lần đầu tiên anh nói với Junpei văng vẳng bên tai anh :

-Cậu đi ăn với tớ không ?

Takatsuki cười một cách thân ái như muốn nói : « Cuộc sống sẽ ngày một trở nên đẹp đẽ hơn với chung ta, rồi cậu sẽ thấy. ». « Hai thằng đã đi ăn ở đâu vào ngày đó nhỉ. » Junpei tự hỏi. Và ăn những gì không biết ? » Không thể nhớ nổi. Điều đó không thật quan trọng, chắc thế, không sao...

-Tại sao cậu lại rủ tớ đi ăn ? Vào ngày đó Junpei đã hỏi người bạn mới như thế.

Takatsuki mỉm cười, ngón tay sờ bên thái dương và trả lời Junpei bằng vẻ chắc chắn :

-Tại vì tớ có tài kết bạn với những người tớ cần phải kết bạn, ở mọi lúc và mọi nơi.

Takatsuki có lý, Junpei nghĩ, tách cafe vẫn ở trước mặt anh. Dĩ nhiên là Takatsuko có tài làm bạn với những người tốt. Nhưng điều đó là chưa đủ. Tìm thấy một người tốt mà người ta có thể tiếp tục yêu thương trên suốt chặng đường đời, đó lại là một việc khác. Junpei nhắm mắt và mơ màng nghĩ về sợi chỉ thời gian dài đã trôi qua trong anh. Anh không muốn tin rằng nó đã trôi qua một cách vô ích, vô nghĩa. Anh sẽ cầu hôn Sayoko vào lúc bình minh, ngay khi cô thức dậy. Bây giờ thì anh đã quyết định. Anh không còn do dự nào nữa. Không thể tiếp tục lãng phí dù chỉ là một giờ. Chú ý để không gây tiếng động, anh hé mở cánh cửa phòng để nhìn Sayoko và Sara ngủ vùi trong chăn. Sara quay lưng về phía mẹ, Sayoko đặt một tay lên vai cô nhóc. Junpei vuốt nhẹ đầu mái tóc Sayoko và sờ nhẹ lên đôi má hồng bầu bĩnh của Sara. Cả hai người không hề động đậy. Junpei ngồi cạnh chân giường, tựa lưng vào tường và nhìn Sayoko và Sara ngủ đến lúc trời sáng.

Vừa nhìn kim đồng hồ treo tường chạy, anh vừa suy nghĩ phần tiếp theo của câu chuyện mà anh sẽ kể cho Sara. Trước tiên cần nghĩ ra một kết cục hợp lý. Tokichi không thể bị nhốt vào chuồng thú một cách vô lý như thế. Cần phải tìm ra cách nào đó để nó thoát khỏi cảnh ngộ đó. Junpei xem lại toàn bộ câu chuyện từ đầu. Hàng loạt ý nghĩ nảy sinh trong đầu anh, dần dần càng rõ ràng hơn.

« Tonkichi có ý tưởng làm bánh mật ong bằng số mật ong Masakichi kiếm được. Sau khi thử làm chú nhận thấy là mình rất có năng khiếu làm những chiếc bánh ngon và giòn tan. Masakichi mang bánh xuống thị trấn để bán cho người dân. Mọi người rất thích bánh mật ong của Tonkichi làm và bánh được bán như những chiếc bánh mì con con. Vậy là, Masakichi và Tonkichi không bao giờ rời xa nhau nữa, sống

hạnh phúc với nhau trên núi và mãi là những người bạn tốt nhất thế gian này. »

Sara chắc hẳn sẽ thích cái kết cục này. Và dĩ nhiên là Sayoko cũng thích.

« Giờ đây, mình sẽ viết một thể loại truyện ngắn khác, Junpei nghĩ, ví dụ mình sẽ kể câu chuyện một người đàn ông chờ đợi màn đêm kết thúc, vừa mơ mộng một cách nhẩn nại về thời khắc một ngày mới đến lúc anh có thể ôm chặt người anh yêu thương vào lòng trong ánh sáng dịu nhẹ của buổi ban mai. Nhưng lúc này thì mình phải ngồi ở đây và ngắm nhìn hai người phụ nữ ngủ. Cho dù ai đó muốn làm đau hai người, mình sẽ không để họ bị nhốt vào những cái hộp phi lý, ngay cả khi bầu trời đổ sụp xuống, ngay cả khi trái đất vỡ tan làm hai mảnh trong tiếng ầm ầm ».

*Copy right reserved by Juriste\**

*Dịch từ bản tiếng Pháp của tập " Sau trận động đất".*

**Haruki Murakami**

**Buổi sáng đẹp trời tháng tư gặp một em gái hoàn hảo**

**100%**

**Lời của người dịch:** *Tình yêu trong dòng xoáy thời gian là chủ đề không bao giờ cũ. Như một lời nhạc Vũ Thành An, “yêu nhau, cho*

*nhau nụ cười, thương nhau, cho nhau cuộc đời, mà đời đâu biết đợi, để tình nhân kết đôi”. Nhưng cái khác của Murakami là đẩy đưa một thân phận tình yêu vào ngẫu nhiên và phi lý của đời. Hay mượn ngữ ngôn của Bùi Giáng, ta có thể nói rằng hai người đã nhập cuộc, chịu chơi, đem tình yêu gùn ghè, tử thí với định mệnh. Nhưng “những con sóng lạnh giá vô tâm của định mệnh vẫn theo đuổi để quăng ném họ không thương tiếc”. Họ đã quên đi mất thời gian nên cuối đường còn hai kẻ bạc đầu ngậm ngùi mỗi xuân xanh xa mát. Câu kết thúc lửng lơ cuối truyện cho ta một giả tưởng về một tình yêu hoàn hảo vụt đi trong một sátna hay hoài niệm một cuộc tình riêng của tác giả 14 năm về trước?*

*Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.*

-----

Một buổi sáng đẹp trời tháng tư, trên một con đường hẹp ở khu phố Harujuku sang trọng gần Tokyo, tôi đã đi ngang qua một em gái hoàn hảo 100%.

Phải nói thực là nàng chẳng ưa nhìn chút nào. Nàng chẳng nổi bật về bất cứ phương diện gì. Quần áo nàng chẳng có gì đặc biệt. Sau lưng nàng, tóc vẫn chưa quán lại gọn gàng, như thể mới ngủ dậy. Nàng cũng không còn trẻ, chắc cũng gần ba mươi, nói chính xác là nàng không còn thích hợp với từ “cô gái” nữa. Nhưng từ xa năm mươi thước, tôi biết nàng là cô gái hoàn hảo 100% đối với mình. Khoảnh khắc nhìn nàng, con tim tôi quay cuồng và miệng tôi khô cằn như sa mạc.

Có lẽ bạn có những mẫu người con gái đặc biệt cho riêng mình - người có mắt cá chân mỏng manh, mắt bồ câu hay những ngón tay thanh tú, và bạn bị quyến rũ theo những người con gái luôn dành

thời gian để chuẩn bị từng bữa ăn. Dĩ nhiên tôi cũng có ý thích riêng của mình. Đôi khi trong nhà hàng, tôi nhận thấy mình đang nhìn một cô gái bàn kế bên vì tôi thích dáng mũi cô ta.

Nhưng không ai có thể đảm bảo rằng cô gái hoàn hảo 100% của mình có thể đáp ứng với mẫu người đã được hình dung nào đó.

Càng thích cái mũi của các nàng bao nhiêu, tôi càng không thể nhớ hình dáng các nàng như thế nào. Dù chỉ một nàng thôi thì cũng thế. Mọi điều tôi nhớ được là nàng không có một vẻ đẹp gì tuyệt vời. Thật là kỳ lạ.

Tôi sẽ bảo với một ai đó: “Hôm qua mình đã lướt qua một nàng hoàn hảo 100% trên đường đi đấy”.

“Thế hả?”, anh ta nói. “Có dễ thương không?”

“Thực sự là không.”

“Thế đó là mẫu người anh thích à?”

“Tôi chẳng biết. Dường như tôi không thể nhớ bất cứ điều gì về nàng ta - kiểu mắt của nàng hay kích cỡ bộ ngực cũng thế”.

“Lạ thật đấy”.

“Vâng, đúng là lạ thật”.

“Dù sao đi nữa, anh đã làm gì, có bắt chuyện với nàng không? Có đi theo nàng ta không?”, anh ta sẽ nói với vẻ chán chường.

“Không. Chỉ lướt qua nàng ta trên đường đi thôi”

Nàng đi từ đông sang tây, và tôi đi từ tây sang đông. Đó là một buổi sáng tháng tư tuyệt đẹp.

Giá như tôi có thể bắt chuyện với nàng. Nửa tiếng cũng đã là nhiều. Chỉ hỏi về bản thân nàng, và nói với nàng về bản thân tôi. Và nếu như tôi thực sự thích thú, tôi sẽ giải thích với nàng về sự run rẩy của định mệnh đã đưa đẩy chúng tôi lướt qua nhau trên một con đường

ở khu phố Harajuku vào buổi sáng tháng tư tuyệt đẹp năm 1981. Chắc chắn đó là một cái gì đầy những bí mật ảm cúng, như một cái đồng hồ cổ xưa được tạo thành khi hòa bình bao trùm thế giới. Sau khi nói chuyện, chúng tôi có thể dùng bữa ở đâu đó, có thể đi xem một bộ phim của Woody Allen, dùng chân uống cocktails trong một quán bar khách sạn. Và nếu có chút may mắn, chúng tôi sẽ dìu nhau lên giường.

Những khả năng tiềm ẩn gõ vào cánh cửa tim tôi.

Bây giờ khoảng cách giữa chúng tôi thu hẹp lại còn 15 thước.

Làm thế nào tôi có thể tiếp cận nàng? Tôi sẽ nói gì với nàng đây?

“Chào cô. Cô có rảnh rang dành khoảng nửa tiếng cho một cuộc đối thoại nhỏ không?”

Quá lố lỉnh. Nghe như thể ngôn từ của người bán hợp đồng bảo hiểm.

“Xin lỗi cô. Cô biết có cửa hàng giặt ủi làm việc thâu đêm ở gần đây không?”

Không, như thế cũng lố lỉnh quá. Tôi chẳng mang theo bộ quần áo để giặt ủi nào. Ai lại đi dựng chuyện như thế?

Có lẽ tôi sẽ nói với nàng một sự thật giản đơn: “Chào em. Em là người con gái hoàn hảo 100% đối với tôi”.

Không, nàng sẽ chẳng tin đâu. Và giả sử nàng có tin, nàng cũng chẳng muốn nói chuyện với tôi. Nàng có thể nói. “Xin lỗi, tôi có thể là một cô gái hoàn hảo 100% đối với anh nhưng anh không phải là chàng trai hoàn hảo 100% đối với tôi”. Điều này có thể xảy ra chứ. Và nếu rơi vào tình huống đó, chắc chắn tôi sẽ tan nát. Tôi chẳng bao giờ phục hồi được sau cú sốc đó. Tôi đã ba mươi hai tuổi rồi, và trên tuổi đó tất cả đều ở đằng sau.



Chúng tôi đi qua nhau trước một tiệm hoa. Một vùng không khí nhỏ bé ấm áp chạm vào thịt da tôi. Nhựa đường ẩm ướt. Tôi bắt gặp một làn hương hoa hồng. Tôi không thể cất lời với nàng. Nàng mặc áo len dài tay màu trắng, tay phải cầm một phong thư sắc sỡ chỉ thiếu mỗi con tem. Đây là bức thư nàng viết cho ai đó. Có lẽ nàng đã mất trọn một đêm để trao gửi tâm tư vào trang giấy trắng nên trông mắt nàng hiện lên những tia nhìn ngái ngủ. Chiếc phong thư còn có thể ẩn giấu những bí mật mà nàng từng trải qua.

Tôi sai chân vài bước và rẽ sang hướng khác. Nàng mắt hút trong đám đông.

Dĩ nhiên là giờ đây tôi biết chính xác điều mình sẽ nói với nàng ta. Đó sẽ là một bài diễn văn dài. Đủ dài cho tôi có thể giải bày tâm tư mình một cách thích đáng. Những ý tưởng đến với tôi chẳng bao giờ thực tế cả.

Ôi trời ơi, đáng lẽ câu chuyện nên bắt đầu là “ngày xưa ngày xưa” và kết thúc là “một câu chuyện buồn đấy chứ. Bạn có nghĩ thế không?”

Ngày xưa ngày xưa, có một chàng trai và một cô gái. Chàng trai mười tám tuổi còn nàng đôi tám trắng tròn. Chàng chẳng đẹp trai gì đặc biệt, nàng cũng chẳng phải kiều sa. Hai người đơn giản chỉ là một chàng trai bình thường cô đơn và một em gái bình thường đơn côi, giống như tất cả những người khác. Nhưng từ sâu thẳm tim mình, họ vẫn tin là ở một nơi nào trên thế giới có một chàng trai hoàn hảo 100% và một cô gái hoàn hảo 100% dành cho họ. Vâng, họ tin vào điều kỳ diệu. Và điều kỳ diệu đó thực sự đã xảy ra.

Một ngày hai người vô tình bắt gặp nhau ở một góc đường.

“Thật là kinh ngạc,” chàng trai nói. “Anh đã tìm kiếm em cả đời. Em có thể không tin, nhưng em là người con gái hoàn hảo 100% đối với

anh đấy”.

“Và anh, anh là chàng trai hoàn hảo 100% với em đấy,” nàng tiếp lời, “chính xác như em đã hình dung ra đến từng chi tiết. Thật là như một giấc mơ”.

Họ ngồi trên một chiếc ghế đá công viên, nắm tay nhau, kể cho nhau những câu chuyện của mình giờ này qua giờ khác. Hai người không còn cô đơn nữa. Họ đã khởi sự kiếm tìm và đã tìm được một nửa kia của mình hoàn hảo 100%. Đó là một sự diệu kỳ. Một sự diệu kỳ của vũ trụ.

Tuy nhiên, khi họ ngồi bên nhau và nói chuyện, từng mảnh vỡ nghi ngờ bắt rễ trong tim họ. Phải chăng thật sự giấc mơ của mình lại trở thành hiện thực một cách dễ dàng như thế?

Và trong khoảnh khắc ngắn ngủi lặng im giữa cuộc trò chuyện, chàng trai nói với cô gái: “Chúng ta hãy thử một lần nữa. Nếu quả thật chúng ta là người tình hoàn hảo của nhau, thì nhất định chúng ta sẽ gặp lại nhau vào một lúc nào đó, ở một nơi nào đó. Và khi điều đó xảy ra, chúng ta biết chắc mình là một nửa kia của nhau và sẽ cưới nhau ngay lúc ấy. Em nghĩ thế nào?”

“Vâng,” nàng nói. “Chúng ta sẽ làm đúng như thế”.

Và họ chia tay nhau. Nàng đi về hướng đông, còn chàng về hướng tây.

Tuy nhiên, cuộc thử nghiệm mà hai người thỏa thuận là hoàn toàn không cần thiết. Họ sẽ chẳng bao giờ có thể thực hiện được. Bởi vì họ thật sự đúng là một nửa kia hoàn hảo 100% của nhau và quả là một điều kỳ diệu nếu như họ đã gặp được nhau. Nhưng họ không thể biết điều đó, bởi họ còn quá trẻ. Những con sóng lạnh giá vô tâm của định mệnh vẫn theo đuổi để quăng ném họ không thương tiếc.

Vào một mùa đông, cả chàng trai và cô gái gặp một cơn bệnh cúm dữ dội, và sau mấy tuần trôi vọt vờ giữa sự sống và cái chết, hai người đã mất sạch những ký ức đẹp để thuở đầu. Khi thức dậy, họ thấy đầu mình trống rỗng như con heo đất của chàng D.H. Laurence trẻ tuổi.

Tuy nhiên, họ là những người trẻ tuổi sáng láng và kiên định, và với những nỗ lực không ngừng nghỉ, họ đã giành giật lại được cái kiến thức và cảm giác khiến họ lại có thể trở thành những thành viên đầy đủ tư cách của xã hội. Nhờ trờ phù hộ, hai người đã thật sự trở thành những công dân trung thực biết cách di chuyển từ tuyến xe điện ngầm này sang tuyến khác và đủ khả năng để gửi một bức thư chuyển phát nhanh ở bưu điện. Trên thực tế, hai người còn thử yêu đương trở lại và nhiều khi đạt đến tình yêu ở mức 75% hay thậm chí 85%.

Thời gian trôi nhanh không ngờ. Chẳng bao lâu sau, chàng trai đã 32 tuổi còn nàng cũng ba mươi cái xuân xanh.

Một buổi sáng đẹp trời tháng tư, sau khi dùng một tách cà phê khởi đầu ngày mới, chàng trai rảo bước từ tây sang đông. Trong lúc ấy, nàng định gửi một lá thư chuyển phát nhanh, rảo bước từ đông sang tây. Nhưng trên cùng một con đường nhỏ ở khu Harajuku gần Tokyo, họ lướt qua nhau ở giữa con đường. Những tia sáng yếu ớt nhất của ký ức đã mất chập chờn vài giây ngắn ngủi ánh chiếu vào tim họ. Mỗi người đều cảm thấy con tim quay cuồng. Và họ biết:

Nàng là cô gái hoàn hảo 100% cho tôi.

Chàng là người trai hoàn hảo 100% cho tôi.

Nhưng ánh sáng của vùng trí nhớ quá xa xôi và yếu ớt, và tư tưởng họ chẳng bao lâu sau lại trong sáng như hồi mười bốn tuổi. Không

nói một lời, họ lướt qua nhau, biến mất vào đám đông. Vĩnh viễn.

Một câu chuyện buồn. Bạn có nghĩ thế không?

Vâng đúng vậy. Và đó chính là điều lẽ ra tôi nên nói với cô ta.

***Hoàng Long dịch theo bản tiếng Anh On seeing the 100% perfect girl one beautiful April morning***

**Haruki Murakami**

**Cô gái trăm phần trăm hoàn hảo**

Dịch giả: Cao Việt Dũng

Một buổi sáng đẹp trời tháng tư, tôi đã nhìn thấy cô gái trăm-phần-trăm-hoàn-hảo trên một phố nhỏ chạy qua khu Harajuku.

Nói thẳng thắn, nàng không đẹp đến mức chim sa cá lặn. Nàng không thu hút sự chú ý một cách đặc biệt. Nàng không diện một mới nhất. Trên gáy, tóc nàng còn hơi rối vì giấc ngủ, và nàng thậm chí không còn trẻ trung mơn mớn. Nàng hẳn đã sắp ba mươi tuổi. Người ta không còn có thể gọi nàng hoàn toàn là một "cô gái", mà đã gần như là một "thiếu phụ". Thế nhưng năm mươi mét trước khi đi ngang qua nàng, tôi đã biết: nàng là cô gái trăm-phần-trăm-hoàn-hảo với tôi. Ngay lúc nhìn thấy dáng hình nàng, trái tim tôi đã bắt đầu rung lên như thể đang có động đất, miệng tôi khô đắng lại như đang ngậm đầy cát.

Mỗi người thích một kiểu đẹp của phụ nữ, đồng ý. Một số thích

những cô gái có mắt cá chân thật thanh mảnh, những người khác thích những cô mắt to, lại có người chỉ thích những cô tay đẹp, và một số khác lại thích những cô ăn thật chậm, tôi cũng chẳng biết tại sao nữa. Chính tôi cũng có những tiêu chí riêng của mình. Chẳng hạn có lần, ở quán ăn, tôi bị một cái mũi của cô gái ngồi bàn bên cạnh hút hồn.

Chỉ có điều không ai có thể xếp cô gái trăm-phần-trăm-hoàn-hảo vào bất cứ hạng nào hết. Nhất định tôi không sao nhớ nổi mũi của nàng như thế nào. Tôi còn không biết liệu nàng có mũi không nữa. Tôi chỉ nhớ không hẳn là nàng đẹp. Mà lạ.

Tôi đã nói với một người bạn:

- Hôm qua tôi vừa nhìn thấy cô gái trăm-phần-trăm-hoàn-hảo.
- Phì, trăm-phần-trăm-hoàn-hảo ấy à? Chắc là đẹp lắm, phải không?
- Ờ... Cũng không hẳn.
- Thế chắc là rất ưa mắt anh?
- Tôi không nhớ nữa. Tôi không nhớ mắt nàng ra sao, ngực nàng lớn hay nhỏ, tôi không nhớ gì cả.
- Thế thì kỳ quặc đấy.
- Kỳ quặc?
- Rồi sao? - Người đối thoại với tôi lộ vẻ mệt mỏi - Anh đã làm gì đó chứ, đã nói chuyện với cô ta, hay đi theo cô ta chẳng hạn?
- Không, tôi chỉ đi qua bên cạnh nàng thôi.

\*\*\*

Nàng đi từ đông sang tây, còn tôi từ tây sang đông. Đó là một buổi sáng tháng tư dễ chịu.

Nhẽ ra tôi phải thích trò chuyện với nàng, dù chỉ trong nửa giờ đồng hồ. Nhẽ ra tôi phải hỏi han nàng, nói về tôi với nàng. Và nhất là, nhẽ

ra tôi phải thích nói về những bất trắc của số phận đã khiến chúng tôi bắt gặp nhau vào một buổi sáng đẹp trời tháng Tư năm 1981 trên một phố nhỏ khu Harajuku. Một cuộc gặp như thế hẳn là phải dồn nén một bí mật nào đó, một cỗ máy cũ kỹ sinh ra từ thời thế giới còn sống trong hoà bình.

Sau khi trò chuyện một lúc, nhẽ ra chúng tôi phải đi ăn trưa với nhau, rồi đi xem một bộ phim của Woody Allen, sau đó đi uống cocktail ở quầy bar một khách sạn nào đó. Rồi... ai mà biết được, nếu như may mắn, thậm chí tôi còn có thể được ngủ với nàng.

Rất nhiều khả năng đến gõ cửa trái tim tôi.

Chúng tôi chỉ còn cách nhau chừng mười lăm mét.

Phải làm cách nào để tiếp cận nàng bây giờ?

- Xin chào, cô có thể cho tôi nửa giờ đồng hồ để trò chuyện không?

Lố bịch. Kiểu đại lý bảo hiểm.

- Xin thứ lỗi, cô có biết cửa hàng giặt nào gần đây không?

Lố bịch gần bằng. Thậm chí tôi còn không mang theo túi đựng quần áo bẩn. Ai tin được một lời đùa cợt như thế?

Có lẽ tốt hơn hết là đi thẳng vào vấn đề:

- Xin chào. Với tôi, cô là cô gái trăm-phần-trăm-hoàn-hảo.

Không, sẽ không được đâu. Nàng sẽ không tin tôi. Và ngay cả nếu tin, có lẽ nàng cũng sẽ không muốn nói chuyện với tôi. Nàng sẽ trả lời: Có thể với anh, tôi là cô gái trăm-phần-trăm-hoàn-hảo; nhưng với tôi, anh không phải là chàng trai trăm-phần-trăm-hoàn-hảo, tôi rất tiếc. Rất nhiều khả năng mọi việc sẽ xảy ra như thế. Và nếu nàng trả lời tôi như vậy, tôi tin mình sẽ vô cùng bối rối. Tôi sẽ không bao giờ gượng dậy nổi khỏi cơn bẽ bàng đó. Tôi đã ba mươi tuổi, đang già đi rồi.

Chúng tôi đi ngang qua nhau trước một cửa hàng hoa. Tôi cảm thấy một làn không khí nhẹ vờn qua da. Vĩa hè hơi láng nước, có mùi hoa hồng. Không thể nói với nàng được. Nàng mặc một chiếc áo pull trắng và cầm trên tay trái một chiếc phong bì trắng chưa dán tem. Nàng đã viết thư cho ai đó. Vì nàng có vẻ rất mệt mỏi, tôi cho rằng nàng đã thức đêm để viết thư. Có lẽ chiếc phong bì trắng này chứa đựng những bí mật của nàng.

Vài bước sau quay đầu nhìn lại, nàng đã biến mất vào dòng người. Giờ đây, hiển nhiên là tôi biết chắc nhẽ ra mình nên nói chuyện để tiếp cận nàng. Nhưng vì dù sao chuyện đó cũng có thể kéo rất dài, chắc tôi sẽ không thể nói hết được mọi điều với nàng. Các ý tưởng của tôi luôn thiếu thực tế.

Dù thế nào đi nữa, câu chuyện của tôi cũng sẽ bắt đầu bằng "Ngày xưa ngày xưa" và kết thúc với "Cô không thấy nó buồn quá ư?".

\*\*\*

Ngày xưa ngày xưa, tại một đất nước nọ, có một chàng thanh niên mười tám tuổi và một cô gái mười sáu tuổi. Họ chỉ là hai con người cô đơn - như rất nhiều người khác. Nhưng mỗi người đều tin rằng ở đâu đó vẫn tồn tại, với chàng là nàng, với nàng là chàng, trăm-phần-trăm-hoàn-hảo, và là một nửa của người kia, sinh ra là để dành cho nhau. Họ là những kẻ tin vào điều kỳ diệu. Và một hôm, điều kỳ diệu đã tới.

Hôm đó, hai người gặp nhau ở một góc phố.

- Thật là may mắn! Tôi tìm em từ lâu lắm rồi! Có thể em không tin tôi, nhưng với tôi em là người con gái trăm-phần-trăm-hoàn-hảo!- Chàng thanh niên nói với cô gái.

Và cô gái trả lời:

- Với em, anh cũng là chàng trai trăm-phần-trăm-hoàn-hảo, anh giống hệt với tưởng tượng của em... Em có cảm giác mình đang ở trong mơ...

Hai người ngồi xuống một ghế đá công viên, cầm tay nhau và nói với nhau, nói mãi không ngừng. Họ không còn đơn độc trong đời nữa. Họ đã tìm thấy một nửa trăm-phần-trăm-hoàn-hảo của mình. Điều đó thật sự tuyệt diệu. Một điều kỳ diệu lớn lao.

Nhưng một niềm nghi ngờ, một niềm nghi ngờ nhỏ len lỏi chạy qua trái tim hai người. Họ tự hỏi mình, rồi hỏi nhau: liệu một giấc mơ có thể thành sự thật dễ dàng đến thế chăng?

Chàng trai đề nghị:

- Chúng mình cần được thử thách. Nếu anh và em quả là trăm-phần-trăm-hoàn-hảo với nhau, thì nhất định một ngày nào đó, ở một nơi nào đó, chúng mình sẽ gặp lại nhau. Khi ấy, anh và em sẽ biết chắc chắn là mình thực sự được sinh ra là để dành cho nhau. Chúng mình sẽ làm đám cưới ngay lập tức. Em đồng ý không?

- Em đồng ý! - cô gái nói.

Và họ chia tay nhau. Một người đi về phía đông, người kia về phía tây.

Cuộc thử thách này thực ra là vô ích, họ chẳng việc gì phải thực hiện nó, bởi vì họ thực sự là trăm-phần-trăm-hoàn-hảo với nhau, và cuộc gặp gỡ của họ quả thực là một điều kỳ diệu của cuộc đời. Nhưng khi ấy, họ còn quá trẻ để có thể hiểu được điều đó. Và những đợt sóng vô tình của số phận đã cuốn lấy họ, đẩy họ xô dạt...

Một mùa đông, hai người ở hai nơi đều mắc bệnh cúm và ốm thập tử nhất sinh, sau nhiều tuần mới khỏi. Nhưng họ không còn nhớ gì về quá khứ nữa. Thật lạ kỳ! Khi thức dậy, đầu họ trống rỗng giống hệt



túi tiền của D. H. Lawrence hồi còn trẻ. Nhưng họ là những người thực sự kiên nhẫn và dũng cảm, nhờ cố gắng họ đã khôi phục được trí tuệ và tình cảm để có thể tiếp tục sống trong xã hội. Chúa ơi, họ thật là những con người đáng khen! Họ lại có thể đi tàu điện ngầm, đổi tuyến, gửi thư nhanh, và họ có những kinh nghiệm tình ái hoàn hảo ở mức bảy mươi năm phần trăm, có khi đến tám mươi năm phần trăm.

Chàng trai đã ba mươi hai tuổi, còn cô gái hai mươi tám. Thời gian trôi nhanh đến không ngờ. Và rồi một hôm, một buổi sáng tháng tư, chàng trai đi từ đông sang tây trên một phố nhỏ khu Harajuku để uống một cốc cà phê buổi sáng, và cô gái đi cùng con đường, nhưng từ tây sang đông, đến bưu điện để gửi một bức thư nhanh. Họ nhìn thấy nhau ở giữa đường. Những ký ức đã bị đánh mất rọi chiếu một ánh sáng nhẹ nhàng vào trái tim họ, làm trái tim họ đập rộn ràng. Và họ biết.

Chàng biết nàng là cô gái trăm-phần-trăm-hoàn-hảo của mình. Nàng biết chàng là chàng trai trăm-phần-trăm -hoàn-hảo của mình.

Nhưng ánh sáng trong trái tim họ sáng lên quá yếu ớt, những suy nghĩ không còn sáng sủa được như mười bốn năm về trước. Họ đi qua nhau không nói một lời và biến mất vào dòng người, mỗi người về một hướng. Và mãi mãi.

Cô không thấy nó buồn quá ư?

Nhế ra, tôi phải nói với nàng như thế.

*(Dịch từ bản tiếng Pháp, rút trong tập Con voi biến mất, NXB Seuil, dịch giả Corinne Atlan).*

**Haruki Murakami**

**Cô Gái Xứ Ipanema**

Xinh đẹp, thon thon, nâu rám  
Cô gái xứ Ipanema đi lướt qua  
Trong nhịp vũ khúc Samba  
Uyển chuyển đung đưa, cô gái bước...  
Nhưng... Vì có chi ta lại buồn?  
Ôi... Ta muốn đến thú nhận cùng  
nàng...  
Vâng!... Ta phải thổ lộ với nàng  
Nhưng nàng chẳng nhìn ta  
Mà chỉ mãi mê nhìn ra mặt biển...

Cô gái xứ Ipanema đã nhìn biển như thế vào năm Sáu Mươi Ba. Và bây giờ, vào năm Tám Mươi Hai, cô gái xứ Ipanema đang nhìn biển hệt như thế. Nàng không già đi. Nàng đã bị niêm khắc vào trong hình ảnh của bản thân và cứ như vậy mà trượt trôi chậm rãi trên mặt biển thời gian... Mà cũng có thể là nàng đã già hơn – và khi ấy chắc hẳn nàng đã phải xấp xỉ tuổi bốn mươi. Và cứ mặc kệ ai đó không đồng ý với điều này, nhưng về như nàng đã không còn thon thả và rám nắng như thế, như cái thời xa đó nữa. Nàng đã có ba con, còn ánh nắng

mặt trời thì làm da nàng đau yếu. Có thể nàng vẫn còn rất đẹp, nhưng quả tình không còn trẻ trung như hai mươi năm về trước nữa – sự đời phải vậy, biết làm sao được!

Nhưng trong chiếc đĩa hát, rõ ràng là nàng đã không già hơn. Nàng vẫn đó, trong chất giọng tenor – saxophone êm dịu của Sten Ghetes – mãi mãi là cô gái mười sáu tuổi dịu dàng và thon thả xứ Ipanema. Tôi bật máy, hạ chiếc kim xuống mặt đĩa – và lập tức hình hài thon nhỏ của nàng hiện ra.

Ôi... Tôi muốn thú nhận cùng nàng.

Vâng!... Tôi phải thổ lộ với nàng.

. Tác giả: Haruki Murakami sinh năm 1949. Ông là nhà văn nổi tiếng nhất Nhật Bản hiện nay, với lối viết hết sức tinh tế. Tác phẩm Rừng Na Uy của ông đã từng được dịch sang tiếng Việt.

Mọi lần đều vậy, cứ hễ nghe đến bài hát này, tôi lại nhớ tới cái hành lang trong ngôi trường cũ. Cái hành lang tăm tối, hơi ẩm ướt trong ngôi trường của tôi. Trần nhà cao âm thầm dội lại những tiếng vọng bước chân khi bạn đi trên nền lát bê tông. Một vài ô cửa sổ mở ra hướng Bắc và liền kề đó là những ngọn núi khiến hành lang luôn luôn tăm tối. Tối - và lặng yên hết dưới mộ. Hoặc ít ra là trong tâm trí của tôi cái hành lang này vẫn luôn yên lặng đến kinh người.

Còn tại làm sao mà tôi lại luôn nhớ đến cái hành lang trong ngôi trường mỗi khi nghe bài hát Cô gái xứ Ipanema – thì chính tự tôi cũng không được rõ lắm. Vì thực ra chẳng có mối liên hệ nào hết cả. Thật lạ, không hiểu những viên đá nhỏ mà cô gái xứ Ipanema năm Sáu Mươi Ba đã ném xuống giếng sâu ký ức của tôi là cái gì vậy nhỉ? Còn đây hành lang trong ngôi trường cũ, tiếp đó, lại gọi lên trong tâm trí tôi món rau xà lách trộn. Nào là dưa chuột, cà chua, lá rau xà lách,

ớt quả, măng tây, hành tây thái lát – tất tần tật trộn chung với món nước xốt Thiên Đảo màu hồng dịu. Nói như thế không có nghĩa là ở cuối cái hành lang trong trường cũ của chúng tôi có bán món rau trộn. Hành lang dừng lại ở một cánh cửa, còn sau đó khoảng chừng hai mươi lăm mét là một cái bể bơi xấu xí.

Vậy tại sao cái hành lang trong trường học lại gọi cho tôi nghĩ đến món rau trộn như thế? Nếu ngẫm kỹ ra, thì ở đây cũng chẳng có manh mối gì.

Còn món rau trộn gọi cho tôi nhớ tới một cô bé mà có dạo tôi từng quen không thân lắm.

Mặc dù liên tưởng này hoàn toàn có thể giải thích được. Cô bé luôn ăn món rau trộn.

- Bạn, khrum – khrum, đã làm, khrum – khrum, bài tập tiếng Anh chưa?

- Khrum – khrum, Vẫn chưa xong. Khrum – khrum, vẫn còn, khrum – khrum, một đoạn nữa cơ.

Tôi cũng là đứa cực thích ăn rau, nên chúng tôi đã kết với nhau làm một cặp. Cô bé có những chính kiến hết sức đặc biệt: Cô thành kính tin rằng nếu tuân thủ một thực đơn ăn kiêng cân đối bằng rau thì mọi chuyện trên đời đều êm đẹp cả. Còn nếu như tất cả loài người chuyển hết sang ăn rau thì lòng tốt và cái đẹp sẽ được lên ngôi, còn thế giới sẽ ngập tràn sức khỏe và tình yêu. Hệt như trong vạt rừng dâu nào đó...

“Ngày xưa ngày xưa, - một triết gia viết, - vào cái thời khi giữa vật chất và ký ức là một vực thẳm siêu hình”.

Cô gái xứ Ipanema năm Sáu Mươi Ba/Tám Mươi Hai tiếp tục bước đi im lìm trên bãi tắm siêu hình nóng bỏng. Bãi tắm rất dài, những

con sóng trắng bình thản ập đến. Gió lặng ngắt, chân trời sạch tinh.  
Bốc mùi biển.

Mặt trời đỏt không thương xót.

Tôi vạ vật dưới tán ô che nắng; tôi lấy từ thùng ướp nước đá một lon bia và bật nắp. Tôi đã uống bao nhiêu lon rồi nhỉ? Năm lon? Hay là sáu? Nhưng thôi, mặc xác mọi chuyện. Uống bao nhiêu rồi cũng toát mồ hôi ra hết ấy mà.

Còn nàng vẫn cứ bước đi. Bộ đồ tắm bikini màu sắc giản dị bó sát lấy tám thân thon thả và rám nắng.

- Chào cô em, - tôi gọi nàng.

- Chào anh! - nàng nói.

- Cô em uống bia chứ? – tôi ngỏ ý.

- Có! – nàng đồng ý.

Và chúng tôi cùng nhau uống bia dưới tán chiếc ô trên bãi tắm.

- Nhân tiện nói thêm, - tôi nói, - hình như tôi đã gặp cô em ở đây – vào năm Sáu Mươi Ba. Cũng ở chỗ này, và thời gian này trong ngày.

- Không có lẽ. Đã lâu thế kia ư?

- Vậy đấy!

Nàng tu một hơi hết nửa lon bia, và nhìn vào trong lon qua cái lỗ.

- Có thể, là anh đã gặp... Vào năm Sáu Mươi Ba, anh nói thế à? Hừ, vào năm Sáu Mươi Ba... Ta đã có thể gặp được nhau.

- Cô em chẳng thay đổi gì hết, phải vậy không?

- Thì em là cô gái siêu hình mà.

- Nhưng lúc ấy cô em hoàn toàn không để ý gì đến tôi cả. Cứ nhìn mãi ra biển thôi.

- Mọi chuyện đều có thể, - nàng nói. Và nàng cười: - Anh nghe này, có thể uống thêm bia được không?

- Tất nhiên, - tôi nói và bật cho nàng một lon. – Nhưng cô em sao thế: Từ dạo đó cô em vẫn cứ đi dọc bãi biển như thế ư?

- Quả có vậy!

- Thế lòng bàn chân của cô em không bỏng ư?

- Không hề gì. Lòng bàn chân của em rất siêu hình mà. Anh có muốn xem không?

- Có.

Nàng duỗi đôi chân thon và chỉ cho tôi xem đôi lòng bàn chân. Đôi lòng bàn chân siêu hình tuyệt diệu. Tôi khẽ chạm vào chúng bằng mấy ngón tay. Chúng không hề nóng, cũng không lạnh lẽo chút nào. Tôi sờ chúng – tiếng sóng vỗ khẽ rì rào vắng tới. Và thậm chí cả tiếng ồn này cũng rất siêu hình.

Tôi cùng uống bia với nàng, không nói thêm lời nào. Đến cả mặt trời cũng bất động. Thời gian đứng yên tại chỗ. Các cảm giác khuất chìm sau tấm gương soi.

- Khi nghĩ đến em, tôi luôn nhớ về cái hành lang trong trường học, - tôi nói. - Điều này là có làm sao nhỉ?

- Bản chất của con người nằm trong tính phức tạp của nó, - nàng nói.

- Đối tượng của khoa học về con người không phải là khách thể, mà là chủ thể ở bên trong thân xác.

- Ừ hừ, - tôi nói.

- Tóm lại, anh hãy sống cho bản thân. Hãy sống đi, sống, và sống – và chỉ thế thôi. Còn em – chỉ đơn giản là cô gái với những lòng bàn chân siêu hình.

Với những lời lẽ như vậy cô gái xứ Ipanema năm Sáu Mươi Ba/Tám Mươi Hai phúi cát bám trên đầu gối và đứng dậy.

- Cám ơn anh đã mời bia.

- Ồ! Không có gì.

Có lúc, tôi chạm mặt nàng trong toa xe điện ngầm. Nàng liền gửi cho tôi một nụ cười hết như muốn nói: “Cám ơn anh đã đãi bia khi đó”. Tôi không trao đổi với nàng một lời nào kể từ đó – nhưng cảm thấy rằng linh hồn của chúng tôi dường như đã gắn chặt với nhau. Chúng gắn với nhau bằng cái gì, cái nút thắt đó ở đâu – tôi không thể hiểu nổi. Ất phải ở một nơi bí ẩn nào đó, trong một thế giới xa xăm nào đó. Trong cái nút thắt này xoắn xuýt cả cái hành lang ngôi trường, cả món rau xà lách trộn, cả cô bé – thích rau và những vật rừng dâu của cô. Bạn càng nghĩ như vậy – thì thường càng hay tiếp nhận các sự vật với cái hơi ấm hoài niệm nào đó. Mà hẳn là ở đâu đó cần phải có cái nút thắt nối kết tôi với chính mình chứ! Và lạy Chúa, nhất định sẽ có lúc tôi được sa vào cái thế giới xa xăm đó, đến cái nơi bí ẩn đó – và tôi sẽ gặp ở nơi đó chính bản thân mình. Nếu có thể được – tôi ước gì ở nơi đó cũng thật là ấm áp. Còn nếu ở đó có thêm một vài lon bia nữa thì chẳng cần cầu mong thêm điều gì. Ở đó tôi sẽ hóa thân vào Kẻ - Là - Chính - Tôi, còn cái Kẻ – Là - Chính – Tôi đó sẽ hóa thân vào tôi. Giữa chúng tôi sẽ không còn một khe hở nhỏ nào. Ở đâu đó nhất định phải có cái nơi tuyệt vời như thế chứ.

Còn cô gái xứ Ipanema năm Sáu Mươi Ba/Tám Mươi Hai cả đến bây giờ vẫn đi trên bãi tắm nóng bỏng. Nàng sẽ vẫn đi như thế cho đến chừng nào tôi còn chưa nghe đến thùng chiếc đĩa hát cuối cùng.

## Haruki Murakami

### Folklore của thời đại chúng ta

(1)

**Lời của người dịch:** Đây là một câu chuyện có thật vào những năm sáu mươi. Thời của chính Haruki Murakami. Một chuyện tình buồn. Quá buồn. Tác giả xem đó là những sự kiện “truyền thống văn hóa” mà mình góp nhặt và thuật lại như một chứng nhân lịch sử. (Rất tiếc chúng tôi không có bản nguyên tác Nhật ngữ để đối chiếu, nhưng chúng tôi phỏng đoán rằng từ “folklore”[1] trong bản tiếng Anh không phải nói đến văn hóa dân gian mà nói đến giá trị của văn hóa truyền thống Nhật Bản vào những năm sáu mươi).

Nhân vật chính của câu chuyện là một cặp tình nhân hoàn hảo vào thời đó. Cả hai người làm lớp trưởng trường cấp 3, học giỏi, biết chơi thể thao, là người tổng kết ý kiến trong các cuộc thảo luận ở lớp. Anh chị sạch sẽ ("clean") như trong quảng cáo kem đánh răng. Tình yêu của họ kéo dài suốt bốn năm nhưng cuối cùng tan vỡ vì giá trị truyền thống. “Ngay đến những xúc chạm sinh lý, họ cũng có luật của mình. Không bao giờ cởi bỏ quần áo, chỉ dùng tay sờ soạng nhau mà thôi. Một tuần một lần, họ ở chung với nhau một buổi chiều trong phòng ngủ của người này hay người kia. Cả hai nhà đều yên tĩnh. Cha đi



vắng. Mẹ ra ngoài có việc. Họ dành cho nhau từ mười đến mười lăm phút để sờ soạng nhau say sưa rồi quay trở về với việc học tập, ngồi cạnh nhau. “Được rồi chứ nhỉ? Quay trở về sách vở thôi”. Nàng nói và kéo thẳng chiếc áo sơ mi của mình”.

Nàng muốn giữ trinh tiết đến khi lập gia đình, chàng muốn chiếm hữu thân xác người yêu. Nàng hứa rằng “Em sẽ ngủ với anh, nhưng không phải bây giờ. Sau khi lập gia đình, em sẽ ngủ với anh. Em hứa”.

Và rồi hai người chia tay.

Chàng vào làm một hãng kinh doanh. Nàng lấy chồng là một đạo diễn nhưng không có con. Nàng gọi điện cho chàng trong lúc chàng kinh doanh khó khăn, nhắc lại việc thực hiện lời hứa năm xưa. Nhưng đúng như chàng thuật lại: “Chúng tôi ôm ghì nhau,” anh ta nói, “nhưng tôi không ngủ với nàng. Nàng không trút bỏ quần áo. Chúng tôi dùng tay sờ soạng nhau như những ngày xưa cũ. Tôi nghĩ như thế là tốt nhất. Có lẽ nàng cũng nghĩ như vậy. Chúng tôi vuốt ve nhau rất lâu, lâu lắm. Không ai nói lời nào. Có gì để chúng tôi nói? Đó là cách duy nhất để chúng tôi nhận ra nhau sau những năm xa cách. Như khi chúng tôi còn học ở trường. Tất nhiên, mọi thứ giờ đã khác. Có lẽ tình dục bình thường tự nhiên sẽ giúp chúng tôi hiểu nhau hơn. Và có lẽ nó sẽ làm cho chúng tôi cùng vui vẻ, hạnh phúc. Nhưng chúng tôi đã trải qua thời đó từ lâu rồi. Những ngày đó đã bị khóa chặt và không ai có thể phá dấu niêm phong”.

Haruki Murakami không lên án quan niệm trinh tiết, cũng không lên án những giá trị đạo đức của những năm sáu mươi. Nhưng như tác giả viết: “Và chỉ có một điều tôi muốn bạn hiểu: tôi chẳng có chút tự hào về thời đại mình”. Sau khi ra trường, có việc làm, nột chính của

câu chuyện mới nhận ra rằng thế giới này đủ lớn để cho những giá trị khác nhau có thể cùng tồn tại. Những giá trị làm nên con người nhưng cũng làm nên vết thương đời người. Cảm thấy mình bơ vơ vì không bị “nhốt trong hộp” nữa là cảm giác vô cùng phi lý. Phi lý nhưng có thật. Đó là cảm giác của nhân vật chính của câu chuyện này. Bởi ngay từ nhỏ chúng ta đã như chim nhốt trong lồng, không làm chủ được cuộc đời mà chỉ biết tuân theo “các bậc cao niên” dạy bảo. Cuối cùng là gì ư? Chỉ là một cái ngục lớn giam hãm con người mà thôi. Những thiên tài xuất hiện trong cơn thịnh nộ như Nietzsche, như Nagarjuna, như Bồ đề đạt ma muốn phá hủy giá trị để âm thầm tái tạo bình minh. Nào thấy gì ngoài cô đơn miên viễn, những lời nguyên rủa của đám đông hiện thế và bóng tối những cơn điên? Mỗi thời đại có những giá trị riêng của mình. Chính vì thế mà những vết thương khác nhau, đặc biệt cho từng thế hệ. Con người tự đâm chính mình bằng những thứ ta tự mình huyền hoặc, tự mình tán phong, rồi tự mình làm ngục thất cho chính mình. Và kết thúc công cuộc hiện sinh làm người bằng huyết tự mình đào sẵn, tay trắng như từ khi lạc bước vào thế giới này?

Đó là những tư tưởng gợi lên trong tác phẩm. Nhìn qua nó giống như câu truyện cười. “Và khi mọi chuyện kết thúc, nhà vua và cận thần phá lên cười,” cuối cùng anh nói. “Tôi luôn nghĩ đến câu này khi nhớ lại ngày tháng đó”. Tôi đoán nó là một phản xạ có điều kiện. Tôi không biết có phải không, nhưng nỗi buồn dường như luôn chứa đựng vài câu chuyện hài hước nhỏ lạ lùng”.

Bởi câu chuyện là câu chuyện đời của tất cả chúng ta. Chính vì thế mà tuy không phải là một bài luận lý mới nhưng nó là kinh nghiệm sống của cả bao nhiêu thế hệ. “Đó là lý do tôi không thể cười nổi khi

*nghe anh nói chuyện. Đến bây giờ tôi vẫn không thể cười”.*

*Đó có lẽ cũng là thái độ của chúng ta.*

-----

Tôi sinh năm 1949, bắt đầu vào trường cấp 3 năm 1963 và nhập học trường cao đẳng năm 1967. Thế rồi cuộc bạo loạn điên rồ năm 1968 xảy ra vào đúng năm tôi hai mươi tuổi, nếu không thì lẽ ra tôi đã có một năm tốt lành. Tôi đồ rằng chính thời đại đã khiến tôi trở thành một đứa trẻ điển hình vào những năm sáu mươi. Đó là giai đoạn dễ bị tổn thương nhất, có vai trò định hình tính cách và do đó là quan trọng nhất trong cuộc đời tôi. Tôi hít thở đầy buồng phổi niềm tự do và coi thường tất cả, một cách hoàn toàn tự nhiên. Tôi đập tung vài cánh cửa đáng đập, và thật là khoái trá bất cứ khi nào một cánh cửa đáng được đập tự bày ra trước mặt mình, như thể có Jim Morrison, The Beatles, và Bob Dylan đóng trò trong hậu cảnh. Tất cả những việc ấy.

Ngay cả bây giờ, khi nhìn lại những năm tháng ấy, tôi nghĩ chúng quả là đặc biệt. Tôi chắc là nếu bạn khảo sát lần lượt những thuộc tính của thời gian, bạn sẽ chẳng khám phá được điều gì đáng chú ý. Chỉ có hơi nóng phát ra từ cổ máy lịch sử, cái tia sáng tù mù mà một số vật nào đó phát ra ở những nơi nào đó vào những lúc nào đó - cái tia sáng ấy và một sự bứt rứt bất an không thể giải thích, như thể khi ta nhìn mọi thứ qua kính viễn vọng nhưng bằng đầu ngược. Tính anh hùng và côn đồ, niềm say mê và tan vỡ, tử vì đạo và chủ nghĩa xét lại, niềm im lặng và sự hùng biện, vân vân và vân vân...những chất liệu của bất cứ thời đại nào. Chỉ có điều, trong thời đại chúng ta - nếu bạn tha cho cách diễn đạt rỗng tuếch này - bằng cách này hay cách khác, nó vẫn quá ư nhiều màu sắc, quá rõ ràng với tay ra là chạm

tới. Không có mảnh lời quảng cáo, không có phiếu giảm giá, không có quảng cáo kín, không có hệ thống thẻ chấm điểm để dụ khách hàng quay lại, không có những thủ tục giấy tờ lắt léo và thâm hiểm. Nguyên nhân và kết quả bắt tay nhau; lý luận và thực tiễn tự tin ghi siết nhau. Thời kỳ tiền đề cho chủ nghĩa tư bản cao độ: cá nhân tôi gọi những năm tháng này như thế.

Nhưng thời đại có mang lại cho chúng tôi - nghĩa là thế hệ chúng tôi - một tia sáng đặc biệt nào không thì tôi không dám chắc. Phân tích đến cùng, có lẽ chúng tôi chỉ đơn giản đi qua thời này như thể đang xem một bộ phim kích động: chúng tôi trải qua cảm giác như thật - tim đập mạnh, bàn tay ẩm mồ hôi -, nhưng khi đèn bật sáng thì ta ra khỏi rạp chiếu phim và trở lại nơi mình đã rời khỏi. Dù lý do nào đi nữa, chúng tôi cũng đã sao nhãng việc học bất cứ bài học thực sự có giá trị nào từ đó. Đừng hỏi tôi tại sao. Tôi đã quá gắn bó với những năm tháng đó nên không thể tìm câu trả lời. Chỉ có một điều tôi muốn bạn hiểu: tôi chẳng chút tự hào về thời đại mình. Tôi đơn giản chỉ trình bày những sự kiện.

Bây giờ tôi sẽ nói với bạn về những cô gái, về mối quan hệ tính dục hỗn tạp giữa chúng tôi, những thằng con trai, với những bộ phận sinh dục mới tinh và các cô gái mà dĩ nhiên lúc đó vẫn còn là con gái.

Nhưng đầu tiên là về sự trinh trắng. Trong những năm sáu mươi, trinh tiết có ý nghĩa quan trọng hơn nhiều so với bây giờ. Nhưng như tôi thấy (chẳng phải tôi đã điều tra gì đâu), khoảng năm mươi phần trăm các cô gái thời chúng tôi đã không còn trinh trước tuổi hai mươi. Ít nhất đó hình như là tỷ lệ chung ở những người xung quanh tôi.

Điều này có nghĩa là, dù có ý thức hay không, một nửa các cô gái vẫn còn kính trọng cái gọi là trinh trắng.

Bây giờ nhìn lại, tôi có thể nói rằng phần lớn các cô gái trong thời chúng tôi, dù còn trinh hay không, đều chia sẻ những xung đột nội tâm về tính dục. Nó tùy thuộc vào hoàn cảnh và đối tác. Họ bị kẹp giữa một bên là đám đông tương đối thầm lặng, có cách nghĩ thoáng, cho tình dục là một loại thể thao và một bên là những người thủ cựu cho rằng con gái phải giữ gìn trinh tiết đến tận khi lập gia đình.

Trong số những chàng trai, cũng có nhiều người nghĩ mình phải cưới một cô gái còn trinh trắng.

Mỗi người một khác nên giá trị cũng khác. Điều này là hằng số cho mọi thời đại. Nhưng những năm sáu mươi không giống bất cứ thời nào ở chỗ chúng tôi tin những sự khác biệt này có thể giải quyết được.

Và đây là câu chuyện của một người mà tôi biết. Anh ta học chung lớp với tôi vào năm cuối của trường trung học ở Kobe. Thành thật mà nói, anh ta là loại người có thể làm được mọi thứ. Học lực tốt, biết chơi thể thao, tính tình thận trọng và có phẩm chất lãnh đạo. Anh không quá điển trai nhưng sáng sủa dễ nhìn. Anh thậm chí còn biết hát. Là một diễn giả hùng hồn, anh luôn là người tổng hợp ý kiến trong các cuộc thảo luận ở lớp. Điều này không có nghĩa anh là người có tư duy độc đáo - nhưng ai lại mong chờ sự độc đáo gì trong các cuộc thảo luận ở lớp? Tất cả chúng tôi đều muốn nó kết thúc càng sớm càng tốt, và mỗi khi anh bắt đầu nói là chúng tôi biết chắc cuộc thảo luận sẽ kết thúc đúng giờ. Trong nghĩa đó, bạn có thể nói anh là một người bạn thực sự.

Anh không có khuyết điểm nào. Nhưng dẫu vậy, tôi chẳng bao giờ hình dung được điều gì đang diễn ra trong tâm trí anh ta. Đôi khi tôi muốn tháo đầu anh ta ra mà lắng, để nghe xem nó sẽ phát ra thứ âm

thanh nào. Thế mà anh ta được rất nhiều cô gái ngưỡng mộ. Bất cứ lúc nào anh ta đứng dậy để nói trước lớp, mọi cô gái đều nhìn về anh ta với ánh mắt thán phục. Có bài toán nào khó, các nàng lại hỏi anh ta. Anh ta nổi tiếng hơn tôi khoảng 27 lần. Anh ta đúng là loại người như vậy.

Lớp chúng tôi đã học cùng nhau những bài học của quyển sách giáo khoa cuộc sống; và một chút trí khôn tôi đã nhặt được trên đường đời là ta phải chấp nhận rằng trong bất cứ tập thể nào cũng có những mẫu người như vậy. Dù vậy, không cần phải nói rằng cá nhân tôi chẳng ưa lắm mẫu người như anh ta. Tôi không chắc lắm, nhưng tôi thích ai đó có tí vết hơn, ai đó có một nhân cách khác thường hơn. Vì thế trong suốt khóa học, dù ở cùng lớp, tôi chưa một lần đi chơi với anh ta. Thậm chí tôi không nhớ mình đã có bao giờ nói chuyện với anh ta. Lần đầu tiên tôi trò chuyện nghiêm túc với anh ta là trong kỳ nghỉ hè năm nhất cao đẳng. Chúng tôi tình cờ học lái xe ở cùng một trường và thi thoảng có nói chuyện hay cùng uống cà phê trong giờ nghỉ. Cái trường dạy lái xe đó chán đến mức tôi sẵn lòng giết thì giờ bằng cách nói chuyện với bất cứ người nào làm quen được. Tôi không nhớ gì nhiều về những câu chuyện giữa chúng tôi. Dù chuyện gì đi nữa, chúng chẳng để lại ấn tượng nào, dù tốt hay xấu.

Một điều khác tôi còn nhớ là anh ta có một cô bạn gái. Cô ta học khác lớp và được xem là hoa khôi của trường. Cô ta học lực tốt, cũng là dân thể thao, cũng là lớp trưởng như anh ta. Cũng như anh, cô luôn là người phát biểu tổng kết mỗi buổi thảo luận ở lớp. Hai người như thể sinh ra để thành đôi với nhau. Đúng là chàng CLEAN và nàng CLEAN (sạch sẽ) như trong quảng cáo kem đánh răng.

Tôi thấy họ luôn. Giờ ăn trưa nào hai người cũng ngồi ở góc sân trường mà nói chuyện. Sau giờ học, họ cùng lên xe điện và xuống ở những ga khác nhau. Chàng tham gia vào đội tuyển bóng đá, nàng có chân trong câu lạc bộ tiếng Anh của trường. Khi những hoạt động ngoại khóa của họ không kết thúc cùng giờ, người ra sớm hơn sẽ đến thư viện học bài. Những giờ rảnh thì họ luôn ở cùng nhau.

Không ai trong chúng tôi - trong đám đông chúng tôi - chống lại hai người. Chúng tôi không cười nhạo họ, không ai làm khó gì hai người. Thực ra chúng tôi hầu như không chú ý gì đến họ. Hai người thực sự chẳng có gì đáng tìm hiểu. Họ giống như thời tiết - đơn giản là họ có đó, như một sự kiện vật lý. Hiển nhiên là chúng tôi dành thời gian để nói về những điều chúng tôi quan tâm hơn: tính dục, nhạc rock and roll, phim của Jean-Luc Godard, các phong trào chính trị, tiểu thuyết của Kenzaburo Oe và những thứ tương tự. Nhưng đặc biệt là chúng tôi nói về tình dục.

Đúng thôi, chúng tôi đều ngu ngốc và tự mãn. Chúng tôi không hiểu biết gì về cuộc đời. Nhưng đối với chúng tôi, chàng và nàng CLEAN chỉ tồn tại trong thế giới sạch sẽ (clean world) của họ mà thôi. Điều đó hẳn có nghĩa là những ảo tưởng mà chúng tôi thích thú hồi đó và những ảo tưởng mà họ áp ủ trong chừng mực nào đó có thể hoán đổi cho nhau.

Đây là câu chuyện của họ. Không phải là câu chuyện vui vẻ đặc biệt gì, và vào thời điểm đó nó cũng chẳng phải câu chuyện đạo đức gì. Nhưng không sao. Câu chuyện của họ cũng là câu chuyện của chúng tôi. Mà tôi đoán nó sẽ làm nên một dạng thức lịch sử văn hóa. Đó chỉ là chất liệu thích hợp cho tôi - tôi, một nhà nghiên cứu văn hóa dân gian không nhạy cảm - tuyển chọn và nhắc tới ở đây.

Tôi ngẫu nhiên gặp anh ta ở Lucca, một khu phố Italia nằm ở một dãy đồi thấp xứ Tuscan. Vào thời gian đó, tôi và vợ tôi đang thuê một căn hộ ở Roma. Nhưng cô ấy đã trở về Nhật Bản vài tuần, còn tôi đi du lịch đó đây bằng xe lửa. Từ Venice đến Verona rồi Mantua rồi Modena và dừng chân ở Lucca, một thành phố nhỏ yên bình, với một nhà hàng vùng ngoại ô có phục vụ món nấm tuyệt vời. Và trùng hợp làm sao, anh ta lại ở ngay khách sạn mà tôi cư ngụ.

Thế giới thật nhỏ làm sao.

Hôm đó chúng tôi dùng bữa tối tại nhà hàng. Cả hai chúng tôi đều đi du lịch một mình và đều chán như nhau. Bạn càng có tuổi thì niềm vui đi du lịch một mình càng giảm sút. Phong cảnh kém ngoạn mục hơn, những cuộc đối thoại bất tận của tha nhân làm đình tai nhức óc bạn. Bạn không còn bận tâm đi tìm những nhà hàng mới và sự đợi chờ những chuyến xe điện đường như là bất tận. Bạn liên tục nhìn đồng hồ và thậm chí không buồn cất công học nói ngôn ngữ của nước bạn đang viếng thăm. Bạn nhắm mắt lại, và chỉ có những lỗi lầm xa xưa lùa vào tâm trí bạn.

Có lẽ đó là lý do tại sao anh ta và tôi cảm thấy khuây khỏa khi gặp lại nhau, như thể chúng tôi đang ở trường dạy lái xe. Chúng tôi chọn một cái bàn cạnh lò sưởi, gọi món rosso hảo hạng, và tiếp tục món khai vị funghi trifolati, sau đó là fettuccine ai porcini và arrosto di tartufo bianco.

Anh ta nói mình đến Lucca để mua đồ trang trí nội thất. Anh ta có một hãng kinh doanh chuyên về đồ trang trí nội thất Châu Âu và dĩ nhiên là thành đạt. Anh ta chẳng khoắc lác với tôi điều gì, nhưng tôi có thể nói ngay rằng người đàn ông này có cả thế giới trong tay mình. Điều này thể hiện rõ trong cách cư xử của anh ta, trong bộ vía



anh đang mặc, trong cách nói năng của anh ta. Trong một cách nào đó, thật hài lòng thấy thành công đã để mắt đến anh ta.

Ban đầu chúng tôi nói về nước Ý. Về những lịch tàu chạy không đáng tin cậy, về khoảng thời gian dài quá đáng mà người ta dành cho bữa ăn. Thế rồi tôi chẳng nhớ chúng tôi còn nói những chuyện gì nữa, nhưng khi người hầu bàn mang ra chai rượu thứ hai thì anh ta đang kể cho tôi nghe chuyện của mình còn tôi thì đưa ra nhận xét vào những lúc thích hợp khi anh ta ngừng nói. Tôi chắc rằng đã lâu anh ta muốn kể cho ai đó nghe nhưng chưa lúc nào làm được. Nếu như không có một nhà hàng ấm cúng và hương vị Coltibuono 83' thì chắc chẳng bao giờ anh ta đề cập đến chủ đề này. Nhưng anh ta đã nói.

“Tôi luôn nghĩ mình là người đáng chán,” anh ta nói. “Ngay từ khi còn nhỏ, tôi đã bị nhốt vào hộp. Tôi nhìn thấy những hàng rào xung quanh tôi và tôi cẩn thận chẳng bao giờ vượt qua chúng. Đó là nguyên tắc, như trên một đường cao tốc: cứ đi đúng làn đường này, hướng về phía trước, cấm vượt. Cứ việc làm theo những dấu hiệu, thế là bạn tới nơi. Tôi làm mọi việc kiểu như thế - cứ việc làm đúng cách, thế là người lớn nặng nề xị tán dương tôi. Khi tôi còn trẻ, tôi nghĩ mọi người đều nhìn sự vật một cách giống nhau. Nhưng sớm muộn rồi tôi cũng nhận ra rằng không phải như vậy.”

Tôi đưa ly rượu về phía ánh lửa và nhìn một lúc lâu.

“Cả đời tôi - hay ít nhất là nửa đầu đời - mọi thứ đều trôi chảy. Tôi chẳng có gì để phàn nàn nhưng mặt khác, liệu tôi có khái niệm gì về ý nghĩa cuộc sống hay không? Tôi không có ý tưởng gì về việc tôi làm, về điều mà tôi theo đuổi. Ý tôi là tôi giỏi toán, giỏi tiếng Anh, giỏi cả thể thao. Đường đi cứ thẳng băng. Họ hàng vỗ về tôi, thầy cô nói

tôi chẳng có gì phải lo lắng cả. Nhưng thực ra tôi sinh ra là để làm gì? Tôi muốn làm cái gì với bản thân mình? Tôi sẽ học luật hay là kỹ sư? Tôi có nên học y không? Cái nào cũng tốt cả. Vì vậy tôi làm theo lời cha mẹ và thầy cô đã chỉ giáo. Tôi đã đậu rất cao vào ngành Luật ở đại học Tokyo.”

Anh uống một hớp rượu. “Anh còn nhớ cô bạn gái tôi ở trường trung học không?”.

“Phải nàng là Fujisawa không?”. Tôi lục tìm trong trí nhớ tên cô ta. Tôi không chắc lắm nhưng hóa ra là đúng.

Anh ta gật đầu. “Đúng rồi. Fujisawa Yoshiko. Nàng cũng tương tự vậy. Tôi có thể kể cho nàng nghe tất cả những gì tôi cảm thấy. Và nàng hiểu. Chúng tôi có thể nói chuyện với nhau mãi. Đúng là...cho đến khi tôi gặp nàng, tôi chẳng có người bạn nào để có thể trút bầu tâm sự”.

Anh ta và Fujisawa Yoshiko là một đôi song sinh tinh thần lạ lùng. Họ đều là thủ lĩnh, là siêu sao của trường. Hai người đều thuộc dòng dõi “trâm anh thế phiệt”, tuy thế cha mẹ họ lại không thuận hòa với nhau. Cha họ đều có tình nhân và thường không về nhà vào buổi tối. Lý do duy nhất để cha mẹ không ly dị là sợ người khác dị nghị cười chê. Các bà mẹ cai quản gia đình và những đứa con bị thúc bách phải trở nên giỏi giang trong mọi chuyện. Những đứa trẻ cũng xa cách với mọi người. Họ đều nổi tiếng, nhưng đều không có bạn, họ cũng chẳng hiểu tại sao. Có lẽ những người bình thường, không hoàn hảo chỉ thích làm bạn với những người bình thường, không hoàn hảo khác.

Họ luôn cô đơn, luôn sống trong cũi của mình. Nhưng để thoát khỏi nỗi buồn, họ tìm đến nhau. Họ chấp nhận nhau. Họ yêu nhau. Họ

cảm thấy hoàn toàn thoải mái khi ở bên nhau, đặc biệt khi họ cô đơn cùng nhau. Họ có quá nhiều điều bí mật để chia sẻ. Họ nói không biết mệt về nỗi cô độc của mình, về nỗi bất an và về những giấc mơ. Ngay đến những xúc chạm sinh lý, họ cũng có luật của mình. Không bao giờ cởi bỏ quần áo, chỉ dùng tay sờ soạng nhau mà thôi. Một tuần một lần, họ ở chung với nhau một buổi chiều trong phòng ngủ của người này hay người kia. Cả hai nhà đều yên tĩnh. Cha đi vắng. Mẹ ra ngoài có việc. Họ dành cho nhau từ mười đến mười lăm phút để sờ soạng nhau say sưa rồi quay trở về với việc học tập, ngồi cạnh nhau. “Được rồi chứ nhỉ? Quay trở về sách vở thôi”. Nàng nói và kéo thẳng chiếc áo sơ mi của mình.

Hai người đều đạt điểm cao. Học hành đối với họ không phải là nặng nề gì, chỉ như một lẽ tự nhiên thứ hai thôi. Họ thậm chí còn thi nhau giải các bài toán khó. “Điều này thật vui,” chàng nói. Vâng, nghe thì có vẻ ngu ngốc nhưng đối với họ thì đó chính là niềm vui, mà người bất toàn như chúng ta chẳng thể nào hiểu được.

Tuy thế, đôi lúc, mối quan hệ đó không làm chàng thỏa mãn. Chàng cảm thấy như mình còn thiếu điều gì đó. Chàng muốn ngủ với nàng. Chàng muốn làm tình. “Sự hợp nhất thể xác,” đó là từ mà chàng sử dụng. “Tôi nghĩ, điều đó sẽ giúp chúng tôi hiểu nhau mật thiết hơn,” anh bảo tôi. “Nó chỉ như bước nhảy tự nhiên tiếp theo mà thôi”.

Tuy nhiên, nàng lại không đồng ý. Mím môi và hơi lắc đầu, nàng nói: “Em thích anh lắm. Nhưng em muốn mình còn trinh trắng đến ngày cưới”. Dù chàng thuyết phục nàng thế nào đi nữa, nàng cũng không thay đổi ý định. “Anh biết là em thích anh,” nàng nói. “Thật sự và chân thành. Nhưng điều đó khác, điều này khác. Em xin lỗi. Hãy chịu đựng với em. Nếu thực sự yêu em, anh hãy quên điều đó đi”.

“Nếu đó là những gì cô ta muốn, tôi phải tôn trọng thôi,” anh bảo tôi. “Đó không phải là điều không thể. Cá nhân mình, tôi không nghĩ trinh tiết là vấn đề lớn đến vậy. Tôi chẳng quan tâm đến chuyện cô gái mình cưới có còn trinh hay không. Tôi không phải là người cấp tiến, nhưng cũng không phải là người thủ cựu. Tôi đơn giản là người thực tế. Điều quan trọng cho một cặp tình nhân là phải biết mình xuất phát từ đâu. Tôi nghĩ vậy. Nhưng nàng có một viễn cảnh về cái cuộc sống mà nàng muốn sống. Và tôi phải chịu đựng. Chúng tôi hôn hít nhau, sờ soạng nhau dưới lớp quần áo. Chắc anh biết kiểu đó rồi”.

“Tôi tin vậy,” tôi nói.

Anh đỏ mặt rồi mỉm cười. “Điều đó cũng chẳng tệ lắm, nhưng tôi không thể nào thôi nghĩ về tính dục. Đối với tôi thì chúng tôi mới đi được nửa đường. Tôi muốn hợp nhất với nàng. Tôi muốn không có gì bị che phủ, không có gì ẩn giấu. Đó là vấn đề xác nhận quyền sở hữu. Tôi cần một thứ dấu hiệu nào đó. Hiển nhiên, thôi thúc tình dục là một phần, nhưng không chỉ có thế. Chưa một lần trong đời tôi cảm thấy mình có thể hoàn toàn hòa hợp với ai hay một điều gì. Tôi luôn cô độc. Tôi bị bó buộc trong cái hộp đó. Tôi muốn tự giải thoát mình. Tôi muốn phát hiện cái tôi đích thực của mình. Nếu được ngủ với nàng, tôi nghĩ mình có thể phá vỡ cái hộp đó”.

Anh ta bắt đầu thực hiện một kế hoạch. Anh ta nói rằng ngay sau khi tốt nghiệp, họ có thể cưới nhau. Nếu nàng muốn đính hôn, họ có thể làm điều đó sớm hơn. Chẳng có vấn đề gì. Nàng nhìn thẳng vào anh trong vài giây. Và một nụ cười lướt qua gương mặt nàng. Một nụ cười thực sự đáng yêu. Nàng rõ ràng vui sướng khi nghe những lời anh ta nói. Nhưng ngay lúc đó, nụ cười lại bị ngăn cách bởi sự nhấn nhục, cùng một thoáng buồn mơ hồ. Nàng không tỏ ra hạ mình, điều

đó thì rõ, nhưng nàng cũng chẳng khuyến khích anh, ít nhất đó là điều anh cảm nhận.

“Điều đó không thể,” nàng nói. “Em sẽ chẳng bao giờ lấy anh. Người em lấy phải lớn hơn em vài tuổi, còn anh phải lấy người nhỏ hơn anh vài tuổi. Điều này là hợp lý. Bởi phụ nữ dậy thì sớm hơn đàn ông nên họ cũng mau già hơn. Ngay cả dù chúng ta kết hôn sau khi tốt nghiệp thì cũng chẳng bền. Dù sao, chúng mình cũng không thể như vậy mãi. Anh biết là em thích anh hơn bất cứ ai khác. Nhưng điều đó khác, điều này khác.” Đó hình như là cách nói của nàng. “Chúng ta vẫn đang đi học. Chúng ta được gia đình nâng niu bảo bọc. Thế giới thực bên ngoài rộng lớn hơn nhiều và khó khăn hơn nhiều. Chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng”.

Anh biết nàng đang muốn nói điều gì. Anh là người có tư tưởng thực tế hơn nhiều, hơn tất cả những thằng con trai cùng thế hệ. Nếu được nghe một điều tương tự như một lời giáo huấn chung chung, anh hoàn toàn có thể đồng ý. Nhưng đây không phải là một lời giáo huấn chung chung. Nó liên quan mật thiết đến anh.

“Anh không quan tâm”, chàng bảo nàng. “Anh yêu em và muốn có em. Anh rất rõ ràng trong chuyện này. Nó rất quan trọng đối với anh. Anh chẳng quan tâm nếu vài chuyện nào đó không phải là như vậy trong thực tại. Anh quá yêu em. Anh điên lên vì em”.

Nàng lắc đầu như muốn nói: “Chẳng ăn thua gì”. Rồi nàng vừa vuốt tóc vừa nói: “Anh có thực sự nghĩ rằng chúng ta chỉ mới biết những điều đầu tiên về tình yêu không? Tình yêu chúng ta chưa bao giờ được thử thách. Cả anh em mình đều còn là trẻ con”.

Anh chán đến mức không buồn trả lời. Một lần nữa, anh chẳng thể nào phá vỡ bức tường vây quanh mình, anh chỉ còn biết quá rõ mình

bất lực đến thế nào. Mình không thể làm được bất cứ việc nào, anh nghĩ. Nếu tình hình cứ thế này, chắc chắn mình sẽ phải sống cả đời trong hộp. Năm này qua tháng khác, vô mục đích.

Tuy thế hai người vẫn cặp kè bên nhau đến tận khi tốt nghiệp cấp 3. Hẹn gặp nhau trong thư viện, cùng nhau học bài, sờ soạn nhau dưới lớp áo. Nàng dường như chẳng nghĩ có điều gì sai lầm trong cách thỏa thuận như vậy; thậm chí nàng còn có vẻ hứng thú với tình trạng dở dang đó. Trong khi các bạn bè nghĩ rằng hai anh chị - anh CLEAN và chị CLEAN - đang hưởng thụ một thời tuổi trẻ lý tưởng thì riêng anh cô độc khôn nguôi.

Cuối cùng, vào mùa xuân năm 1967, anh nhập học đại học Tokyo[2]. Nàng ở lại Kobe, học ở trường Cao đẳng nữ. Ngôi trường này thuộc loại có hạng trong số các cơ sở giáo dục nhưng đối với nàng thì chẳng hề khó khăn gì. Lẽ ra nàng có thể dễ dàng vào đại học Tokyo nhưng thậm chí nàng không buồn dự thi đầu vào. Theo nàng, loại giáo dục đó là không cần thiết. “Em chẳng muốn kiếm việc ở Bộ Tài chính đâu. Em là con gái. Đó chính là điểm khác biệt. Anh có thể học lên cao, nhưng em chỉ cần học bốn năm nữa thôi. Cần giải lao, anh biết chứ, cần dừng lại nghỉ ngơi. Bởi vì khi em lập gia đình, em sẽ chẳng còn sự nghiệp gì nữa, đúng không?”.

Thái độ của nàng làm anh thất vọng. Anh từng hy vọng hai người sẽ cùng lên Tokyo, cùng nhau chia sẻ những điều mới mẻ trong quan hệ của họ. Anh nài nỉ nàng nghĩ lại, nhưng nàng chỉ lắc đầu.

(Còn nữa)

***Hoàng Long dịch từ bản Anh ngữ Folklore of Our Times của  
Alfred Birnbaum***

*Chú thích của dịch giả:*

[1] Đây là thuật ngữ của các nhà nhân học, có nghĩa là “ văn hóa dân gian, truyền thống”. Nhưng chúng tôi thấy dễ nguyên như vậy thì hay hơn.

[2] Trong số các trường đại học công lập ở Nhật Bản, đại học Tokyo (Todai) là đại học danh giá nhất, chỉ những ai xuất sắc mới thi vào được. Những danh nhân Nhật Bản đều tốt nghiệp trường này, như nhà văn Natsume Soseki, Akutagawa Ryunosuke, Kawabata Yasunari..., còn trong số đại học tư thục, danh giá nhất là đại học Waseda.

**Haruki Murakami**

**Folklore của thời đại chúng ta**

**(2)**

Mùa hè đầu tiên của đời sinh viên (cùng mùa hè mà tôi và anh ta gặp nhau ở trường dạy lái xe), anh ta trở về Kobe, và gặp lại nàng hầu như mỗi ngày. Nàng lái xe đưa anh đi chơi. Họ sờ soạng nhau như ngày xưa cũ. Nhưng anh không khỏi nhận ra rằng đã có điều gì thay đổi. Sự thay đổi không đột ngột. Theo cách nào đó, mọi cái không có gì thay đổi. Cách nàng nói chuyện, cách nàng ăn mặc, quan điểm của nàng... dường như tất cả đều như xưa. Nhưng anh không còn muốn hòa mình trở lại vào cuộc sống cũ. Đó là luật của động lực:

từng chút một, không ngừng, hai người tuột ra khỏi sự đồng bộ trước kia. Và điều này cũng chẳng tệ hại gì nếu anh ta biết mình đang đi theo chiều hướng nào.

Anh lại cô đơn ở Tokyo, vẫn không thể kết bạn với ai. Thành phố đông đúc và dơ bẩn, thức ăn vô vị. Anh luôn nghĩ về nàng. Buổi tối, anh giam mình trong phòng để viết thư cho nàng. Nàng hồi âm lại (dù không thường xuyên). Những bức thư miêu tả chi tiết đời sống hàng ngày của nàng, anh đọc đi đọc lại. Nếu không nhờ những bức thư đó, anh dám chắc mình đã phát điên. Anh hút thuốc và bắt đầu uống rượu. Đôi khi anh thậm chí còn cúp tiết.

Anh đã từng xiết bao mong ước kỳ nghỉ hè để có thể quay về quê nhà Kobe! Nhưng đến khi trở về, anh lại càng ngao ngán hơn nữa. Điều khôi hài là anh chỉ mới ra đi được ba tháng thôi. Tại sao tất cả lại bỗng dưng có vẻ bụi bặm và lờ mờ đến thế? Thành phố mà anh từng nhớ nhung quá đổi giờ trông xạc xài bệ rạc đối với anh, chỉ lại thêm một cái thành phố tỉnh lẻ khác chỉ biết việc của mình, không hơn không kém. Bắt chuyện được với mẹ cũng là một kỳ công. Đi đến tiệm cắt tóc mà anh thường cắt hời còn bé là một viễn cảnh tối tăm. Bờ sông mà anh thường dắt chó lang thang mỗi ngày là một vùng hoang vu rác rưởi.

Ngay cả việc gặp nàng cũng không làm cho anh khá hơn chút nào. Điều quái quỷ gì đang diễn ra thế này? Dĩ nhiên là anh vẫn yêu nàng, nhưng như thế chưa đủ. Đam mê không thể tự nó duy trì mãi mãi. Anh phải dùng đủ mọi cách, dù cho mối quan hệ hai người có thể bị bóp chết.

Anh quyết định mình phải đặt lại vấn đề tính dục, phải lôi nó ra khỏi tủ lạnh mà đặt lên bàn. Đó là cơ hội cuối cùng.



“Ba tháng nay anh cô đơn ở Tokyo và chỉ nghĩ đến em. Anh thật sự yêu em quá rồi. Dù chúng ta xa nhau bao nhiêu, anh thấy cảm giác của anh vẫn nguyên vẹn. Nhưng khi ta xa nhau, anh thấy mình chệnh vênh quá. Tâm trạng anh u ám. Em có thể không hiểu điều này nhưng anh chưa bao giờ cô đơn đến thế trong đời anh. Anh cần mối liên kết thực sự với em, như một bằng chứng bảo đảm rằng dù xa nhau bao nhiêu đi nữa, chúng mình vẫn luôn có mối buộc ràng chắc chắn”.

Nàng hít một hơi thở sâu và hôn anh. Quá dịu dàng, nàng nói: “Em xin lỗi. Em không thể cho anh sự trinh trắng của em được. Điều đó khác, điều này khác. Em có thể làm tất cả cho anh, tất cả, trừ điều này ra. Nếu anh thực sự yêu em, xin đừng nêu vấn đề này ra nữa”. Một lần nữa, anh trở lại chủ đề cưới xin.

“Có hai bạn trong lớp em đã đính hôn,” nàng nói. “Nhưng vị hôn phu của họ đã có việc làm ổn định rồi. Cưới xin đồng nghĩa với trách nhiệm đấy anh ạ”.

“Anh có thể đảm đương trách nhiệm chứ”, anh nói quả quyết. “Anh đã vào một trường rất tốt. Anh hứa với em là điểm số anh cũng sẽ rất tốt. Anh có thể được nhận vào bất cứ công ty hay văn phòng chính phủ nào. Anh sẽ xin việc bất cứ nơi đâu em nói. Anh có thể làm tất cả nếu anh chú tâm. Vậy cái gì mới là vấn đề đây?”

Nàng nhắm mắt gục đầu và im lặng. “Em sợ,” một lúc sau nàng nói, vùi mặt vào lòng tay, thổn thức. “Em rất sợ. Sợ đến mức em không thể chịu đựng được. Em sợ hãi đời sống, sợ phải xây dựng cuộc sống cho mình. Vài năm nữa thôi, em phải bước chân vào đời sống thật, em sợ đến phát ốm. Tại sao anh không hiểu điều đó? Tại sao anh phải hành hạ em như thế này?”

Anh ôm nàng trong tay. “Chẳng có gì phải sợ hãi cả em ạ,” anh nói. “Anh đang ở đây. Em nhìn đi. Anh cũng sợ như em vậy. Nhưng nếu anh em mình biết vậy thì chúng ta sẽ vượt qua thôi. Nếu chúng mình chung sức thì chẳng có gì phải sợ. Chẳng có gì đáng sợ đâu”.

Nàng lắc đầu. “Anh không hiểu đâu. Em là phụ nữ. Em khác anh. Anh không biết một tý gì cả. Chẳng biết gì”.

Anh chẳng còn gì để nói. Nàng cứ khóc mãi. Và nói một điều kỳ lạ nhất: “Nghe này, nếu như duyên anh em mình không trọn, em vẫn nhớ anh mãi mãi. Thật sự em chẳng bao giờ quên anh. Anh biết là em yêu anh như thế nào mà. Anh là người đầu tiên em chăm sóc, và chỉ cần ở bên anh là em vui đến thế nào. Hãy hiểu cho em. Nếu như đây là lời hứa mà anh muốn, em sẽ hứa. Em sẽ ngủ với anh, nhưng không phải bây giờ mà sau khi lập gia đình, em sẽ ngủ với anh. Em hứa”.

“Cô ta nói cái quái gì vậy? Nó làm tôi rối trí”, anh nói, mắt nhìn chăm chăm vào chiếc lò sưởi đang chiếu sáng rực rỡ. Người hầu bàn mang món primi piatti đi và thêm một thanh củi vào lò sưởi. Những tia lửa kêu tanh tách. Một cặp trung niên ở bàn kế bên đang cân nhắc chọn món thực đơn tráng miệng. “Tôi không thể nào hiểu quan niệm của nàng. Tôi trở về nhà mà những lời đó cứ lờn vờn trong tâm trí. Đơn giản là tôi không thể nào nắm bắt được lý lẽ của nàng. Anh có hiểu gì không?”

“Tôi chắc cô ta định giữ mình trinh trắng đến tận đêm tân hôn, nhưng khi đã lập gia đình và chữ trinh không còn là vấn đề quan trọng nữa, cô ta có thể ăn nằm với anh. Đại khái như thế”.

“À thì đại loại như thế. Tôi chỉ có thể đọc ra thế mà thôi”.

“Độc đáo thật. Tôi nói nàng ta. Và dù sao cũng hợp lý nữa”.

Một nụ cười thoáng nhẹ trên môi anh ta. “Chính xác và có vài điểm hợp lý”.

“Một cô dâu trinh trắng, một người vợ ngoại tình. Y như tiểu thuyết cổ điển Pháp. Chỉ có điều không có phòng khiêu vũ và những người hầu”.

“Thế mà đối với nàng, đó là giải pháp thực tế duy nhất,” anh ta nói.

“Buồn thật,” tôi nói.

Anh nhìn tôi một phát sắc bén rồi chậm rãi gật đầu. “Phải, thật buồn. Và thực sự lâm ly thống thiết nữa. Anh nói hoàn toàn đúng. Bây giờ tôi cũng nghĩ vậy. Cũng phải thôi, tôi đã già hơn rồi. Nhưng khi đó thì không. Tôi vẫn còn là một thằng nhóc và hoàn toàn mù tịt về những sự bất an nhỏ bé làm xáo động tâm trí con người ta. Tất cả những chuyện đó làm tôi sửng sốt, nó làm tôi bị sốc”.

“Tôi có thể tưởng tượng được”, tôi tán đồng.

Rồi như thoả thuận ngầm, chúng tôi dùng món tartufi.

“Tôi đoán là anh biết điều gì sẽ xảy ra sau đó,” anh nói sau một lúc im lặng. “Cô ấy và tôi chia tay nhau. Không ai trong chúng tôi thổ lộ điều gì. Chỉ là một kết thúc tự nhiên. Rất êm thấm. Chúng tôi chỉ thấy mệt mỗi khi cố tìm cách giữ mối quan hệ đó. Và như tôi biết thì những ý niệm của nàng về cuộc sống không... Nói thế nào nhỉ? Nàng không chân thành lắm. Không, cũng không đúng. Điều tôi muốn nói là tôi biết lẽ ra nàng đã có thể tốt hơn. Tôi thất vọng về nàng. Thay vì hành hạ nhau về những vấn đề cũ rích như trinh trắng, cưới xin, lẽ ra nàng nên cố gắng học hỏi được nhiều hơn từ cuộc sống”.

“Nhưng điều này quá sức nàng”, tôi nói.

Anh gật đầu, xiên một khoanh nấm cho vào miệng. “Chuyện đó vẫn

xảy ra. Anh bị mất khả năng co giãn. Có một thời điểm anh bị căng đến một mức giới hạn và không thể đi xa hơn. Điều tương tự vậy đã xảy đến cho tôi. Ngay từ nhỏ, cả hai chúng tôi luôn luôn bị lừa về phía trước. Hết bị xô lại đẩy, tiến lên, tiến mãi về phía trước. Người ta hướng anh đến chỗ được đào tạo tốt, có mọi điều kiện thuận lợi, và ta chỉ có thể làm được những gì người ta bảo. Cho đến một ngày anh phát nổ”.

“Nhưng làm thế nào anh thoát khỏi điều đó?”

“Tôi đã vượt qua nó”, anh nói sau một lát suy nghĩ. Rồi đặt dao và nĩa xuống, lấy khăn ăn lau miệng. “Sau khi tôi và cô ấy chia tay, tôi có một cô bạn gái ở Tokyo. Một cô gái dễ thương. Chúng tôi chung sống cùng nhau một thời gian. Nói thật, tôi không hề rơi vào trạng thái lo lắng, bất bình như đã từng có với Fujisawa Yoshiko. Một mối quan hệ thực sự, và tôi thật sự thích cô bạn mới. Cô nàng đã chỉ bảo cho tôi nhiều điều về những con người có thực, và tôi bắt đầu có thể kết bạn. Tôi hứng khởi với chính trị. Tôi nhận ra rằng thực tại có đủ mọi chiều kích và hình dạng. Và thế giới này đủ lớn cho những giá trị khác nhau cùng tồn tại. Chẳng cần phải thành một sinh viên sáng giá. Đó là cách tôi bước chân vào xã hội”.

“Và trở nên thành công”.

“Đủ thành công,” anh nói với hơi thở dài than oán. Sau đó nhìn tôi như thể nhìn một kẻ đồng lõa, anh nói: “So với những người cùng lứa tuổi chúng ta, khách quan mà nói tôi thừa nhận rằng thu nhập mình cao hơn tất cả”. Đó là tất cả những gì anh có thể nói.

Nhưng tôi biết câu chuyện vẫn chưa kết thúc, vì thế tôi không nói gì. Tôi đợi anh ta tiếp tục.

“Tôi không gặp lại Fujisawa Yoshiko một thời gian dài”, anh tiếp tục.

“Thật sự dài. Tôi tốt nghiệp đại học và có việc làm trong một hãng kinh doanh. Tôi làm việc ở đó năm năm, có một thời gian ở nước ngoài. Mỗi ngày công việc tràn ngập. Tôi bận rộn đến khó tin. Nghe mẹ nàng nói rằng hai năm sau khi tốt nghiệp trường Cao đẳng nữ, nàng lập gia đình, nhưng tôi không hỏi nàng lấy ai. Điều đầu tiên tôi nghĩ đến khi nghe mẹ nàng nói là quả thực nàng đã giữ trinh trắng đến tận đến tận hôn. Nhưng tôi hơi buồn một chút. Và hôm sau nữa lại buồn hơn. Nó như thể một kỷ nguyên đã chấm dứt, một cánh cửa đóng sập lại sau tôi vĩnh viễn. Nhưng điều đó tự nhiên thôi. Fujisawa Yoshiko là cô gái tôi yêu thực sự chân thành. Chúng tôi đã có những giây phút ngọt ngào bên nhau suốt bốn năm, thậm chí còn toan tính chuyện cưới nhau. Nàng là người chiếm phần quan trọng trong thời tuổi trẻ của tôi, vì vậy nên tôi buồn là điều dĩ nhiên. Nhưng không sao, tôi thực sự hy vọng rằng nàng hạnh phúc. Tôi chúc nàng mọi điều tốt đẹp. Nhưng tôi cũng hơi lo lắng cho nàng. Nàng mỏng manh quá”.

Người hầu bàn dọn mấy cái đĩa và chúng tôi gọi cà phê.

“Tôi lập gia đình khá trẻ, khi tôi ba mươi hai. Chính vì thế, tôi vẫn độc thân khi nhận được điện thoại của Yoshiko. Năm tôi hai mươi tám. Đã mười năm trôi qua đến lúc bấy giờ. Trong thời gian đó, tôi nghĩ việc công ty và làm tự do. Cha tôi cho mượn vốn để tôi sáng lập một công ty nhỏ của riêng mình. Tôi nhận thấy tiềm năng lớn mạnh của thị trường hàng nội thất nhập khẩu và bắt đầu thử sức mình. Nhưng mọi sự khởi đầu đều như thế chẳng có gì trôi chảy ở giai đoạn đầu tiên. Giao hàng chậm, kho trống rỗng, phí tổn thuê kho chồng chất, ngân hàng siết cổ... thành thật mà nói, tôi suy sụp và gần như đánh mất cả hy vọng. Chắc chắn đó là giai đoạn khó khăn nhất trong đời

tôi. Và đúng khi tôi đang chìm xuồng như vậy, nàng gọi điện đến. Tôi không biết làm cách nào nàng có được số điện thoại của tôi. Chuông điện thoại reng vào lúc 8 giờ tối. Tôi nhận ngay ra giọng nói của nàng. Có những điều ta chẳng bao giờ quên được. Tôi cảm giác hơi luyến tiếc. Anh biết chắc là tôi sao rồi. Tôi cảm thấy quá đổi vui sướng khi được nghe lại giọng nói người bạn gái năm xưa vào một lúc như thế.”

Anh nhìn chăm chú một lúc lâu vào lò sưởi, như để nhớ lại điều gì. Nhà hàng đầy ắp khách. Người ta nói cười ở mỗi bàn, bát đĩa lách cách, cốc rượu leng keng.

“Không biết ai đã nói cho nàng mà nàng biết tất cả mọi thứ về tôi. Nàng biết tôi còn độc thân, đã đi nước ngoài, đã bỏ chỗ làm cũ và có công ty riêng. Nàng biết tất cả. “Anh đã đến đích. Anh làm được việc. Anh đã làm em tin tưởng”. Nàng nói vậy. Tôi không thể diễn tả với anh là tôi vui như thế nào khi nghe nàng nói vậy. Rồi tôi hỏi về nàng. Nàng cưới ai, đã có con chưa, sống ở đâu... Nàng không có con. Chồng nàng hơn nàng bốn tuổi, làm việc ở đài truyền hình. Một đạo diễn, nàng bảo tôi. Tôi nói: “Nghe có vẻ bận đấy nhỉ”. “Đúng, anh ta quá bận đến nỗi không có thời gian sinh con nữa”. Nàng nói và cười. Hai người sống ở Tokyo, trong một khu phố gần Shinagawa. Còn tôi sống ở Shiroganedai. Không phải là láng giềng nhưng cũng gần nhau. “Mọi chuyện đúng là kỳ lạ phải không?”, tôi nói. Chúng tôi nói về tất cả những gì mà những đôi tình nhân cũ thời trung học thường nói trong tình huống ấy. Tôi thấy mình hơi căng thẳng và vụng về nhưng tất cả đều tốt đẹp. Như hai người bạn cũ gặp nhau, chúng tôi nói đủ thứ chuyện hình như đến mấy giờ liền. Và khi không còn gì để nói nữa, chúng tôi im lặng bên hai đầu dây. Có thể nói thế nào nhỉ?

Một sự im lặng dày đặc, khơi cho ta đủ thứ ý nghĩ”. Anh khoanh tay rồi đặt lên bàn nhìn lên mắt tôi. “Đáng lẽ tôi đã treo máy ở đó. Tôi nói: “cám ơn em đã gọi, rất vui được nói chuyện với em” rồi gác máy, kết thúc câu chuyện. Anh thấy tôi nói thế nào?”

“Đó hẳn là điều thực tế nhất phải làm,” tôi đồng ý.

“Nhưng nàng vẫn cầm máy. Nàng mời tôi đến chỗ nàng. “Sao anh không ghé thăm? Chồng em đi làm suốt, còn em buồn chán lắm”. Tôi không biết nói gì. Tôi chẳng nói gì cả. Nên nàng cũng không nói. Im lặng kéo dài. Và anh biết nàng nói gì không? Nàng nói: “Anh biết không, em vẫn còn nhớ lời hứa dành cho anh”.

“Anh biết không, em vẫn còn nhớ lời hứa dành cho anh”. Đầu tiên, anh chẳng biết nàng đang nói gì. Anh chưa một lần xem lời hứa của nàng là một lời hứa thật. Nhưng khi nhớ lại lời hứa ấy, anh nghĩ rằng đó chỉ là một sự lỡ lời, rằng nàng chắc hẳn phải ngượng vì điều đó. Nhưng nàng chẳng ngại ngùng. Với nàng lời hứa là lời hứa.

Trong thoáng chốc, anh chẳng biết chuyện này sẽ đi về đâu. Phải làm gì mới đúng đây? Anh nhìn quanh tuyệt vọng nhưng không có bức tường nào vây quanh, không còn ai hướng đường cho anh đi nữa. Dĩ nhiên anh muốn ngủ với nàng. Điều này không cần phải nói. Từ khi chia tay nhau, anh vẫn tưởng tượng ngủ với nàng nhiều lần. Ngay cả khi nhìn thấy một người đàn bà khác, anh vẫn nghĩ mình đang tìm đường đến với nàng trong bóng đêm. Dù anh chưa nhìn nàng khoả thân lần nào nhưng anh biết cơ thể nàng qua cảm giác khi sờ nhau qua lớp áo.

Anh biết sẽ nguy hiểm như thế nào khi ngủ với nàng trong lúc này. Anh chẳng muốn kích động những gì đã ngủ yên trong bóng đêm quá khứ. Trực giác bảo anh rằng có những thứ không thể làm.

Nhưng dĩ nhiên anh không thể từ chối. Tại sao anh phải từ chối? Nó là một câu chuyện thần tiên hoàn hảo, một điều cầu được ước thấy chỉ một lần trong đời. Nàng sống gần bên, và muốn chu toàn lời hứa đã ban ra trong cánh rừng quá khứ xa xăm.

Anh nhắm mắt lại và không thể nói gì. Anh không còn sức mà nói.

“Này. Anh còn ở đó không?”, nàng nói.

“Anh sẽ đến ngay. Em cho anh địa chỉ đi”.

“Nếu là anh, anh sẽ làm gì?”, anh ta hỏi tôi.

Tôi lắc đầu. Tôi không biết trả lời như thế nào cho câu hỏi đó.

Anh cười, nhìn xuống ly cà phê đặt ở trên bàn. “Tôi đến chỗ nàng và gõ cửa. Phần nào đó, tôi hy vọng nàng không có nhà. Nhưng đúng là nàng đang ở đó, vẫn đẹp như bao giờ. Nàng rót nước mời tôi, và nói chuyện về những ngày xưa cũ. Chúng tôi thậm chí đã nói về những thành tích học tập xưa kia. Và anh nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra?”

Tôi không biết. Tôi bảo anh ta là tôi không hình dung được.

“Khi còn nhỏ, tôi đã đọc một câu chuyện thiếu nhi.” Anh như đang nói với bức tường phía xa của nhà hàng. “Tôi quên mất cốt truyện, nhưng tôi nhớ dòng chữ sau cùng. Nó như thế này: “Và khi mọi chuyện kết thúc, nhà vua và cận thần phá lên cười”. Đúng là kiểu kết thúc chuyện lạ lùng. Anh không thấy vậy sao?”

“Ừ, đúng vậy”.

“Tôi ước gì mình có thể nhớ được câu chuyện đó. Chúa biết là tôi cố gắng mà. Tất cả những gì tôi còn nhớ được là dòng chữ điên loạn sau cùng: “Và khi mọi chuyện kết thúc, nhà vua và cận thần phá lên cười”. Kết thúc chuyện kiểu quái gì thế này?”

Chúng tôi đã dùng xong cà phê.

“Chúng tôi ôm ghì nhau,” anh ta nói. “Nhưng tôi không ngủ với nàng.



Nàng không trút bỏ quần áo. Chúng tôi dùng tay sờ soạng nhau như những ngày xưa cũ. Tôi nghĩ như thế là tốt nhất. Có lẽ nàng cũng nghĩ như vậy. Chúng tôi vuốt ve nhau rất lâu, lâu lắm. Không ai nói lời nào. Có gì để chúng tôi nói? Đó là cách duy nhất để chúng tôi nhận ra nhau sau những năm xa cách. Như khi chúng tôi còn học ở trường. Tất nhiên, mọi thứ giờ đã khác. Có lẽ tình dục bình thường tự nhiên sẽ giúp chúng tôi hiểu nhau hơn. Và có lẽ nó sẽ làm cho chúng tôi cùng vui vẻ, hạnh phúc. Nhưng chúng tôi đã trải qua thời đó từ lâu rồi. Những ngày đó đã bị khóa chặt và không ai có thể phá dấu niêm phong”.

Anh xoay cái ly không trong đĩa. Anh giữ nó một lúc lâu đến mức người hầu bàn đi đến chỗ chúng tôi và chờ đợi. Nhưng điều đó nhắc nhở anh trả cái ly lại chỗ cũ và gọi một ly cà phê Espresso khác.

“Có lẽ tôi ở chỗ nàng khoảng một tiếng. Nếu hơn nữa, chắc hẳn tôi sẽ phát điên mất”. Anh cười ranh mãnh. “Tôi tạm biệt và rời khỏi nhà nàng. Nàng cũng chào tạm biệt. Và lúc đó thực sự là vĩnh biệt, một lần cho mãi mãi. Tôi biết điều đó và nàng cũng biết vậy. Lần cuối cùng tôi nhìn thấy nàng, nàng đứng trên bậc cửa, khoanh tay trước ngực. Nàng nhìn tôi như muốn nói điều gì đó nhưng rồi lại thôi. Bất luận thế nào, tôi cũng biết nàng sẽ nói gì. Tôi kiệt sức... trống rỗng. Tôi bước đi không mục đích, cảm thấy mình như đã uổng phí cả cuộc đời. Tôi ước gì mình có thể quay lại chỗ nàng và làm tình với nàng dài lâu và đậm sâu. Nhưng tôi không thể làm thế. Và cũng chẳng biết làm gì tốt hơn.”

Anh lắc đầu, uống hết ly cà phê thứ hai.

“Thật khó nói điều này. Nhưng tôi bước thẳng ra ngoài, bắt một ả gái điếm. Lần đầu trong đời. Và ắt hẳn là lần cuối”.

Tôi nhìn cốc cà phê của mình mà nghĩ về chuyện ngày xưa mình là một gã xa cách khó gần đến thế nào. Tôi muốn cho anh ta biết tôi đang nghĩ gì, nhưng chỉ e mình không thể tìm ra lời thích hợp.

“Kể những chuyện thế này, tôi thấy như thể đang nói về một người nào khác,” anh nói với tiếng cười nhẹ rồi im lặng.

“Và khi mọi chuyện kết thúc, nhà vua và cận thần phá lên cười,” cuối cùng anh nói. “Tôi luôn nghĩ đến câu này khi nhớ lại lúc đó. Tôi đoán nó là một phản xạ có điều kiện. Tôi không biết có phải không, nhưng nỗi buồn dường như luôn chứa đựng vài câu chuyện hài hước nhỏ lạ lùng”.

Và như tôi nói lúc mở đầu, câu chuyện này chưa đủ để gọi là một bài đạo đức. Tuy nhiên nó là câu chuyện cuộc đời anh ta, là câu chuyện đời của tất cả chúng ta. Đó là lý do tôi không thể cười nổi khi nghe anh nói chuyện. Đến bây giờ tôi vẫn không thể cười.

**Hết**

**Haruki Murakami**

**Gương soi**

Dịch giả Hoàng Long

**Lời của người dịch:** Câu chuyện ma quái này gợi mở một nghi vấn siêu hình. Bởi “người tưởng tượng và chất liệu tưởng tượng không thể đến từ tưởng tượng”, nên khả năng tưởng tượng có thể làm mờ

xóa đi ranh giới của một biên thù. Giữa ý thức và vô thức, giữa nghiệm sinh và thần khải, giữa mê cuồng và giác ngộ chỉ là một biên giới mong manh.

Cũng có thể câu chuyện này chỉ là một sự đối diện tự vấn lương tâm. Nhưng ai là bóng hình trong gương? “Cuối cùng, thằng tôi kia cũng cử động. Hắn đưa những ngón tay của bàn tay trái từ từ chạm vào má và xoa khắp mặt. Tôi nhận ra mình cũng làm y chang như vậy. Như thể tôi chính là hình ảnh trong gương. Điều đó có nghĩa rằng là dường như hắn điều khiển được tôi”. Tôi là tôi hay là cái bóng của chính cái bóng mình?

Từ đầu đến giờ tôi đã nghe mọi người lần lượt kể chuyện mình, và tôi cho rằng chung quy loại chuyện này chỉ có hai típ cơ bản mà thôi. Ở típ đầu tiên, ta có một bên là thế giới người sống còn kia là thế giới người chết, và câu chuyện xoay quanh việc bước qua ranh giới giữa hai cõi sống chết đó. Như những hồn ma chẳng hạn. Còn típ thứ hai là chuyện về những hiện tượng siêu nhiên hay những khả năng vượt ngoài những kinh nghiệm của thế giới ba chiều hằng ngày. Tri giác ngoại cảm, những điềm báo, linh cảm, hay những thứ tương tự vậy. Nếu phân chia đại khái thì tôi nghĩ có thể chia loại chuyện này thành hai típ như thế.

Suy rộng hơn, tôi nghĩ mọi người chỉ có thể trải nghiệm một trong hai típ mà thôi, hoặc típ này hoặc típ kia. Điều tôi muốn nói là, nếu một người đã nhìn thấy ma thì anh ta sẽ còn gặp ma hoài hoài, nhưng anh ta chẳng hề có linh cảm gì về chuyện đó. Còn người khác thì có khả năng ngoại cảm và luôn có linh cảm nhưng lại chẳng bao giờ gặp ma. Tôi không thể giải thích tại sao, nhưng dù lý do gì đi nữa thì sự việc dường như đúng như thế. Ít nhất là tôi nghĩ thế.

Và dĩ nhiên cũng có một số người chẳng thuộc nhóm nào. Như tôi chẳng hạn. Tôi đã có mặt trên đời này ba mươi mấy năm rồi mà chưa nhìn thấy con ma nào. Cũng chưa lần nào tôi có một “thấu thị” hay linh cảm gì hết. Thậm chí có một lần tôi cùng đi thang máy với hai người bạn. Hai người này đều nhìn thấy ma còn tôi chẳng nhìn thấy gì cả. Họ thấy một người phụ nữ mặc quần áo xám đang đứng cạnh tôi, trong khi thật ra thì ngoài ba chúng tôi ra chẳng còn ai ở trong thang máy. Tôi nói hoàn toàn nghiêm túc đấy. Hai người bạn đó không thuộc cùng nhóm với tôi. Chắc chắn đó là một chuyện kinh dị, nhưng điều đó chỉ cho thấy rằng chẳng bao giờ tôi gặp ma. Nhưng một lần, và chỉ một lần thôi, tôi cảm thấy sợ hãi tận đáy lòng. Chuyện xảy ra cách đây hơn mười năm và tôi chưa kể cho ai nghe cả. Ngay khi nói về chuyện đó tôi cũng đã cảm thấy sợ rồi. Tại vì tôi cảm thấy nếu kể ra thì chuyện tương tự thế có thể lại xảy ra lần nữa. Bởi thế tôi giữ im lặng suốt bao nhiêu năm qua. Nhưng đêm nay, với cương vị chủ nhà, nghe từng người kể những câu chuyện rùng rợn của họ, tôi không đành lòng im lặng cho đến lúc tàn cuộc. Vì thế mà tôi quyết định kể.

Đừng, xin quý vị đừng vỗ tay. Thực ra cũng chẳng phải chuyện gì hay ho đâu.

Như tôi đã nói, tôi chưa bao giờ gặp ma và cũng không có năng lực đặc biệt gì. Có thể quý vị cho rằng truyện của tôi không kinh dị như tôi cảm nhận, hay dù quý vị cho là như thế thì cũng có sao đâu? Và nếu quý vị cũng cảm thấy như vậy thì thật là hân hạnh cho tôi quá. Nhưng dù sao thì đây cũng là câu chuyện của tôi.

Tôi tốt nghiệp trung học phổ thông vào cuối thập niên sáu mươi. Trong khoảng thời gian đó, xã hội biến động tơi bời khiến ta cảm

thấy như cơ đồ thiên hạ có thể bị sụp đổ tan tành. Về phần mình, tôi cũng bị cuốn trôi theo làn sóng đó. Và từ bỏ nghiệp nghiên bút dở dang, mấy năm trời tôi lang thang khắp Nhật Bản mưu sinh bằng những công việc tay chân. Tôi nghĩ đó là con đường đúng đắn dẫn lối đời tôi. Phải, quả thật là tôi đã làm đủ thứ việc. Một số là những việc nguy hiểm. Lúc ấy tôi còn trẻ và ngu ngốc nữa. Nhưng bây giờ nghĩ lại, tôi cho đó là một cách sống thú vị. Nếu được làm lại cuộc đời từ đầu, chắc tôi cũng làm như vậy. Tôi là loại người như vậy đó. Vào năm thứ hai lang thang, tôi nhận lời làm công việc gác đêm cho một ngôi trường trung học khoảng hai tháng. Ngôi trường này nằm ở một thị trấn nhỏ ở quận Niigata. Thực tình tôi chỉ muốn nghỉ ngơi sau những tháng hè làm những công việc khắc nghiệt. Với lại làm người gác đêm nghe ra cũng vui. Tôi có thể ngủ ở phòng bảo vệ suốt ngày và đêm đến chỉ việc đi quanh kiểm tra khắp trường hai lần. Ngoài việc đó ra, tôi có thể nghe đĩa ở phòng nhạc, đọc báo ở thư viện trường hay chơi bóng rổ một mình trong phòng tập thể dục và làm tất cả những gì mình thích. Ở lại đêm một mình trong ngôi trường trung học không phải là tệ lắm. Không, hoàn toàn không tệ chút nào đâu. Vào lứa tuổi 18,19, bạn chẳng biết sợ bất cứ cái gì. Chắc chắn trong các bạn đây chưa ai từng gác đêm ở trường trung học bao giờ, nên tôi phải nói qua về nhiệm vụ công việc của mình. Tôi phải đi kiểm tra hai lần: một lần 9 giờ đêm và lần 3 giờ sáng. Lịch làm việc là như vậy. Ngôi trường là một tòa nhà bê tông ba tầng tương đối mới, có 18 hay 20 lớp học gì đó. Tuy ngôi trường không lớn lắm nhưng cũng có phòng nghe nhạc, phòng thí nghiệm, phòng gia chánh, phòng nghệ thuật, phòng giáo viên và phòng hiệu trưởng. Ngoài ra thì cũng có quán ăn tự phục vụ, hồ bơi, phòng thể dục và

thính phòng. Phạm vi tôi phải kiểm tra là như thế.

Có khoảng hai mươi điểm mà tôi phải dùng bút bi đánh dấu từng điểm một khi đi kiểm tra. Phòng giáo viên - đánh dấu, phòng thí nghiệm - đánh dấu. Đại khái vậy. Dĩ nhiên tôi cũng có thể ngủ vùi trong phòng bảo vệ mà vẫn đánh dấu là đã kiểm tra. Nhưng tôi không lười đến thế. Nói thế nghĩa là việc kiểm tra cũng chẳng tốn bao nhiêu thời gian, với lại biết đâu lại có kẻ đột nhập vào và tấn công tôi khi tôi đang ngủ.

Vì thế, vào lúc chín giờ đêm và ba giờ sáng, tôi mang theo mình một cái đèn pin lớn và một thanh kiếm đi tuần tra quanh trường. Tay trái cầm đèn pin, tay phải nắm chặt thanh kiếm. Khi còn học ở trường phổ thông, tôi đã tập kiếm đạo nên tôi cảm thấy khá tự tin về khả năng tự vệ. Nếu một kẻ chưa có kinh nghiệm dùng kiếm tấn công tôi, tôi chắc chẳng lấy gì làm hãi sợ lắm. Nhưng ấy là hồi đó, chứ phải như bây giờ chắc tôi đông cẳng chạy tuốt.

Đó là một đêm tháng mười lộng gió. Trời không lạnh lắm. Thực ra tôi cảm thấy đất trời ẩm ướt. Khi đêm xuống, lũ muỗi trở nên không thể chịu nổi, tôi phải thắp vài cây nhang muỗi. Gió hú suốt đêm. Tôi nghe như cánh cổng dẫn vào hồ bơi đã bị gió phá tan tành và cứ đập tới đập lui trong gió. Tôi nghĩ mình phải ra sửa lại, nhưng trời tối đen nên tôi bỏ cuộc. Tiếng cánh cửa va đập trong gió vang lên suốt đêm trường.

Không có gì xảy ra khi tôi đi tuần tra vào lúc chín giờ tối. Hai mươi điểm kiểm tra được đánh dấu “Ok”. Các cánh cửa được khóa chắc chắn và mọi vật vẫn yên vị. Không có gì bất thường. Tôi quay lại phòng bảo vệ, vặn đồng hồ báo thức lúc ba giờ sáng rồi tiếp tục ngủ vùi.

Khi chuông đồng hồ reo, tôi thức dậy với cảm giác lạ lùng chưa từng thấy. Tôi không diễn tả được nhưng đó là một cảm giác rất lạ. Nói thẳng ra là tôi chẳng muốn thức dậy chút nào. Tôi cảm thấy thân thể mình cưỡng kháng lại ý chí muốn thức dậy. Thật kỳ lạ, bởi thường thì tôi bật dậy ngay cơ mà. Nhưng cuối cùng tôi cũng thức dậy một cách khó khăn để đi làm nhiệm vụ. Cánh cửa hồ bơi vẫn va đập trong gió như hồi đêm. Nhưng không hiểu sao, tôi cảm thấy âm thanh này là lạ khác trước. Chắc là do tôi tưởng tượng ra thôi nhưng sao tôi vẫn nổi da gà. Tôi nghĩ thầm: ớn lạnh thật. Mình chẳng muốn đi kiểm tra một tí nào. Nhưng dĩ nhiên, tôi cũng kéo lê thân xác mình dậy và bước ra ngoài. Nếu tôi chỉ giả vờ đánh dấu một lần thôi, thì tôi sẽ mãi mãi làm như thế. Tôi cầm đèn pin, nắm chặt thanh kiếm rồi rời khỏi phòng bảo vệ.

Đó là một đêm thật kinh khủng. Gió gào càng lúc càng mạnh, không khí càng lúc càng ẩm ướt. Tôi sờn gai ốc và không thể tập trung vào bất cứ cái gì. Đầu tiên tôi kiểm tra phòng thể dục, thính phòng và hồ bơi. Cả ba nơi đều không có vấn đề gì. Cánh cửa hồ bơi va đập trong gió, đóng mở liên tục như một quả lắc cuồng điên lúc lắc đầu vô nghĩa. Tiếng va đập nghe ra không theo một quy tắc nào cả. Cứ không, không, có, có... mãi như vậy. Tôi biết thật là kỳ quặc khi diễn tả như thế, nhưng đó là cảm giác thực của tôi vào lúc ấy.

Không có gì bất thường ở khu nhà chính. Vẫn như thường lệ. Tôi nhanh chóng hoàn thành việc tuần tra và đánh vào phiếu kiểm tra là Ok. Xét cho cùng thì chắc ổn cả thôi. Cảm thấy nhẹ nhõm, tôi quyết định trở về phòng bảo vệ. Điểm kiểm tra cuối cùng là nhà bếp của trường nằm kế bên quán ăn tự phục vụ ở góc phía đông xa nhất. Không may là phòng bảo vệ lại ở góc phía Tây. Do vậy tôi phải đi

qua một dãy hành lang dài để trở về phòng mình. Tất nhiên trời tối như mực. Khi mặt trăng ló dạng, một quầng sáng yếu ớt hắt vào hành lang, nhưng nếu không, ta sẽ chẳng nhìn thấy gì. Tôi lần đường về nhờ ánh sáng chiếc đèn pin chiếu ngay phía trước mặt. Vì đêm đó có cơn bão sắp kéo tới nên hiển nhiên là trăng bị mây che khuất. Ánh đèn hắt lên một quầng sáng rồi tắt cả lại ngập chìm vào đêm đen. Đêm đó trên quãng đường về, tôi đi nhanh hơn thường lệ. Hai đế cao su đôi giày chơi bóng rổ của tôi va chạm với nền hành lang vang lên những âm thanh vội vã. Nền hành lang được trải thảm xanh. Thậm chí bây giờ trong tâm tưởng tôi vẫn nhìn thấy chúng rất rõ. Lối vào trường nằm khoảng giữa chiều dài hành lang. Khi băng qua cổng chốt tôi có cảm giác hình như có một cái gì. Hình như tôi phát hiện một dáng hình nào đó trong bóng tối. Ngay trong khoe mắt tôi. Nắm chặt thanh kiếm, tôi rẽ sang hướng đó. Tim đập thình thình, tôi hướng ánh đèn pin vào bóng đêm. Có một bóng đen trên bức tường kế bên kệ để giày.

Đó là chính tôi. Điều tôi muốn nói là có một tấm gương. Không có ai khác ngoài tôi phản chiếu bóng mình trên tường. Tấm gương chắc là mới được gắn vào đây bởi vì tôi chưa thấy nó trong lần kiểm tra đêm trước. Chính vì vậy nên tôi đã bỏ qua. Tôi cảm thấy hết sức nhẹ nhõm, đồng thời lại thấy mình vô cùng xuẩn ngốc. Mình xuẩn ngốc thật, tôi nghĩ thầm. Vẫn đứng trước gương, hạ chiếc đèn pin xuống, tôi lần tìm trong túi một liều thuốc và châm lửa. Tôi phả một hơi khói dài và nhìn vào hình bóng mình trong gương. Một chút ánh sáng đèn đường xuyên qua cửa sổ, chiếu vào tấm gương. Tôi nghe âm thanh va đập của cánh cửa hồ bơi vang vọng phía sau mình.

Sau khi rít ba hơi thuốc lá, tôi chợt nhận ra có điều gì khác lạ. Bóng



hình ở trong gương không phải là tôi. Diện mạo bên ngoài thì đúng là tôi. Không cần phải nghi hoặc về điều ấy. Nhưng nó tuyệt đối không phải là tôi. Bằng bản năng, tôi đã nhận biết điều đó. Không, đợi đã, không đúng đâu. Dĩ nhiên là tôi đấy. Nhưng nó là một cái tôi bên ngoài tôi. Hình dạng là tôi mà không phải là tôi.

Có lẽ tôi diễn đạt không được tốt lắm.

Nhưng vào khoảnh khắc ấy, điều duy nhất mà tôi hiểu được là kẻ đang nhìn sâu vào tôi kia căm hận tôi đến tận xương tủy. Lòng căm thù này dâng cao như một ngọn núi băng u ám, một nỗi căm thù không ai có thể chữa lành. Đó là điều duy nhất mà tôi hiểu được. Tôi đứng chết lặng một lúc lâu, không thể nhúc nhích được tay chân mình mảy. Điều thuốc kẹp giữa hai ngón tay tôi rơi xuống đất. Chúng tôi cùng nhìn nhau. Thân hình tôi chết lặng như thể bị trói buộc vào nơi này.

Cuối cùng, thằng tôi kia cũng cử động. Hắn đưa những ngón tay của bàn tay trái từ từ chạm vào má và xoa khắp mặt. Tôi nhận ra mình cũng làm y chang như vậy. Như thể tôi chính là hình ảnh trong gương. Điều tôi muốn nói là, dường như hắn điều khiển được tôi. Thế là, dồn hết sức mình, tôi hét lên một tiếng. Tôi hét vang “Grarhh”. Và như thế, sợi dây trói chùng xuống một tí. Tôi vận hết sức bình sinh ném thanh kiếm về phía tấm gương. Tôi nghe tiếng những mảnh gương vỡ. Không ngoái lại đằng sau, tôi chạy về phòng mình, khóa cửa và nhảy lên giường. Tiếng va đập của cánh cửa hồ bơi kéo dài đến tận sáng. Cứ có, có, có, không, có, có, không không... suốt như vậy.

Tôi đoán chắc chắn là quý vị đã biết kết thúc của câu chuyện rồi. Dĩ nhiên là chẳng có tấm gương nào ở đó cả. Không có tấm gương

nào. Chẳng có tấm gương nào được lắp ở lối vào trường kể bên kệ để giày cả.

Tất cả chỉ nói lên một điều là, chẳng phải tôi nhìn thấy ma đâu. Tôi đã nhìn thấy chính bản ngã mình. Và tôi chẳng bao giờ quên được nỗi sợ hãi tối hôm đó.

Có lẽ quý vị đã nhận ra trong nhà này không hề có gương soi. Thậm chí tôi còn không dám dùng gương để cạo râu, cho dù cách này rất mất thời gian. Là chuyện thật đấy, tôi không kể thêm đâu.

***Hoàng Long dịch theo bản tiếng Anh Mirror của Christopher Allison***

**Haruki Murakami**

**Một cách chết khác**

*Những mệnh lệnh cuối cùng của một sĩ quan Nhật tại Mãn Châu, trong những thời khắc cuối cùng của Thế chiến thứ hai.*

Chưa tới 6 giờ sáng, viên bác sĩ thú y người Nhật đã thức giấc. Hầu hết thú trong vườn thú Hsin-ching đã dậy từ lâu. Cửa sổ mở để lọt vào tiếng kêu của bầy thú cùng với làn gió mang theo mùi của chúng, cái mùi giúp cho anh biết thời tiết mà không phải nhìn ra ngoài. Ấy là một phần cái thủ tục hàng ngày của anh ở Mãn Châu: lắng nghe, sau

đó hít bầu không khí buổi sáng, thế là anh đã sẵn sàng cho một ngày mới.

Tuy nhiên, ngày hôm nay hẳn phải khác ngày hôm trước. Không thể không khác. Quá nhiều giọng, quá nhiều mùi đã không còn nữa! Chiều hôm trước, hổ, báo, sói, gấu, tất cả đã bị thanh lý - bị tiêu diệt - bởi một toán lính Nhật để tránh không cho lũ thú này thoát ra ngoài khi thành phố bị quân Nga tấn công. Giờ đây, sau khi ngủ được mấy tiếng, viên bác sĩ thú y cảm thấy như thể những sự kiện đó là một phần của một cơn ác mộng chậm lờ lờ mà anh đã mơ thấy từ lâu lắm. Nhưng anh biết, những sự kiện đó thực sự đã xảy ra. Tai anh vẫn còn đau âm ỉ vì tiếng gầm của những họng súng; đó không thể là giấc mơ được. Giờ đang là tháng Tám năm 1945; và anh đang ở đây, thành phố Hsin-ching, trong xứ Mãn Châu nằm trong tay Nhật Bản; quân đội Xô viết đã tràn qua biên giới và mỗi giờ một áp sát hơn. Đây là thực tại - cũng thực như cái chậu và bàn chải răng mà anh đang thấy trước mặt mình.

Tiếng rống của lũ voi khiến anh thấy nhẹ lòng đôi chút. À vâng, lũ voi thì sống sót. May thay, viên trung úy trẻ đảm trách nhiệm vụ ngày hôm qua vẫn còn đủ sự nhạy cảm thông thường của con người để loại lũ voi ra khỏi danh sách bị thanh trừng, viên bác sĩ thú y vừa rửa mặt vừa nghĩ. Từ khi tới Mãn Châu, anh đã gặp vô khối những tay sĩ quan trẻ kiêu ngạo và cuồng tín đến từ đất nước anh, và những cuộc gặp đó luôn luôn khiến anh sửng sốt. Hầu hết bọn họ là con nhà nông, tuổi niên thiếu của họ trôi qua trong thời suy thoái những năm 30, chìm ngập trong thảm kịch đói nghèo mà lại bị nhồi sọ bởi một chủ nghĩa dân tộc tự cao tự đại. Họ sẵn sàng tuân lệnh cấp trên mà không suy nghĩ, dù lệnh đó có kỳ quặc đến đâu. Nếu nhân danh

Thiên hoàng người ta ra lệnh cho họ đào một cái lỗ xuyên qua trái đất tới Brazil, họ sẽ cầm lấy xẻng và khởi sự đào ngay lập tức. Một số người gọi đây là "sự thuần khiết", nhưng viên bác sĩ thú y có những từ khác để gọi nó. Là con trai một bác sĩ ở thành thị, được giáo dục trong môi trường tương đối tự do của Nhật Bản trong thập niên 1920, viên bác sĩ thú y không bao giờ hiểu được những tay sĩ quan trẻ đó. Bắn chết dăm con voi lẽ ra còn dễ hơn nhiều so với đào hầm xuyên trái đất tới Brazil, nhưng gã trung úy ngày hôm qua, mặc dù nói năng hơi nhuốm giọng nhà quê, dường như là một kẻ mang nhiều tính người hơn so với những tay sĩ quan khác - có giáo dục hơn và biết suy xét hơn. Viên bác sĩ thú y cảm nhận được điều đó qua cách ăn nói và cư xử của người sĩ quan này.

Dù thế nào đi nữa, lũ voi đã không bị giết, và viên bác sĩ thú y tự nhủ, có lẽ anh cần phải biết ơn về điều đó. Cả những người lính ắt cũng vui vì khỏi phải làm việc đó. Các công nhân Trung Hoa thì hẳn là tiếc hùi hụi vì lũ voi đã được tha mạng, không thì họ đã có thể tha hồ xẻ thịt và lấy ngà voi.

Viên bác sĩ thú y đun nước, thấm ướt râu bằng một cái khăn nóng rồi cạo râu. Sau đó anh ăn điểm tâm một mình: trà, bánh mì và bơ. Suất ăn ở Mãn Châu còn xa mới đủ no, nhưng so với những nơi khác thì vẫn còn hậu hĩ lắm. Đây là tin tốt lành cho cả anh lẫn cho lũ thú. Bọn thú tỏ ra phần nộ khi phần ăn của chúng bị cắt giảm, nhưng tình hình ở đây còn tốt chán so với các sở thú ở quê nhà Nhật Bản, nơi mà nguồn thức ăn đã cạn kiệt đến mức không thể nào cạn kiệt hơn. Không ai tiên đoán được tương lai, nhưng ít nhất là hiện giờ, cả vật lẫn người đều chưa đến nỗi quá đói ăn.

Anh tự hỏi giờ này vợ và con gái đang làm gì. Họ đã trở về Nhật từ

mấy hôm trước, và nếu mọi thứ xuôi chèo mát mái như đã định thì giờ này chuyến tàu chở họ hẳn đã đến bờ biển Triều Tiên. Sau đó họ sẽ lên tàu biển về Nhật Bản. Viên bác sĩ thềm được nhìn thấy họ như anh vẫn thấy mỗi buổi sáng khi thức dậy. Anh thềm được nghe giọng nói liến thoắng của hai mẹ con khi họ chuẩn bị bữa điểm tâm. Một nỗi im lặng trống rỗng ngự trị căn nhà. Đây không còn là căn nhà mà anh từng yêu thương, nơi chốn mà anh từng là một phần của nó. Thế mà hiện giờ, anh lại không thể không cảm thấy một niềm vui kỳ lạ khi được ở lại một mình trong cái chốn cư ngụ chính thức trống trơ này; giờ đây anh có thể cảm nhận được trong chính xương thịt mình cái sức mạnh bất khả cưỡng của số mệnh.

Số phận ở đây là căn bệnh chết người của chính viên bác sĩ thú y. Từ khi còn trẻ, anh đã có một nhận thức minh bạch kỳ lạ rằng "ta, với tư cách cá nhân, đang sống dưới sự kiểm soát của một thế lực ở bên ngoài ta". Hầu như bất cứ lúc nào, uy lực của số mệnh cứ dai dẳng như một bè đệm êm ả và đơn điệu, chỉ tô thêm màu sắc cho những đường viền của cuộc đời anh. Hiếm khi anh được nhắc để nhớ tới sự tồn tại của nó. Nhưng cứ từng lúc, đột ngột, thế cân bằng thay đổi và cái lực đó tăng lên, nhấn anh vào một trạng thái cam chịu gần như là tê liệt. Bằng kinh nghiệm anh biết, anh không thể làm hay nghĩ ra bất cứ cái gì để làm thay đổi tình thế. Chẳng phải vì anh là kẻ thụ động; thật ra, anh là người quyết đoán hơn hầu hết kẻ khác, anh luôn luôn thông suốt trong quyết định của mình. Trong nghề nghiệp cũng vậy, anh là người xuất chúng: một bác sĩ thú y có kỹ năng tuyệt vời, một nhà giáo dục không mệt mỏi. Nhất định anh không phải là người theo thuyết định mệnh theo nghĩa người ta thường nghĩ. Thế nhưng, chưa bao giờ anh được nếm trải niềm xác tín vững chãi rằng chính

anh chứ không phải ai khác là người quyết định mọi việc. Anh luôn luôn có cảm giác rằng chính số mệnh đã buộc anh phải quyết định việc này việc kia miễn sao lợi cho nó. Thẳng hoặc, sau phút chốc hài lòng rằng mình đã quyết định điều gì đó bằng ý chí tự do, anh mới nhận ra rằng mọi việc đã được quyết định từ trước bởi một thế lực ngoại tại nguy trang một cách khôn ngoan thành ý chí tự do, ấy chỉ là miếng mồi ném ra trước mặt anh để nhử cho anh hành xử như thể đó là do ý của chính anh. Anh thấy mình như một nguyên thủ quốc gia trên danh nghĩa, chẳng biết làm gì khác ngoài việc ấn con triện hoàng gia lên các văn kiện theo lệnh một quan nhiếp chính, kẻ thật sự thao túng quyền lực trong vương quốc - khác nào vị Hoàng đế của cái đế quốc bù nhìn Mãn Châu này.

Giờ đây, trở lại ở căn nhà trong vườn thú, viên bác sĩ thú y chỉ còn một mình với định mệnh. Và trên tất cả, chính định mệnh, cái uy lực to lớn của định mệnh, chính nó mới là cái cầm chịch nơi đây, chứ không phải đội quân Quan Đông, không phải quân đội Xô viết, không phải quân của Đảng Cộng sản Trung Quốc hay của Quốc dân đảng. Ai cũng có thể thấy rằng chính định mệnh là chúa tể nơi đây, còn ý chí cá nhân chẳng là cái quái gì. Hôm trước, chính định mệnh đã tha mạng cho lũ voi nhưng chôn vùi lũ hổ, báo, sói và gấu. Còn hôm nay nó sẽ chôn vùi ai, và sẽ tha mạng ai? Đó là những câu hỏi không ai có thể trả lời.

Viên bác sĩ thú y rời nhà để chuẩn bị cho thú ăn bữa sáng. Cứ định ninh sẽ chẳng ma nào tới làm việc nữa, nhưng anh lại gặp hai thằng bé Trung Hoa đang đợi anh ở văn phòng. Anh không biết chúng. Hai đứa trạc mười ba, mười bốn tuổi, gầy gò, da đen xỉn, cặp mắt thú láo liên. "Người ta bảo tụi cháu giúp ông", một đứa nói. Viên bác sĩ gật

đầu. Anh hỏi tên chúng, nhưng chúng không trả lời. Gương mặt chúng vô cảm, như thể chúng không nghe thấy câu hỏi. Hiển nhiên là hai đứa trẻ này do mấy người Trung Hoa vẫn còn làm việc ở đây cho tới ngày hôm qua cử đến. Có lẽ giờ đây những người đó đã chấm dứt mọi tiếp xúc với người Nhật để chờ chế độ mới, nhưng họ cho rằng trẻ con thì chắc sẽ không bị người ta hạch tội. Bọn trẻ được cử tới như một cử chỉ thiện chí, bởi các công nhân biết viên bác sĩ sẽ không thể một mình xoay sở để cho lũ thú ăn.

Viên bác sĩ cho mỗi đứa trẻ hai cái bánh quy, rồi cắt đặt công việc để chúng giúp anh cho lũ thú ăn. Họ dắt một chiếc xe la kéo từ chuồng này qua chuồng nọ, cho từng con thú ăn thức ăn dành riêng cho chúng và thay nước. Lau rửa chuồng thì họ không làm. Giỏi lắm họ chỉ có thể lấy vòi phun qua loa cho sạch phân.

Họ bắt đầu làm từ tám giờ và kết thúc lúc mười giờ hơn. Sau đó bọn trẻ biến mất mà không nói một lời. Viên bác sĩ cảm thấy kiệt sức vì làm việc vất vả. Anh quay lại văn phòng để báo cáo với giám đốc vườn thú rằng bọn thú đã được cho ăn.

Ngay trước buổi trưa, viên trung úy quay lại vườn thú cùng với chính tám người lính mà y đã mang tới hôm qua. Cũng lại võ trang đầy mình, họ đi đến đâu thì súng ống va leng keng đến đấy, người chưa xuất hiện mà từ xa đã nghe thấy tiếng. Áo họ đen nhem vì mồ hôi. Ve sầu kêu râm ran trên cây, giống như hôm qua. Tuy nhiên, hôm nay toán lính tới đây không phải để giết thú. Viên trung úy giơ tay chào giám đốc vườn thú rồi nói: "Chúng tôi cần biết tình hình vườn thú hiện nay còn bao nhiêu xe kéo và vật kéo có thể sử dụng được".

Giám đốc cho y hay, vườn thú có đúng một con la và một cái xe. "Hai tuần trước chúng tôi đã đóng góp cho quân đội chiếc xe tải duy nhất

cùng hai con ngựa", ông ta lưu ý. Viên trung úy gật đầu và thông báo rằng y sẽ trưng dụng ngay con la cùng chiếc xe, theo lệnh của Bộ tư lệnh đội quân Quan Đông.

"Đợi một chút", viên bác sĩ thú y cắt ngang. "Chúng tôi cần cái xe với con la để cho thú ăn hai lần một ngày. Đám nhân công người địa phương của chúng tôi đi cả rồi. Không có con la với cái xe đó thì bọn thú sẽ chết đói. Dù có đi nữa thì chúng tôi cũng đã khó lòng trụ được rồi".

"Tất cả chúng ta đều khó lòng trụ được, thưa ông", viên trung úy nói, cặp mắt đỏ ngầu, mặt lồm chồm râu ria. "Ưu tiên hàng đầu của chúng ta là bảo vệ thành phố. Ông có thể thả bọn thú ra khỏi chuồng bất cứ lúc nào nếu cần. Chúng tôi đã thanh toán xong bọn thú ăn thịt nguy hiểm. Lũ còn lại thì chẳng gây hại cho ai. Đây là quân lệnh, thưa ông. Ông phải tự xoay xở lấy".

Viên trung úy cắt ngang cuộc trò chuyện và ra lệnh cho binh lính đi lấy con la và chiếc xe. Khi họ đã đi khỏi, viên bác sĩ thú y và giám đốc vườn thú nhìn nhau. Giám đốc nhấp trà, lắc đầu, không nói gì. Bốn tiếng đồng hồ sau, đám lính quay lại dẫn theo con la và chiếc xe goòng, trong xe có chất cái gì đó lù lù trôi lên, nhưng bị phủ kín bằng một tấm vải bạt dày. Con la thở hổn hển, sùi bọt mép vì cái nắng chang chang và phải kéo quá sức. Tám người lính dùng lưới lê điệu bốn người Trung Quốc đi đằng trước - ấy là những người rất trẻ, hẳn chỉ độ hai mươi tuổi, mặc đồng phục bóng chày, tay trái quặt sau lưng. Những vết bầm tím trên mặt cho thấy rõ họ đã bị đánh tơi bời. Mắt phải của một người sưng húp đến nỗi hầu như nhắm tịt lại, còn người khác môi còn rỉ máu loang đỏ ối cả chiếc áo bóng chày màu sáng. Ngực áo họ không ghi chữ nào, nhưng có những hình chữ



nhật nhỏ nơi mà bảng tên đã bị giật ra. Con số trên lưng họ là 1, 4, 7 và 9. Viên bác sĩ thú y không thể nào hình dung vì sao, tại đúng thời điểm nước sôi lửa bỏng này, bốn gã trai Trung quốc kia lại mặc đồng phục bóng chày, hoặc vì sao họ bị đánh tơi bời và bị toán lính Nhật lôi xác tới đây. Quang cảnh này có vẻ như không thuộc về thế giới này, mà là tranh vẽ của một bệnh nhân tâm thần.

Viên trung úy hỏi mượn giám đốc vườn thú vài cái cuốc xẻng. Tay sĩ quan trẻ trông còn xanh xao phờ phạc hơn trước nữa. Viên bác sĩ dẫn y cùng đám lính tới chỗ giá để dụng cụ ở phía sau văn phòng. Viên trung úy chọn hai cái cuốc và hai cái xẻng cho toán lính. Rồi y bảo viên bác sĩ đi cùng y. Sau đó, bỏ đám lính lại, y đi về phía một bụi cây phía bên kia đường. Viên bác sĩ thú y theo sau. Viên trung úy đi tới đâu, những con châu chấu to dùng túa ra tán loạn tới đó. Mùi cỏ mùa hè thoảng trong không khí. Lẫn trong tiếng ve sầu kêu đình tai, tiếng rống the thé của lũ voi từng chập vẳng tới như một lời cảnh báo xa xăm.

Viên trung úy cứ lảng lảng đi giữa những hàng cây, cho đến khi tìm thấy một khoảng đất trống giữa khu rừng. Khu vực này đã được lát đá để xây một quảng trường dành riêng để nuôi những con thú nhỏ cho trẻ con chơi. Tuy nhiên kế hoạch này đã bị hoãn vô thời hạn, do tình hình chiến sự ngày càng tồi tệ nên vật liệu xây dựng trở nên khan hiếm. Cây cối đã bị dọn quang tạo thành một khoảnh đất tròn trụi, mặt trời rọi sáng cái khoảnh đất này trong khu rừng như ánh đèn sân khấu. Viên trung úy đứng ngay giữa vòng tròn đó mà đưa mắt nhìn quanh. Rồi y sục sục gót giày xuống đất.

"Chúng tôi sẽ đóng quân ở đây một thời gian", y vừa nói vừa quỳ gối xuống lấy tay vốc một nắm đất.

Viên bác sĩ thú y gật đầu để trả lời. Anh không hiểu nổi vì sao người ta lại phải đóng quân trong vườn thú, nhưng anh quyết định không hỏi. Ở Hsin-ching này, kinh nghiệm đã dạy cho anh rằng chớ bao giờ đặt câu hỏi với đám quân nhân. Những câu hỏi chỉ tổ làm họ nổi giận, và trong bất cứ trường hợp nào họ cũng không bao giờ trả lời thẳng vào câu hỏi.

"Đầu tiên chúng tôi đào một cái lỗ to ở đây", viên trung úy nói như với chính mình. Y đứng dậy rút một gói thuốc lá từ trong ngực áo. Vừa cắm một điếu vào giữa môi mình, y vừa mời viên bác sĩ thú y một điếu, sau đó y đánh diêm châm lửa cho cả hai. Hai người tập trung hút để lấp đầy sự im lặng. Viên trung úy lại lấy giày sạch xuống mặt đất. Y vẽ một hình gì đó trên mặt đất rồi xóa đi. Cuối cùng, y hỏi viên bác sĩ thú y: "Anh sinh ở đâu?".

"Ở Kanagawa", viên bác sĩ nói. "Tại một thị trấn gọi là Ofuna, gần biển, cách Tokyo chừng một hai giờ xe."

Viên trung úy gật đầu.

"Còn anh sinh ở đâu?", viên bác sĩ thú y hỏi.

Thay vì trả lời, viên trung úy nheo mắt nhìn sợi khói bay lên từ giữa những ngón tay y. Không, đặt câu hỏi cho một quân nhân thì chẳng bao giờ được gì hết, viên bác sĩ thú y tự nhủ một lần nữa. Họ thích đặt câu hỏi, nhưng họ sẽ không bao giờ trả lời anh. Có hỏi họ bây giờ là mấy giờ họ cũng không trả lời, thật sự là vậy.

"Ở đó có một xưởng phim", viên trung úy nói.

Phải mất mấy giây viên bác sĩ thú y mới hiểu ra rằng tay trung úy đang nói về Ofuna. "Đúng vậy. Một xưởng phim lớn. Nhưng tôi chưa vào trong đó bao giờ."

Viên trung úy thả điếu thuốc hút dở xuống mặt đất rồi dí chân lên.

"Tôi hy vọng anh sẽ có thể quay về đó", y nói. "Dĩ nhiên, từ đây về Nhật Bản còn phải băng qua một đại dương. Có lẽ tất cả chúng ta sẽ chết ở đây". Y vừa nói vừa nhìn đắm đắm xuống đất.

"Nói tôi nghe, bác sĩ, anh có sợ chết không?"

"Tôi cho rằng còn tùy anh chết theo cách nào", viên bác sĩ thú y nói sau một thoáng suy nghĩ. Viên trung úy ngược mắt lên nhìn viên bác sĩ như thể bị khêu gợi trí tò mò. Rõ ràng là y chờ đợi một câu trả lời khác. "Anh nói đúng", y nói. "Điều đó còn tùy anh chết theo cách nào."

Hai người im lặng một lát. Nom bộ dạng viên trung úy, y có thể cứ đứng nguyên vậy mà ngủ gục tới nơi. Rõ ràng y đã sức cùng lực kiệt. Một con châu chấu to lạ lùng đập cánh vù vù bay qua trên đầu họ như một con chim rời biến mất trong một bụi cỏ đằng xa. Viên trung úy liếc đồng hồ. "Tới giờ rồi", y nói mà không rõ là với ai. Rồi y nói với viên bác sĩ thú y. "Tôi muốn anh ở lại đây một lát. Có thể tôi sẽ nhờ anh làm một việc." Viên bác sĩ thú y gật đầu.

Đám lính dẫn các tù nhân Trung Hoa ra khoảng trống trong rừng rồi tháo dây trói. Viên trung sĩ dùng cây gậy bóng chày vẽ một vòng tròn trên mặt đất - viên bác sĩ thú y thấy lại thêm một điều huyền bí: tại sao người lính lại có cây gậy bóng chày - rồi dùng tiếng Nhật ra lệnh những người tù đào một cái hố sâu có kích thước bằng vòng tròn đó. Bốn người đàn ông mặc đồng phục bóng chày dùng cuốc xẻng lẳng lặng đào. Phân nửa đội lính Nhật canh chừng đám tù nhân, trong khi nửa kia nằm dài ra dưới bóng cây. Dường như họ đang buồn ngủ chết được; vừa đặt lưng xuống đất, họ liền ngáy ngay lập tức. Bốn người lính còn lại vẫn thức canh chừng việc đào hố, súng gác ngang hông, mũi lê cắm đầu họng súng, sẵn sàng sử dụng ngay lập tức.

Viên trung úy và gã trung sĩ thay phiên nhau, người giám sát công việc, kẻ tranh thủ chộp mắt dưới bóng cây.

Chưa đầy một tiếng đồng hồ, bốn tù nhân Trung Hoa đã đào xong một cái hố đường kính khoảng bốn mét, sâu tới cổ. Một người hỏi xin nước bằng tiếng Nhật. Viên trung úy gật đầu, một tên lính liền xách lại một xô nước đầy. Bốn người Trung Hoa lần lượt tợp nước trong xô, nốc ừng ực, vẻ khoan khoái ra mặt. Họ gần như uống cạn cả xô nước. Đồng phục họ mặc đen nhem vì máu, bùn và mồ hôi.

Viên trung úy ra lệnh cho hai người lính kéo chiếc xe goòng tới gần cái hố. Viên trung sĩ giật tám vải bạt ra, để lộ bốn xác chết chất đống trong xe. Máy cái xác cũng mặc đồng phục bóng chày như các tù nhân, và hiển nhiên cũng là người Trung Hoa. Hẳn là họ đã bị bắn chết, đồng phục của họ đầy những vết máu đen. Những con ruồi to tưng bừng bắt đầu bâu lấy những cái xác. Xét qua những chỗ máu đông, viên bác sĩ đoán rằng họ đã chết được khoảng hai mươi bốn tiếng đồng hồ.

Viên trung úy ra lệnh cho bốn tù nhân Trung Hoa ném mấy tử thi xuống cái hố mà họ vừa đào xong. Mặt trắng bệch, chẳng nói chẳng rằng, các tù nhân lôi mấy cái xác ra khỏi chiếc xe goòng rồi ném từng cái một xuống hố. Mỗi cái xác rơi chạm đất đánh bịch một tiếng trầm đục. Con số in trên đồng phục của mấy người chết là 2, 5, 6 và 8.

Viên bác sĩ thú y ghi nhớ mấy con số. Khi bốn người Trung Hoa đã ném xác xuống hố xong, mấy tên lính trói mỗi người vào một gốc cây gần đó. Viên trung úy chìa cổ tay ra nhìn đồng hồ với vẻ nghiêm trang. Rồi y ngẩng lên nhìn hồi lâu một điểm trên bầu trời, như thể tìm một cái gì ở đó. Y trông giống như tay trưởng nhà ga đứng trên sân ga đợi một đoàn tàu đã quá trễ giờ. Nhưng thật ra y chẳng nhìn

cái gì sắt. Y chỉ muốn để cho một khoảng thời gian nào đó trôi qua. Sau khi xong, y quay về phía viên trung sĩ và cốc lốc ra lệnh đâm chết ba trong bốn tù nhân - mang số 1, 7 và 9 - bằng lưỡi lê.

Ba binh sĩ được chọn ra để đứng vào vị trí trước mặt ba người Trung Hoa. Mấy người lính thậm chí còn xanh xao hơn cả những kẻ mà họ sắp sửa giết. Mấy người Trung Hoa có vẻ mệt mỏi tới mức không còn trông mong bất cứ cái gì. Viên trung sĩ mời mỗi người một liều thuốc, nhưng họ từ chối. Y đút gói thuốc lại vào túi áo.

Tay trung úy kéo viên bác sĩ thú y ra đứng cách những người lính khác một quãng. "Anh nên xem vụ này", y nói. "Đây là một cách chết khác."

Viên bác sĩ gật đầu. Tay trung úy không nói câu này với mình, anh nghĩ. Y đang nói với chính y.

Bằng giọng dịu dàng, viên trung úy giải thích: "Bắn có lẽ là cách đơn giản và hiệu quả nhất để giết chúng, nhưng chúng tôi được lệnh không được phí phạm dù chỉ một viên đạn, nhất là không được phí đạn để giết người Trung Hoa. Chúng tôi phải để dành đạn cho bọn Nga. Bọn này, chúng tôi chỉ giết bằng lưỡi lê; nghe thì dễ, nhưng không phải đâu. Mà này, bác sĩ, trong quân đội người ta có dạy anh cách dùng lưỡi lê không?"

Viên bác sĩ giải thích rằng anh là bác sĩ thú y nên không được huấn luyện dùng lưỡi lê.

"Giết người bằng lưỡi lê cho đúng cách thì phải làm thế này: Trước tiên, phải thọc lưỡi lê vào dưới xương sườn, ở đây này." Viên trung úy chỉ vào thân thể chính mình, ngay phía trên dạ dày. "Kế đó phải ngoáy lưỡi lê thành một vòng tròn rộng, sâu bên trong cơ thể tử tội để xáo tung các cơ quan nội tạng. Sau đó thì thọc lên trên để đâm

thùng tim. Anh không thể chỉ cắm lưỡi lê vào mà mong hấn chết được. Lính tráng chúng tôi được người ta dạy lui dạy tới điều này không biết bao nhiêu lần. Đánh nhau tay đôi bằng lưỡi lê cùng với tập kích ban đêm là niềm tự hào của quân đội Thiên hoàng, mặc dù chủ yếu là vì đánh nhau kiểu này rẻ hơn nhiều so với xe tăng, máy bay và đại bác. Dĩ nhiên, huấn luyện gì mà chẳng được, nhưng nói gì thì nói, anh cũng chỉ đâm một con búp bê nhồi rơm chứ đâu phải một thằng người thật. Nó không chảy máu, không biết thét lên, cũng không đổ ruột xuống đất. Mấy thằng lính này đã bao giờ thật sự giết người bằng cách này đâu. Tôi cũng chưa hề."

Viên trung úy nhìn tay trung sĩ và gật đầu. Viên trung sĩ quát to ra lệnh cho ba tên lính vừa lập tức lấy tư thế nghiêm. Thế rồi ba tên lính lùi lại nửa bước và chĩa lưỡi lê ra, hướng mũi lê về phía vào mỗi người tù. Một trong ba người Trung Hoa (số 7) găm giữ mấy chữ bằng tiếng Trung Hoa nghe như một lời rửa và nhỏ nước bọt với vẻ ngang tàng - đồng nước bọt chẳng bao giờ chạm đất mà dây rớt vào vạt trước bộ đồng phục bóng chày của anh ta.

Nghe lệnh kế tiếp, ba tên lính vận hết sức bình sinh thọc lưỡi lê vào người mấy người Trung Hoa. Sau đó, như viên trung úy đã nói, họ ngoáy lưỡi lê để xé toạc lục phủ ngũ tạng các tù nhân, rồi thọc mũi lê về phía trên. Tiếng kêu của mấy người Trung Hoa không quá to; chúng giống như những tiếng nấc trầm trầm hơn là tiếng thét, như thể họ đang trút sạch ra ngoài toàn bộ hơi thở còn sót lại trong người qua một lỗ thoát duy nhất. Đám lính rút lưỡi lê ra, lùi lại. Viên trung sĩ lại quát to ra lệnh, và đám lính lặp lại quy trình giống hệt như trước - thọc, ngoáy, chọc lên trên, rút ra. Viên bác sĩ thú y chết lặng nhìn cảnh đó, bị choáng ngợp bởi cảm giác mình đang bắt đầu bị tách làm

hai. Anh đồng thời trở thành kẻ đâm và kẻ bị đâm. Anh có thể cảm thấy cả tác động của lưỡi lê khi nó thọc vào cơ thể nạn nhân lẫn cái đau khi tạng phủ của chính mình bị xẻ thành từng mảnh.

Mấy người Trung Hoa lâu chết hơn anh tưởng nhiều. Thân thể bị rạch toang của họ tuôn máu xối xả lên mặt đất, nhưng thậm chí dù nội tạng của họ đã bị xẻ ra từng mảnh, họ vẫn khẽ giật giật thêm hồi lâu. Viên trung sĩ dùng lưỡi lê của chính mình để cắt dây thừng trói những người đàn ông vào mấy gốc cây, sau đó y hạ lệnh cho mấy tên lính này giờ không tham gia vào việc hạ sát lời mấy cái xác vừa sụm xuống đất kia mà vớt xuống hố. Những cái xác này khi chạm đáy hố cũng phát ra một tiếng ùng ùng, nhưng viên bác sĩ không khỏi cảm thấy âm thanh này khác với âm thanh phát ra bởi mấy cái xác trước kia. Có lẽ vì những người này chưa chết hẳn.

Giờ chỉ còn sót lại người tù Trung Hoa trẻ tuổi mang số 4 trên áo. Ba người lính mặt tái nhợt xé những chiếc lá dưới chân mình mà chùi lấy chùi để mấy lưỡi lê dẫm máu. Lưỡi lê không chỉ nhuộm máu mà còn vấy những chất lỏng cơ thể có màu sắc kỳ lạ và dính những tảng thịt. Đám lính phải dùng rất nhiều lá mới trả được những lưỡi lê về màu kim loại trơn ban đầu.

Viên bác sĩ thú y tự hỏi tại sao chỉ một mình người số 4 vẫn còn sống, nhưng anh không hỏi gì. Viên trung úy lấy ra thêm một điều thuốc rồi châm lửa. Y mời viên bác sĩ một điều, anh này lặng lẽ nhận, đút vào giữa hai môi rồi tự châm lửa lấy. Tay anh không run, nhưng dường như nó mất hết cảm giác, như thể anh đang mang găng tay dày.

"Mấy tên này là học viên Trường Dự bị Sĩ quan Quân đội Mãn Châu Quốc", viên trung úy nói. "Chúng từ chối tham gia phòng thủ Hsin-

chúng. Đêm qua chúng giết hai vị thầy người Nhật rồi tìm cách bỏ trốn. Chúng tôi tóm được chúng trong khi tuần đêm, giết bốn đứa ngay tại chỗ và bắt sống bốn đứa. Trời tối thành thử có hai đứa thoát được". Viên trung úy dùng lòng bàn tay xát râu cằm. "Chúng toan trốn thoát bằng cách mặc đồng phục bóng chày. Tôi đoán là chúng cho rằng nếu bị bắt trong khi đang mặc quân phục thì sẽ bị khép tội đào ngũ. Hoặc có thể chúng sợ quân đội Cộng sản sẽ làm thịt chúng nếu gặp chúng mặc quân phục Mãn Châu quốc". Dù thế nào đi nữa, ngoài đồng phục học viên sĩ quan ra thì ở trại chúng chỉ có mỗi bộ đồng phục bóng chày. Thế là chúng xé mấy cái tên in trên đó ra rồi tìm cách mặc bộ đồng phục đó mà chạy trốn. Tôi không biết anh có biết việc này không, trường sĩ quan có một đội bóng chày rất cừ. Tụi nó thường sang Đài Loan và Triều Tiên thi đấu giao hữu. "Thằng đó", viên trung úy chỉ về phía gã trai đang bị trói vào thân cây, "là đội trưởng và là tay đánh chính 1. Chúng tôi cho rằng cũng chính hắn bày ra trò đào tẩu này. Hắn giết hai ông thầy Nhật bằng một cái gậy bóng chày. Các ông thầy biết trong trại đang có chuyện lôi thôi nên sẽ không phát vũ khí cho đám học viên ngoại trừ trường hợp tối khẩn. Nhưng họ quên mất mấy cây gậy bóng chày. Cả hai người đều bị đánh vỡ toác sọ. Có lẽ họ đã chết ngay tức khắc. Hai cú đánh không chệ vào đâu được. Cây gậy đó đây".

Viên trung úy ra lệnh cho trung sĩ đem cây gậy tới. Y chuyển cây gậy cho anh bác sĩ thú y. Anh này cầm lấy bằng hai tay, chia nó ra trước mặt, kiểu như một đấu thủ đang bước vào vị trí đánh bóng. Đó chỉ là một cây gậy bình thường, được chế không khéo lắm, đầu tù, vân không đều. Tuy nhiên nó khá nặng và được dùng nhiều. Tay cầm đen nhem vì mồ hôi. Trông nó không có vẻ gì là một chiếc gậy vừa



mới được dùng để giết hai mạng người. Sau khi cảm nhận sức nặng của cây gậy, viên bác sĩ đưa trả cho viên trung úy. Tay này cầm lấy, vụt vài cái nhẹ nhàng ra về một tay chơi nhà nghề.

"Anh có chơi bóng chày không?", trung úy hỏi viên bác sĩ.

"Hồi còn nhỏ thôi."

"Giờ thì lớn quá rồi hay sao?"

"Không còn bóng chày bóng chày gì nữa", bác sĩ nói. Suýt nữa anh đã hỏi "Thế còn anh, trung úy?", nhưng kịp nuốt mấy chữ ấy lại.

"Tôi được lệnh đánh chết thằng này bằng chính cây gậy mà nó đã dùng", viên trung úy vừa nói bằng giọng khô khan vừa lấy đầu gậy chọc chọc xuống đất. "Ăn miếng trả miếng. Nói riêng giữa tôi với anh thôi nhé, tôi thấy cái lệnh này thật là thôi. Đi giết mấy thằng nhóc này thì lợi lộc chó gì? Chúng ta chẳng còn cái máy bay nào, tàu chiến cũng không, những đơn vị thiện chiến nhất đã đi tong cả. Mới mấy hôm trước một thứ bom đặc biệt nào đó vừa quét sạch cả thành phố Hiroshima trong có một giây. Hoặc chúng ta sẽ bị quét sạch khỏi Mãn Châu hoặc chúng ta sẽ bị giết cả lũ, rồi Trung Hoa lại thuộc về người Trung Hoa thôi. Chúng ta đã giết quá nhiều người Trung Hoa rồi, giết thêm vài mạng phỏng có khác gì. Nhưng lệnh là lệnh. Tôi là người lính và phải tuân lệnh. Hôm qua chúng tôi đã giết lũ hổ và báo, hôm nay chúng tôi phải giết mấy gã trai này. Thành thử hãy nhìn cho kỹ, bác sĩ ạ. Đây là một cách chết khác dành cho con người. Anh là bác sĩ, chắc anh đã quen với dao kéo, máu me, gan ruột, nhưng chắc hẳn anh chưa từng thấy ai bị đánh đến chết bằng cây gậy bóng chày."

Viên trung úy ra lệnh cho tay trung sĩ dẫn gã số 4, tay đánh chính, đến cạnh mép hố. Một lần nữa người ta trói quặt tay anh ta sau lưng,

bịt mắt rồi buộc anh ta quỳ xuống đất. Anh ta là một gã trai cao lớn, vạm vỡ, hai cánh tay đồ sộ to cỡ bắp đùi người thường. Viên trung úy gọi một tay lính trẻ tới, đưa cho cậu ta cây gậy. "Giết nó bằng cái này", y nói. Tay lính trẻ đứng nghiêm chào trước khi nhận cây gậy, nhưng sau khi đã cầm nó trên tay, hắn vẫn đứng đực ra như hóa đá. Dường như hắn không thể hình dung nổi cái khái niệm đánh chết một người Trung Hoa bằng một cây gậy bóng chày.

"Cậu đã bao giờ chơi bóng chày chưa?", viên trung úy hỏi tay lính.

"Thưa ngài, chưa bao giờ", tay lính đáp rõ to. Cả ngôi làng ở Hokkaido nơi hắn chào đời lẫn ngôi làng ở Mãn Châu nơi hắn lớn lên, nghèo rớt mồng tơi đến nỗi cả bên này lẫn bên kia, chẳng gia đình nào đủ tiền để đựng tới những thứ xa xỉ như bóng chày hay gậy bóng chày. Suốt thời niên thiếu y chạy tung tăng ngoài những cánh đồng, bắt chuồn chuồn và chơi trò đánh kiếm gậy với chúng bạn. Cả đời hắn chưa hề chơi bóng chày, thậm chí chưa hề xem một trận bóng chày. Đây là lần đầu tiên y cầm một cây gậy bóng chày.

Viên trung úy liền chỉ cho hắn cách cầm gậy, dạy cho hắn những điểm cơ bản về cách dùng gậy đánh, rồi tự mình thị phạm mấy lần.

"Hiểu chưa? Quan trọng là hai bên hông", y lườm bâu qua hai hàm răng nghiền chặt. "Lùi lại lấy thế, rồi xoay người từ thắt lưng trở xuống. Đầu gậy sẽ tự động di chuyển theo. Hiểu chưa? Nếu tập trung quá nhiều vào việc vung gậy thì toàn bộ lực của cậu sẽ dồn vào hai tay, cú đánh sẽ mất uy lực. Phải vịn người từ dưới hông."

Tên lính xem ra không hiểu lắm những gì trung úy nói, nhưng hắn vẫn nhắc cái dụng cụ nặng trĩu của hắn lên theo lệnh và vụt qua vụt lại một hồi để tập. Ai nấy đều quan sát hắn. Viên trung úy đặt tay lên tay hắn để giúp hắn điều chỉnh tư thế cầm gậy. Y là một giáo viên cừ.

Chẳng mấy chốc, cú đánh của tên lính, tuy còn đôi chút vụng về, đã vung lên mạnh mẽ trong không trung. Kỹ thuật thì tên lính còn thiếu, bù lại y có sức lực cơ bắp nhờ đã quen công việc đồng áng.

"Được rồi", viên trung úy vừa nói vừa lấy mu bàn tay lau mồ hôi rịn ra trên lông mày. "Giờ làm đi, giờ cố vút một cái duy nhất cho ra trò. Đừng để nó đau đớn."

Thật ra điều y muốn nói là: "Tao cũng chẳng muốn làm việc này hơn gì mày. Ai đòi lại nghĩ ra một trò ngu xuẩn như vậy cơ chứ? Giết người bằng gậy bóng chày...". Nhưng một sĩ quan không bao giờ có thể nói như vậy với một người lính.

Tên lính bước lại phía sau người Trung Hoa bị bịt mắt đang quỳ trên mặt đất. Khi tên lính nâng gậy lên, những tia nắng chói của mặt trời đang lặn hắt cái bóng dài, bè bè của cây gậy lên mặt đất. Thật là gở, viên bác sĩ thú y nghĩ. Viên trung úy nói đúng: ta chưa bao giờ thấy một người bị giết bằng gậy bóng chày. Tên lính giữ cây gậy ở trên không một hồi lâu. Viên bác sĩ thấy đầu gậy run run.

Viên trung úy gạt đầu với tay lính. Gã này hít một hơi dài, lùi lại lấy thế rồi lấy hết sức bình sinh quật cây gậy vào phía sau đầu tay học viên sĩ quan Trung Hoa. Hấn làm việc đó cừ một cách lạ lùng. Hấn xoay hông đúng hệt như viên trung úy đã dạy, nhãn hiệu của cây gậy giáng thẳng vào phía sau tai gã trai, cây gậy theo sau chính xác không chệch vào đâu được. Có một âm thanh nứt gãy ùng ùng, ấy là hộp sọ bị vỡ. Bản thân gã trai không kêu một tiếng. Thân hình y treo trên không một hồi trong một tư thế kỳ lạ rồi đổ vật về phía trước. Y nằm úp má xuống đất, máu tuôn ra từ một bên tai. Y không cựa cựa. Viên trung úy nhìn đồng hồ. Tên lính trẻ vẫn nắm chặt cây gậy bóng chày, nhìn trân trối vào khoảng không, miệng há hốc.

Viên trung úy là người làm bất cứ việc gì cũng chi li cẩn trọng. Y đợi hẵn một phút. Khi đã tin chắc là gã trai Trung Hoa kia hoàn toàn không động đậy, y bèn bảo viên bác sĩ thú y: "Anh làm ơn kiểm tra xem hần đã chết hần chưa?"

Viên bác sĩ gạt đầu, đi lại phía gã trai Trung Hoa đang nằm, quỳ xuống gỡ dải băng bịt mắt y. Mắt người đàn ông mở to, con người trợn ngược, máu đỏ tươi từ trong tai túa ra. Miệng y hé mở để lộ cái lưỡi cong vẹo bên trong. Cú đánh làm cho cổ của y vẹo nghiêng thành một góc kỳ lạ. Lỗ mũi y thốc ra từng bùm máu đặc, làm thành những vết ố đen sịt trên mặt đất khô. Một con ruồi đặc biệt nhảy - và đặc biệt lớn - đã bay vù vù về phía một trong hai lỗ mũi để đẻ trứng. Viên bác sĩ cầm lấy cổ tay y để bắt mạch, chỉ để cho chắc. Mạch không còn, dĩ nhiên là không còn mạch ở chỗ lẽ ra phải có. Tên lính trẻ đã kết liễu cuộc đời gã đàn ông sức tày Hạng Võ này bằng một cú gậy bóng chày duy nhất, cú đánh đầu tiên bằng gậy bóng chày trong đời hần. Viên bác sĩ thú y nhìn viên trung úy gạt đầu, ra hiệu rằng gã đàn ông quả thật đã chết, chẳng nghi ngờ gì nữa. Làm xong nhiệm vụ, anh bắt đầu chậm chậm đứng lên khi cảm thấy mặt trời chiếu sau lưng anh đột nhiên trở nên chói gắt hơn.

Đúng lúc đó, gã cầu thủ bóng chày người Trung Hoa trẻ tuổi mang số 4 ngồi dậy như thể vừa mới tỉnh giấc. Không một chút hồ nghi hoặc phân vân - hay có lẽ những người có mặt chỉ cảm thấy như vậy? - y túm lấy cổ tay viên bác sĩ. Mọi chuyện xảy ra trong có một giây. Viên bác sĩ không hiểu nổi; gã này đã chết, anh tin chắc điều đó. Thế mà lúc này, nhờ một giọt sức sống cuối cùng dường như vọt lên chẳng biết từ đâu, gã đàn ông đang siết cổ tay viên bác sĩ bằng sức mạnh của một cái kim thép. Mí mắt căng hết cỡ, con người vẫn lộn ngược

lên trên, gã trai trẻ ngã chúi xuống hố kéo theo viên bác sĩ. Viên bác sĩ ngã xuống bên trên y và nghe rõ tiếng xương sườn của y gãy răng rắc khi khối nặng thân thể y chạm đất. Thế mà gã cầu thủ bóng chày người Trung Hoa vẫn tiếp tục siết cổ tay anh. Những người lính thấy toàn bộ cảnh đó, nhưng họ sửng sốt đến nỗi không làm được gì khác ngoài đứng nhìn. Viên trung úy trấn tĩnh trước tiên và nhảy xuống hố. Y rút súng lục ra khỏi vỏ, chĩa họng súng vào đầu gã Trung Hoa, bóp cò ba lần. Hai tiếng rắc sắc lạnh, lẫn vào nhau vang lên, và một cái lỗ lớn màu đen mở hoác ra nơi thái dương gã đàn ông. Giờ thì sự sống của y đã tắt hẳn, thế nhưng y vẫn chưa chịu buông cổ tay viên bác sĩ. Viên trung úy quỳ xuống, một tay cầm súng, tay kia bắt đầu khó nhọc gỡ dần từng ngón tay của cái xác chết. Viên bác sĩ nằm trong hố, xung quanh là tám xác chết Trung Hoa câm lặng mặc đồng phục bóng chày. Dưới đáy hố, tiếng kêu ran ran của ve sầu nghe rất khác với ở trên mặt đất.

Sau khi viên bác sĩ thú y đã thoát khỏi bàn tay siết của người chết, bọn lính kéo anh và viên trung úy lên khỏi cái huyết. Viên bác sĩ ngồi bệt xuống cỏ, thở mấy hơi thật sâu. Rồi anh nhìn cổ tay mình. Những ngón tay của gã trai để lại năm cái dấu đỏ lựng. Đang giữa buổi chiều tháng Tám nồng nực mà viên bác sĩ cảm thấy lạnh thấu ruột thấu gan. Ta sẽ không bao giờ rũ được cái lạnh này nữa, anh nghĩ. Gã đàn ông đó quả thật đã ra sức lôi ta theo tới bất cứ chốn nào y tới.

Viên trung úy cài lại khóa an toàn rồi cẩn thận đút súng lục vào bao. Đây là lần đầu tiên y nã súng lục vào một con người. Nhưng y cố không nghĩ về điều đó. Chiến tranh sẽ còn tiếp diễn ít nhất là một thời gian nữa, người ta sẽ tiếp tục chết nữa. Chuyện nghiền ngẫm

sâu xa này nọ, y có thể để dành về sau. Y chùi lòng bàn tay mượt mồ hôi vào quần, rồi ra lệnh cho những tên lính ban nãy không tham gia hành hình lấp hố lại. Một bầy ruồi kéch xù đã đến để săn sóc đóng xác chết.

Tay lính trẻ vẫn đứng trơ ra đó, như hóa đá, tay nắm chặt cây gậy bóng chày. Dường như hắn không thể nào buông tay ra. Viên trung úy và trung sĩ để hắn đứng một mình. Có vẻ như hắn đã quan sát toàn bộ chuỗi sự kiện quái đản kia - gã Trung Hoa "đã chết" bất ngờ chộp cổ tay viên bác sĩ thú y, cả hai ngã xuống cái huyết, viên trung úy nhảy vào kết liễu đời gã Trung Hoa, còn bây giờ đám lính đang lấp hố lại. Nhưng kỳ thực hắn chẳng quan sát bất cứ cái gì. Hắn lắng nghe một con chim trên cây ở đâu đó đang kêu "chích! chích!" như thể đang vắn một sợi dây thiều. Tên lính ngược lên, cố định vị xem tiếng kêu phát ra từ hướng nào, nhưng không thấy tăm hơi nào của con chim vắn dây thiều. Hắn thấy hơi buồn nôn trong cổ họng.

Trong khi nghe tiếng vắn dây thiều, tên lính trẻ nhìn thấy những hình ảnh theo nhau rời rạc hiện lên rồi mờ đi trước mắt hắn. Sau khi quân Nhật bị quân đội Xô viết tước vũ khí, tay trung úy sẽ bị bàn giao cho người Trung Hoa, y sẽ bị treo cổ vì trách nhiệm của y trong những cuộc hành hình này. Viên trung sĩ sẽ chết vì bệnh dịch hạch tại một trại tập trung ở Siberia: hắn sẽ bị ném vào một lều cách ly rồi bỏ mặc đó đến chết, mặc dù trên thực tế hắn chỉ gục ngã vì thiếu ăn và không hề mắc bệnh dịch hạch, ít nhất là không mắc bệnh trước khi bị ném vào lều cách ly. Viên bác sĩ thú y sẽ chết vì tai nạn một năm sau: là thường dân, anh ta sẽ bị người Liên Xô mang đi để phục vụ quân đội và sẽ làm việc nặng nhọc ở một trại tập trung Siberia khác; anh ta đang làm việc ở một tầng sâu trong một mỏ than ở Siberia thì

một trận lũ sẽ cuốn phăng anh ta cùng với nhiều người lính. Còn mình, tên lính trẻ nghĩ, tay nắm chặt chiếc gậy bóng chày - nhưng hắn không thể nhìn thấy tương lai của chính mình. Thậm chí hắn không thể nhìn thấy những sự kiện đang xảy ra ngay trước mắt. Hắn nhắm mắt lại lắng nghe tiếng kêu của con chim vận dây thiều.

Thế rồi, bất chợt, hắn nghĩ tới đại dương - cái đại dương mà hắn nhìn thấy từ trên boong con tàu đã đưa hắn từ Nhật sang Mãn Châu tám năm về trước. Cho tới khi đó hắn chưa hề nhìn thấy đại dương, từ đó đến giờ cũng không một lần thấy lại. Hắn vẫn còn nhớ rõ mùi không khí mặn mặn. Đại dương là một trong những điều kỳ diệu nhất hắn từng thấy trong đời - lớn lao và sâu thẳm hơn bất cứ cái gì hắn từng hình dung. Nó thay đổi màu sắc, hình dạng và sắc thái tùy theo thời điểm, nơi chốn và thời tiết. Nó làm dậy lên một nỗi buồn sâu sắc trong lòng hắn, đồng thời lại mang đến cho lòng hắn sự bình an khuây khỏa. Liệu có bao giờ hắn thấy lại biển nữa không? Hắn nói lỏng tay buông chiếc gậy bóng chày xuống đất. Cây gậy chạm đất vang lên một tiếng khô khốc. Sau khi cây gậy rời khỏi tay, hắn thấy buồn nôn hơn một chút.

Con chim vận dây thiều vẫn tiếp tục kêu, nhưng không ai khác nghe thấy tiếng kêu của nó.

-----

Chú thích:

1 Nguyên văn: cleanup batter. Trong môn bóng chày, đây là cầu thủ đánh bóng thứ tư, thường dành cho những người rất khỏe mạnh, vì đòi hỏi phải vừa đánh bóng mạnh vừa chạy nhanh.

**Haruki Murakami**

**Một ngày tốt lành để đi xem kanguru**

Dịch giả Hoàng Long

*Lời của người dịch: Cứ như một câu chuyện của trẻ con. Tôi và nàng đến xem con kanguru mới đẻ rồi đi về. Nhưng bảo đó là cái “anh nhi” của Lão Tử mà Cao Xuân Huy tán tụng cũng được, mà nói câu chuyện này là “lắm nhảm” cũng không sai. Nếu như Tô Đông Pha đã dùng “Lô sơn yên tỏa Chiết Giang triều”, Bùi Giáng trong Mưa nguồn dùng hình ảnh “bóng nai vàng” để tượng trưng cho chân lý, thì ta cũng có thể nói Murakami đã hình tượng chân lý như con kanguru. Giữa việc “tìm kiếm” và “nhận thấy”, “mặc khải” chân lý thì cũng như đã nhìn thấy Lô sơn, bóng con nai vàng, chú kanguru vậy thôi. “Lô sơn yên tỏa Chiết Giang triều, vị đáo bình sinh hận bất tiêu, đáo đắc bản lai vô biệt sự, Lô sơn yên tỏa Chiết Giang triều”.*

*Cái thể và cái dụng của Lô sơn là ở chỗ đó. Cũng như nước đun sôi để nguội và nước lạnh đều giống nhau nhưng chỉ khác ở chỗ một bên đã triệt sạch vi trùng. Cái “sở đắc” khi ta mặc khải được chân lý khó có thể diễn tả bằng lời. Thế nên Albert Camus mới viết, “một người là người bởi những điều mình yên lặng hơn là bởi những điều mình nói”. Hay diệu dụng hơn như Nagarjuna đã ví việc tranh luận về bản thân*



chân lý qua hình ảnh đám đông tranh cãi có thiên thần ở trong phòng kín hay không vậy. Bảo có hay không đều không có cơ sở. Bậc hiền giả “nhìn” thấy có thiên thần trong phòng kín bằng “thiên nhãn” thì không thể bảo cho đám đông biết được. Cho nên Tuệ Sĩ rất có lý khi bảo thành công lớn nhất của ngôn ngữ cũng chính là thất bại của nó trong việc diễn tả cái tuyệt đối. Chân lý không thể bị đóng khung trong ngôn ngữ. Con người cũng cũng không thể bị đóng khung trong những lời rao giảng kệ kinh mà quên đi bản chất người. Đó là tư tưởng chính yếu của Heidegger qua ngữ ngôn Trần Đức Thảo “bản thể trong thế giới, như Heidegger khẳng định, không phải là một tình huống khách quan được hiện thực các sự vật áp đặt, mà đúng ra là một cấu trúc bản thể học riêng thuộc về sinh vật người: con người không tồn tại bởi lẽ con người trong thế giới và bởi lẽ có vị trí của nó trong thế giới, mà vị trí con người trong thế giới chỉ đích thực có thể có được do con người tồn tại với tư cách là con người và do bản chất con người của nó”. Đó là lo âu, xao xuyến, hãi sợ và cô đơn.

Thế nên chân lý có thể hiển bày trong bóng dáng con nai vàng, chuồn chuồn, châu chấu như Bùi Giáng: “không tự mình bước tới bờ hương chín thì mặt không về tự trong trái” hay con kanguru như Murakami đều “siêu tuyệt”. Ai bảo rằng câu chuyện này nhằm nhí. Đúng quá chứ còn gì nữa. Ai bảo rằng nó vui tươi, nó buồn bã cô đơn như đời sống thì cũng đâu có sai. Điều sai biệt có lẽ nằm ở chính thế nhìn của mỗi chúng ta.

Kanguru bị nhốt trong chuồng còn chúng ta bị giam giữ trong đời sống tẻ nhạt thường ngày. Chúng ta nhìn ngắm kanguru hay chính

*chúng ta là kanguru. Điều này không thể biết.*

Phía sau hàng rào có bốn con kanguru: một đực, hai cái, và một chú kanguru con mới sinh.

Trước hàng rào, chỉ có tôi và nàng. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, đây cũng không phải là sở thú nổi tiếng nhất, lại còn tẻ hơn nữa khi hôm nay là thứ hai. Cũng vì giá vé đắt nên lượng thú ở đây còn nhiều hơn cả khách tham quan.

Mục tiêu của hai đứa tôi tất nhiên là con kanguru sơ sinh. Tôi và nàng không nghĩ tới việc xem thứ gì khác nữa. Chúng tôi đọc được trên báo trong mục tin tức địa phương rằng có một con kanguru con mới sinh tháng trước. Vì vậy, cả tháng nay chúng tôi luôn mong đợi để đến một ngày có thể được tận mắt nhìn thấy con kanguru mới. Nhưng buổi sáng đầu tiên trời lại mưa. Buổi sáng hôm sau, trời vẫn tiếp tục mưa. Những ngày sau đó, mặt đất cực kỳ lầy lội và những cơn gió khó chịu thổi qua trong đôi ba ngày tiếp nữa. Rồi bạn gái của tôi bị đau mũi, còn tôi thì ngập chìm trong những công việc ở văn phòng.

Một tháng đã trôi qua trong tình cảnh đó.

Không hiểu sao tôi đã bỏ mất cả một tháng. Khi tôi cố gắng nghĩ xem đã có điều gì đã xảy ra, tôi không thể nhớ được gì cả. Có cảm giác mình đã làm được rất nhiều việc nhưng tôi cũng cảm thấy như mình chưa làm được gì. Chỉ khi người lấy báo đến vào cuối tháng, tôi mới nhận ra là một tháng đã trôi qua.

Nhưng cuối cùng thì buổi sáng đẹp trời để xem kanguru cũng tới.

Chúng tôi thức dậy lúc sáu giờ, mở rèm cửa và ngay lập tức nhận ra rằng ngày hôm nay là một ngày tuyệt vời để đi xem kanguru. Chúng

tôi rửa mặt, ăn sáng, cho mèo ăn, giặt quần áo, đội mũ và bước ra khỏi nhà.

“Anh này, không biết con kanguru con còn sống không nhỉ?” - nàng hỏi tôi khi chúng tôi đang đi tàu điện.

“Anh nghĩ là còn chứ. Nếu nó chết thì báo đã đưa tin rồi”.

“Em cá rằng nó đang bị ốm và người ta đã mang nó đến một bệnh viện nào đó”.

“Nếu vậy thì báo cũng phải đưa tin thôi”.

“Có thể nó bị đau thần kinh đấy”.

“Con kanguru con ấy hả?”

“Tất nhiên là không. em nói con kanguru mẹ ấy. Chắc người ta nhốt cả hai mẹ con nó trong một căn phòng tối tăm”.

Tôi luôn bị ấn tượng bởi những ý nghĩ xuất hiện bất chợt của nàng.

“Em luôn có cảm giác rằng nếu chúng ta bỏ qua dịp này thì không còn cơ hội nào để xem con kanguru con nữa”.

“Em thật sự nghĩ vậy à?”

“Vâng, còn anh thì sao? anh đã từng nhìn thấy con kanguru sơ sinh lần nào chưa?”

“Vẫn chưa”.

“Đến bây giờ anh có tin là anh sẽ được xem chứ?”

“Anh cũng không biết nữa, anh chưa bao giờ nghĩ tới chuyện đó”.

“Vì vậy mà em mới lo”.

“Nhưng em à”, tôi phản đối, “Vậy nếu mọi điều em nói là đúng thì chắc anh đã chẳng xem được một con hươu cao cổ mới đẻ hay một con cá voi đang bơi giữa biển bao giờ. Vậy thì tại sao chỉ có con kanguru con là có vấn đề?”

“Bởi vì nó là một con kanguru con,” nàng nói.

Tôi chịu thua, và liếc qua tờ báo. Tôi chưa bao giờ chiến thắng được con gái trong các cuộc tranh luận tay đôi.

Con kanguru con tất nhiên vẫn còn sống. Nó lớn hơn nhiều so với bức hình trên báo và đang nhảy xung quanh chuồng một cách hăng hái. Nó không còn là một con kanguru sơ sinh nữa mà đã trở thành một con kanguru nhỏ. Dường như nàng hơi thất vọng về điều này.

“Có vẻ như nó không còn là một con kanguru sơ sinh nữa rồi”.

“Nó vẫn là một con sơ sinh đấy chứ,” tôi cam đoan với nàng.

“Lẽ ra chúng ta nên đến đây sớm hơn”.

Tôi đến một cửa hàng bán đồ ăn nhanh mua kem sôcôla. Khi tôi quay lại, nàng vẫn còn đứng bên hàng rào mà ngắm chú kanguru con.

“Nó không còn là con kanguru sơ sinh nữa rồi,” nàng lặp lại.

“Thật sao?” - tôi vừa nói vừa đưa cho nàng cây kem.

“Nếu mới sinh, nó phải ở trong túi của mẹ nó chứ”.

Tôi gật đầu đồng ý và liếm cây kem.

“Nhưng nó thì không”.

Chúng tôi đã phải mất một ít thời gian để phân biệt xem con nào là con mẹ. Con kanguru bố thì chúng tôi xác định được ngay. Nó là con lớn nhất và trầm lặng nhất trong số các con kanguru ở đây. Khi nó nhìn vào đồng lá trong máng ăn, vẻ mặt nó giống như một nhạc sĩ thất bại chua cay vậy. Hai con còn lại là hai con cái, chúng có hình dáng rất giống nhau, da cùng màu, vẻ mặt cũng giống nhau. Để xác định con nào là con mẹ thật không phải dễ.

“Có một con không phải là kanguru mẹ”, tôi nói

“Đúng vậy”.

“Vậy thì con nào là con kanguru mẹ đây?”

“Em cũng không biết nữa”.

Dù sao đi nữa, đứa con của con kanguru không mền khách đó cũng đang chạy khắp nơi, dùng chân trước để đào những cái lỗ vô nghĩa trên mặt đất ở đây và cả ở kia nữa. Dường như đời nó không hề biết đến nỗi buồn là gì. Nó chạy vòng vòng xung quanh bố nó, gặm những miếng thức ăn nhỏ, đào những cái lỗ trên mặt đất, trạch móc hai con kanguru cái, rồi nằm dài trên đất, sau đó lại tỉnh dậy và chạy vòng vòng.

“Tại sao những con kanguru lại nhảy nhanh quá vậy hả anh?” - nàng hỏi.

“Để trốn chạy kẻ thù em ạ”.

“Kẻ thù? kẻ thù nào vậy anh?”

“Con người,” tôi trả lời. “Con người giết kanguru bằng bumerang và ăn thịt chúng”.

“Tại sao kanguru con lại nằm trong túi của con mẹ?”

“Để chúng có thể chạy cùng nhau. Những con kanguru nhỏ không thể nào chạy nhanh được”.

“Để bảo vệ à?”

“Đúng vậy,” tôi nói. “Mọi loài đều bảo vệ con nhỏ của mình”.

“Vậy chúng bảo vệ trong bao lâu?”

Tôi đã thu thập những thông tin liên quan đến kanguru từ một cuốn sách động vật. Và tôi có thể biết được tất cả tường tận.

“Khoảng một đến hai tháng”.

“À, vậy con này chỉ khoảng một tháng tuổi,” nàng vừa nói vừa chỉ tay vào con kanguru con. “Nó chắc vẫn phải ở trong túi của mẹ nó”.

“Ừ,” tôi nói. “Chắc chắn là vậy”.

“Chà, ở trong cái túi đó chắc tuyệt lắm nhỉ”.

“Ừ, anh đoán vậy”.

“Em đánh cuộc rằng nó cũng giống như là ở trong tử cung vậy”.

“Anh thấy hơi lạ”.

“Thật đấy”.

Trời nóng nực quá. Tôi nghe thấy những tiếng reo hò của bọn trẻ đang chơi đùa ở hồ bơi gần đó. Những đám mây hình gợn sóng lơ lững trôi trên nền trời mùa hạ.

“Em có muốn ăn gì không?”, tôi hỏi nàng

“Một cái xúc xích nóng, ”nàng nói, ”và một chai côca nữa”.

Người bán xúc xích là một cô gái trẻ tuổi đôi mươi, nàng mang theo một cái loa ở trong cái xe đẩy thức ăn. Trong lúc chờ cô gái nấu xúc xích, tôi nghe một bản nhạc do Stevie Wonder và Billy Joel song ca. Khi tôi trở lại chuồng kanguru, nàng nói “nhìn kia”, chỉ tay về phía con kanguru cái.

“Nhìn kia, nó đang ở trong túi của mẹ nó”.

Thật vậy, con kanguru con đang rúc đầu vào túi của mẹ nó. Cái túi trước bụng mẹ nó căng ra, chỉ có một mẩu tai và đuôi của con kanguru con lòi ra ngoài thôi.

“Em nghĩ là nó phải nặng lắm”.

“Kanguru rất khỏe”.

“Thật sao?”

“Vì thế chúng mới sống lâu đến vậy”.

Con kanguru mẹ đang đứng dưới ánh nắng gay gắt của mặt trời mà không hề đổ một giọt mồ hôi nào. Nó gợi cho tôi nhớ đến hình ảnh một bà mẹ đang mua hàng tạp phẩm ở một siêu thị khu Aoyama-dori, sau đó thì dừng chân nơi tiệm cà phê để nghỉ ngơi chốc lát.

“Bởi vì chúng chăm sóc những con non của chúng phải không?”

“Ừ”.

“Em nghĩ nó đang ngủ”.

“Có thể”.

Chúng tôi ăn xúc xích, uống coca và thò đầu vào trước chuồng kanguru. Khi tới giờ đóng cửa, con kanguru bố đang tìm quanh máng ăn để tìm chút thức ăn còn lại. Hai mẹ con kanguru thì đang nằm nghỉ cùng nhau. Điều kỳ lạ là con kanguru cái còn lại đang nhảy vòng vòng ở giữa chuồng như đang kiểm tra tình trạng cái đuôi của mình. Đó là ngày nóng nhất mà chúng tôi gặp trong một khoảng thời gian dài.

“Này, anh muốn uống bia không?”, nàng hỏi.

“Tuyệt đấy”, tôi trả lời.

Hoàng Long dịch theo bản Anh ngữ của Chris A Fine Day for Kangarooing

**Haruki Murakami**

**Người đàn ông băng**

**Lời giới thiệu của người dịch:** *Cùng với Banana Yoshimoto, Haruki Murakami là tác gia triển vọng nhất trong nền văn học Nhật Bản hiện đại. Sau những tiểu thuyết thành công vang dội như Rừng Na Uy,*

*Kafka trên bờ biển... nhà văn Nhật Bản 52 tuổi này vẫn sáng tác miệt mài. Từ tác phẩm nổi tiếng đầu tiên Rừng Na Uy, chúng ta đã có dịp chiêm ngưỡng văn phong và những ám ảnh của tác giả về tình yêu, nỗi cô đơn và cái chết. Để giúp người đọc tiếp cận với văn phong Murakami, chúng tôi xin dịch tác phẩm Người đàn ông băng với mong muốn giới thiệu một gương mặt sáng giá trong dòng văn học thế giới hiện đại.*

*Câu chuyện là một ẩn dụ nên chúng ta chỉ có thể đọc bằng các biểu tượng. Ẩn dụ này lại được viết theo văn phong hậu hiện đại. Từ một cảm thức cổ xưa, sự cô đơn của con người đi lang thang trên mặt đất. Giọng văn Murakami từng tưng, đùa cợt, không chú ý vào bất cứ sự kiện nào. Nói theo ngôn ngữ của Krishnamurti là “đời không tâm điểm”. Vì thế, rất khó tóm tắt truyện của Murakami cũng như các tác phẩm hậu hiện đại.*

*Biểu tượng lớn nhất của truyện là người đàn ông băng và thế giới băng. Nó nói lên sự xa cách giữa con người và tha nhân, sự vắng mặt của hơi ấm người nên tuy “đồng sàng” mà “dị mộng”. Dù gần gũi về xác thân nhưng chỉ còn lại sự lạnh toát vô hồn. Chúng ta thử đọc đoạn nói về cảnh làm tình với người băng: “Khi người đàn ông băng làm tình với tôi, tôi thấy trong tâm trí mình một tảng băng mà tôi chắc là nó hiện hữu ở một nơi cô tịch. Tôi nghĩ chắc anh biết tảng băng đó nằm ở đâu. Nó đông cứng, cứng đến mức tôi nghĩ rằng không gì có thể cứng hơn. Nó là tảng băng lớn nhất trên thế giới. Tảng băng nằm ở một nơi nào xa xôi và người đàn ông băng vượt qua ký ức của tảng băng đó để đến với tôi, đến với thế giới”. Tôi hình dung nhân vật đang miêu tả “kim quy tháp” của người đàn ông băng. Và con người mãi cô đơn trong thế giới riêng mình, rợn ngợp, đi qua thế giới này*



băng tuyết.

Trong văn Murakami, chủ đề thường cũ. Chỉ cách viết là mới lạ. Không phải việc bị bỏ rơi trong thế giới băng là tiền đề hàng đầu của thuyết hiện sinh sao? Con người hiện hữu trong thế giới chỉ để hiện hữu, không có một căn nguyên nào; chính vì thế mà y lo âu, xao xuyến và cô đơn. Chiếc máy bay định mệnh đưa ta đến vùng băng tuyết, rồi bỏ đi, mặc ta sống hết mùa đông cuộc đời. Phải chăng đó là sự phi lý của Albert Camus? Nhân gian nói cười một ngữ ngôn ta không hiểu. Ta không thể nhập cuộc. Chỉ có thể dần thân?

Nhưng cuộc sống vẫn tiếp tục qua hình tượng bào thai. Ta cũng biết rằng những thế hệ sau cũng cô đơn như người đi trước. Niềm cô đơn không mới nhưng khác ở cách thể hiện. Mùa đông của cuộc đời cũng chính là “một mùa địa ngục” của Arthur Rimbaud?

Một điều chúng tôi nhận thấy trong tác phẩm của Murakami là tình yêu luôn gắn với tình dục. Nhưng ông viết về điều này một cách rất vô tư hồn nhiên như thiền sư đắc đạo trong động điểm. Ai làm chuyện nấy. Ai làm tình cứ làm còn ta tu cứ tu. Thiền chẳng qua cũng chỉ là một sự tập trung cao độ, chuyên chú vào việc làm của mình.

Khi đói thì ăn, khi lạnh thì mặc áo. Theo Murakami, “tình dục cũng chỉ là một loại thể thao”, và ông viết về tình dục nhưng vẫn phong lại không mang dục tính. Trong *Đĩa bay đáp xuống Kushiro*, nhà văn cho hai người vừa làm tình vừa lắc chuông leng keng vì sợ gấu đến.

Trong *Rừng Na Uy*, đôi tình nhân vào rạp xem phim sex và lấy làm vui khi hình dung những chiếc “kim quy tháp” dựng đứng lên. Chẳng có gì là cấm kỵ trong văn Murakami. Ngay từ “tác phẩm mẹ” của nền văn học Nhật Bản là *Genji monogatari*, nữ sĩ Murasaki đã để nhân vật Genji yêu người mẹ kế của mình và có một đứa con. Sau đến

*Tanizaki trong Cầu mộng, ông cũng dựng một cảnh tương tự. Còn đối với Kawabata, trong Tiếng rền của núi, người cha già mang mặc cảm phạm tội với con dâu... Đối diện, không né tránh những điều hiển nhiên của cuộc sống, trong đó có đời sống tính dục là một đặc điểm nổi bật của văn học Nhật Bản hiện đại.*

*Con người sẽ quen với sự giá lạnh. Cũng như gen băng tuyết được kết hợp với gen của người để tạo thành đứa con. Nhưng nỗi niềm riêng không chia sẻ được và ta mặc nhiên chấp nhận, “có những nỗi niềm riêng làm sao nói hết, như mây như mưa như cát biển khơi”. Truyện khép lại bằng hơi sương lạnh giá đưa ta về quá khứ. Con người ta bị đóng băng trong quá khứ của chính mình. Những gì ta cư mang cũng sẽ là quá khứ khi ta lìa bỏ nơi này tìm về một mùa xuân xa xôi? Dù là “mùa xuân đen”[1] bất tận của cái chết.*

*Tôi chợt nhớ một câu của Jorge Luis Borges: “Lịch sử thế giới có lẽ là lịch sử của một vài ẩn ngữ”. Liệu ẩn ngữ này có biểu hiện nơi Murakami? Chúng ta có quyền hy vọng như Matt Thompson hy vọng khi viết về Murakami: “Liệu giải Nobel văn chương đang chờ đón ông?”. Chúng ta hãy chờ xem.*

-----

Tôi đã cưới một người đàn ông băng. Tôi gặp anh lần đầu nơi một khách sạn trong khu trượt tuyết. Đó có lẽ là nơi lý tưởng để gặp người đàn ông băng. Tiền sảnh khách sạn náo nhiệt bởi các cô cậu trẻ tuổi nhưng người đàn ông băng ngồi một mình trong góc xa nhất lò sưởi, đang chậm rãi đọc sách. Mặc dù đã gần trưa nhưng ánh sáng giá lạnh của buổi sớm mùa đông dường như kéo dài xung quanh anh ta.

- Nhìn xem kia. Người băng đấy, - bạn tôi thì thầm.

Lúc ấy, tôi hoàn toàn không có ý tưởng gì về người đàn ông băng. Bạn tôi cũng vậy. “Anh ta chắc hẳn được làm từ băng tuyết. Đó là lý do mà người ta gọi là người băng”. Bạn tôi phát biểu ý kiến vẻ rất nghiêm trọng, nhưng thể cô ấy đang nói chuyện với một bóng ma hay ai đó đang mắc bệnh truyền nhiễm.

Người đàn ông băng cao lớn, có vẻ như còn trẻ nhưng mái tóc đình rậm ngắn lại có những mảng trắng như những cái túi tuyết đông. Xương gò má nhô ra nhọn hoắt giống như tảng băng. Nhưng ngón tay sương muối giá lạnh như thể chẳng bao giờ tan. Tuy nhiên, ngoài những cái đó ra, người băng trông có vẻ bình thường. Anh ta không thể gọi là đẹp trai nhưng trông hấp dẫn, cái đó còn tùy cách nhìn của bạn. Trong mọi trường hợp, có điều gì đó ở anh ta xuyên thủng tim tôi, và tôi cảm thấy, hơn bất cứ cái gì khác, đó là đôi mắt anh ta. Cái nhìn calm lặng và trong suốt như những mảnh vụn của ánh sáng xuyên qua những cột băng trong buổi sáng mùa đông. Nó như một tia sáng đơn độc của cuộc sống phản chiếu trên một hình hài nhân tạo.

Tôi đứng đó ngắm người đàn ông băng từ xa. Anh ta không nhìn lên. Anh ta chỉ ngồi yên không động đậy, cứ mê mải đọc sách như thể không có ai xung quanh.

Sáng hôm sau, người đàn ông băng vẫn ở chỗ cũ, đọc sách với tư thế chính xác như hôm qua đến ngạc nhiên. Khi tôi đến phòng ăn dùng bữa trưa, và khi tôi đi trượt tuyết trở về cùng với những người bạn vào buổi tối, anh ta vẫn ngồi đó, chiếu những tia nhìn không đổi lên quyển sách hôm qua. Việc đó cứ tiếp tục cho đến ngày hôm sau nữa. Ngay cả khi mặt trời đã lặn, ngay khi đêm đã về khuya, người băng vẫn ngồi trên ghế, im lặng như quang cảnh mùa đông ngoài

cửa sổ.

Vào buổi chiều ngày thứ tư, tôi kiểng có không đi ra chỗ dốc trượt.  
Tôi ở lại khách sạn một mình, lang thang một hồi nơi tiền sảnh vắng lạnh như một thành phố ma. Không khí ẩm áp và ẩm ướt, căn phòng thoảng mùi buồn chán lạ lùng - cái mùi của tuyết đọng nơi đế giày của những người trượt tuyết giờ đang tan chảy trước lò sưởi. Tôi nhìn ra cửa sổ, lật qua vài trang báo rồi đi đến chỗ người đàn ông băng, tập trung tinh thần mà nói chuyện.

Tôi hay e dè trước mặt người lạ, và nếu như không có lý do chính đáng, tôi thường không nói chuyện với những người tôi không quen biết. Nhưng chẳng hiểu sao tôi cảm thấy mình buộc phải nói chuyện với người đàn ông băng. Đó là đêm cuối cùng của tôi ở khách sạn, và nếu để dịp này trôi qua thì tôi sợ mình sẽ chẳng bao giờ được nói chuyện với người băng nữa.

- Ông không trượt tuyết sao? - Tôi hỏi, làm ra vẻ tình cờ.

Anh ta chậm rãi quay mặt về phía tôi, như thể vừa nghe một tiếng ồn phía xa, và anh ta nhìn chằm chằm vào tôi bằng đôi mắt đó. Rồi anh điềm tĩnh lắc đầu. "Tôi không trượt tuyết". Lời nói của anh ta biến thành những đám mây trắng lơ lửng trên đầu anh, như lời thoại của nhân vật trong truyện tranh. Tôi đã thực sự nhìn thấy những từ bay trong không khí, cho đến khi anh lau sạch chúng bằng những ngón tay sừng muối giá lạnh.

Tôi không còn gì để nói nữa. Chỉ đỏ mặt và đứng đó. Người đàn ông băng nhìn sâu vào mắt tôi và dường như khẽ mỉm cười.

- Em có muốn ngồi xuống đây không? Em thấy tôi quỵến rũ chứ gì?

Và em muốn biết người đàn ông băng như thế nào đúng không? -

Rồi anh ta cười lớn. - Thư giãn đi nào. Không có gì phải lo lắng. Em

chẳng bị cảm vì nói chuyện với tôi đâu.

Chúng tôi ngồi cạnh nhau trên chiếc trường kỷ trong góc tiền sảnh khách sạn và nhìn những bông tuyết nhảy múa ngoài cửa sổ. Tôi gọi một ly ca cao nóng và uống, nhưng người đàn ông băng chẳng uống gì. Anh ta dường như chẳng hay chuyện hơn tôi là mấy. Không những thế, chúng tôi dường như không có bất cứ cái gì chung để nói với nhau. Đầu tiên, chúng tôi nói về thời tiết. Rồi chúng tôi nói về khách sạn. "Anh ở đây có một mình sao?", Tôi hỏi người đàn ông băng. "Đúng", anh ta trả lời. Và anh hỏi tôi có thích trượt tuyết không? "Không thích lắm", tôi đáp. "Tôi chỉ đi vì đám bạn kháng kháng rủ tôi đi. Thật ra, tôi rất hiếm khi trượt tuyết".

Có quá nhiều điều tôi muốn biết. Phải thân hình anh ta được làm từ băng tuyết không? Anh ta ăn cái gì? Anh ta sống ở đâu trong mùa hè? Anh ta có gia đình không? Và những điều tương tự vậy. Nhưng người đàn ông băng không nói gì về mình cả và tôi phải tự ngăn mình không hỏi những câu hỏi cá nhân.

Thay vào đó, người băng nói về tôi. Thật khó tin, bằng cách nào đó anh ta đã biết mọi điều về tôi. Anh ta biết số thành viên trong gia đình tôi, biết tuổi tác của tôi, tôi thích cái gì và ghét cái gì, tình trạng sức khỏe tôi thế nào, những ngôi trường tôi đã học qua, những người bạn tôi đã gặp. Anh ta thậm chí còn biết những điều xảy ra trong đời tôi từ thuở xa lơ xa lắc mà tôi đã quên lâu rồi.

- Tôi không hiểu, - tôi nói, vẻ bối rối. Tôi cảm thấy mình như bị lột trần trước mặt người lạ. "Làm thế nào anh biết quá nhiều về tôi? Anh có thể đọc suy nghĩ của người khác à?".

- Không, tôi không thể đọc tâm trí người khác hay những điều tương tự vậy. Tôi chỉ biết thôi, - người đàn ông băng đáp, - Tôi chỉ biết thôi.

Như thế tôi nhìn sâu vào một tảng băng, và khi tôi nhìn em như thế, mọi thứ về em trở nên rõ ràng và thấy được.

- Thế anh có thể nói về tương lai của tôi không? - tôi hỏi.

- Tôi không thể nhìn thấy tương lai, - anh ta nói chậm rãi. - Tôi không có chút hứng thú gì đối với chuyện tương lai. Chính xác hơn, tôi chẳng có khái niệm gì về tương lai cả. Bởi vì băng đá không có tương lai. Tất cả những gì nó có là quá khứ ẩn tàng trong đó. Băng đá giữ gìn mọi vật theo cách này - rất rõ ràng sạch sẽ và sinh động như thể chúng còn sống. Đó là thể tính của băng.

- Điều đó tuyệt vời đấy chứ, - tôi nói và mỉm cười. - Tôi tin những điều anh nói. Cuối cùng, thực sự tôi chẳng muốn biết tương lai mình sẽ đi về đâu.

\*

Chúng tôi gặp lại nhau chỉ một vài giờ sau khi trở về thành phố. Cuối cùng, chúng tôi đã bắt đầu hẹn hò. Chúng tôi không đi xem phim cũng không la cà ở quán cà phê. Thậm chí chúng tôi không đi nhà hàng. Người băng rất hiếm khi ăn cái gì đó để lấy sức nói chuyện. Thay vào đó, chúng tôi luôn ngồi ở ghế đá công viên và nói chuyện về mọi thứ trên đời trừ chính bản thân anh.

- Tại sao vậy? - Một lần tôi hỏi anh. - Tại sao anh không nói về mình? Em muốn biết đôi chút về anh. Anh sinh ra ở đâu? Ba mẹ anh như thế nào? Làm thế nào mà anh trở thành người băng?

Người băng nhìn tôi một chốc, rồi anh lắc đầu. "Tôi cũng không biết". Anh nói chậm rãi và rõ ràng, phả ra những từ ngữ trắng trong không gian. "Tôi biết quá khứ của mọi thứ khác. Nhưng tôi không có quá khứ. Tôi không biết nơi tôi sinh ra, hay cha mẹ tôi trông như thế nào. Tôi cũng không biết gì về tuổi tác của tôi. Tôi không biết mình có tuổi

hay không”.

Người đàn ông băng cô đơn như một tảng băng trôi trong đêm tối.

\*

Tôi thấy mình đã quá yêu người đàn ông băng. Người băng cũng yêu tôi như tôi yêu anh - chỉ biết hiện tại, không màng tới tương lai. Đổi lại, tôi cũng yêu anh như anh yêu tôi - chỉ biết hiện tại, không biết gì quá khứ. Chúng tôi thậm chí bắt đầu nói đến chuyện cưới xin.

Tôi chỉ mới hai mươi, và người đàn ông băng là người đầu tiên tôi thực sự yêu thương trong đời. Vào thời gian đó, tôi không thể hình dung việc yêu người đàn ông băng là như thế nào. Nhưng ngay cả khi tôi yêu một người đàn ông bình thường, vị tất tôi đã có một ý tưởng rõ ràng hơn về khái niệm tình yêu.

Mẹ và chị tôi phản đối quyết liệt việc kết hôn với người băng.

"Mi còn quá trẻ để có thể lập gia đình", họ nói vậy. "Ngoài ra, mi không biết một tí gì về hắn. Mi thậm chí còn không biết hắn sinh ra khi nào và ở đâu. Bọn tau biết ăn nói làm sao với họ hàng nếu mi lấy một người như vậy làm chồng? Hơn nữa, mi sẽ làm gì nếu như người đàn ông băng đó thành linh bị tan chảy đi mất? Mi có hiểu rằng hôn nhân đòi hỏi phải có sự ràng buộc thực sự với nhau không?".

Những nỗi lo lắng của họ quả là thừa. Bởi thật ra người băng không được tạo thành từ băng đá. Anh chẳng bao giờ bị tan chảy, dù nóng đến đâu đi nữa. Anh bị gọi là "người băng" bởi cơ thể anh lạnh như một tảng băng vậy. Nhưng cái thứ tạo tác nên cơ thể anh khác với băng đá, và đó không phải là thứ hơi lạnh lấy đi thân nhiệt của những người khác.

Và chúng tôi cưới nhau. Không ai ban phúc cho đám cưới. Không bạn bè hay người thân vui mừng cho đám cưới chúng tôi. Chúng tôi

không tổ chức lễ cưới, và khi tôi phải điền tên mình vào phả hệ của gia đình anh thì hóa ra người băng không có người thân nào cả. Chúng tôi quyết định làm đám cưới giữa hai đứa với nhau. Chúng tôi mua một cái bánh nhỏ, ăn cùng nhau và đó là đám cưới khiêm nhường nhất của chúng tôi.

Chúng tôi thuê một căn hộ nhỏ, người băng kiếm sống bằng việc làm ở kho thịt đông lạnh. Anh có thể mang bất cứ khối thịt lạnh nào và chẳng bao giờ biết mệt dù làm việc nặng đến đâu. Vì thế người chủ rất thích, trả anh số tiền lương cao hơn những người làm khác. Chúng tôi sống với nhau rất hạnh phúc, chẳng quấy rầy ai và cũng chẳng ai quấy rầy mình.

Khi người đàn ông băng làm tình với tôi, tôi thấy trong tâm trí mình một tảng băng mà tôi chắc là nó hiện hữu ở một nơi cô tịch. Tôi nghĩ chắc anh biết tảng băng đó nằm ở đâu. Nó đông cứng, cứng đến mức tôi nghĩ rằng không gì có thể cứng hơn. Nó là tảng băng lớn nhất trên thế giới. Tảng băng nằm ở một nơi nào xa xôi và người đàn ông băng vượt qua kỷ ức của tảng băng đó để đến với tôi, đến với thế giới. Đầu tiên tôi cảm thấy ngại ngùng khi người băng làm tình với tôi. Nhưng sau đó, tôi đã quen. Thậm chí tôi bắt đầu thích làm tình với người băng. Trong đêm tối, chúng tôi lặng im chia sẻ cùng nhau những miếng băng lớn, nơi tàng trữ hàng trăm triệu năm - mọi quá khứ của thế giới này.

Không có gì để nói về đời sống hôn nhân của chúng tôi. Chúng tôi yêu nhau say đắm và không có gì chen vào giữa chúng tôi. Chúng tôi muốn có con nhưng dường như điều đó là không thể. Có vẻ như giữa gene của người và gene của băng khó có thể kết hợp được. Trong trường hợp nào đi nữa, bởi một phần chúng tôi không có con



nên tôi có khá nhiều thời gian rảnh. Chỉ nội trong buổi sáng là tôi làm xong mọi việc nhà, sau đó thì chẳng có gì để làm. Tôi không có người bạn nào để nói chuyện hay đi chơi. Và tôi cũng không có nhiều điều để làm với những người hàng xóm. Mẹ và chị tôi vẫn còn giận chuyện tôi cưới người băng và chẳng có dấu hiệu gì cho thấy họ muốn gặp mặt tôi lần nữa. Dù vậy, sau vài tháng trôi qua, những người quanh chúng tôi thỉnh thoảng bắt đầu nói chuyện với anh. Trong sâu thẳm tim mình, họ vẫn không chấp nhận được anh hay tôi, người đã cưới người băng. Chúng tôi khác họ và không có thời gian nào có thể lấp đi hố sâu cách ngăn giữa tha nhân với chúng tôi. Vì thế, khi anh đi làm việc, tôi ở nhà một mình, đọc sách và nghe nhạc. Tôi thích ở nhà hơn và dù sao tôi cũng cảm thấy không cô đơn lắm. Nhưng tôi còn trẻ và việc tiếp tục những công việc đơn điệu ngày qua ngày cuối cùng làm tôi chán ngán. Nhưng tôi khó chịu không phải vì sự chán ngán. Mà vì sự lặp lại.

Đó là lý do tôi nói với anh: - Tại sao hai chúng ta không đi du lịch đây đó nhỉ. Để thay đổi không khí?

- Đi chơi hả? - Anh cau mày nhìn chằm chằm vào tôi. - Chúng ta đi chơi vì cái quái gì chứ? Em không vui khi ở bên anh sao?

- Không phải thế, - tôi đáp. - Em vui lắm. Nhưng em chán. Em thích đi chơi đâu đó xa xôi để nhìn những điều em chưa thấy. Em muốn thở làn không khí mới. Anh hiểu không? Ngoài ra, chúng ta vẫn chưa có tuần trăng mật mà? Chúng ta có một ít tiền tiết kiệm anh đang nghỉ phép. Đây là lúc thuận tiện để chúng ta đi chơi đây đó.

Người băng nặng nề thở dài băng giá. Hơi thở kết tinh trong không khí với một thanh âm trong trẻo. Anh đặt những ngón tay dài lên đầu gối. "À, nếu thật sự em muốn đi chơi đến vậy thì anh chẳng có gì

phản đối. Anh sẽ đi bất cứ nơi nào nếu nơi đó làm em vui. Nhưng em có biết chúng ta sẽ đi đâu không?".

- Sao chúng ta không đến Nam Cực? - tôi nói. Tôi chọn Nam Cực vì tôi chắc người băng sẽ thích đi nơi nào giá lạnh. Và thực ra mà nói, tôi luôn muốn đi du lịch đến đó. Tôi muốn mặc chiếc áo choàng lông có mũ trùm đầu, tôi muốn ngắm nhìn bình minh phương Nam và đàn chim cánh cụt.

Khi tôi nói vậy, chồng tôi lạ lùng nhìn vào mắt tôi, không chớp mắt, và tôi có cảm giác như một lưỡi băng sắc nhọn xuyên thủng đầu tôi.

Anh yên lặng một hồi lâu, và cuối cùng bằng những thanh âm lấp lánh, anh nói: "Được thôi, nếu đó là điều em muốn. Chúng ta sẽ đi Nam Cực. Em chắc chắn là mình muốn đi chứ?"

Tôi không thể trả lời ngay. Anh nhìn sâu vào tôi lâu đến mức tôi bị tê liệt. Và tôi gục xuống.

\*

Dù vậy, càng ngày tôi càng thấy hối tiếc vì ý tưởng đi Nam Cực. Tôi không biết tại sao, nhưng dường như ngay khi tôi nói từ "Nam Cực", với chồng tôi, có điều gì đó đã thay đổi trong anh. Mắt anh trở nên sắc hơn, hơi thở trở nên trắng hơn, những ngón tay giá lạnh hơn. Anh không nói gì với tôi nữa và hoàn toàn không ăn tí gì nữa. Tất cả những điều đó làm tôi cảm thấy bất an.

Năm ngày trước khi đi, tôi lấy hết can đảm nói: "Hãy quên chuyện đi Nam Cực đi. Khi em nghĩ về nơi đó, em thấy đó là một nơi quá lạnh lẽo, và dường như không tốt cho sức khỏe chúng ta. Em chột nghĩ hay mình đi đến nơi nào tốt hơn cho chúng ta? Châu Âu thì sao? Chúng ta hãy đi nghỉ ở Tây Ban Nha. Chúng ta có thể uống rượu, ăn cơm thập cẩm, xem đấu bò hay cái gì tương tự vậy".

Nhưng chồng tôi tôi không để ý gì đến điều tôi nói. Anh nhìn sâu vào không khoảng không vài phút rồi tuyên bố: “Anh hoàn toàn không muốn đi Tây Ban Nha. Nơi đó quá nóng đối với anh. Tây Ban Nha quá bụi bặm và thức ăn thì quá cay. Ngoài ra, anh cũng đã mua vé đi Nam Cực rồi. Chúng ta cũng đã có áo choàng lông và giày ống cho em. Chúng ta không thể lãng phí tất cả. Bây giờ chúng ta phải đi xa. Chúng ta không thể không đi”.

Sự thực đó làm tôi sợ hãi. Tôi linh cảm khi đến Nam Cực sẽ có điều gì xảy ra cho chúng tôi mà không thể cứu vãn được. Tôi gặp ác mộng triền miên. Lần nào cũng giống lần nào. Tôi đang đi bộ thì bị rơi xuống một kẽ nứt trên mặt đất. Không ai tìm thấy tôi và tôi bị đông lạnh ở đó. Cảm lạnh bên trong tảng băng, tôi trừng mắt nhìn lên trời xanh. Tôi vẫn còn ý thức, nhưng không thể di chuyển, dù là cựa quậy ngón tay. Tôi nhận ra mình dần bị trôi vào quá khứ. Khi người ta nhìn vào tôi, nhìn vào cái mà tôi đã biến thành, người ta đang nhìn vào quá khứ. Quang cảnh lùi dần về phía sau, xa mãi.

Khi tỉnh dậy tôi thấy người băng đang ngủ cạnh tôi. Anh luôn ngủ mà không thở, như một xác chết vậy.

Nhưng tôi yêu người đàn ông băng. Tôi khóc, và nước mắt tôi rơi trên gò má anh. Anh tỉnh giấc và ôm tôi trong tay. “Em gặp ác mộng”, tôi nói.

- Chỉ là mơ thôi mà, - anh nói. - Những giấc mơ đến từ quá khứ, không phải tương lai. Em không bị giấc mơ ràng buộc, mà là giấc mơ bị ràng buộc vào em. Bé cưng hiểu điều đó không?

- Vâng, - tôi nói, dù không tin.

Tôi chẳng tìm ra được lý do nào hay ho để hủy bỏ chuyến đi nên cuối cùng tôi và chồng tôi đáp máy bay đi Nam Cực. Những nữ tiếp viên

đều không thân thiện. Tôi muốn nhìn quang cảnh ngoài cửa sổ nhưng mây dày đến nỗi tôi không thấy gì. Trong thoáng chốc, cửa sổ bị băng đóng thành từng lớp. Chồng tôi yên lặng đọc sách. Tôi chẳng thấy hứng thú gì với chuyến đi nghỉ này. Tôi chỉ làm bộ vui vẻ làm những gì đã được quyết định rồi.

Khi chúng tôi xuống cầu thang máy bay và bước trên nền đất Nam Cực, tôi cảm thấy cơ thể anh lắc lư. Điều này kéo dài chưa đầy cái chớp mắt, chỉ khoảng nửa giây. Anh không biểu lộ gì về sự thay đổi, nhưng tôi biết nó đã xảy ra. Có điều gì bên trong người băng rúng động một cách bí mật, dữ dội. Anh dừng lại, nhìn trời và nhìn đôi tay mình. Anh hắt ra một hơi thở mạnh. Sau đó anh nhìn tôi và nhe răng cười. Anh nói: “Đây quả thực là nơi em muốn viếng thăm ư?”.

- Vâng. Đúng vậy, - tôi nói.

Nam Cực cô đơn hơn bất cứ thứ gì mà tôi tưởng tượng. Hầu như không có ai sống ở đây. Chỉ có một thành phố nhỏ đơn điệu. Trong thành phố có một khách sạn. Dĩ nhiên cũng nhỏ và đơn điệu. Nam Cực không phải là nơi để đi du lịch. Không có một con chim cánh cụt lẻ bầy. Và cũng không thấy Nam cực quang. Không cây cối, không hoa, không sống ngòi, không ao hồ. Bất cứ nơi nào tôi đến cũng chỉ toàn băng là băng. Nhìn xa đến đâu đi nữa cũng chỉ thấy vùng hoang vu băng đá kéo dài.

Ngược lại, chồng tôi rất hăng hái đi từ nơi này đến nơi khác như không biết đủ là gì. Anh học rất nhanh ngôn ngữ địa phương và nói chuyện với những người trong thành phố bằng giọng âm âm tuyệt vời. Anh nói chuyện với họ hàng giờ liền với vẻ hết sức nghiêm trọng nhưng tôi không cách nào biết họ đang nói chuyện gì. Tôi có cảm giác như chồng tôi đã phụ bạc tôi, để mặc tôi tự chăm sóc mình.

Ở đó, nơi cái thế giới vô thanh bị những tảng băng dày bao bọc ấy, tôi cuối cùng đánh mất sức mạnh của mình. Từng chút từng chút một. Cuối cùng tôi không còn đủ sức để tức giận nữa. Như thể tôi đã đánh mất cảm xúc của mình ở nơi nào đó. Tôi đánh mất dấu vết nơi tôi đang hướng đến, đánh mất dấu thời gian, đánh mất mọi xúc cảm về chính mình. Tôi không biết điều này bắt đầu và chấm dứt khi nào, nhưng khi tôi lấy lại ý thức thì tôi đang hiện tồn trong một thế giới băng, một mùa đông vĩnh cửu khô kiệt mọi sắc màu, khép chặt trong chính nó.

Ngay cả sau khi hầu hết cảm giác đã biến mất, tôi vẫn biết điều này. Chồng tôi ở Nam Cực không còn là người đàn ông trước kia nữa. Anh vẫn đưa mắt tìm tôi giống như xưa kia, anh nói chuyện với tôi dịu dàng. Tôi muốn nói rằng những gì anh nói với tôi là thật lòng anh. Nhưng tôi cũng biết, anh không còn là người đàn ông băng mà tôi đã gặp trong khách sạn ở khu trượt tuyết.

Dù vậy, không có cách nào để tôi gây sự chú ý cho bất kỳ ai. Mọi người ở Nam Cực đều rất thích anh, nhưng dù vậy họ không thể hiểu lấy một từ tôi nói. Phà hơi thở trắng, họ kể chuyện cười rồi cãi nhau và hát những bài hát bằng ngôn ngữ của họ trong khi tôi ngồi một mình trong phòng, nhìn ra bầu trời xám xịt mà chắc hẳn hàng tháng nữa cũng không mong quang đãng ra được. Chiếc máy bay mang chúng tôi đến đây và đã bay đi lâu rồi, chỉ sau chốc lát đường băng đã phủ một lớp băng dày, như trái tim tôi vậy.

“Mùa đông đã đến”, chồng tôi nói. “Mùa đông sẽ kéo dài lắm và không có máy bay hay tàu thuyền gì đâu. Mọi thứ đóng băng cả. Có vẻ như chúng ta phải ở lại đây đến mùa xuân năm sau”.

Ba tháng sau khi đến Nam Cực, tôi nhận ra mình đã có thai. Tôi biết

rằng đứa bé con tôi sẽ trở nên một người băng bé nhỏ. Tủi cung tôi đã đông cứng lại, còn nước ối của tôi là thứ nước tuyết tan. Tôi cảm thấy sự giá lạnh của nó ở trong người. Đứa con tôi sẽ như cha nó, có đôi mắt như lưỡi băng và những ngón tay sương giá. Và gia đình mới của chúng tôi sẽ chẳng bao giờ rời chân khỏi Nam Cực. Quá khứ vĩnh cửu nặng nề trùm lên mọi nhận thức, ghì siết lấy chúng tôi. Và chúng tôi sẽ chẳng bao giờ giữ bỏ được.

Giờ đây, dường như trong người tôi không còn trái tim nữa. Hơi ấm đã bỏ tôi mà đi xa. Đôi khi tôi quên mất rằng hơi ấm đó đã từng tồn tại. Ở nơi này, tôi cô độc hơn bất cứ ai trên trái đất. Khi tôi khóc, người băng hôn vào má tôi và những giọt nước mắt tôi biến thành đá. Anh làm đông cứng những giọt nước mắt tôi trên tay anh và đặt chúng trên lưỡi anh. “Hãy xem anh yêu em biết chừng nào”, anh nói. Anh đang nói thật. Nhưng một cơn gió từ hư không quét qua thổi những từ trắng xóa của anh bay, bay mãi vào quá khứ.

***Hoàng Long dịch từ bản tiếng Anh của Richard L. Peterson***

---

[1] Tên tác phẩm của Henry Miller.

**Haruki Murakami**

**Người thứ bảy**

**Lời người dịch:** Câu chuyện của “tôi” là một câu chuyện đời tan nát. Một ám ảnh không nguôi ngoai theo anh bốn mươi năm trời về con sóng thần năm xưa đã cuốn trôi đi người bạn thân thiết nhất. Hình ảnh con sóng được lặp đi lặp lại trên nền phẳng lặng của câu chuyện đầy ẩn ý. Như bản giao hưởng tình yêu và định mệnh của Beethoven. [...] Một câu chuyện đầy tính nhân bản và vinh danh sự vĩnh hằng của nghệ thuật. Bản thân chúng tôi luôn bị ám ảnh về những tình tiết và nhân vật trong tác phẩm của Murakami. Như thế chính mình hiện diện trong đó để tiếp tục sống và khát vọng một niềm tin tương lai. Nghiên cứu và dịch Murakami đưa chúng tôi đến một xác tín rằng việc Murakami sẽ đạt giải thưởng Nobel văn chương là điều dễ hiểu trong một thế giới đổ vỡ và mất mát quá nhiều niềm tin như hiện nay.

---

“Vào một chiều tháng chín năm tôi lên mười tuổi, ngọn sóng đó suýt nữa kết liễu cuộc đời tôi”. Người thứ bảy bắt đầu câu chuyện bằng một giọng trầm lặng.

Anh ta là người kể chuyện cuối cùng trong buổi tối hôm đó. Đồng hồ đã chỉ hơn mười giờ. Tiếng gió thét gào qua hướng Tây vang vọng trong bóng đêm dài. Mọi người ngồi thành vòng tròn xung quanh căn phòng đều nghe được tiếng gào của gió. Ngoài vườn lá rơi xào xạc. Những tấm kính cửa sổ rung lên nhẹ nhẹ. Gió hú lên lạnh lốt trước khi biến mất vào đêm đen.

“Đó là ngọn sóng lớn nhất mà tôi từng thấy trong đời,” người đàn ông tiếp tục. “Ngọn sóng đó suýt chút nữa kết liễu đời tôi. Nhưng thay vì

vậy, nó đã tháo sạch phần tinh túy nhất của tôi để trút vào một thế giới khác. Phải mất nhiều năm sau tôi mới hoàn toàn bình phục lại. Phải mất bao nhiêu thời gian quý báu của đời tôi.”

Người đàn ông thứ bảy có vẻ đã ngoài năm mươi. Anh ta cao, gầy guộc và râu ria tua tủa. Một vết sẹo nhỏ nhưng sâu hoắm ngay mắt phải. Chắc hẳn đó là một vết dao chém. Tóc anh ta ngắn và đã điểm hoa râm. Gương mặt anh có vẻ như của một người đột nhiên chẳng biết phải nói gì, trừ phi cái vẻ mặt đó dường như anh vẫn luôn mang từ bấy đến nay, nên lại đậm thành một nét quen thuộc. Anh mặc một chiếc áo sơ mi màu xanh u buồn với một cái áo khoác màu xám bên ngoài. Đôi khi anh ta tháo nơ cổ cầm trên tay. Không ai biết tên anh. Và có lẽ không có ai biết gì về anh ta.

Anh ta đằng hắng nhẹ. Và ngừng nói. Mọi người yên lặng chờ anh ta tiếp tục.

“Trong trường hợp của tôi, đó là một con sóng. Dĩ nhiên, tôi không biết diễn tả như thế nào cho mọi người hiểu. Trong trường hợp của tôi, ngẫu nhiên đó là 1 con sóng. Không một dấu hiệu cảnh báo nào cả, thỉnh linh một ngày kia, nó hiện ra trước mặt tôi, cái sức mạnh định mệnh đó hiện ra dưới hình dạng một con sóng khủng khiếp.

“Tôi lớn lên ở thị trấn S gần biển, nơi mà ngay khi tôi nói tên ra, cũng không gây được ấn tượng gì với quý vị cả. Cha tôi là 1 bác sĩ, cho nên thời thơ ấu của tôi rất sung túc. Thuở ấy, tôi có một người bạn rất rất thân, tên K., là láng giềng của tôi và học dưới tôi 1 năm.

Chúng tôi thường đi học chung, và sau khi về nhà vào các buổi chiều, chúng tôi luôn luôn chơi với nhau. Chúng tôi như anh em ruột vậy. Mặc dù chúng tôi thân thiết đã lâu nhưng chưa một lần gây sự với nhau. Đúng ra tôi có 1 người anh, nhưng bởi vì anh ta lớn hơn tôi



6 tuổi, cho nên chúng tôi khó lòng chia sẻ với nhau nhiều việc, nhưng tình cảm của chúng tôi không hề bị giảm đi. Chính bởi vì điều này, nên tôi dành tình cảm anh em cho bạn tôi nhiều hơn tôi dành cho anh em ruột của tôi.

“K trông mảnh khảnh, mong manh và có những nét yếu ớt như con gái. Thêm vào đó, cậu ta gặp khó khăn trong giao tiếp. Khi người lạ gặp K lần đầu tiên, họ thường có cảm giác cậu ta là người chậm chạp. Và bởi vì cậu ta yếu ớt như vậy, tôi thường xuyên bảo vệ K ở trường, sau khi tan học và mỗi khi chúng tôi đi với nhau. Bất cứ ai cũng có thể nhận ra rằng tôi là một cậu bé bụ bẫm và khỏe mạnh. Điều mà tôi thích ở K nhất là cậu ta rất tử tế và có một tâm hồn cao cả. Đầu óc của K hoàn toàn không có vấn đề gì, nhưng sự trể nãi của cậu ta đã gây khó khăn trong việc học. Tuy thế, cậu ta là một thiên tài về hội họa, mỗi khi cầm viết chì hay thuốc màu trên tay, K đều tạo ra những bức tranh tuyệt vời đầy vẽ sống động đến nỗi thầy giáo cũng ngạc nhiên. Cậu ta thường xuyên đoạt giải trong các cuộc thi và nhận được rất nhiều lời tán thưởng. Nếu cứ tiếp tục phát triển theo hướng đó thì có lẽ K đã trở thành họa sĩ rồi. K đặc biệt đam mê vẽ tranh phong cảnh và liên tục đi ra bãi biển để vẽ đại dương. Tôi đã ngồi bên cạnh K nhiều ngày để xem bàn tay khéo léo của cậu ta điều khiển cây bút chì lướt trên những trang giấy, và cái cách mà K mô tả màu sắc và hình dạng giống như thật lên trang giấy trắng tinh một cách liên tục đã gây ấn tượng rất mạnh mẽ trong tôi. Tôi thực sự kinh ngạc. Bây giờ mỗi khi nghĩ lại, tôi thấy đó thật sự là một thiên tài.

“Vào tháng 9 năm đó, khu vực nơi tôi sống bị cơn bão dữ dội tàn phá, theo như tin tức từ đài phát thanh, đây là cơn bão lớn nhất ở khu vực trong vòng 10 năm qua. Trường học nhanh chóng bị giải tán,

tất cả các cửa hàng trong thị trấn đóng cửa. Cha và anh tôi lấy dụng cụ làm vườn và bắt đầu chèn các cửa chống bão xung quanh ngôi nhà, trong khi đó, mẹ đang bận rộn dưới bếp chuẩn bị cơm nắm [1] phòng khi khẩn cấp. Chai và thùng được đổ đầy nước, tất cả chúng tôi đeo balô với những vật dụng cần thiết trong trường hợp phải tản cư đến một nơi nào đó. Đối với người lớn tuổi phải đối mặt với sự khắc nghiệt của những cơn bão gần như là hàng năm, thì bão đến là một việc nguy hiểm và phiền toái của đời sống. Còn lũ trẻ chúng tôi vốn xa cách với hiện thực tàn nhẫn của tình thế thì bão đến chẳng gì khác hơn là sự kiện hào hứng và tuyệt diệu của một khoảnh khắc lớn lao.

“Chỉ mới đầu giờ chiều mà màu trời đã đột ngột thay đổi. Dường như trời xanh kia đã nhiễm phải một sắc màu quái đản. Gió rú từng cơn, tạo thành một sự khô khan kỳ lạ, những thanh âm lách cách như đập vào bờ cát. Tôi chạy ra hành lang ngắm trời cho đến khi mưa bắt đầu gõ tàn bạo phía bên nhà. Trong nhà tối đen vì lấp những cánh cửa chớp chống bão, gia đình tôi ngồi dồn lại một phòng và nghe các báo cáo tin tức trên radio. Lượng nước mưa không nhiều lắm nhưng gió mạnh gây ra nhiều nguy hiểm. Nhiều căn nhà bị tốc mái và nhiều con thuyền bị lật úp. Những vật thể quay cuồng trong gió loạn đã giết và làm bị thương rất nhiều người. Người phát ngôn lặp đi lặp lại lời cảnh báo là không được rời khỏi nhà vào bất cứ hoàn cảnh nào. Đôi khi những cơn gió loạn cuồng gây ra những thanh âm vỡ nát nơi những căn nhà, như thể có một bàn tay khổng lồ đang nắm lấy căn nhà và lung lay dữ dội. Rồi có những khi chúng tôi nghe thấy tiếng động dữ dội như thể một vài vật nặng xoay trong gió và đâm sầm vào cánh cửa chớp chống bão vậy. Cha tôi bảo đó có thể là những mái nhà bị

tốc lên từ nơi nào đó. Chúng tôi ăn cơm nắm onigiri với trứng chiên do mẹ làm và nghe tin tức trên radio, chờ cho cơn bão thiên di đến một vùng nào khác.

“Nhưng cơn bão vẫn ở lại. Theo như tin tức trên đài, kể từ khi cơn bão càn quét qua bờ tây của tỉnh S, tốc độ của nó đã giảm xuống và từ từ di chuyển sang hướng đông bắc như thể đang đi dạo bộ vậy. Gió không dịu bớt chút nào. Nó vẫn thổi cuồng điên gây ra những âm thanh tàn bạo như thể đang găng sức xé toạc bề mặt trái đất và cuốn đi xa.

“Tôi nhận ra rằng cơn gió dữ tợn đó đã lắng dịu xuống sau khoảng 1 giờ càn quét từ lúc nó tràn tới. Mọi người không thể nghe thấy một âm thanh gì, ngay cả tiếng chim hót từ khoảng cách xa. Cha tôi mở hé cánh cửa chớp ra và nhìn ra đồng hồ nát xem chuyện gì đang xảy ra ngoài đó. Cơn gió đã tắt lịm và mưa đã ngừng rơi. Những đám mây đen xám xịt đang dần tan biến. Bầu trời xanh đã xuất hiện đâu đó phá tan đi những đám mây u tối. Cây cối trong vườn đang rung mình giữ nước và những hạt nước nhỏ li ti rớt xuống từ đỉnh của những nhánh cây.

“Chúng ta giờ đang ở trong vùng mắt bão đấy con ạ,” cha nói với tôi.

“Chúng ta được nghỉ ngơi trong một thời gian ngắn khoảng 15 hoặc 20 phút trong lúc cơn bão tạm lắng dịu nhưng rồi nó sẽ lại càn quét dữ dội như trước”.

“Tôi xin phép cha đi ra ngoài, cha nói: con có thể đi nhưng đừng đi quá xa đấy.

“Ngay khi gió bắt đầu nổi lên, con phải trở về nhà ngay lập tức”. Tôi bước ra ngoài và ngắm nhìn trời đất xung quanh. Không thể tin được rằng chỉ vài phút trước đây thôi, mọi vật đã bị cơn cuồng phong vùi

cơn đập tan nát. Tôi nhìn lên bầu trời, và có một cảm giác rằng cơn bão khổng lồ đang lơ lửng ngay trên đầu và nhìn chúng tôi một cách đầy ác ý như muốn ăn tươi nuốt sống. Nhưng tất nhiên, đó chỉ là sự tưởng tượng trẻ con của tôi mà thôi. Lúc đó, chúng tôi đang ở ngay trung tâm điểm của trận gió xoáy nghiệt ngã trong khoảng thời gian cơn bão tạm lắng dịu.

“Trong lúc người lớn đi quanh nhà để kiểm tra thiệt hại do cơn bão gây ra, tôi quyết định lang thang xuống bãi biển. Rất nhiều khúc gỗ lớn ở vùng lân cận đã bị cơn cuồng phong làm gãy nát và rơi đầy xuống đường. Một vài cây thông lớn đến mức một người lớn lực lưỡng cũng không thể nâng lên nổi. Những tấm mái ngói rách nát nằm rải rác ngổn ngang trên mặt đất, đá văng tứ tung vào kính chắn gió của xe hơi gây nên những vết rạn nứt lớn. Ngay cả đến một con chó cũng bị cuốn bay ra đường. Cảnh tượng này trông giống như có một bàn tay khổng lồ từ trên không trung giáng xuống và lạng lẹ tàn phá bề mặt trái đất tàn khốc. K nhận ra tôi khi tôi đang dạo bước trên đường, và cậu ta cũng ra khỏi nhà hỏi: chúng ta đi đâu đây? Khi tôi trả lời chúng ta đi ngắm biển, K bèn im lặng lẽo đẽo theo sau. Con chó trắng, nhỏ sống ở nhà K cũng theo chân chúng tôi. Tôi nói với K là khi gió bắt đầu nổi lên thì phải về nhà ngay lập tức. K lẳng lặng gật đầu đồng ý.

“Bờ biển cách nhà tôi khoảng 200m, có một con đập chắn sóng cao ngang người tôi vào thuở ấy. Mỗi khi chúng tôi ra biển, chúng tôi đều leo lên những bậc cầu thang đó chơi. Chúng tôi ra biển chơi gần như mỗi ngày và biết được thủy triều lên xuống rõ như trong lòng bàn tay. Nhưng trong tầm mắt bão, mọi thứ đều có vẻ khác thường. Màu của trời, sắc của biển, tiếng thét gào của sóng, hương vị mặn mà của

muối và sự hùng vĩ của phong cảnh thiên nhiên... Tất cả những cảnh quan ven bờ đều thay đổi hết. Chúng tôi ngồi trên đỉnh của con đập và mông lung nhìn về biển xanh bao la, không nói nên lời. Ngay cả khi chúng tôi đang ở trong tầm mắt bão, những con sóng vẫn bình thản đến kinh người. Khi sóng bắt đầu tấn công thường nó rút ra xa hơn thường lệ. Khi chúng tôi nhìn ra, bờ cát trắng dường như trải rộng hơn. Ngay cả khi thủy triều xuống, mực nước cũng không rút ra quá xa như vậy. Bờ biển trông giống như một căn phòng lớn sau khi người ta đã di chuyển hết đồ đạc, trống vắng không thể chịu nổi. Những vật thể hỗn tạp vẫn lênh bênh trôi dạt vào bờ biển như thường lệ.

“Tôi ngồi xuống con đê và ngược mắt nhìn ra đường chân trời như thể tôi đang lang thang trên một bờ biển tinh khôi và trải rộng. Và tôi cũng nhìn chăm chú con thuyền được neo buộc ngoài xa. Trong tầm mắt mình, tôi có thể nhìn thấy những đồ chơi trẻ con bằng nhựa, những đôi dép xăng đan và những khúc gỗ mà tôi đoán chắc là những mảnh vỡ của đồ trang trí nội thất, rồi những bộ áo quần, những chai lọ quý, những hộp gỗ có khắc chữ nước ngoài, và bao nhiêu vật dụng khác mà tôi không biết công dụng đang lênh đênh trôi dạt. Chắc chắn là con sóng thần của bão tố đã mang tất cả chúng đến đây từ một nơi nào xa lơ lửng. Mỗi khi thấy có vật gì là lạ đặc biệt chúng tôi nhặt lên và xem xét kỹ càng. Con chó của K ngồi bên cạnh hai chúng tôi vẫy đuôi và đưa mũi ngửi khịt khịt những vật chúng tôi nhặt được.

“Chúng tôi ở đó khoảng 5 phút hay cũng cỡ đó. Bỗng nhiên tôi chú ý đến những con sóng, chúng liên tục đập vào bãi biển một cách lặng lẽ không một âm thanh, không một dấu hiệu như một cái lưỡi lấp

lánh ánh bạc của biển cả chờ tới hôn nhẹ vào chân tôi. Nó diễn ra rất tự nhiên, tôi không hề tránh được. Aăm mình trong đại dương bao la, những con sóng dâng lên và tôi biết rất rõ nỗi kinh hoàng của sự tàn phá. Đôi khi chúng ta không thể dự đoán trước được hậu quả khủng khiếp mà những con sóng gây ra. Vì thế chúng tôi phải cẩn thận dời đến một nơi an toàn hơn, thoát khỏi tầm vươn lên của sóng. Nhưng trước khi tôi kịp nhận ra, thì ngọn sóng đã dâng đến chỗ tôi khoảng 8 inch rồi lặng lẽ rút đi. Và cuối cùng tôi không thấy con sóng đó quay trở lại. Tôi không thấy ngọn sóng này có vẻ gì là đe dọa cả. Chúng lặng lẽ gội rửa bờ biển trong sự thẳm lặng. Nhưng có một điều gì đó tiềm ẩn báo hiệu một nỗi kinh hoàng trong chúng, như cảm giác có một loài bò sát đang ẩn náu nơi nào đó thành linh xuất hiện gây ớn lạnh xương sống trong tôi. Đó là nỗi kinh hoàng không gây ra bởi nguyên nhân cụ thể nào, nhưng hiển nhiên nó là nỗi kinh hoàng thực sự. Bằng trực giác, tôi nhận ra nó là một thứ gì đó vẫn còn đang sống. Không sai đâu, những con sóng này vẫn đang sống. Và chúng sẽ chộp giữ , chơi đùa với tôi theo sự lên xuống của dòng thủy triều. Ngay khi tôi đang mơ màng viễn vông về nó, thì con vật ăn thịt người khổng lồ này bám lấy và ăn tươi nuốt sống tôi bằng hàm răng nhọn hoắt của nó. Một cơn gió đang ẩn nấp đâu đó ngoài cánh đồng. Tôi nghĩ thầm là mình phải thoát khỏi nơi này thôi.

“Tôi quay sang K nói: “Mình đi thôi”. Cậu ta đứng cách đó khoảng 10 mét và quay lưng lại tôi, đang nhìn cái gì đó như thể đang soi chiếu mình trong đó. Tôi đã nói khá lớn, nhưng dường như K không nghe thấy tiếng tôi. Hay có lẽ cậu ta đang bị hấp hồn vào những gì mình đã khám phá ra mà không hề nghe thấy lời tôi nói. Cũng như khi nằm mơ, người ta quên mọi thứ của thế giới bên ngoài này. Hoặc có lẽ

giọng tôi không đủ lớn như tôi tưởng. Tôi nhớ rõ ràng là nó không giống như giọng nói của tôi, mà của một người nào đó hoàn toàn xa lạ.

“Rồi tôi nghe thấy tiếng rên rỉ, nó đủ lớn để làm rung động cả quả địa cầu này. Không, trước khi âm thanh rên rỉ này vang lên, tôi có nghe một âm thanh khác nữa, một thứ âm thanh rất lạ, đó là âm thanh của một dòng nước lớn phun ra từ một cái lỗ. Sau âm thanh phun của nước một chút, tiếp tục âm thanh rên rỉ hầu như không thể nhận thấy giống như tiếng đùng đùng của sấm chớp từ rất xa. Nhưng K vẫn không nhìn lên xem nó là gì. Cậu ta vẫn đứng đó nhìn chăm chăm lơ đãng vào cái gì đó dưới chân mình. Tất cả giác quan của cậu tập trung vào chỗ đó. K thậm chí có lẽ không nghe thấy âm thanh rên rỉ đó. Tôi không biết làm thế nào mà cậu ta lại không nghe thấy cái âm thanh kinh khủng đến đáng sợ đó. Nó giống như sự rung động rất mạnh của trái đất. Có lẽ nó là âm thanh mà chỉ mình tôi nghe thấy. Nói ra thật kỳ lạ, nhưng tôi luôn tự hỏi phải chăng nó được tạo ra chỉ để mình tôi nghe? Ngay cả con chó đứng cạnh tôi dường như cũng không nhận thấy âm thanh đó. Trong khi loài chó vốn dĩ rất thính tai. “Tôi cần phải đến chỗ của K để lôi cậu ta đi, tôi tự nhủ. Không còn cách nào khác. Tôi biết rằng con sóng đang tới, nhưng K thì không. Thế nhưng đôi chân tôi, vốn biết điều gì sắp xảy ra, lại xoay về hướng ngược lại, trái với ý định của tôi. Tôi chạy về hướng con đê chắn sóng. Chắc hẳn đó là do một nỗi hãi sợ trào dâng đã xui khiến tôi làm điều ấy. Nỗi sợ đó khiến tôi không còn thốt nổi thành lời, nhưng lại khiến chân tôi di chuyển rất nhanh. Tôi loạng choạng chạy băng qua bãi cát mềm trên bờ biển; đến nơi, tôi ngoái lại phía K mà hét lớn:

“Coi chừng. Ngọn sóng đang đến đấy”. Tôi gào lên. Và tôi chợt nhận ra rằng cái âm thanh ùng ùng kia đã tắt lặng. Cuối cùng K cũng nghe ra tiếng la của tôi và ngẩng đầu lên. Nhưng đã quá trễ. Chính trong khoảnh khắc đó, một ngọn sóng dâng cao như con rắn khổng lồ chuẩn bị tấn công và ập xuống bờ biển. Cả đời tôi chưa từng thấy một cảnh tượng nào giống như thế nữa. Ngọn sóng thần cao hơn cả một tòa nhà ba tầng. (Hầu như nó không gây một tiếng động nào, hay ít ra thì trong ký ức tôi, nó không vang lên một thanh âm nào hết, đó là một ngọn sóng vô thanh). Nó dâng cao như che lấp cả bầu trời xanh phía sau lưng K. Trong một khoảnh khắc, cậu ta nhìn tôi chăm chú với vẻ như không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Nhưng dường như K cũng nhận ra điều gì đó đang đến và nhìn xung quanh. Cậu ta cố gắng thoát khỏi nó. Nhưng cậu đã cùng đường. Trong khoảnh khắc kế tiếp ngọn sóng nuốt chửng cậu ta. Nó giống như một sự va chạm với một đầu máy vô hồn đang lao hết tốc lực.

“Âm thanh ùng ùng to lên và ngọn sóng gãy vỡ, đập mạnh tàn bạo vào bờ biển, như một vụ nổ quăng ném những mảnh vỡ tứ tung trong không khí rồi đập thẳng vào bờ đê, nơi tôi đang ẩn náu. Nhưng chúng lướt qua tôi bởi tôi được con đê chắn sóng dài che chở phía trước. Những lưỡi nước tung toé ra sức vượt qua bờ đê nhưng chỉ làm tôi ướt áo quần mà thôi. Ngay lập tức tôi trèo lên đỉnh đê và nhìn xuống phía dưới bãi bờ. Ngọn sóng đã cuộn cuộn quay mình về biển cả thét lên những thanh âm cuồng nộ liên hồi. Như thể có ai đó đã trải một tấm thảm lông cừu khổng lồ đến tận cùng bờ đất. Tôi căng mắt kiếm tìm vô vọng nhưng nào thấy bóng dáng K đâu. Chỉ trong khoảng thời gian dài bằng một làn hơi thở, ngọn sóng đã rút đi quá xa đến nỗi dường như đại dương đã cạn khô và đáy biển phơi bày.



Tôi rúm mình trên con đê chắn sóng.

“Im lặng đã trở lại. Một sự im lặng tuyệt vọng như thể mỗi thanh âm đã bị tước đoạt tàn nhẫn. Ngọn sóng đã nuốt chửng K và rút đi xa. Tôi không thể chắc là mình sẽ làm gì tiếp nữa. Tôi nghĩ có lẽ mình nên quay xuống bờ biển. Có lẽ K chỉ bị chôn vùi trong lớp cát gần đấy thôi. Nhưng rồi tôi thay đổi ý định và không rời khỏi con đê chắn sóng nữa. Tôi đã biết rằng những con sóng thần đó có thể đến hai hay ba lần đồng thời.

“Bây giờ tôi không thể nhớ bao nhiêu thời gian đã trôi qua lúc đó. Có lẽ là không lâu lắm. Chừng mười đến hai mươi giây hay cũng gần như thế. Dù sao đi nữa, trong khoảng thời gian không thể thấu nhập được đó, ngọn sóng thần đã quay trở lại đập vào bến bờ đúng như tôi chờ đợi. Thanh âm cuồng nộ lắc lư tàn bạo trái đất như mới trước đây thôi, thế rồi tiếng ồn dứt bặt và sau cùng sóng lại dâng cao như đầu con rắn độc. Tất cả diễn ra chính xác như lần trước. Ngọn sóng thần dâng cao che lấp bầu trời, như một vách đá định mệnh vây khốn tôi phía trước. Nhưng lần này tôi không cách nào tránh khỏi. Như bị bỏ bùa mê, tôi đứng đó chết trân trên bờ đê nhìn cái chết đến gần lơ lửng trên đầu. Tôi đã từng có cảm giác này khi nhìn K bị cuốn đi, rằng thật vô ích khi tìm cách trốn chạy. Hay có lẽ đứng trước nỗi sợ đang ngập tràn thế này tôi chẳng còn biết làm gì khác là lại thu mình lại trên bờ đá. Giờ đây tôi chẳng còn nhớ rõ chuyện đó xảy ra như thế nào nữa.

“Ngọn sóng thần thứ hai lớn như ngọn sóng đầu. Hay thậm chí còn lớn hơn. Đầu tiên, nó từ từ dâng lên với hình dạng méo mó như một tường thành xây bằng gạch bị đổ ụp xuống, ngọn sóng lung lay đến tận ngọn. Nó quá lớn và trông như không phải là một con sóng thực

sự. Hình dạng nó hoàn toàn khác với hình một con sóng. Có một điều gì đến từ một thế giới xa xôi dưới dạng hình một con sóng nhưng đồng thời cũng không phải là nó. Tôi đã tôi luyện ý chí của mình và chờ đợi khoảnh khắc khi bóng tối chụp lên đời tôi. Thậm chí tôi không thèm nhắm mắt. Tôi nhớ là mình đã nghe ra tiếng tim đập thành thịch. Khi ngọn sóng đến ngay trước tôi, nó dừng lại và lơ lửng như thể thành linh nó đã bị đánh mất toàn bộ sức lực. Nhưng chỉ sau đó khoảng một giây, trong khoảnh khắc ngọn sóng đổ ập xuống, một nửa ngọn sóng bị gãy ra tan nát và nó dừng lại. Trên đỉnh đầu ngọn sóng, giữa cái lưỡi sóng dữ dội và trong suốt đó, tôi rõ ràng nhận ra hình dáng của K.

“Có lẽ không phải ai trong các bạn cũng có thể tin được điều này. Chắc chắn là vậy. Nói thẳng ra là lúc ấy tôi cũng không thể tin được là có chuyện như vậy xảy ra. Tất nhiên là chẳng thể nào lý giải được chuyện đó. Nhưng đó không phải là giấc mơ, cũng không phải là ảo ảnh. Đó là chuyện có thật, không có một tí gì bịa đặt đâu. Như được nằm trong một vỏ bọc trong suốt, hình dáng K lơ lửng lơ trên đầu ngọn sóng. Và không chỉ có thế, K đang cười với tôi. K hiển hiện ngay trước mắt tôi, gần đến nỗi tôi có thể với tay chạm vào anh ta. Tôi có thể nhìn ra gương mặt người bạn thân nhất của tôi mà. Gương mặt mà mới thoáng trước đã bị ngọn sóng nuốt chửng. Không thể làm lẫn được. Anh ta bắt đầu cười với tôi. Không phải là một nụ cười bình thường. Một nụ cười ngoác rộng đến mang tai đúng nghĩa. Nụ cười lạnh lùng tàn nhẫn. Nhìn trừng trừng trân trối vào tôi. K vươn cánh tay phải về phía tôi. Như thể cậu ta muốn nắm lấy tay tôi và kéo tôi vào thế giới đó của cậu ta. Tuy nhiên cánh tay đó không thể níu lấy tôi được. Rồi K lại ngoác miệng cười với tôi thêm một lần nữa. Thậm

chí nụ cười này K còn ngoác miệng lớn hơn nữa.

“Chắc là sau đó tôi đã ngất đi. Tôi chỉ biết rằng sau đó tôi thấy mình nằm trên giường bệnh của bệnh viện cha tôi. Khi tôi mở mắt, người y tá gọi cha tôi và ông đến ngay lập tức. Ông nắm tay tôi và bắt mạch rồi nhìn vào hai con người và đặt tay lên trán tôi xem nhiệt độ. Tôi cố gắng giơ tay lên nhưng không thể. Tôi bị sốt như thể đang nằm trên đồng lửa. Đầu óc mụ mị đi không thể suy nghĩ được gì. Dường như tôi bị sốt khá lâu. Con hôn mê đúng ba ngày trời, cha tôi nói. Một người láng giềng đã chứng kiến từ xa cảnh tượng con ngã xuống đã vớt con lên và mang về nhà. Thằng K bị sóng cuốn trôi không tìm ra tung tích. Cha tôi nói. Tôi biết tôi muốn nói với cha tôi vài điều. Tôi phải nói với cha tôi. nhưng lưỡi tôi sưng phồng và cứng ngắc. Tôi không thể thốt ra một lời nào. Tôi cảm thấy như có một loại sự sống hoàn toàn khác đang trú ẩn trong miệng tôi. Cha hỏi tên tôi; tôi vất vả nhớ lại tên mình. Nhưng chưa kịp nhớ ra thì tôi đã lại ngất đi, chìm trở lại vào bóng tối.

“Tôi nằm trên giường bệnh đúng một tuần, gắn chặt vào cái bình truyền dịch. Tôi nôn thốc nhiều lần và gặp những cơn ác mộng. Trong suốt thời gian đó, cha tôi thật sự lo lắng rằng cú sốc và cơn sốt cao như thế sẽ gây hại cho tâm trí tôi về sau này. Tình cảnh tôi bi đát đến mức nếu tâm trí tôi không bị chấn thương thì mới là chuyện lạ. Tuy nhiên tôi dần hồi phục một cách chậm chạp. Và trải qua vài tuần nữa, tôi dần trở lại được với đời sống như trước kia. Tôi ăn uống bình thường trở lại và tiếp tục đi học. Nhưng dĩ nhiên không phải tất cả đều trôi chảy như trước.

“Người ta chẳng bao giờ tìm thấy thi thể của K. Cả xác con chó bị cuốn đi cùng với K cũng thế. Thường thì thủy triều sẽ mang những

xác chết đuối từ bờ biển về một con lạch nhỏ phía đông và vài ngày sau thi thể sẽ giạt vào bờ. Nhưng người ta chẳng bao giờ biết được điều gì đã xảy ra cho thi thể của K. Có lẽ cơn sóng khủng khiếp trong trận bão đó đã cuốn K đi xa đến mức xác chết không thể nào giạt vào bờ được nữa. Chắc K đã chìm xuống dưới đáy đại dương và làm mồi cho cá. Cuộc tìm kiếm xác K vẫn tiếp diễn một thời gian dài với sự trợ giúp của những người đánh cá địa phương. Nhưng sự tìm kiếm ngày càng thu hẹp dần và cuối cùng thì dừng hẳn. Bởi không tìm thấy xác chết nên người ta cũng không tổ chức lễ tang cho K. Từ sau việc đó, cha mẹ trở nên điên điên dại dại vì quá sầu thảm, suốt ngày lang thang vô vọng trên bờ biển hay thu mình ở xó nhà mà tụng kinh.

“Nhưng mặc dù phải chịu đựng một tai họa lớn chừng ấy, cha mẹ K vẫn không một lần trách mắng tôi chuyện tôi đã đưa K ra bờ biển giữa cơn chớp giạt bão bùng. Họ biết rõ rằng tôi thương K như đứa em trai và rất mực quý trọng cậu ta. Cả cha mẹ tôi cũng dường như tránh đụng chạm đến biến cố mà tôi đã tham gia. Nhưng tôi biết điều ấy. Nghĩ lại, tôi thấy rằng lẽ ra tôi đã cứu được K. Tôi chắc rằng mình có thể chạy đến chỗ K đứng và đưa K đến một nơi an toàn mà ngọn sóng khủng khiếp đó không thể nào với tới được. Chuyện đã khép lại nhưng mỗi khi tâm tư tôi quay trở về chuyện ấy, tôi lại nghĩ rằng lúc đó tôi vẫn còn đủ thời gian để cứu được K. Nhưng như tôi đã nói ở trên, lúc ấy tôi đã kiệt sức bởi nỗi lo sợ mù quáng và đã bỏ K để cứu chính mình. Bởi vì cha mẹ K không oán trách tôi và những người khác tránh nói về biến cố đó như tránh một căn bệnh ung thư, tôi đau khổ nhiều lắm. Cả một thời gian dài, tôi vẫn không sao hồi phục được sau cú sốc tâm lý đó. Tôi không đến trường, không ăn uống gì

được nhiều và suốt ngày chỉ nằm trên giường nhìn trần trời lên trần nhà.

“Dù cố gắng bao nhiêu đi nữa tôi cũng chẳng thể nào quên cảnh tượng K tựa trên những bọt biển trên đầu đỉnh sóng, ngoác miệng cười vui vẻ. Và tôi cũng không thể xóa khỏi tâm trí mình hình ảnh từng ngón một của bàn tay K chìa về phía tôi mời gọi. Khi tôi ngủ, gương mặt đó, đôi mắt kia luôn xuất hiện trong giấc mơ tôi như thể K đang nóng lòng chờ đợi tôi. Trong những giấc mơ đó, K thoát ra khỏi cái vỏ bằng bọt biển, nắm lấy cổ tay tôi và kéo tôi chìm vào con sóng. “Và tôi cũng có một giấc mơ khác. Tôi đang bơi. Đó là vào một buổi chiều mùa hè tuyệt đẹp, tôi bơi qua vùng nước nông rồi bơi ra biển. Mặt trời chiếu thẳng ánh sáng vào lưng tôi và nước vây bọc lấy thân tôi bốn bề. Nhưng thỉnh thoảng có vật gì túm lấy chân phải tôi. Tôi cảm thấy như một vòng vây bằng giá siết chặt mắt cá chân mình. Lực nắm quá mạnh khiến tôi không thể nào vùng vẫy thoát ra được. Và cứ như thế tôi bị kéo tuột xuống đáy biển. Nơi đó tôi thấy gương mặt K. vẫn như lần đó. Anh ta nhìn tôi trần trời, gương mặt gần như nứt toác ra vì nụ cười quá cỡ thợt mọc. Tôi cố gắng hét lên nhưng không có một thanh âm nào thoát ra cả. Nước nuốt chửng tôi và phổi tôi chứa đầy nước.

“Tôi thức dậy trong đêm, la hét, người đầm đìa mồ hôi và nghẹt thở. “Cuối năm đó, tôi van nài cha mẹ tôi cho tôi rời bỏ thị trấn này ngay lập tức đến một nơi nào khác. Như quý vị đã biết, tôi không thể nào tiếp tục sống ở bờ biển nơi ngọn sóng đã vùi chôn K và để tôi gặp ác mộng hầu như hằng đêm. Tôi phải đến một nơi nào xa cách nơi đây. Nếu không làm thế chắc chắn tôi sẽ phát điên. Khi nghe lời khẩn cầu của tôi, cha tôi bàn bạc thu xếp cho tôi chỗ ở mới. Thế là vào tháng

một, tôi đến thành phố Nagano và bắt đầu nhập học tiểu học ở một ngôi trường công. Gia đình họ hàng cha tôi sống gần đó và tôi được phép sống ở nhà họ. Tôi đã học hết trung học cơ sở và trung học phổ thông ở thành phố Nagano này.

“Tôi chẳng bao giờ về quê vào kỳ nghỉ. Cứ mỗi lần như thế, cha mẹ lại lên thăm tôi.

“Từ đó đến nay, tôi vẫn sống ở Nagano. Tôi tốt nghiệp trường cao đẳng kỹ thuật ở thành phố Nagano tìm được một chân làm việc ở một công ty cơ khí chính xác. Và vì thế mà chúng ta có mặt ở đây ngày hôm nay. Cuộc sống và nghề nghiệp của tôi bình thường như bao nhiêu con người khác. Như quý vị thấy đấy, tôi đâu có gì khác thường đặc biệt đâu. Tôi không phải là một con người xã hội nhưng tôi thích leo núi và bởi thế nên tôi cũng có một vài người bạn thân. Ngay khi tôi rời xa thị trấn quê nhà, những cơn ác mộng dần giảm xuống, và hầu như biến mất. Nhưng chúng không biến mất hoàn toàn. Chúng trở lại một cách định kỳ như người thanh toán hóa đơn đến gõ cửa phòng. Ngay khi tôi bắt đầu quên đi, những cơn ác mộng lại quay về. Những cơn mộng mị luôn giống nhau, chính xác đến từng chi tiết. Mỗi lần bắt gặp chúng, tôi lại vùng dậy và hét lớn. Khăn trải giường ướt đầm mồ hôi.

“Chắc hẳn điều đó đã giải thích tại sao tôi chưa bao giờ lập gia đình. Tôi không muốn đánh thức người nằm bên cạnh tôi lúc hai ba giờ sáng bởi tiếng la hét của mình. Cũng có nhiều người phụ nữ thương mến tôi nhưng tôi chưa từng qua đêm với một ai trong số đó. Nỗi sợ hãi tràn lan khắp xương tủy và điều đó không thể chia sẻ với ai được.

“Mãi cho đến ngoài bốn mươi tuổi, tôi vẫn chưa về thăm lại quê nhà

và cũng không dám bén mảng ra bờ biển lần nào nữa. Đừng nói gì đến việc ra khơi, ngay cả chính bản thân đại dương cũng làm tôi khiếp sợ. Tôi sợ rằng nếu mình ra biển, những việc xảy ra trong giấc mơ tôi sẽ biến thành hiện thực. Mặc dù thích bơi lội hơn bất cứ cái gì trên đời nhưng tôi chưa một lần dám bơi ở hồ bơi. Tôi cũng không thể đến gần những con sông sâu hay thủy triều cũng thế. Tôi tránh đi thuyền. Và tôi cũng không dám đi máy bay ra đại dương. Tôi không thể xua đuổi khỏi tâm trí mình cảnh tượng chính tôi sẽ bị chết đuối trong một đại dương xa lạ nào đó. Như cánh tay lạnh giá của K trong giấc mơ tôi, tôi không thể nào rũ bỏ được cái linh cảm u ám này ra khỏi ý thức của tôi.

“Vào mùa xuân năm ngoái, lần đầu tiên tôi về thăm quê nhà nơi K đã bị sóng cuốn đi. Cha tôi đã mất năm trước đó còn anh tôi thì đã bán cái nhà của gia đình để chia chác tài sản. Trong khi dọn dẹp nhà kho cho ngăn nắp, anh tôi tình cờ bắt gặp một hộp các tông chứa đầy những đồ chơi của tôi thuở nhỏ và anh đã gửi nó cho tôi. Hầu hết là những thứ tạp nhạp vô giá trị, nhưng nơi đáy hộp, một tập tranh của K đập vào mắt tôi. Tôi nghĩ có lẽ cha mẹ K đã tặng chúng cho tôi để làm vật kỷ niệm về K. Nỗi sợ lại dâng trào làm tôi nghẹt thở. Tôi có cảm giác rằng linh hồn K đã hồi sinh, hiển hiện trước mắt tôi qua những bức tranh đó. Tôi gói chúng lại bằng một lớp giấy mỏng, trả chúng vào hộp và dự định sẽ thiêu hủy chúng ngay lập tức. Nhưng dù bất cứ lý do nào đi nữa, tôi cũng không thể ném những bức tranh của K đi được. Nhiều ngày sau, tôi cũng đủ can đảm để tháo dây buộc lấy ra những bức tranh màu nước của K và mạnh dạn cầm chúng trên tay.

“Trong những bức tranh của K, ta dễ dàng nhận ra bóng dáng của

những phong cảnh, đại dương quen thuộc và những bờ biển, những cánh rừng và những cửa hàng tạp hóa. Tất cả vẫn hiển hiện với mức độ rõ ràng không ngờ. Và những vết lằn trong tranh vẫn mới nguyên như khi tôi xem chúng bao nhiêu năm về trước. Ngay khi tôi cầm những bức tranh trên tay, thậm chí chưa kịp nhìn cho kỹ càng, một niềm khát khao và thương xót dâng trào trong lòng tôi. Những bức tranh đó được vẽ bởi kỹ thuật điêu luyện và có một vẻ sắc sảo không ngờ đến mức bây giờ tôi vẫn còn hình dung ra được. Tôi có thể cảm thấy sâu sắc rằng đáy sâu linh hồn K đang hiện diện trong những bức tranh kia như chính linh hồn tôi vậy. Và tôi có thể hiểu được cách mà K nhìn thế giới xung quanh mình. Khi tôi ngắm những bức tranh, những điều mà chúng tôi đã chia sẻ với nhau và những nơi chúng tôi dạo bước đến lần lượt quay trở về trong tâm trí. Vâng, tất cả. Như thể đó là những cảm nhận tri giác của chính tôi vậy. Tôi có thể trực nhận ra thế giới chung quanh một cách rõ ràng minh bạch như nó khi tôi thấy trong lúc tôi và K cùng dạo bước thuở nào.

“Mỗi ngày, khi công việc đã hoàn tất, tôi quay trở về nhà lấy từng bức tranh ra ngắm nghía. Tôi có thể ngắm chúng liên tục mà không biết mệt. Những bức tranh ẩn chứa những cảnh sắc tuyệt vời của thời tuổi trẻ mà từ đâu tôi đã để nó trôi qua mất trong tâm trí mình. Khi tôi ngắm những bức tranh, tôi có cảm giác rằng những cảnh sắc đó dần thấm thấu vào đáy hồn tôi.

“Rồi sau khoảng một tuần lễ, tôi lại nảy ra một ý nghĩ mới. Phải chăng cách nghĩ của tôi đã hoàn toàn sai lầm? Khi K nằm trong đám bọt biển trên đỉnh đầu ngọn sóng, phải chăng anh ta thực sự ghét và giận dữ với tôi hay có lẽ K cố gắng đưa tôi đến một nơi nào khác? Nụ cười kỳ lạ trên gương mặt K phải chăng chỉ là một nụ cười thuần



túy? Tại sao K không ngắt đi vào lúc đó? Phải chăng K chỉ muốn gửi đến tôi một nụ cười triu mến cuối cùng trước khi chúng tôi xa cách nhau vĩnh viễn? Phải chăng vẻ căm thù mãnh liệt mà tôi thấy trên gương mặt K thực chất là sự phóng chiếu của nỗi sợ hãi từ đáy tim tôi? Và khi tôi nghiền ngẫm điều này trong những bức tranh màu nước của K, những suy nghĩ của tôi theo hướng này càng lúc càng trở nên mãnh liệt. Không phải vì những bức tranh mà chính bởi vì linh hồn thanh khiết và bình an của K hiện diện trong những bức tranh kia.

“Một lúc lâu trôi qua, tôi cứ ngồi ở đó. Tôi cảm thấy mình hoàn toàn không thể đứng lên được. Ngày đã trôi qua và bóng đêm chạng vạng dần phủ kín căn phòng. Cuối cùng, bóng tối thắm sâu và âm lặng ngự trị nơi này. Bóng đêm dường như kéo dài vô tận cho đến khi nó không còn có thể duy trì sức nặng và cân bằng với ánh sáng. Và dần dần ánh ngày chiếm lĩnh. Ánh bình minh một ngày mới đã dần nhuộm hồng bầu trời. Chim thức giấc hót líu lo.

“Tôi thấy mình phải quay trở về thị trấn quê nhà. Ngay lập tức.

“Tôi nhét vào vali những thứ cần thiết nhất, gọi điện thoại đến công ty xin phép nghỉ vì có công chuyện gấp rồi lên một chiếc xe điện, thẳng hướng về quê nhà.

“Thị trấn đã không còn là một thị trấn yên tĩnh hiền hòa ven biển như trong ký ức tôi. Qua giai đoạn thần kỳ phát triển kinh tế những năm 1960, giờ đây thị trấn đã trở thành một thành phố công nghiệp. Điều này làm cho cảnh vật bị biến đổi ghê gớm. Khu vực quanh nhà ga, nơi trước đây chỉ lác đác vài cửa hàng bán đồ lưu niệm bây giờ đầy rẫy hiệu buôn và rạp chiếu bóng duy nhất trong thành phố trước đây đã biến thành siêu thị. Ngay cả ngôi nhà cũ của tôi cũng không còn

nữa. Người ta đã phá huỷ nó mấy tháng trước và giờ đây chỉ còn phơi bày mặt đất. Tất cả cây trong vườn bị đốn sạch, và những hạt giống nhú mầm đây đó trên đất đen. Không cần phải nói thì quý vị cũng biết rằng căn nhà của K cũng tan tành mây khói. Mảnh đất đó đã trở thành bãi giữ xe tháng; những chiếc xe hơi và xe tải xếp ngay hàng thẳng lối. Dù vậy, tôi cũng chẳng thấy luyến tiếc điều gì. Tôi đã rời bỏ nơi chốn này quá lâu rồi.

“Tôi dạo bước trên bờ biển, leo lên những bậc thang dẫn đến đỉnh con đê chắn sóng. Đối mặt với con đê, biển lúc nào cũng thế, luôn trải rộng, không ai có thể cản ngăn được. Đại dương rộng lớn vô cùng. Tôi có thể nhìn thấy đường chân trời liền mạch phía xa kia. Cảnh sắc đó vẫn y hệt như biển thuở xa kia. Biển trải rộng như xưa, sóng liếm láp bãi bờ vẫn thế, và những bóng người lang thang dọc theo triền sóng vẫn như xưa. Ành sáng yếu ớt buổi hoàng hôn nhập nhoạng và mặt trời chậm chạp lặn xuống hướng tây như đang suy nghĩ một điều gì chăm chú lắm. Tôi ngồi xuống bờ biển, đặt hành lý cạnh bên và lặng lẽ ngắm hoàng hôn. Thật là một quang cảnh yên bình dễ chịu. Không có vẻ gì để gọi lên rằng một lần một trận bão tàn quét tàn phá nơi này, nơi mà ngọn sóng thần đã cuốn trôi mất của tôi người bạn thân thiết nhất. Chắc chắn chẳng có ai ở nơi này có thể nhớ được chuyện gì đã xảy ra hơn bốn mươi năm về trước. Tôi bắt đầu tự hỏi mình, phải chăng tất cả chỉ là huyền cảnh riêng tư gọi lên trong tâm trí tôi mà thôi?

“Tôi chợt nhận ra rằng bóng tối dày đặc vây quanh tôi bỗng nhiên biến mất. Cũng đột nhiên như khi xuất hiện, bóng tối đột ngột biến đi không để lại dấu vết. Tôi từ từ bước dần ra biển. Tôi đi đến bờ sóng và lội xuống biển mà không thềm xắn quần lên. Sóng vỗ vào đôi chân

tôi vẫn còn đang mang giày. Sóng vẫn vỗ bờ như khi tôi còn nhỏ. Và như một lời đề nghị hòa bình, sóng vỗ về chân tôi, làm ướt giày và áo quần tôi. Sóng dâng lên từng hồi rồi lại rút xuống. Các du khách trở mắt lạ lùng nhìn tôi, nhưng tôi không cần quan tâm đến họ. Sau khi đứng như vậy một lúc lâu, tôi quay trở lên bờ.

“Tôi nhìn lên bầu trời. Những đám mây nhỏ màu xám nhạt như những túm bông gòn nhỏ lững lờ trôi. Trời không một gợn gió nên những đám mây như đứng yên một chỗ. Thật sự thì tôi không diễn tả được, nhưng hình như những đám mây đang trôi trên bầu trời kia như chỉ dành cho một mình tôi. Tâm trí đưa tôi trở về thời tuổi nhỏ, khi tôi ra khỏi nhà để kiếm tìm mắt bão, lúc đó tôi đã ngẩng lên ngắm nhìn trời xanh y như lúc này đây. Trục quay của thời gian đã làm một cú thắng rít kinh khủng trong tôi. Quá khứ và hiện tại trộn lẫn vào nhau, như căn nhà cũ kỹ của tôi bị phá hủy rồi tất cả mảnh vỡ cuộn tròn trong dòng xoáy của thời gian. Tất cả những thanh âm xung quanh ngừng lại và ánh sáng chập chờn hư ảo. Tôi mất thăng bằng và ngã xuống ngọn sóng nhấp nhô. Trái tim tôi phát ra một tiếng hét lớn chất chứa nơi cổ họng, trong khi tay chân tôi mất hết cảm giác. Tôi nằm sóng soài một lúc lâu, không gượng đứng dậy nổi. Nhưng tôi không sợ gì hết. Không có gì phải sợ. Tất cả đều đã là quá khứ. “Từ lúc ấy tôi không còn gặp cơn ác mộng nào nữa. Tôi không còn thức dậy la hét vào nửa đêm. Tôi ước mình có thể bắt đầu lại cuộc đời và sống cho ra hồn. Nhưng chắc là không được. Đã quá trễ rồi. Từ giờ chắc tôi không còn nhiều thời gian nữa. Nhưng dù đã mất quá nhiều thời gian, tôi vẫn mừng vì mình đã trả hết nợ nần trước khi xuôi tay nhắm mắt và đã phục hồi được. Đúng như vậy đấy. Lẽ ra tôi có thể đến hết đời vẫn không được cứu chuộc, chỉ còn biết la hét vào

hư vô đáng sợ.

Người thứ bảy ngừng lời một lát, đưa mắt nhìn khắp lượt những người ngồi xung quanh. Không ai nói một lời. Trong phòng chỉ còn tiếng thì thầm nhẹ nhàng của hơi thở. Không ai nhúc nhích. Gió đã lặng hoàn toàn, người ta không nghe thấy một thanh âm nào từ phía ngoài vọng vào. Như thể đang tìm lời, người thứ bảy một lần nữa mân mê cổ áo sơ mi.

“Điều tôi nhận thấy là, nỗi sợ thực sự đối với con người chúng ta thường không hẳn là nỗi kinh hoàng...,” anh ta nói sau một hồi im lặng. “Nỗi kinh hoàng chắc chắn tồn tại đâu đó... Nó hiện ra dưới nhiều hình dạng khác nhau, và từng lúc nó vùi chôn chính sự hiện hữu của con người chúng ta. Nhưng điều đáng sợ nhất là chúng ta quay mặt đi và nhắm mắt lại trước nỗi sợ đó. Nếu làm như thế, chúng ta trở thành xa lạ với phần thiết yếu nhất của bản chất chúng ta. Trong trường hợp của tôi, đó là một con sóng.”

**Haruki Murakami**

### **Những bóng ma vùng Lexington**

Thực ra những chuyện này đã xảy ra nhiều năm về trước. Bởi vì những hoàn cảnh nào đó mà tôi phải thay đổi tên nhân vật, còn lại những chuyện khác là hoàn toàn có thật.

Tôi đã sống ở Cambridge, Massachusetts khoảng hai năm. Vào thời gian đó, tôi quen biết một tay kiến trúc sư. Ông ta điển trai, trạc ngoài năm mươi, tóc một nửa đã bạc trắng. Không to cao lắm nhưng ông rất thích bơi lội. Hầu như ngày nào ông cũng bơi nên có một hình thể khá hấp dẫn. Đôi khi ông cũng chơi tennis. Còn về tên tuổi, chúng ta cứ tạm gọi ông là Casey. Ông ta độc thân, sống ở một căn biệt thự cũ kỹ vùng Lexington, ngoại ô Boston cùng với một tay chỉnh dây đàn piano có gương mặt vàng vọt và vô cùng trầm lặng. Tên tay này là Jeremy. Anh ta khoảng ba mươi lăm, cao và mảnh dẻ như cây liễu, hơi bị hơi đầu. Ngoài việc chỉnh dây đàn piano, tay này còn chơi piano khá hay.

Một vài truyện ngắn của tôi đã được dịch ra tiếng Anh và đăng trên các tạp chí. Casey đọc chúng và gửi một lá thư cho tôi qua nhà xuất bản.

“Tôi rất thích truyện ngắn của ông và tò mò muốn biết ông là người thế nào”, ông ta viết. Thường thì tôi không gặp những người gửi thư ái mộ tôi (bởi kinh nghiệm cho thấy những cuộc gặp gỡ đó chẳng bao giờ vui vẻ hay thú vị gì lắm). Nhưng lần này tôi cho rằng gặp cái tay Casey này có vẻ được đấy. Anh chàng viết thư khá thú vị, đầy óc hài hước. Tôi cũng có tính lạc quan người ta thường có khi sống ở nước ngoài. Chúng tôi sống khá gần nhau. Dù thế, tất cả những điều trên bất quá cũng chỉ là lý do phụ. Lý do chính mà tôi muốn gặp cái ông Casey là vì ông ta đang sở hữu một bộ sưu tập tuyệt vời những đĩa nhạc Jazz xưa.

“Dù có tìm khắp xứ này ông cũng chẳng bao giờ tìm ra một bộ sưu tập cá nhân nào hoàn hảo đến thế đâu. Tôi biết rằng ông rất thích nhạc jazz, hay ít nhất thì ông cũng quan tâm đến nó”. Ông ta viết thế.

Đúng là như vậy. Chắc chắn là tôi quan tâm đến nhạc jazz rồi. Sau khi đọc thư của Casey; tôi muốn thấy tận mắt bộ sưu tập đĩa nhạc jazz đến mức không chịu nổi. Bộ sưu tập những đĩa nhạc jazz cổ đã gài bẫy tôi, khiến cho toàn bộ ý chí kháng cự lại đều tiêu tán, như thể một chú ngựa mê mẩn mùi hương của loài cây lạ.

Nhà Casey nằm ở vùng Lexington. Từ chỗ tôi đến đó mất khoảng nửa tiếng đi xe hơi. Khi tôi gọi điện, ông ta fax cho tôi một bản đồ chỉ đường chi tiết. Một buổi sáng sớm, tôi lên chiếc xe Volkswagen màu xanh, một mình lái thẳng đến nhà ông ta. Tôi nhanh chóng tìm ra. Đó là một căn nhà ba tầng cũ kỹ to lớn. Chắc hẳn căn nhà đã có mặt nơi này ít nhất là hơn một trăm năm. Ngay cả ở Boston này, nơi những ngôi nhà lân cận đều mang dáng vẻ phô trương, đứng uy nghi san sát cạnh nhau và đều có lịch sử lâu đời, căn nhà tráng lệ này vẫn nổi bật lên hẳn. Một mình nó đã đủ cho một tấm bưu thiếp.

Khu vườn giống như cả một cánh rừng mênh mông, những con chim giẻ cùi xanh biếc chuyển từ cành này sang cành nọ, không ngừng cất tiếng hót cao vút, vui tươi. Có một chiếc xe BMW mới đậu nơi lối xe hơi. Khi tôi dừng xe bên cạnh chiếc BMW, một con chó cỡ to đang ngủ trên tấm thảm chùi chân nơi hiên trước chậm chạp đứng dậy sủa hai ba tiếng một cách miễn cưỡng. Tiếng sủa của nó như có ý bảo “Thật ra tớ chẳng muốn sủa đâu, nên tớ chỉ sủa cầm chừng thế thôi”.

Casey bước ra bắt tay tôi. Cái bắt tay mạnh mẽ như để xác nhận một điều gì đó. Tay kia ông ta vỗ nhẹ vào vai tôi. Đó là một kiểu cách thường có ở ông ta. “Chào, tôi rất vui khi ông đến. Thật hân hạnh được quen biết ông”, ông ta nói. Ông mặc một cái áo sơ mi Italy màu trắng hợp thời trang, cúc cài lên tận cổ, một cái áo len casomia màu nâu sáng, và mặc một cái quần vải bông mềm. Ông còn đeo một cặp

kính nhỏ kiểu Giorgio Armani. Tất cả đều toát lên vẻ lịch lãm.

Casey đưa tôi vào trong nhà, mời tôi ngồi xuống cái trường kỷ trong phòng khách và mang ra một bình cà phê ngon tuyệt mới vừa pha xong.

Casey không phải là người quá ngạo mạn. Ông được giáo dục tốt và được ăn học chu đáo. Thời trẻ đã từng đi du lịch vòng quanh thế giới nên Casey là người rất hay chuyện, khéo ăn khéo nói. Chúng tôi trở nên thân thiết, và tôi thường đến nhà Casey chơi mỗi tháng một lần. Ông chia sẻ với tôi niềm hạnh phúc có được bộ sưu tập đĩa nhạc jazz tuyệt vời đó. Khi ở nhà Casey tôi đã được thưởng thức những đĩa nhạc vô cùng quý hiếm và giá trị mà bình thường tôi chẳng bao giờ tìm ra. So với bộ sưu tập đó thì hệ thống âm thanh nổi không đến nỗi tệ lắm, nhưng bộ ampli dùng đèn chân không lại tạo ra một làn âm thanh ấm áp và hoài cổ.

Casey dùng phòng đọc sách của mình làm văn phòng và đã lập kế hoạch đặt một cái máy vi tính lớn ở đó. Tuy thế, ông không nói cho tôi biết nhiều về công việc của ông. “Chẳng có gì quan trọng lắm đâu”, ông vừa nói vừa cười như để bào chữa. Tôi chẳng biết gì về những công trình kiến trúc mà Casey thiết kế. Ông dường như lúc nào cũng nhàn nhã. Ông Casey mà tôi biết lúc nào cũng ngồi trên cái trường kỷ trong phòng khách, nghiêng nghiêng ly rượu một cách tao nhã và đọc sách hay đóng tai nghe tiếng đàn piano của Jeremy. Hay có khi ông ngồi trên chiếc ghế đặt trong vườn mà chơi với chú chó. Đó chỉ là cảm giác của tôi, nhưng tôi nghĩ công việc của ông không đến nỗi vất vả lắm.

Người cha quá cố của Casey là một nhà tâm lý học nổi danh toàn quốc, đã viết khoảng năm đến sáu quyển sách và tất cả đang trên

đường trở thành kinh điển. Như bức thư của Casey cho biết, cha của ông cũng là một fan tận tụy của nhạc jazz, là bạn thân thiết của nhà sáng lập và sản xuất đĩa hát uy tín Bob Weinstock. Chính vì thế mà bộ sưu tập các đĩa nhựa vinyl nhạc jazz của ông ta thập niên 1940 đến 1960 toàn vẹn một cách đáng ngạc nhiên. Những thanh âm gợi cảm tuyệt vời và ta chẳng thể phàn nàn được gì về chất lượng tuyệt hảo của những đĩa hát. Hầu hết những đĩa hát này thuộc ấn bản đầu tiên và được giữ gìn trong điều kiện hoàn hảo. Cả những bao đĩa và những chiếc đĩa nhạc đều không có một vết dơ nào, dù là nhỏ nhất. Gần như là một điều huyền diệu vậy. Casey bảo quản chúng rất cẩn thận. Ông nâng niu từng đĩa nhạc trên tay như thể đang tắm cho một đứa bé sơ sinh vậy.

Casey không có anh chị em và mẹ ông mất khi ông còn trẻ. Cha của ông chẳng bao giờ tái hôn. Vì thế khi cha ông mất vì bệnh ung thư tuyến tụy mười lăm năm về trước, ông thừa hưởng toàn vẹn gia tài gồm căn nhà, các bất động sản khác và bộ sưu tập đĩa nhạc đó. Bởi Casey ngưỡng mộ cha mình hơn bất cứ ai khác và cũng rất yêu cha, ông không vất đi một đĩa nhạc nào mà giữ gìn toàn bộ rất cẩn thận. Casey cũng thích nghe nhạc jazz nhưng không phải là một fan cuồng nhiệt như cha ông. Thật ra thì ông thích nhạc cổ điển hơn. Mỗi dịp Osawa Seiji chỉ huy dàn nhạc giao hưởng Boston, ông và Jeremy chẳng bao giờ vắng mặt.

Sau khi tôi quen biết ông Casey chừng một năm, Casey nhờ tôi trông nhà trong lúc ông đi vắng. Chuyện này hiếm khi xảy ra, nhưng ông phải đi London khoảng một tuần vì công việc kinh doanh. Thường mỗi lần Casey đi công tác thì Jeremy trông nhà. Nhưng lần này vì mẹ của Jeremy đang sống ở miền Tây Virginia yếu người không được



khoẻ nên Jeremy phải về nhà chăm sóc. Jeremy vừa đi, nên Casey gọi điện cho tôi.

“Xin lỗi phải nhờ ông làm việc này. Nhưng tôi chẳng biết nhờ ai khác nữa”, ông ta nói. “Nói trông nhà vậy thôi chứ ngoài việc cho con Miles (tên con chó của ông) ăn hai lần một ngày thì ông chẳng phải làm gì khác đâu. Ông có thể nghe bất cứ đĩa nhạc nào ông thích. Và cũng có rất nhiều đồ ăn thức uống nữa. Ông cứ dùng tự nhiên”.

Tôi thấy lời đề nghị đó cũng không đến nỗi tồi. Vì hoàn cảnh riêng mà cho lúc ấy tôi đang sống một mình trong một căn hộ ở Cambridge. Căn nhà kế bên đang trong giai đoạn sửa chữa nên ồn ào suốt ngày không chịu nổi. Tôi mang thêm vài bộ quần áo, áo mưa, vài quyển sách và đến nhà ông Casey vào đầu giờ chiều ngày Thứ sáu. Casey vừa mới thu dọn đồ đạc xong và chuẩn bị gọi taxi.

“Đi London vui vẻ nhé”, tôi nói.

“Vâng, dĩ nhiên rồi”, Casey cười. “Hãy tận hưởng căn nhà và mấy cái đĩa nhạc nhé. Nơi này cũng không tệ lắm đâu”.

Khi Casey đi khỏi, tôi xuống bếp pha một ly cà phê. Sau đó tôi đặt cái máy tính của mình trên chiếc bàn trong phòng nghe nhạc kế bên phòng khách, rồi vừa nghe vài đĩa nhạc mà cha của ông Casey để lại vừa làm việc khoảng một tiếng đồng hồ. Dường như tôi sẽ làm được rất nhiều việc trong tuần tới.

Cái bàn lớn màu gỗ gụ có ngăn kéo ở hai bên. Chắc nó đã có mặt ở đây từ thời xa xưa. Nó là vật cổ xưa nhất trong căn phòng. Bên cạnh những vật thuộc một thời đại khác, như cái máy tính tôi mang theo chẳng hạn, nó như thể nó đã nằm nguyên đó suốt một thời gian dài không thể tưởng tượng được. Sau khi cha mất, ông Casey không thêm một chút gì dù chỉ một con tem vào căn phòng đó. Như thể

Casey xem nơi đó là một miếu thờ thiêng liêng hay như một nơi thánh tích vậy. Trong khi toàn bộ căn nhà phủ một lớp bụi thời gian thì riêng trong phòng nghe nhạc, dường như dòng thời gian mới ngừng lại ít phút đây thôi. Căn phòng được sắp đặt hoàn hảo. Không có lấy một mảy bụi nào bám trên những chiếc kệ, cái bàn được lau bóng lộn đến mức lấp lánh có thể soi gương.

Con Miles bước vào nằm dưới chân tôi. Tôi vuốt đầu nó vài cái. Nó là một con chó cô đơn kinh khủng và không thể chịu đựng được sự cô độc lâu hơn nữa. Người ta đã dạy cho nó biết cách ngủ ở một cái giường riêng trong xó bếp nhưng hầu hết thời gian nó cứ quanh quẩn bên chân ai đó, thân nhiên nép mình vào thân thể người ta. Phòng khách và phòng nghe nhạc được ngăn cách nhau bởi một cánh cửa cao. Trong phòng khách có một cái lò sưởi lớn bằng gạch và một cái trường kỷ bằng da thuộc rất tiện lợi dành cho ba người. Có bốn cái ghế bành lạc điệu, không đồng bộ và ba bàn uống cà phê cũng có kiểu dáng riêng biệt. Một tấm thảm Ba Tư trải trên nền nhà, tuy màu mè nhưng cũng đã phần nào nhạt phai. Trên trần nhà đung đưa một chùm đèn treo cổ kính. Tôi bước vào, ngồi xuống trường kỷ và quan sát những thứ xung quanh. Chiếc đồng hồ treo trên lò sưởi tích tắc giờ phút nghe như ai đó đang đập vỡ cửa sổ bằng đầu ngón chân.

Những kệ sách cao lớn bằng gỗ đứng dựa vào tường, chất đầy sách nghệ thuật và đủ loại sách chuyên ngành. Ba bên tường treo hai bức tranh sơn dầu vẽ một bãi bờ nào xa lạ, cách treo tranh đầy ngẫu hứng. Cảnh vật đó gợi ra một ấn tượng vừa phải, chừng mực. Trong tranh không hề có bóng dáng con người mà chỉ có bãi biển trải dài đơn độc. Chúng cho ta cảm giác như nếu áp sát tai vào những bức

tranh kia ta có thể nghe ra những cơn gió giá lạnh và những cơn sóng biển bạo tàn. Cả hai bức tranh đều trắng lẹ, nhưng không có bức nào thật sự nổi bật. Hai bức tranh cùng thoang thoảng một làn hương nhẹ nhàng kiểu nước Mỹ xưa (1), nhưng vẫn mang cái vẻ xa cách của những nhà giàu thừa tự.

Cái kệ thứ hai dựa vào bức tường rộng của phòng nghe nhạc, và tất cả những đĩa nhạc cũ xưa được sắp xếp ngăn nắp theo thứ tự alphabet của người hay nhóm nhạc trình diễn. Ngay cả Casey cũng không biết chắc có khoảng bao nhiêu đĩa nhạc. Chắc khoảng chừng sáu hay bảy ngàn gì đó. Ông có lần nói vậy. Và cũng khoảng chừng ấy đĩa nữa được xếp trong những hộp giấy các tông chất trên gác mái. “Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu một ngày kia nơi này chìm xuống lòng đất chỉ bởi sức nặng của toàn bộ đồng đĩa hát xưa cũ này, giống như ngôi nhà của dòng họ Usher (2)”.

Tôi lấy một đĩa nhạc Lee Connitz 10' đặt vào máy hát rồi ngồi vào bàn viết. Thời gian trôi lặng yên và dễ chịu. Tôi cảm thấy rất tuyệt như thể tôi vùi chôn mình vào tiếng quay tuyệt vời của đĩa hát. Thời gian trôi qua, tôi cảm thấy mình đã xây dựng và phát triển được mối quan hệ mật thiết với căn phòng này. Âm thanh vang vọng của âm nhạc xuyên thấm và lan tỏa vào mọi thứ đến từng ngõ ngách căn phòng, từng lỗ nhỏ li ti trên tường và đến cả những nếp gấp của màn cửa đang lay động.

Tối đó tôi đã khai một chai Montepulciano mà Casey dành riêng cho tôi. Tôi rót rượu vào một cái ly pha lê rồi ngồi trên trường kỷ, vừa đọc một quyển tiểu thuyết mới mua vừa uống vài cốc liền. Dù không kể đến lời giới thiệu của ông ta, tôi vẫn thấy rượu này thật tuyệt. Lấy trong tủ lạnh ra một miếng pho mát, tôi ăn với bánh bích quy. Bất cứ

lúc nào, căn nhà cũng lặng như tờ. Ngoài tiếng tích tắc của đồng hồ như tôi đã nói ở trên thì đôi khi chỉ nghe thấy tiếng xe hơi đi ngang trước nhà. Con đường bên nhà chỉ là một ngõ cụt. Vì thế, chỉ những người láng giềng mới sử dụng nó thôi. Khi đêm xuống, hầu như không có bóng dáng vật gì trên đường. Đã quen với cuộc sống ở Cambridge, với những đám sinh viên hiếu động, giờ đây tôi thấy mình như đang ở đáy đại dương. Như thường lệ, khi đồng hồ điểm mười một giờ, tôi cảm thấy hơi mệt. Đặt quyển sách qua một bên, tôi cầm ly rượu xuống bếp để rửa và nói với Miles câu chúc ngủ ngon. Cuộn tròn người trên chiếc giường với vẻ nhả nhục cam chịu, Miles gừ một tiếng nhẹ rồi nhắm mắt lại. Tôi tắt đèn và lên phòng ngủ ở tầng hai. Tôi thay bộ đồ ngủ và chẳng bao lâu sau đã chìm vào giấc ngủ say.

Tôi tỉnh giấc với một cảm giác trống rỗng không rõ hình dạng. Tôi chẳng biết mình đang ở đâu. Trong thoáng chốc, tôi mất cảm giác, như thể một cọng rau héo vậy. Cọng rau đã bị bỏ quên trong một cái tủ tối tăm suốt một thời gian dài. Phải mất một khoảng thời gian nữa, tôi mới nhớ ra được là mình đang trông nhà cho ông Casey. Trời ạ, tôi đang ở Lexington. Tôi sờ soạng tìm cái đồng đeo tay để dưới gối. Khi tôi ấn nút, thời gian hiện ra trong ánh sáng màu xanh. Bây giờ là một giờ mười lăm phút.

Tôi lặng yên ngồi dậy khỏi giường và với tay bật cái đèn nhỏ ở đầu giường. Phải mất cả phút tôi mới tìm thấy cái công tắc. Cái đèn hình hoa loa kèn được làm từ thứ thủy tinh bóng loáng phát ra một quang sáng màu vàng. Tôi dùng hai lòng bàn tay lau hai bên thái dương, thở mạnh và nhìn xung quanh căn phòng sáng sủa. Tôi xem xét từng bức tường, nhìn kỹ từng tấm thảm và ngược nhìn lên trần nhà. Thế rồi,

như thu gom những hạt đậu nằm rải rác trên sàn, tôi tập trung thu gom lại ý thức tôi, từng mảnh một và xác lập trở lại sự quen thuộc với thực tại của thân thể mình. Dần dần tôi nhận ra một điều gì đó. Đó là tiếng vang của một âm thanh. Một tiếng ầm nhỏ tựa như tiếng sóng vỗ bờ - thanh âm đó đã khuấy động và lôi tôi khỏi giấc ngủ say.

**Có ai đó đang ở dưới nhà.**

Tôi nhón gót đi ra cửa và nín thở. Ngay lập tức, tôi nghe tiếng đập của trái tim mình. Không thể làm lẫn được. Ngoài tôi ra còn ai đó nữa ở trong căn nhà này. Và không chỉ là một hay hai người đâu. Âm thanh nghe vắng vắng mờ nhạt như tiếng nhạc. Tôi không hiểu tại sao. Từ nách tôi, mồ hôi lạnh bắt đầu chảy nhỏ giọt. Điều gì đã xảy ra trong khi tôi đang ngủ vậy?

Điều đầu tiên mà tôi chợt nghĩ ra được đó là một kiểu trò đùa tinh vi. Casey giả vờ đi London trong khi thực ra ông ta ở lại rồi tổ chức một buổi tiệc giữa đêm khuya chỉ để hù dọa tôi. Dù nghĩ thế nhưng tôi vẫn không tin Casey là loại người có thể làm một trò đùa ngây ngô con trẻ như vậy. Khiếu hài hước của ông ta tinh tế và tao nhã hơn nhiều.

Hay có lẽ - tôi nghĩ trong khi vẫn đứng dựa vào thành cửa - những người dưới nhà có quen biết với Casey mà tôi không hay biết. Họ biết là Casey đã đi công tác khỏi thành phố (nhưng không biết tôi đến trông nhà cho ông), rồi quyết định nghỉ ngơi ở đây trong khi Casey vắng mặt. Dù sao đi nữa, tôi cũng chắc chắn rằng đó không phải là bọn trộm. Bởi khi kẻ trộm đột nhập vào một căn nhà nào đó thì thường chúng không chơi nhạc lớn như thế.

Tôi thay bộ quần áo ngủ rồi vớ lấy cái quần mặc vào. Tôi đi giày và khoác thêm vào người một cái áo len cùng với áo sơmi. Nhưng tôi

chỉ có một mình. Tôi muốn cầm theo vật gì đó trong tay. Nhìn quanh quần trong phòng, tôi chẳng thấy có vật gì thích hợp. Không có gậy đánh bóng chày hay que cời lửa. Trong phòng tôi chỉ thấy cái giường, cái bàn gương, cái kệ sách nhỏ, một bức tranh đặt trong khung.

Khi ra đến hành lang, tôi nghe rõ những tiếng ồn hơn. Từ cuối cầu thang, âm thanh một bản nhạc vui vẻ cổ xưa trôi lơ lửng vào hành lang như đám mây hơi nước. Giai điệu bài hát khá quen thuộc nhưng tôi không thể nào nhớ ra.

Tôi cũng nghe thấy những giọng nói. Bởi vì có nhiều giọng nói cùng cất tiếng hòa lẫn vào nhau nên tôi không thể đoán ra họ đang nói về chuyện gì. Thỉnh thoảng họ lại cất lên một tiếng cười lớn. Tiếng cười sáng khoái dễ chịu. Dường như người ta đang tổ chức tiệc tùng ở phòng dưới. Và qua những thanh âm vọng ra, ta biết buổi tiệc thành công tốt đẹp. Và như để điểm tô cho quang cảnh đó, tiếng chạm lanh canh giữa ly sâm banh và ly rượu vang cất lên vui vẻ. Tôi cũng chắc rằng có ai đó đang khiêu vũ. Tôi có thể nghe ra tiếng cọt két nhịp nhàng của những đôi giày da gõ trên sàn gỗ.

Tôi lên từ hành lang ra đến chỗ nghỉ của cầu thang. Nghiêng người tựa vào thành cầu thang, tôi nhìn xuống. Có ánh sáng từ cái cửa sổ cao thẳng đứng hắt ra, làm chỗ phòng đợi ngập trong một thứ ánh sáng kỳ dị, quái đản. Không có một bóng người. Những cánh cửa ngăn phòng khách với hành lang đóng chặt. Tôi biết là trước khi đi ngủ tôi đã để ngỏ những cánh cửa này. Tôi tuyệt đối chắc chắn điều đó. Chỉ có thể là ai đó đã đóng chúng lại khi tôi đã lên lầu đi ngủ.

Tôi hoàn toàn lúng túng chẳng biết làm gì. Có một cách quay trở lại giường ngủ ở tầng hai để ẩn náu. Khoá trái cửa lại, trườn lên giường

và... Xem xét vấn đề một cách bình tĩnh thì có vẻ đây là cách hành động khôn ngoan nhất. Nhưng lúc này khi đứng trên cầu thang, nghe tiếng nhạc vui tai và tiếng cười lớn như thế, tôi hơi bị sốc khi nhận ra thanh âm dần trở nên lắng dịu xuống như những gợn sóng trên mặt ao. Từ đó, tôi đoán ngờ ngợ rằng đây không phải là loại người bình thường.

Tôi thở một hơi dài và sâu rồi bước xuống cầu thang, tiến vào hành lang chính. Đế giày cao su của đôi giày thể thao rón rén đi từng bước trên sàn gỗ. Khi đến chỗ phòng đợi, tôi lập tức rẽ trái và tiến thẳng xuống bếp. Tôi bật đèn và lục tìm trong ngăn kéo một con dao phay chặt thịt to nặng. Ông Casey là người rất mê nấu nướng và có một bộ dao làm bếp đắt tiền của Đức. Lưỡi dao sáng quắc, không gợn vết nhơ ánh chiếu lên một vẻ khoái lạc và chân chính trong tay tôi. Nhưng khi tôi thử hình dung ra cảnh tượng mình bước vào một bữa tiệc vui nhộn mà nắm chặt một con dao phay chặt thịt to tướng trên tay, tôi nhanh chóng nhận ra đó là một ý tưởng tệ hại. Tôi mở vòi, rót một ly nước và trả lại con dao phay vào ngăn kéo.

Nhưng đợi đã, chuyện gì đã xảy ra với con chó vậy?

Lần đầu tiên, tôi nhận ra không thấy bóng dáng của con Miles đâu cả. Nó không còn nằm trên cái nệm đặt trên sàn. Miles đã đi đâu nhỉ? Không phải nhiệm vụ của nó là sủa gâu gâu khi có người đột nhập vào nhà giữa đêm khuya sao? Cúi người xuống, tôi thử sờ vào chỗ lõm xuống của tấm nệm mà Miles thường hay nằm, giờ đây đã phẳng phiu. Không còn một chút nào hơi ấm. Dường như Miles đã rời khỏi giường và đi đâu từ lâu lắm rồi vậy.

Tôi rời khỏi bếp, bước vào phòng đợi và ngồi xuống chiếc ghế dài ở đó. Tiếng nhạc và những câu chuyện vẫn tiếp tục không ngừng. Như

những con sóng, chúng cồn lên từng chập rồi lại chìm vào yên tĩnh, nhưng không bao giờ ngừng lại hoàn toàn. Có bao nhiêu người trong đó? Ít nhất phải mười lăm người. Hay có lẽ nhiều hơn, khoảng hai mươi người gì đó. Dù sao đi nữa, dường như căn phòng khách lớn kia chứa đầy những người là người.

Tôi thoáng nghĩ không biết mình có nên đẩy cửa bước vào hay không. Đúng là một quyết định lạ lùng và khó khăn. Xét cho cùng thì tôi là người trông coi căn nhà này và quản lý nó là trách nhiệm của tôi cơ mà. Nhưng mặt khác, tôi cũng là vị khách không mời mà đến. Tôi căng tai cố lắng nghe những mẩu đối thoại không mạch lạc vọng ra từ khe cửa nhưng không thể được. Chúng lẫn vào nhau thành một giọng đều đều đơn điệu khiến tôi không thể nào nhận ra từng giọng nói nào riêng biệt. Trong khi tôi nghe ngóng câu chuyện thì dường như có một bức tường thạch cao chắn trước mặt tôi. Tôi thọc tay vào túi lấy ra một đồng hai mươi lăm xu và lơ đãng xoay nó trong tay. Sự cứng chắc của đồng tiền và cảnh hướng thực tế đã trả cho tôi cảm giác của mình. Thế rồi một điều gì đó bập vào tôi, như thể có ai đó dùng một cái chày bằng bông đánh vào đỉnh đầu tôi.

### **Họ là ma.**

Đám người ngồi trong phòng khách, nghe nhạc và tán gẫu vui vẻ hoà nhã với nhau kia không phải là người thực. Áp lực không khí thay đổi giống như có một sự chuyển pha, và tai tôi kêu ong ong. Tôi cố nuốt vào nhưng không thể vì cổ họng tôi khô khốc. Tôi đút đồng xu vào túi và nhìn xung quanh. Tim tôi đập thành thịch.

Cho đến tận bây giờ tôi mới nhận ra điều kỳ quặc. Thật hoàn toàn lố bịch khi nghĩ rằng có ai đó đột nhập vào nhà và tổ chức đánh chén. Chắc chắn những tiếng xe đậu gần nhà và những bước chân nặng



nề ở cổng trước căn nhà đã phải đánh thức tôi dậy. Và chắc chắn con Miles phải sửa chửa.

Nói tóm lại, đám người kia không có cách nào đột nhập vào căn nhà này được.

Tôi muốn con Miles ở kế bên tôi. Và tôi muốn đặt tay mình vào chiếc cổ Miles, ngửi mùi và cảm thấy ấm áp từ làn da nó. Nhưng nào thấy bóng dáng Miles đâu. Chỉ có mình tôi bước vào, ngồi xuống chiếc ghế dài trong phòng đợi như bị bỏ bùa mê. Tự nhiên tôi cảm thấy khiếp sợ. Nhưng còn hơn nỗi khiếp sợ một cái gì cụ thể. Nó là nỗi khiếp sợ sâu thẳm và huyền bí như sa mạc bao la.

Hít vài hơi thở sâu, tôi nạp khí đầy buồng phổi. Từng chút một, tôi bình tâm trở lại. Cảm giác như thể ai đó lật những lá bài ở sâu trong ý thức tôi.

Rồi tôi đứng dậy và như lúc này tôi rón rén bàn chân mò ra hành lang. Tôi trở lại phòng ngủ. Không kịp thay đồ tôi nhảy thẳng lên giường. Tiếng nhạc và cuộc trò chuyện vẫn nghe văng vẳng. Tôi chẳng thể nào ngủ được nên đành nằm đó chờ sáng. Vẫn để đèn, tôi tựa mình vào thành giường và nhìn tròng tròng lên trần nhà, cố nghe những thanh âm của bữa tiệc bất tận phía dưới. Cuối cùng, tôi cũng chìm vào giấc ngủ.

Khi tôi thức giấc vào sáng hôm sau, trời đổ mưa. Cơn mưa phùn yên lặng chỉ làm ướt đầm trái đất. Những chú chim giẻ cùi hót líu lo dưới hiên nhà. Kim đồng hồ chỉ gần chín giờ. Những cánh cửa ngăn phòng nghỉ và phòng khách lại mở toang ra như đêm qua tôi đã mở trước khi đi ngủ. Phòng khách vẫn ngăn nắp. Quyển sách tôi đang đọc vẫn để mở trên trường kỷ. Những mẫu bánh quy còn nằm rải rác trên bàn cà phê. Đúng như tôi dự đoán, hoàn toàn không có dấu vết

gì của bữa tiệc tối qua. Miles nằm cuộn tròn nơi sàn bếp, ngủ ngon lành. Khi Miles thức dậy tôi cho nó ăn. Lắc lắc đôi tai, Miles ăn ngốn ngấu với vẻ say mê. Như thể chẳng có chuyện gì xảy ra cả.

Bữa tiệc ma quái này diễn ra vào giữa đêm đầu tiên mà tôi ở nhà Casey. Sau đó thì chẳng có gì bất thường xảy ra nữa cả. Những đêm bí ẩn lặng yên nơi vùng Lexington này lại tiếp tục ngự trị. Không có gì xảy ra. Nhưng không biết vì lý do nào đó mà hầu như hằng đêm, tôi đều thức dậy vào lúc nửa đêm. Luôn luôn là khoảng từ một đến hai giờ sáng. Tôi đoán chắc đó chỉ là sự căng thẳng khi nghỉ đêm tại nhà người lạ. Hay đó lẽ đó là sự lo âu rằng bữa tiệc lạ lùng đó lại tái diễn. Mỗi lần thức dậy như thế, tôi đều nín thở, vênh tai nghe ngóng trong bóng đêm. Nhưng tuyệt không có một âm thanh nào. Đôi khi tôi chỉ nghe tiếng lá cây xào xạc trong vườn. Và lúc đó, tôi lại bước xuống cầu thang, vô nhà bếp uống một ly nước. Miles vẫn cuộn mình trên sàn nhà, và mỗi lần thấy tôi, Miles vui vẻ thức giấc, vẫy đuôi và dúi dúi cái đầu vào chân tôi.

Tôi dẫn Miles lên phòng khách, bật đèn và cẩn thận nhìn xung quanh. Dù thế, tôi chẳng cảm thấy gì cả. Chiếc trường kỷ và cái bàn uống cà phê vẫn yên vị tại chỗ. Những bức tranh sơn dầu lạnh giá vẽ bờ biển Tân Anh quốc vẫn nằm trên tường như mọi khi. Tôi ngồi nơi chiếc trường kỷ khoảng mười đến mười lăm phút chỉ để giết thời gian. Và khi không thể khám phá ra manh mối gì của những chuyện đã xảy ra, tôi nhắm mắt lại và tập trung tư tưởng. Nhưng tôi chẳng cảm thấy gì. Chỉ đơn giản là tôi đang ở vùng ngoại thành trong một đêm yên tĩnh thanh bình. Tôi mở cửa sổ thông ra vườn và hít thở không khí mùa xuân đượm hương hoa. Những chiếc màn cửa lay nhẹ nhàng trong làn gió khuya và trong rừng có tiếng cú kêu.

Sau khoảng một tuần, khi Casey đi công tác London trở về, tôi quyết định không nói gì về chuyện xảy ra trong đêm đó, trong lúc này. Thực sự tôi không thể giải thích được tại sao. Tôi chỉ cảm thấy im lặng như thế thì tốt hơn. Thôi cứ như thế vậy.

“Sao, thế nào? Có chuyện gì xảy ra trong khi tôi vắng nhà không?”.

Casey hỏi tôi khi tôi đang đứng nơi phòng nghỉ.

“Không, chẳng có gì đặc biệt đâu. nơi này thật yên tĩnh và tôi làm được khá nhiều việc”. Đó hoàn toàn là sự thật.

“Tuyệt lắm”, Casey vừa nói vừa vui vẻ nhìn tôi. Rồi ông lôi từ trong túi xách một chai rượu uýtki Scotlen đắt tiền tặng tôi làm quà kỷ niệm. Chúng tôi bắt tay rồi chia tay nhau. Tôi lái chiếc Volkswagen trở về căn hộ của mình ở Cambridge.

Sau đó, tôi không gặp mặt Casey trong khoảng sáu tháng liền.

Chúng tôi cũng có nói chuyện qua điện thoại một vài lần. Mẹ của Jeremy đã mất. Vì thế anh chàng chỉnh đàn piano trầm lặng đó đã quay về miền tây Virginia vĩnh viễn. Vào thời gian ấy, tôi sắp sửa viết xong một quyển tiểu thuyết dài, bởi vậy tôi không rời khỏi phòng để gặp ai và đi đâu cả trừ trường hợp thật cần thiết. Mỗi ngày tôi dành hơn mười hai tiếng đồng hồ ngồi ở bàn viết, thành thử chắc là tôi đã không hề đi đâu xa nhà hơn một kilômét.

Lần cuối cùng tôi gặp Casey là ở một quán cà phê gần bến nhà thuyền sông Charles. Tôi dạo bộ ra đó để gặp mặt Casey và uống cà phê với ông. Tôi không biết tại sao ông Casey này lại trông già đi nhiều so với dạo trước. Đến mức tôi hầu như không thể nhận ra được ông. Trông như Casey đã già đi mười tuổi. Mái đầu ngày càng bạc trắng, những quầng tối húp lên dưới hai mắt và mu bàn tay có nhiều nếp nhăn hơn. Tôi không thể ngờ con người này lại là Casey

mà tôi biết đạo trước, một kẻ luôn luôn biết chăm sóc dáng vẻ của mình. Có lẽ Casey đang có tật bệnh gì chẳng? Nhưng Casey không nói gì về chuyện đó nên tôi cũng không tiện hỏi thăm.

Chắc chắn Jeremy sẽ không bao giờ quay lại Lexington. Casey vừa nói với tôi bằng một giọng trầm lặng vừa nhẹ nhàng lúc lắc đầu từ trái qua phải. Đôi khi tôi có gọi điện về miền Tây Virginia nói chuyện với Jeremy một vài lần. Cứ sốc trước biến cố người mẹ mất đi dù sao cũng làm thay đổi con người anh ta. Jeremy nói như vậy. Không còn là Jeremy của những ngày xưa cũ. Bây giờ Jeremy toàn nói về những chùm sao tử vi. Và anh ta cứ nói về những câu chuyện chiêm tinh rủi ro từ đầu đến cuối. Chẳng hạn như hôm nay thì chòm sao nào chiếu và ta có thể làm được việc hay không hay phải tránh đi. Toàn những chuyện như vậy. Khi còn ở Lexington này, chưa một lần nào Jeremy đề cập đến sao trời.

Tôi rất lấy làm tiếc. Tôi nói. Nhưng thực sự tôi không biết ông Casey này đang nói về ai và về cái quái gì.

"Khi mẹ tôi mất đi, tôi chỉ mới lên mười tuổi". Casey bắt đầu nói, mắt nhìn chăm chú ly cà phê.

"Bởi tôi không có anh chị em, nên khi mẹ tôi mất đi, chỉ có ba tôi và tôi bơ vơ trên cõi đời này. Mẹ tôi mất vì một tai nạn du thuyền vào đầu thu năm đó. Chúng tôi hoàn toàn không được chuẩn bị tâm lý cho cú sốc đột ngột đó. Mẹ tôi còn trẻ, lanh lợi và trẻ hơn ba tôi đến mười tuổi. Cả ba tôi và tôi đều không thể ngờ rằng một ngày kia mẹ tôi lại vĩnh biệt cõi đời. Vậy mà một ngày kia, bà đột ngột từ bỏ thế giới này. Đùng một cái. Như thể mẹ tôi tan biến vào không khí loãng. Bà thông minh, đẹp đẽ, ai ai cũng thích bà. Mẹ tôi thích đi dạo bộ, bà có những bước sải chân tuyệt vời, lưng thẳng băng, cái cằm mảnh

dễ hơi nhô ra một cách dịu dàng, hai tay đan chặt sau lưng. Bà bước đi với một dáng điệu vui tươi như thế. Và bà thường vừa đi vừa hát. Tôi thích cùng đi dạo bộ với bà, chỉ hai chúng tôi. Mỗi khi nghĩ về mẹ, tôi đều hình dung thấy bà đang đi trên bờ biển Newport, đắm mình trong ánh sáng rực rỡ một buổi sáng mùa hè. Những đường viền của chiếc váy dài mùa hạ dập dềnh bay trong cơn gió nhẹ. Đó là một cái váy cotton vải in hoa. Quang cảnh ấy còn in sâu vào tâm trí tôi như một tấm ảnh chụp.

Mẹ tôi rất yêu quý cha tôi và cha tôi thì thương yêu mẹ tôi kinh khủng. Tôi nghĩ chắc công ba tôi yêu mẹ sâu thẳm hơn yêu tôi nhiều. Cha tôi là loại người như thế đấy. Ông yêu quý những thứ mà ông chiếm hữu được bằng chính đôi tay mình. Đối với ông, tôi là một cái gì đó hiển nhiên đạt được nhờ một chuỗi sự kiện. Nói như thế không có nghĩa là cha tôi không yêu tôi. Tôi là con một của ông. Nhưng cha tôi chẳng bao giờ yêu tôi nhiều như yêu mẹ tôi. Điều này tôi hiểu lắm. Cha tôi yêu mẹ hơn bất cứ ai khác trên đời này. Sau khi mẹ tôi mất, ông không bao giờ tái hôn nữa.

Sau đám tang của mẹ, cha tôi ngủ vùi triền miên ba tuần liền. Tôi nói không quá lời đâu. Đúng ba tuần đấy.

Đôi khi cha tôi lão đảo rời khỏi giường. Không nói một lời, ông chỉ uống nước và ăn một chút thức ăn. Trông ông giống như một kẻ mộng du hay một bóng ma. Và sau một thời gian ngắn nhất có thể dùng cho việc ăn uống, ông lại chìm vào giấc ngủ. Với cánh cửa chớp đóng kín và bầu không khí lạnh lẽo trong căn phòng tối tăm, ông ngủ như nàng công chúa bị bỏ bùa mê. Ông hầu như không cử động. Ông không hề cuộn người lại và dáng vẻ vẫn như thường lệ. Tôi cảm thấy lo lắng không yên nên hết lần này đến lần khác, tôi đến

bên ông để xem xét. Tôi sợ rằng ông sẽ đột tử trong giấc ngủ. Mỗi khi đến bên giường để phủi nệm và đưa thức ăn cho ông, tôi đều quan sát kỹ gương mặt của cha tôi.

Nhưng cha tôi không chết. Ông chỉ ngủ say thôi, như một tảng đá vùi trong lòng đất. Tôi nghĩ chắc ông không mơ đâu. Trong căn phòng tăm tối và yên lặng, ta chỉ nghe ra được tiếng thở đều đều. Tôi chưa từng thấy một ai ngủ dài và sâu đến thế. Như thể ông đang du hành vào một thế giới nào khác. Tôi nhớ là lúc đó tôi vô cùng sợ hãi. Hoàn toàn đơn độc trong căn nhà to lớn, tôi như bị cả thế giới này bỏ rơi. Mười lăm năm sau, khi cha tôi khuất núi, rõ ràng tôi buồn rầu vô hạn, nhưng tôi hoàn toàn không ngạc nhiên lắm. Cha tôi khi đã chết trông cũng chẳng khác nào như lúc ông chìm trong giấc ngủ sâu kia. Ông giống hệt như khi đó, tôi tự nhủ. Cảnh đó tôi đã nhìn thấy rồi. Và cái cảnh đó, choáng ngợp, như một cái gì sâu trong nội tại tôi, giờ đã quay trở lại. Sau ba mươi năm, tôi lại quay về quá khứ như khi nó mới xảy ra. Chỉ có điều lúc này tôi không còn nghe thấy tiếng thở của cha tôi.

Tôi yêu cha tôi. Tôi yêu ông hơn bất cứ ai khác trên cõi đời này. Tôi cũng kính trọng ông. Nhưng còn hơn thế, tôi gắn kết với ông mạnh mẽ, cả về cảm xúc cũng như về tinh thần. Tôi biết điều này có vẻ lạ lùng, nhưng sau khi cha tôi mất, tôi cũng lên giường ngủ triền miên nhiều ngày trời, hệt như cha tôi đã ngủ sau khi mẹ tôi qua đời. Như thể tôi đã kế thừa một lễ nghi đặc biệt nào đó trong huyết thống của tôi.

Có lẽ là suốt hai tuần liền, tôi đã ngủ, ngủ, ngủ suốt... Tôi ngủ cho đến khi thời gian rữa nát và tan biến vào hư vô. Dù ngủ nhiều như thế nào đi nữa, tôi cũng thấy không đủ. Vào thời gian đó, đối với tôi

thế giới giấc ngủ là thế giới thực tại, còn thế giới hằng ngày ta đang sống chẳng gì khác hơn là một cõi tạm hão huyền. Đó là một thế giới nông cạn, trống rỗng sắc màu đời sống. Tôi nghĩ mình chẳng muốn sống thêm một tí nào nữa trong thế giới ấy. Dần dần tôi đã hiểu và hình dung ra được cảm giác của cha tôi như thế nào khi mất mẹ tôi. Ông có hiểu tôi nói gì không? Mọi vật cùng một lúc khoác một hình hài khác. Nếu không có những dáng hình mới đó, sự vật sẽ không thể tồn tại được.”

Casey im lặng trong thoáng chốc như đang suy nghĩ điều gì. Bây giờ là cuối thu, đôi khi tiếng những quả sồi rơi chạm đất tạo một âm vang vọng đến tai tôi.

“Tôi chỉ có thể nói một điều thôi”, Casey nói và ngẩng đầu lên, nụ cười kiểu cách quen thuộc nở trên môi. “Khi tôi chết đi sẽ chẳng có ai trên trần gian này ngủ một giấc dài và sâu để tiễn biệt tôi cả”.

Đôi khi tôi nghĩ về những bóng ma vùng Lexington, về tính cách họ, về số lượng họ mà tôi không bao giờ được biết, về bữa tiệc vui mà những bóng ma đó đã tổ chức trong phòng khách nơi căn nhà của Casey giữa đêm khuya. Tôi nghĩ về Casey và giấc ngủ dài sâu và đơn độc của ông như thể đang chuẩn bị dọn mình cho cái chết trong phòng ngủ trên tầng hai có cửa đóng kín. Và tôi cũng nghĩ về cha của Casey. Tôi nghĩ về Miles, con chó cô độc, về bộ sưu tập đĩa hát nhạc jazz và Jeremy chơi nhạc Schubert. Rồi chiếc BMW màu xanh đậu trước cửa nhà. Tôi cảm thấy tất cả chúng như thể đã xảy ra từ lâu lơ lửng ở một nơi nào xa lắc xa lơ. Cho dù chúng mới xảy ra gần đây mà thôi.

Cho đến tận bây giờ, tôi vẫn chưa kể cho ai nghe những chuyện này. Mỗi khi tôi gắng nghĩ về nó thì dù cho đây là câu chuyện thật sự kỳ

lạ, nhưng có lẽ vì khoảng cách thời gian, nó dường như chẳng còn lạ lùng gì với tôi nữa.

-----

Chú thích:

(1) Nguyên văn tiếng Anh: Tân Anh quốc, tức New England, vùng phía đông bắc của nước Mỹ, gồm các bang Maine, New Hampshire, Vermont, Massachusetts, Rhode Island và Connecticut.

(2) Ngôi nhà của dòng họ Usher (The House of Usher): truyện ngắn nổi tiếng của E. A. Poe, kể về ngôi nhà cùng với những nhân vật huyền bí của dòng họ Usher. Cuối truyện, ngôi nhà bị sét đánh, đổ nát trong nháy mắt và chìm xuống lòng đất vô tăm tích.

**Haruki Murakami**

**Phi cơ**

Buổi chiều đó nàng nói với chàng: “Xưa nay anh vẫn có thói quen nói chuyện một mình đúng không?”. Từ bên kia bàn, nàng nhướng mắt và hỏi chàng như thể đó là một ý nghĩ vừa chợt đến, nhưng rõ ràng nó không phải là một ý nghĩ bất chợt. Chắc nàng nghĩ mãi điều này từ khá lâu rồi. Thường thì vào những lúc như thế này, giọng nàng hơi khàn khàn và đanh lại. Nàng đã kiểm chế và uốn lười nhiều lần trước



khi nói ra như thế.

Hai người ngồi đối diện nhau ở chiếc bàn trong nhà bếp. Ngoài tiếng xe lửa dành cho người đi làm bằng vé tháng đôi khi chạy ngang qua đường ray gần đó, xung quanh đều yên tĩnh - hầu như lúc nào nơi đây cũng quá yên tĩnh. Những đường ray chạy ngang qua đây có một sự im lặng huyền bí riêng mình. Những miếng lót sàn bằng nhựa vinyl cho bàn chân trần một cảm giác lạnh lạnh dễ chịu. Chàng cởi tất ra nhét vào túi quần. Đó là một buổi chiều tháng tư khá ấm áp. Nàng xắn ống tay áo lên tận khuỷu. Chiếc áo sơ mi màu xám nhạt kẻ caro. Những ngón tay trắng trẻo thanh tú của nàng đùa chơi với chiếc thìa cà phê cầm trên tay. Chàng nhìn chăm chú vào đầu ngón tay nàng đang cử động, và tâm trí chàng chợt tê liệt trống trải lạ lùng. Dường như nàng nắm trong tay cả thế giới, và nàng bây giờ đang tháo bỏ dần những sợi tơ - một cách máy móc và thờ ơ - như thể nàng phải làm điều đó cho dù lâu đến đâu đi chăng nữa.

Chàng chỉ ngó xem và chẳng nói gì. Chàng không nói bởi chàng không biết nói gì. Chút cà phê còn lại trong ly bây giờ đã nguội ngắt và cô lại.

Chàng mới hai mươi còn nàng hơn chàng tới bảy tuổi, đã lập gia đình và là mẹ của một đứa con. Đối với chàng, nàng như thể ở bề mặt trái của mặt trăng xa xôi.

Chồng nàng làm việc ở một hãng du lịch chuyên về mảng du lịch nước ngoài. Vì thế mà anh ta mỗi tháng đều vắng nhà khoảng hai tuần để đến những nơi như London, Rome hay Singapore chẳng hạn. Chồng nàng rõ ràng rất thích opera. Có đến ba bốn quyển album nhạc dày cộp xếp trên kệ. Chúng được sắp theo tên của người sáng tác: Verdi, Puccini, Donizetti, Richard Strauss. Mấy

quyển album xếp thành dãy trông không có vẻ là một bộ sưu tập đĩa hát mà như một biểu tượng của cảnh quan thế giới vậy: im lìm, bất động. Chàng thường nhìn những đĩa hát của chồng nàng mỗi khi không biết nói gì hoặc không có gì để làm. Chàng đưa mắt nhìn gáy những quyển album từ trái qua phải rồi từ phải qua trái và đọc to trong đầu những tựa bài: “La Bohème”, “Tosca”, “Turandot”, “Norma”, “Fidelio”... Chàng chưa lần nào nghe thứ nhạc như thế, chưa từng có cơ hội nghe nhạc đó. Không ai trong gia đình chàng, bạn bè và người quen biết chàng là người hâm mộ nhạc opera. Chàng biết rằng có một loại nhạc là opera, biết có những người nào đó thích nghe loại nhạc này, nhưng bộ sưu tập đĩa hát opera của chồng nàng lần đầu tiên cho chàng một ý niệm thực sự về cái thế giới ấy.

Bản thân nàng cũng không thích loại nhạc này lắm. “Em chẳng ghét bỏ gì chúng đâu”, nàng nói. “Chỉ có điều chúng dài quá thôi”.

Kế bên kệ đĩa hát đó là một dàn âm thanh nổi hoành tráng. Cái vòi ampli to lớn nhập khẩu cong xuống nặng nề chờ lệnh, như một loài giáp xác được huấn luyện thuần thục. So với những đồ vật khiêm tốn khác trong phòng thì chiếc ống ampli này nổi bật hẳn lên. Nó có một hình dong quả thật khác thường. Người ta không thể không dán mắt vào nó. Nhưng chàng chưa một lần nào nghe thanh âm của dàn máy này. Nàng chẳng biết cái công tắc máy nằm ở đâu. Còn chàng thì chưa từng nghĩ đến chuyện sờ vào nó.

“Gia đình em chẳng có chuyện gì đâu”. Nàng mấy lần nói với chàng như vậy rồi. “Chồng em tốt với em lắm. Em yêu con gái của em. Em nghĩ mình rất hạnh phúc”. Nàng nói rất bình tĩnh, thậm chí có phần thanh thản. Chẳng có dấu hiệu gì cho thấy nàng đang loay hoay bào chữa cho cuộc đời mình. Nàng nói về cuộc hôn nhân của nàng với

về hoàn toàn khách quan, như thể đang bàn về luật giao thông hay đường chỉ tuyến quốc tế vậy. “Em nghĩ là mình hạnh phúc. Chẳng có vấn đề gì đâu”.

Vậy tại thế quái nào mà nàng ngủ với mình nhỉ? Chàng tự hỏi. Chàng nghĩ mãi mà không tìm được câu trả lời. Vậy cái gì mới gọi là “có vấn đề” trong một cuộc hôn nhân đây? Đôi khi chàng đã nghĩ mình nên hỏi thẳng nàng điều đó, nhưng chàng không biết bắt đầu ra sao?

Chàng sẽ nói như thế nào đây? “Nếu em hạnh phúc vậy tại thế quái nào mà em ngủ với anh?”. Liệu chàng có thể hỏi nàng như thế được không? Chàng chắc rằng điều đó sẽ làm nàng khóc nức nở.

Nàng đã khóc đủ rồi. Nàng thường khóc lâu, lâu lắm, thốn thức.

Chàng hầu như chẳng bao giờ biết tại sao nàng lại khóc. Nhưng khi đã bắt đầu khóc, nàng chẳng thể nào dừng lại được. Dù chàng có ra sức an ủi nàng đến thế nào đi nữa, thì sau khi một khoảng thời gian nhất định trôi qua nàng mới thôi khóc. Thực ra thì chàng chẳng phải làm bất cứ việc gì cả - sau khi trôi qua đúng ngần ấy thời gian, nàng sẽ ngừng khóc thôi. Tại sao người ta lại khác nhau đến thế nhỉ?

Chàng tự hỏi. Chàng đã chung chạ với rất nhiều đàn bà. Tất cả bọn họ đều khóc lóc hay giận dữ, nhưng mỗi người một kiểu. Họ có nhiều điểm chung đấy, nhưng cũng có quá nhiều khác biệt. Dường như không phải là vấn đề tuổi tác. Dù đây là lần đầu tiên chàng quan hệ với một phụ nữ lớn tuổi hơn mình nhưng sự khác biệt về tuổi tác không làm phiền chàng nhiều như chàng tưởng. Chàng cảm thấy rằng những khuynh hướng khác biệt của mỗi người có ý nghĩa hơn sự khác biệt về tuổi tác rất nhiều. Chàng không thể không nghĩ rằng đó là một chiếc chìa khoá quan trọng để giải mã những bí ẩn của đời người.

Thường thì sau khi khóc xong, chàng và nàng sẽ làm tình. Thường thì nàng là người chủ động. Còn không thì chàng phải chủ động thôi. Đôi khi nàng cũng từ chối, nhưng nàng chỉ lặng thinh lắc đầu. Rồi thì mắt nàng như mặt trăng trắng nhợt nhạt lơ lửng trên bầu trời lúc rạng đông. Mặt trăng phẳng lặng và kêu gọi mờ nhạt đi khi một con chim kêu lẻ loi lúc bình minh. Mỗi lúc chàng nhìn vào đôi mắt nàng như thế, chàng chẳng thể nói gì với nàng nữa. Chàng không cảm thấy giận dữ và phiền muộn gì. “Sự việc đúng như thế đấy”, chàng nghĩ thầm. Đôi khi chàng thậm chí còn cảm thấy thanh thản nữa. Họ sẽ ngồi nơi chiếc bàn nhà bếp, uống cà phê và lặng lẽ nói chuyện. Hầu hết thời gian họ chỉ nói với nhau rời rạc. Họ chẳng phải là người hay chuyện, và họ cũng có ít điểm chung để nói chuyện với nhau. Chàng chẳng thể nào nhớ được họ đã nói với nhau những gì, có nhớ chẳng chỉ là những chi tiết vụn vặt mà thôi. Và trong suốt thời gian đó, chuyến xe điện chở người đi làm xa1 đôi khi lại vụt qua cửa sổ. Cái cách họ làm tình thật chóng vánh và lặng lẽ. Đúng ra cuộc làm tình của họ chẳng có vẻ gì có thể gọi là sự hòa hợp thể xác. Dĩ nhiên, thật sai lầm nếu cho rằng họ chẳng biết gì đến cái lạc thú khi người nam và người nữ hòa nhập thể xác vào nhau, nhưng trộn lẫn với cái lạc thú đó là quá nhiều những ý nghĩ, yếu tố và những kiểu cách khác. Nó khác hẳn với những quan hệ xác thịt mà chàng đã trải qua. Nó làm chàng nghĩ đến một căn phòng nhỏ ngăn nắp gọn gàng đầy tiện nghi. Trên trần nhà của căn phòng đó có treo những sợi dây đủ màu sắc, đủ hình dạng, dài ngắn khác nhau và mỗi sợi như thế, theo một cách riêng, đều đem lại niềm sướng khoái cho chàng. Chàng muốn kéo một sợi dây đó và tất cả những sợi dây khác cũng muốn được chàng kéo. Nhưng chàng không biết mình nên kéo sợi

dây nào đây. Chàng cảm thấy mình có thể chọn một sợi dây và một quang cảnh tráng lệ mở ra trước mắt chàng, nhưng cũng rất có thể mọi thứ sẽ dễ dàng sụp đổ. Vì thế mà chàng do dự, và trong khi chàng do dự thì một ngày khác đã trôi qua.

Sự lạ lùng của tình huống này hầu như quá nhiều đối với chàng.

Chàng tin rằng mình đã sống bằng ý thức giá trị của riêng mình.

Nhưng một khi ở trong căn phòng này, khi nghe tiếng xe điện chạy ngang qua và ôm ấp một người phụ nữ yên lặng lớn tuổi hơn mình trong vòng tay, chàng không khỏi không cảm thấy lúng túng. Chàng đã tự hỏi mình không biết bao nhiêu lần: “Liệu mình có yêu nàng ta không?”. Nhưng chàng chẳng bao giờ tìm ra được câu trả lời nào hoàn toàn thuyết phục.

Khi hai người âu yếm nhau xong, bao giờ nàng cũng liếc nhìn đồng hồ. Nằm trong cánh tay chàng, nàng khẽ ngước mắt lên phía đầu giường nhìn vào chiếc máy thu thanh màu đen có gắn đồng hồ. Vào thời đó, những chiếc máy thu thanh gắn đồng hồ không có số dạ quang mà là những gạch số kêu những tiếng tích tắc nhẹ nhàng. Khi nàng nhìn đồng hồ, một chuyến xe điện sẽ chạy ngang qua cửa sổ. Điều đó giống như một phản xạ có điều kiện vậy. Nàng sẽ nhìn và xe điện sẽ chạy ngang qua.

Nàng phải nhìn đồng hồ để chắc chắn rằng không phải giờ mà đưa con gái bốn tuổi của nàng từ trường mẫu giáo trở về. Chính xác thì chàng đã một lần thoáng thấy bóng dáng con bé đó. Và dường như nó là một đứa trẻ đáng yêu. Đó là ấn tượng duy nhất mà chàng bắt gặp. Chàng chưa lần nào thấy mặt người chồng nàng, kẻ yêu nhạc opera và đang làm trong một hãng du lịch. Thật may mắn thay.

Đó là một buổi chiều tháng năm khi nàng lần đầu tiên hỏi chàng về

thói quen nói chuyện với chính mình. Hôm đó, nàng lại khóc. Và rồi sau đó họ lại làm tình. Chàng không thể nhớ điều gì đã làm nàng khóc. Đôi khi chàng tự hỏi mình liệu nàng cần mình có phải để có người cho nàng gục khóc trong vòng tay. Có lẽ nàng không thể khóc một mình được và vì thế nên nàng cần mình chăng?

Hôm đó, nàng khóa cửa, buông rèm và mang điện thoại để cạnh giường ngủ. Và họ lại quấn lấy nhau. Yên lặng và dịu dàng. Luôn luôn như thế. Chuông cửa reo vang nhưng nàng tảng lờ đi. Dường như tiếng chuông chẳng làm nàng giật mình tí nào. Nàng lúc lắc đầu như thể nói: “Đừng bận tâm. Chẳng sao cả đâu”. Chuông còn reo vài lần nữa cho đến lúc người gọi phải bỏ cuộc và rời đi. Đúng như nàng đã nói, “chẳng có gì đâu”. Có lẽ đó là một người bán hàng. Nhưng làm sao nàng biết được? Thỉnh thoảng một chuyến xe điện ầm ầm vút qua. Tiếng piano từ xa xói vọng lại. Chàng mơ hồ nhận ra giai điệu đó. Chàng đã nghe chúng một lần, lâu lắm rồi, từ khi chàng còn học nhạc, nhưng chàng không thể nhớ chính xác. Chiếc xe bán rau lóc cóc chạy qua trước cửa nhà. Nàng nhắm mắt lại, hít thở sâu, và chàng đặt đến đỉnh điểm một cách cực kỳ êm ái.

Chàng bước vào nhà tắm. Khi trở ra, chàng dùng khăn tắm lau khô người, và thấy nàng nằm úp mặt trên giường nhắm mắt lại. Chàng ngồi kế bên nàng, vuốt ve lưng nàng và đưa mắt lướt qua những tựa bài của các đĩa opera.

Chẳng bao lâu sau, nàng rời khỏi giường, mặc đồ tắm tất và đi xuống bếp pha cà phê. Sau đó một lát, nàng hỏi chàng: “Thói quen xưa nay của anh là hay nói chuyện một mình như thế, đúng không?” “Như thế nào cơ?”. Nàng làm chàng bất ngờ. “Ý em nói là trong khi chúng ta...?”

“Không, không. Không phải lúc đó. Lúc nào cũng thế. Chẳng hạn như lúc anh đang tắm, hay khi em đang ở trong bếp và anh một mình đọc báo hay đại loại như vậy”.

“Anh chẳng biết,” chàng vừa nói vừa lắc đầu. “Anh chẳng bao giờ để ý. Anh nói chuyện một mình à?”

“Anh đã nói một mình. Thật đấy”. Nàng vừa nói vừa nghịch cái bật lửa.

“Không phải là anh không tin em,” chàng nói. Cảm giác không thoải mái tác động đến giọng nói của chàng. Ngậm điếu thuốc trên môi, chàng lấy chiếc bật lửa trên tay nàng rồi châm lửa. Chàng mới bắt đầu hút thuốc “Thất tinh” gần đây thôi. Đó là loại thuốc của chồng nàng. Thường thì chàng hút loại “Hy vọng”. Chẳng phải nàng yêu cầu chàng chuyển sang hút loại “Thất tinh”; đó là do chàng nghĩ là mình cần phải lo xa vậy thôi. Chàng quyết định thế để cho chắc cú. Điều đó làm cho mọi chuyện thoải mái hơn. Cũng giống như trong mấy vở kịch mê lô trên tivi vậy.

“Em cũng từng hay nói chuyện một mình đấy,” nàng nói. “Đó là khi em còn nhỏ cơ.”

“Ồ, thật thế à?”

“Nhưng mẹ em bắt em phải thôi. Mẹ em từng nói: “Con gái nhà lành thì không nói chuyện một mình”. Và mỗi khi em nói chuyện một mình thì mẹ em giận điên lên. Mẹ nhốt em vào trong nhà kho. Đó là nơi tệ nhất mà em có thể hình dung ra được. Một nơi tối tăm và luôn có mùi ẩm mốc. Đôi khi mẹ em còn dùng thước đánh vào đầu gối em.

Nhưng tật xấu đó vẫn tiếp tục. Và nó cũng chẳng kéo dài bao lâu.

Cuối cùng thì em cũng đã bỏ được tật xấu này hoàn toàn đấy. Không còn nói một lời nào.”

Chàng chẳng thể nghĩ ra được điều gì để nói về chuyện này, nên chàng chỉ im lặng. Và nàng cắn môi.

“Thậm chí cả bây giờ, nếu em cảm thấy mình chuẩn bị nói gì đó thì em chỉ nín thinh mà thôi,” nàng nói. “Điều này giống như một phản xạ vậy. Nhưng tự nói với mình thì có gì là xấu? Chuyện đó tự nhiên mà. Chỉ là miệng mình phát ra những từ ngữ thôi. Nếu mẹ em còn sống, em nghĩ mình sẽ hỏi bà: “Tự nói với mình thì có gì là xấu?”.

“Mẹ em mất rồi à?”

“Đúng vậy. Nhưng em muốn chuyện rõ ràng. Em muốn hỏi bà: “Tại sao mẹ làm như thế với con?”.

Nàng nghịch cái thìa cà phê. Nàng liếc nhìn cái đồng hồ treo trên tường. Và ngay khi nàng làm thế, một chiếc tàu điện chạy ngang qua.

Nàng đợi cho chuyến tàu băng qua rồi nói: “Đôi khi em nghĩ trái tim con người ta giống như những cái giếng sâu. Không ai biết có gì ở dưới đáy. Và tất cả những gì người ta có thể làm là tưởng tượng những điều lâu lâu nổi lên bề mặt nước.”

Trong một lúc, hai người nghĩ về những cái giếng.

“Thế anh đã nói gì khi nói chuyện một mình?”, chàng hỏi. “Em cho ví dụ thử xem”.

“Hừm”, nàng nói. Và nàng chậm rãi lắc đầu vài cái như thể kiểm tra cẩn thận khả năng hoạt động của cổ mình vậy. “À, anh nói về những chiếc phi cơ...”

“Sao, những chiếc phi cơ à?”

“Ừ, anh biết đấy. Chúng bay trên trời ấy mà.”

Chàng cười. “Tại sao anh lại chỉ nói về mấy cái phi cơ nhỉ...”

Nàng cũng cười. Rồi nàng dùng hai ngón tay trở để đo chiều dài của



một vật thể tượng tượng nào đó trong không trung. Đó là một trong những thói quen của nàng mà chàng đã phát hiện được.

“Anh phát âm rất rõ từng từ mà. Anh có chắc là anh chẳng nhớ gì về những điều anh đã tự nói với mình không?”

“Anh chẳng nhớ gì cả.”

Nàng nhặt cây bút bi nằm trên bàn, nghịch cây bút một lát, rồi lại nhìn đồng hồ. Đồng hồ đang chạy. Trong năm phút từ lần ngó cuối cùng của nàng, đồng hồ đã chạy thêm năm phút.

“Anh đọc thoại với mình như thể anh đang ngâm thơ vậy”.

Khi nói điều này, chột nàng hơi đỏ mặt. Chàng thấy điều này lạ lùng. Tại sao thói quen tự nói chuyện của chàng lại làm nàng đỏ mặt chứ? Chàng cố gắng ngâm nga: “Tôi đọc thoại / hầu như là / Tôi đang ngâm / thơ”.

Nàng lại nhặt cây bút bi lên. Đó là cây bút bi nhựa màu vàng có cái logo kỷ niệm mười năm thành lập của một chi nhánh ngân hàng nào đó.

Chàng chỉ cây bút mà nói: “Lần sau mà em nghe anh nói cái gì một mình thì ghi ra cho anh nhé?”.

Nàng nhìn thẳng vào mắt chàng. “Anh thực sự muốn biết à?”

Chàng gật đầu.

Nàng lấy một mảnh giấy và bắt đầu viết cái gì đó. Nàng viết chậm nhưng cây bút luôn di động, không một lần nghỉ hay dừng lại. Tay chống cằm, chàng luôn nhìn chăm chú vào hàng lông mi nàng. Chốc chốc nàng lại chớp chớp mắt. Các lần chớp mắt không đều nhau. Càng ngắm cặp lông mi của nàng, cặp lông mi mà mới đây thôi còn ướt đầm nước mắt, chàng lại càng không hiểu. Việc mình ngủ với nàng thực sự có nghĩa gì nhỉ? Cảm giác mát mát xâm chiếm chàng,

như thể một phần của một hệ thống phức tạp đã bị căng ra, căng ra mãi cho đến khi nó trở nên giản đơn một cách đáng sợ. Có lẽ mình chẳng bao giờ có thể đi đến nơi nào khác nữa. Khi ý nghĩ này nảy ra với chàng, nỗi khủng khiếp hầu như quá sức chịu đựng của chàng. Sự hiện hữu của chàng, bản ngã của chính chàng sắp sửa tan biến. Phải, điều này mới là thực: Chàng còn trẻ như một đám bùn tươi và tự độc thoại với mình như là đang ngâm thơ.

Nàng ngừng viết và đẩy tờ giấy về phía chàng. Chàng chìa tay ra và nhận lấy.

Trong nhà bếp, dư ảnh một cái gì đó lớn lao vẫn còn nguyên hơi thở. Chàng thường cảm thấy sự hiện hữu của hình ảnh đó mỗi khi chàng ở bên nàng, như dư ảnh của một cái gì chàng đã đánh mất. Nhưng chàng đã đánh mất cái gì?

“Em thuộc lòng hết”, nàng nói. “Đây là những gì anh độc thoại đấy.”

Chàng đọc lớn:

*Chiếc phi cơ*

*Chiếc phi cơ bay*

*Tôi ngồi trên đó*

*Phi cơ bay nhanh*

*Nhưng dù như thế*

*Phi cơ đâu phải*

*Là bầu trời xanh?*

“Chỉ có thể thôi ư?”. Chàng sửng sốt.

“À há. Tất cả đấy”, nàng nói.

“Thật không thể tin được. Anh không thể tin là mình lại nói thế rồi chẳng nhớ gì cả.”

Nàng thoáng mỉm cười. “Thế nhưng anh đã nói đúng như vậy đấy.”

Chàng thở dài. “Thật là quá kỳ lạ. Anh chưa một lần nào nghĩ đến những chiếc phi cơ. Anh tuyệt đối chẳng nhớ gì về chúng cả. Vậy thì tại sao bỗng nhiên những chiếc phi cơ lại vọt ra thế nhỉ?”

“Em cũng có biết đâu. Nhưng đúng là anh đã nói thế trong lúc tắc. Có lẽ anh không nghĩ gì đến những chiếc phi cơ, nhưng trong một cánh rừng sâu thẳm xa xôi nào đó, con tim anh lại đang nghĩ về chúng.”

“Ai mà biết được? Có lẽ anh đang làm một chiếc phi cơ trong một cánh rừng sâu thẳm nào đó.”

Nàng đặt bút lên bàn rồi nhướn mắt nhìn chàng chăm chú.

Họ im lặng một lúc. Cà phê trong cốc đã sánh lại và nguội đi. Trái đất vẫn quay quanh trục và trọng lực mặt trăng vẫn gây ảnh hưởng âm thầm đến thủy triều. Thời gian lặng lẽ trôi đi và những chuyến tàu điện lao vút trên đường ray.

Chàng và nàng cùng đang nghĩ về chiếc phi cơ. Chiếc phi cơ mà con tim chàng đang làm trong một cánh rừng sâu thẳm. Nó lớn như thế nào, hình dạng nó ra sao, màu sắc của nó thế nào, nó sẽ bay đi đâu và ai ngồi trên đó.

Chỉ một lát sau, nàng lại khóc. Đây là lần đầu tiên nàng khóc hai lần trong một ngày. Và đó cũng là lần cuối. Đó là một điều đặc biệt đối với nàng. Chàng với tay qua chiếc bàn và chạm vào tóc nàng. Có điều gì đó có thực vô cùng khi chàng cảm nhận về mái tóc: cứng, thẳng mượt và quá xa xăm.

-----

Chú thích của dịch giả:

1 Vì ở Nhật Bản giá đất đai rất đắt nên những công nhân viên phải mua nhà cách chỗ làm một hai giờ tàu điện. Vào những giờ cao điểm, xe điện đông kín người và phải có nhân viên nhà ga đẩy người vào xe điện rồi đóng cửa lại. Người Nhật mĩa mai gọi cảnh tượng đó là “xe điện địa ngục”( Jigoku no densha).

### **Phong cảnh có bàn ủi**

Dịch giả Phạm Vũ Thịnh

*Lời người dịch: Truyện ngắn sau đây, "Airon No Aru Fukei", đăng trên tạp chí Shincho tháng 9 năm 1999, là truyện thứ hai trong tuyển tập "Các con của Thượng đế đều nhảy múa - KamiNo KodomoTachiWa Mina Odoru", được dịch từ nguyên tác tiếng Nhật, và đã được đối chiếu với bản tiếng Anh của Jay Rubin, Giáo sư Văn học Nhật Bản của Đại học Harvard, trong tập "After The Quake" do nhà Harper, London xuất bản năm 2002.*

*Trong truyện có nhân vật nói giọng địa phương Kansai miền Tây Nhật Bản, khác với giọng chuẩn miền Đông, vùng Tokyo. Bản dịch tạm dùng phương âm Quảng Nam để chuyển ngữ giọng Kansai đó.*

Điện thoại reo khoảng gần 12 giờ khuya, lúc Junko đang xem truyền hình. Keisuke đang ngồi gảy đàn ghi-ta điện ở góc phòng, ông nghe

ép vào tai, mắt lim dim, đầu lắc trái, lắc phải. Có vẻ đang tập một đoạn nhạc nhanh, những ngón tay dài lướt tới lui vội vã trên 6 dây đàn, hẳn hoàn toàn không nghe tiếng điện thoại reo. Junko nhặt ống nghe lên.

“Ngủ rồi hả?”. Tiếng ông Miyake thì thầm nho nhỏ, như thường lệ.

“Không sao, đã ngủ đâu”. Junko đáp.

“Bây chừ đang ở bãi biển đây. Cây trôi về nhiều quá chùng. Đốt lên một đám to phải biết. Tới được không?”

“Được chứ”. Junko nói. “Đi thay áo ngay đây, 10 phút là đến đấy”.

Junko mặc đồ lót chẵn, bên trên là quần bò và áo thun cổ rùa, thêm một áo khoác ngoài bằng len. Cô nhét bao thuốc lá vào áo khoác, chộp lấy ví, hộp diêm và chùm chìa khoá xe, xong đá nhẹ vào lưng Keisuke. Keisuke giật mình, gỡ ống nghe ra.

“Em ra bờ bể nhóm lửa đây.”

“Lại ông nội Miyake nữa chứ gì”. Keisuke nhú mày nói. “Đùa nhả quá. Đang tháng Hai lạnh cóng thế này mà đã 12 giờ khuya rồi, giờ này còn rủ ra ngoài bãi bể đốt lửa chơi nữa, trời ạ!”

“Thì anh đừng đi, em đi một mình được rồi.”

Keisuke thở dài. “Thì đi. Đi là được chứ gì. Đợi tí, đi thay áo ngay đây.”

Hắn tắt máy khuếch âm, mặc quần tây lên trên quần ngủ, trùm áo len vào, khoác thêm chiếc áo ngoài có độn lông ngỗng, kéo khóa lên tận cổ. Junko quấn khăn quàng quanh cổ, đội thêm mũ len lên đầu.

“Thật là quá quắt. Lập dị vừa thôi chứ. Đốt lửa thì có gì là vui thú đâu nào?”

Keisuke vừa bước về phía bờ biển vừa càu nhàu. Đêm lạnh nhưng hoàn toàn yên gió. Mở miệng ra là hơi thở đông lại theo dạng lời nói.

“Vậy chứ nhạc Pearl Jam thì vui thú gì nào? Chỉ ồn ào điếc tai thì có!”

Junko đối đáp lại.

“Này cô, Pearl Jam có đến hàng triệu người hâm mộ trên thế giới đấy.”

“Còn người thích đốt lửa đã có mặt trên thế giới này từ 5 vạn năm trước thì sao?”

Keisuke thừa nhận: “Ừ, có thể thật.”

“Pearl Jam sẽ hết thời, chứ chuyện đốt lửa chơi thì còn mãi.”

“Ừ, cũng có thể thật.”

Keisuke rút bàn tay phải ra khỏi túi áo, quàng vai Junko.

“Nhưng mà Junko, chuyện 5 vạn năm trước, hay 5 vạn năm sau, thì chẳng quan hệ gì đến anh cả. Hoàn toàn không. Chỉ quan trọng là lúc này thôi nhé. Thế giới ấy à, ai biết sẽ tận thế lúc nào? Chuyện xa vời ấy có suy nghĩ ra được chẳng? Điều quan trọng là bây giờ, ngay lúc này đây, có còn được bữa cơm mà ăn, có còn hứng tình cương cứng lên được hay không, mà thôi. Chứ gì nữa.”

\*

Leo mấy bậc tam cấp lên đứng trên đê thì thấy dáng ông Miyake ở chỗ mọi khi vẫn thấy. Ông đang chăm chú gom góp chất vào một đồng những thân cây đủ cỡ, đủ hình dáng, đã trôi dạt vào bờ biển. Trong số đó có một thân gỗ thật lớn, kéo lê được nó vào hẳn là cả một công trình.

Bờ biển được ánh trăng soi sáng trông như lưỡi dao mài sáng bóng. Sóng mùa đông không ngừng âm thầm rửa cát. Không có bóng người nào khác.

“Thấy chưa, gom được nhiều cây lắm đó nghe.”

Ông Miyake nói, cũng thở ra những hơi khói trắng.

Junko trầm trồ: “Nhiều thật đấy chứ.”

“Thỉnh thoảng cũng được một bữa như vậy. Mấy ngày trước biển động dữ lắm nghe. Độ rày, hể nghe biển gầm là tui biết liền bữa ni là có nhiều cây trôi về lắm. Quả nhiên đúng thiệt.”

“Tự mình khen mình từng ấy đủ rồi, đốt lửa nhanh lên đi ông ời. Lạnh thế này thì con chim quý hóa của tớ nó thun lại mất.”

Keisuke nói, hai bàn tay xuýt xoa chà sát nhau.

“Khoan, khoan, chờ chút đi. Chuyện ni phải thứ tự đàng hoàng mới được. Trước hết là phải lập kế hoạch cho chắc chắn không có sơ sót chi hết, sau đó mới cẩn thận cho lửa vô. Bộp chộp không được mô. Đến tụi ăn mày mà bộp chộp thì cũng chẳng ai cho bao nhiêu đâu đó.”

Keisuke nói: “Còn các em thoa xà phòng mà bộp chộp thì tớ chả kéo dài được bao nhiêu.”

Ông Miyake lắc đầu ngao ngán:

“Cái thằng ni, đừng có ý còn trẻ rồi nói giỡn kiểu ba trợn đó nghe.”

\*

Những thân gỗ lớn cùng những que nhỏ được sắp xếp xen kẽ một cách khéo léo, chất chồng lên nhau như một hình khối mỹ thuật tiền vệ. Ông Miyake lùi vài bước, xem xét kỹ càng hình khối đó, sửa lại phối trí các cây gỗ, xong lại bước qua phía bên kia, ngắm nghía, xem xét, sửa đổi. Cứ làm đi làm lại vài bận như thế, chỉ cần xem cách đan kết của những thân gỗ, mà trong trí hiện lên càng lúc càng rõ cái hình dạng mà lửa sẽ cháy lên theo. Giống như nhà điêu khắc nhìn vật liệu đá cấu trúc như thế nào, từ đó suy tưởng được cái hình thể đang ẩn náu trong khối đá ấy.

Tỉ mỉ sắp xếp cho đến lúc tạo được phối trí mà ông hài lòng, ông

Miyake gật gù: “Xong rồi”. Ông lấy giấy báo đã trũ sẵn, cuộn tròn lại nhét vào dưới đáy khối gỗ, lấy hộp quẹt bằng nhựa, bật lửa đốt.

Junko lấy thuốc lá từ túi áo ra, gắn vào môi, đốt diêm châm hút. Cô nheo mắt ngắm chiếc lưng uốn cong và phía sau đầu đã phần nào thừa tóc của ông Miyake. Thời điểm trọng đại nhất là lúc này đây.

Liệu có bắt lửa chóng vánh hay không? Liệu lửa có cháy to lên ngon lành hay không?

Ba người yên lặng ngắm núi gỗ trước mặt. Giấy báo bắt cháy mạnh, vắn ưỡn mình lên theo ngọn lửa, thoáng chốc cuộn nhỏ lại, rồi tàn đi. Rồi một lúc như không có biến chuyển gì cả, Junko nghĩ thầm: Thôi không xong rồi. Gỗ xem thế mà còn ướt quá chẳng?

Vừa lúc tưởng đã bỏ cuộc, thì một sợi khói trắng uốn éo vươn lên. Nhờ lặng gió, khói trắng vươn lên cao thành một sợi mỏng càng lúc càng dài, liền lạc. Lửa đã bén đâu đấy rồi, tuy chưa thấy bóng dáng đâu cả. Không ai nói một lời nào, ngay cả Keisuke cũng khép chặt miệng. Keisuke đút hai bàn tay vào túi áo khoác ngoài. Ông Miyake ngồi bệt lên cát. Junko vòng tay trước ngực, thỉnh thoảng như nhớ lại thì hít một hơi thuốc lá.

Junko lại nhớ đến truyện “Đốt lửa”<sup>1</sup> của Jack London, như từ trước vẫn hay nhớ đến. Câu chuyện của một người đàn ông trong chuyến lữ hành đơn độc đã đốt lửa sưởi trong tuyết phủ vây bọc chung quanh ở vùng hẻo lánh Alaska. Lửa không bén thì người ấy chắc chắn phải chết cồng, mà trời chiều đã hoàng hôn. Tiểu thuyết thì hầu như cô không bao giờ đọc, chỉ có truyện ngắn ấy là cô đã đọc đi đọc lại nhiều lần vì phải viết bài bình giảng đề tài ấy trong kỳ nghỉ hè lớp 10. Tình cảnh trong câu truyện tự nhiên hiện lên rõ rệt trong trí, cô cảm nhận được cả nhịp đập hồi hộp của người đàn ông đang đứng



đối mặt với cái chết, tâm trạng hãi sợ pha lẫn hy vọng cùng lúc với tuyệt vọng. Cảm nhận rõ ràng như chính cô đang bị đặt vào tình cảnh ấy. Nhưng mà cô nghĩ điểm quan trọng nhất trong câu chuyện ấy, vẫn là sự thật cơ bản rằng người đàn ông ấy đã đi tìm cái chết. Ngay từ đầu cô đã hiểu được như thế mặc dù không giải thích rành mạch được lý do. Người đàn ông thật sự đã đi tìm cái chết vì hiểu rằng chỉ có cái chết mới là chung cuộc thích đáng đối với ông ta. Mà mặc dù vậy, để sống còn, ông ta vẫn phải đấu tranh tay đôi chống lại cái chung cuộc áp đảo ấy. Cái mâu thuẫn căn bản ấy ở ngay trọng tâm của câu chuyện đã kích động tầng sâu thẳm trong ý thức của Junko. Thầy giáo đã cười vang mà bác bỏ ý kiến của cô. Vai chính này mà lại đi tìm cái chết thật sao? Ông nói, ngán ngẩm: “Lần đầu tiên tôi nghe một cảm tưởng kỳ quái đến thế, mặc dù thoát nghe có vẻ độc đáo”. Rồi ông đọc lớn một đoạn trong bài bình giảng của Junko làm cả lớp cười theo.

Nhưng Junko đã hiểu là mọi người khác đã sai lầm. Nếu sự thật không phải như thế, làm sao mà kết cuộc của câu truyện lại có thể thanh tĩnh và đẹp đẽ như thế được?

\*

“Này ông Miyake, lửa tắt ngóm rồi đấy, phải không?”. Keisuke nói, có vẻ nghi ngờ.

“Đừng lo, đã bắt lửa rồi đó. Bây chừ chỉ cần chuẩn bị cho lửa bốc lên thôi. Khói lên liên tục rồi đó, thấy không? Người ta nói: Không có lửa, rừng có khói, là rứa đó”.

“Người ta cũng nói: không có máu thì khỏi có cương, nữa đấy”.

Ông Miyake chán ngán: “Mi không có chuyện chi để suy nghĩ ngoài chuyện nó rãng mi?”

“Nhưng mà, ông biết lửa chưa tắt thật không đấy?”

“Biết chứ, lửa sắp bùng lên cho coi.”

“Ông Miyake học được cái kiến thức ấy từ đâu thế?”

“Chẳng phải kiến thức chi, chỉ là mấy thứ tập tành hồi tui đi hướng đạo đó. Đi hướng đạo thì có muốn hay không cũng rành chuyện đốt-lửa-trại hết.”

“Ghe nhỉ, hướng đạo kia đấy.” Keisuke nói.

“Mà thiệt ra, đâu phải chừng đó thôi, tui còn chút tài riêng nữa đó. Nói ra nghe như khoe khoang, chứ về chuyện nhóm lửa, tui có chút tài riêng người khác không bằng được.”

“Nghe thì hay lắm đấy, nhưng mà tài năng ấy chả làm ra tiền mấy đâu nhỉ.”

Ông Miyake cười lớn:

“Quả thiệt chẳng làm ra đồng tiền mô hết.”

\*

Đúng như ông đã nói, lửa bắt đầu thấy lấp ló trong tận cùng đồng cây, và đã nghe nho nhỏ những tiếng cây gỗ nứt nẻ. Junko thở ra nhẹ nhõm. Đến được mức này thì hết lo rồi, nhóm lửa thế là thành công. Ba người không hẹn mà cùng đưa hai bàn tay ra hơ trước ngọn lửa sơ sinh còn mới nguyên. Lúc này thì không cần phải làm gì ngoài chuyện yên lặng xem chừng ngọn lửa đang từ từ bốc cao lên. Junko nghĩ từ 5 vạn năm nay, cổ nhân hẳn cũng đã hơ tay vào ngọn lửa vừa nhóm với tâm tình như thế.

Keisuke như chợt nhớ ra điều gì, vui vẻ hỏi:

“Này, ông Miyake lúc trước có nói là đến từ Kobe đấy nhỉ. Trong trận động đất tháng trước, chắc là không sao? Ông đâu còn ai trong gia tộc ở Kobe nữa, phải thế không?”

“Ôi, tui cũng không biết nữa. Mà cũng chẳng còn quan hệ chi tới tui. Chuyện xưa rồi.”

“Ông bảo chuyện xưa rồi, thế mà cái giọng thổ âm ấy có đổi gì đâu.”

Keisuke nhái giọng, chọc: “Nè ông Miyake, nói giọng như ông mà biểu không phải giọng quê, rứa thì cái giọng tui nói đây là cái giọng chi? Ăn nói ngược ngạo rứa thì phiền lắm đó nghe ông.”

“Dẹp chuyện nhái giọng nghe ngứa lỗ tai đó đi. Ai mượn các người nhái giọng quê tui. Máy đũa mi cứ tới ngày nghỉ việc cày cấy thì lại xách xe gắn máy, dựng cờ chạy phá làng phá xóm là giỏi thôi.”

“Gì mà nặng tay thế. Ông Miyake mặt trông hiền hậu là thế mà nói nặng ra gì ấy chứ. Động tí là đàn áp người dân thuần phác xứ này ngay đấy. Thôi, tớ cũng xin chịu thua ông.” Keisuke nói. “Nhưng mà hỏi thật đấy. Không sao thật chứ? Thế nào ông cũng có người quen biết ở Kobe chứ? Ông có xem truyền hình không đấy?”

Ông Miyake nói: “Thôi, dẹp chuyện đó đi. Uống whisky không?”

“Xin ông.”

“Cô Junko có uống không?”

Junko đáp: “Một tí thôi”.

Ông Miyake móc túi áo khoác bằng da ra một bình rượu mỏng nhỏ bằng kim loại, trao cho Keisuke. Keisuke vặn mở nắp bình, nâng bình lên rót rượu vào miệng, tránh không để miệng bình chạm vào môi.

Hắn nuốt ực một ngụm rượu xong hít vào thật sâu:

“Ngon quá. Rượu này đúng là tuyệt phẩm nguyên chất rượu 21 năm đây, không sai tí nào. Rượu ủ trong thùng cây sồi đấy nhé. Uống vào là nghe được cả tiếng sóng bể reo, cả tiếng thở dài của thiên thần xứ Scotland nữa đấy.”

“Cái thằng nói nhảm thiệt. Rượu nội hoá Suntory bình vuông đó chứ

có chi lạ mô nà.”

Junko tiếp lấy bình rượu, rót vào nắp bình, rồi nhắm rượu từng chút một. Cô nghiêm mặt dõi theo cảm giác đặc thù của dòng chất lỏng ấm áp chảy từ thực quản xuống dạ dày, nghe cốt tủy trong thân thể mình ấm dần lên. Đến phiên ông Miyake nhẹ nhàng uống một ngụm rồi Keisuke lại tu một ngụm lớn. Bình rượu sang tay từ người này sang người kia. Lửa nhóm đã không hấp tấp mà từ từ bốc lên thành ngọn lửa vững vàng. Đó là chỗ hơn người của ngọn lửa do ông Miyake nhóm lên. Lửa lan dần ra một cách hiền hòa mềm mại, như một vòng ôm lão luyện, không một chút hấp tấp vội vàng, không một chút thô bạo. Lửa ấy như chỉ để sưởi ấm lòng người.

Junko bao giờ cũng trở nên trầm mặc trước ngọn lửa nhóm. Thỉnh thoảng cô đổi thế ngồi, còn thì hầu như không động đậy chút nào. Ngọn lửa trước mắt cô như âm thầm thu nhận, phủ lấp và dung thứ mọi điều. Junko nghĩ là một gia đình đích thực cũng giống như thế.

\*

Junko đến thành phố nhỏ này trong huyện Ibaragi từ tháng 5 năm cô học lớp 12. Cô đã bỏ nhà ra đi, mang theo 30 vạn Yen<sup>2</sup> mà cô đã rút ra, dùng ấn triện và trưng mục ngân hàng của thân phụ, trong cái xách hàng hải chỉ dòn đầy áo quần để thay đổi. Từ quê Tokorozawa, cô lấy đại nhiều chuyến tàu điện đến được phố nhỏ bên bờ biển của huyện Ibaragi, mặc dù cô cũng chưa từng nghe đến tên phố này bao giờ. Cô tìm được một căn gác trọ từ một nhà địa ốc trước ga, rồi một tuần sau đó trở thành nhân viên bán hàng cho một hiệu tạp hóa nhỏ nhìn ra quốc lộ chạy dọc theo bờ biển. Cô gửi thư về cho mẹ rằng cô bình yên, khỏe mạnh, xin đừng lo cho cô, và đừng tìm kiếm cô.

Ngày trước, cô đã chán chuyện đi học, và ngán ngẩm chuyện đối

mặt với bố cô. Lúc còn nhỏ, Junko cũng thân với bố, ngày nghỉ thường đi chơi với ông. Nắm tay bố mà đi, thấy hãnh diện và an tâm vô có. Thế rồi năm sắp xong tiểu học, cô bắt đầu có kinh, có lông ở chỗ kín, vú nổi vun lên. Thân phụ bắt đầu nhìn cô với tia nhìn khác lạ, không như trước nữa. Rồi từ năm lớp 9, thân hình cô vượt mức 1m70, thì thân phụ hầu như không còn gọi chuyện cô nữa. Thành tích học vấn của cô cũng không có gì đáng khen. Thuở mới lên trung học, cô được xếp hạng cao trong lớp, nhưng lúc xong lớp 9 thì thứ hạng của cô phải đếm từ dưới lên mới nhanh được. Khó khăn lắm cô mới lên được lớp 10. Không phải trí óc ngu tối, có điều cô không tập trung trí óc được vào việc gì. Làm chuyện gì cũng bỏ dở nửa chừng, cố gắng tập trung ý thức thì đầu lại nhức như búa bổ, thở không ra hơi, tim đập loạn cả lên. Việc đến trường học chỉ còn là khổ não, đau đớn.

\*

Làm quen với đời sống của phố nhỏ này không bao lâu thì cô gặp Keisuke. Hấn lớn hơn cô 2 tuổi, là một tay lướt ván giỏi, thân cao, tóc nhuộm màu nâu, hàm răng đều, đẹp. Ở vùng này sóng tốt nên hấn lưu lại, cùng bạn bè lập ra một ban nhạc Rock. Có ghi danh ở một đại học xoàng, nhưng không bao giờ đến lớp, mà cũng chẳng có triển vọng tốt nghiệp. Song thân kinh doanh một hiệu bánh lâu đời ở ngay trong thành phố Mito, nên có bề gì thì cũng trở về nối nghiệp nhà được, nhưng đương sự thì hoàn toàn không có ý định an vị làm chủ một hiệu bánh. Có vẻ hấn muốn suốt đời cùng các bạn hấn lái chiếc xe tải Datsun chạy vòng vòng, chơi lướt ván trên sóng, và gảy đàn ghi-ta trong ban nhạc. Như thế đủ cho hấn rồi, dù người khác cho rằng lối sống vô-tư-lự ấy chẳng thể nào kéo dài mãi được.

Junko bắt đầu nói chuyện thân mật với ông Miyake từ khi vừa mới sống chung với Keisuke. Ông Miyake khoảng giữa tuổi 40, nhỏ và gầy, mang mắt kính, mặt thon dài và tóc cắt ngắn. Râu ông đậm, chiều đến là cả khuôn mặt tối lại như bị bóng người che khuất. Thường mặc áo vải hay áo hoa Aloha phai màu bỏ ra ngoài quần dài vải trơn nhàu nát, mang giày thể thao. Mùa đông thì khoác thêm chiếc áo khoác bằng da đầy vết sần tróc. Đôi khi đội mũ lưỡi trai. Junko chưa hề thấy ông mặc thứ áo quần gì khác. Vậy chứ mọi thứ ông mặc trên người đều có vẻ được giặt giữ cẩn thận. Trong cái phố nhỏ ở vịnh Kagoshima này, không có ai khác nói giọng Kansai<sup>3</sup> nên dù muốn dù không, ông Miyake cũng là nhân vật nổi bật. Bạn cùng làm với Junko cho biết là ông ấy vẽ tranh và sống một mình trong một căn nhà thuê gần đấy. Cũng chẳng là người nổi danh gì, tranh ông vẽ cũng chưa ai thấy, nhưng có vẻ sống đàng hoàng, chắc cũng đủ ăn. thỉnh thoảng lên Tokyo mua sắm vật dụng vẽ tranh gì đấy, chiều tối lại trở về. Chừng đâu đã đến phố này khoảng 5 năm về trước. Nhiều lúc thấy ông ấy nhóm lửa một mình ở bờ bể. Hẳn là thích chuyện nhóm lửa lắm đấy. Lúc nào thấy cũng nhóm lửa với cặp mắt say mê ghê lắm. Ít nói, hơi tàng tàng, nhưng không có vẻ gì là người xấu cả.

Ông Miyake đến hiệu tạp hóa mỗi ngày 3 bận. Buổi sáng đến mua sữa và nhật báo, trưa mua cơm hộp, chiều tối mua bia hộp ướp lạnh và mấy thứ đồ nhắm đơn giản. Cứ thế lặp đi lặp lại quy củ mỗi ngày. Mặc dù ông không nói chuyện gì nhiều ngoài những câu chào hỏi, Junko dần dần tự nhiên có cảm tình với ông.

Một buổi sáng nọ, lúc chỉ có hai người trong hiệu tạp hóa, Junko thu hết can đảm hỏi ông Miyake: dù là ở gần ngay đấy, nhưng sao lại

mua lắt nhắt mỗi lần một ít thế kia; mấy thứ như sữa, bia ấy, cứ mua nhiều một lúc rồi cất vào trong tủ lạnh có phải tiện hơn không? Tất nhiên, ông có mua một lúc bao nhiêu thứ ấy, hay mua chúng nhiều lần thì đối với cô, cũng không hề gì. Ông Miyake đáp:

“Phải đó, mua một lần mà giữ được thì tốt thiệt, nhưng mà tui thì sự tình có hơi khác nên không mua một lần nhiều rứa được.”

Junko hỏi sự tình gì vậy.

“Nói rằng chừ. Có chút sự tình thiệt mà.”

“Xin ông tha lỗi đã hỏi chuyện không ăn nhập gì đến mình. Mong ông không bực mình. Tính em cứ có gì không hiểu thì phải hỏi cho ra mới yên được, nhưng mà hoàn toàn không có ý xấu đâu.”

Ông Miyake ngần ngừ một lúc, rồi gãi đầu nói, như bối rối lắm:

“Nói thiệt với cô, tui không có dùng tủ lạnh. Ngay từ đầu, tui không ưa cái thứ tủ lạnh đó lắm.”

Cô Junko bật cười:

“Em cũng đâu có thích gì tủ lạnh, nhưng mà vẫn có đấy. Không có nó không bất tiện cho ông sao?”

“Thì cũng bất tiện thiệt, nhưng mà không thích thì chịu thôi. Chỗ mô có tủ lạnh là tui ngủ không được.”

Junko nghĩ người gì mà kỳ quái thế, nhưng lại càng chú ý đến ông Miyake hơn từ lần nói chuyện ấy.

Vài hôm sau, một buổi chiều cô đi tản bộ ngoài bãi biển, lại thấy ông Miyake đang nhóm lửa một mình bằng các thân gỗ trôi dạt đến đấy.

Junko gọi, rồi đến bên ông ngồi hơ tay vào ngọn lửa. Ngồi kế bên ông, Junko cao hơn khoảng 5 cm. Hai người chỉ chào hỏi sơ qua, xong chẳng nói gì, chỉ nhìn chăm chú vào ngọn lửa. Lúc ấy, Junko cảm thấy như cô tìm ra được cái gì đấy từ ngọn lửa bập bùng cháy.

Một cái gì sâu thẳm, hầu như cảm xúc kết tụ thành khối, sống động hơn cả ý thức, vì có trọng lượng như một vật gì cụ thể. Khối ấy từ từ xuyên thoát ra khỏi thân thể cô, để lại dư hưởng cảm xúc kỳ lạ, nửa như hoài niệm nửa như đau khổ, rồi tan biến đi mất. Cảm xúc đã tan biến đi một lúc sau, cánh tay cô còn rờn rợn như nổi da gà.

“Ông Miyake có khi nào có cảm xúc kỳ lạ khi nhìn hình dáng ngọn lửa nhóm hay không?”

“Cô định nói chi?”

“Cái cảm giác vừa kỳ lạ vừa rõ ràng không khi nào có trong sinh hoạt thường ngày ấy mà. Nói như thế nào nhỉ... Em trí óc ngu tối nên không biết nói sao cho rõ, nhưng mà ngồi nhìn ngọn lửa như thế này, lại có cái cảm giác tĩnh lặng ấy một cách vô cớ...”

Ông Miyake suy nghĩ một lúc rồi nói:

“Hình thái của lửa là tự do. Bởi hình thái tự do nên tùy theo tâm tình của người nhìn nó, mà nhìn ra hình chi cũng được. Nếu cô có cảm giác tĩnh lặng khi nhìn ngọn lửa, là vì trong lòng cô có cảm giác tĩnh lặng mà ngọn lửa đã phản ánh lại đó. Cô hiểu không?”

“...Ừm.”

“Nhưng mà không phải thứ lửa mô cũng làm được rứa. Để phản ánh được cảm xúc thì lửa cũng phải tự do mới được. Như lửa ở trong lò sưởi hơi đốt thì không được. Lửa từ hộp quẹt cũng không được. Lửa nhóm thông thường cũng không được. Lửa mà muốn tự do thì phải từ chỗ có tự do, và được hun đúc khéo léo mới được. Mà chẳng phải ai cũng làm được dễ dàng đâu.”

“Vậy chứ ông Miyake thì làm được chẳng?”

“Có lúc làm được, có lúc không. Mà phần nhiều là làm được. Hễ thành tâm thành ý mà làm thì chắc được.”



“Ông Miyake thích nhóm lửa lắm nhỉ?”

Ông Miyake gật đầu:

“Như bị bệnh rứa đó. Tui mà ở miết cái phố nhỏ hẻo lánh ni cũng chỉ vì cái bờ biển có nhiều gỗ trôi về hơn tất cả các bờ biển khác. Chỉ có lý do đó thôi. Coi như vì muốn nhóm lửa mà tới ở đây đó. Nghe chán lắm phải không cô?”

Từ ngày ấy, Junko lúc nào rảnh rỗi lại theo ông Miyake đi nhóm lửa. Trừ những ngày mùa hè, bờ biển đông nghẹt người cho đến tối mịt, còn thì ông Miyake đi nhóm lửa suốt năm. Có khi tuần 2 lần, có khi cả tháng không có lần nào, tùy theo số lượng cây gỗ trôi dạt vào bờ biển ấy. Lần nào định đi là thế nào ông cũng gọi điện thoại cho Junko. Keisuke trêu chọc Junko, gọi ông Miyake là “bạn nhóm lửa” của cô. Nhưng tuy Keisuke hay ghen hơn người thường mà không hiểu sao đối với ông Miyake thì lại chẳng chấp nhất gì cả.

\*

Lửa đã bén qua thân cây lớn nhất, bắt đầu an định. Junko ngồi xuống cát, mím môi nhìn đăm đăm vào ngọn lửa. Ông Miyake dùng một nhánh cây dài cẩn thận điều chỉnh khối cây sao cho lửa không yếu đi mà cũng không lan ra quá xa. Thỉnh thoảng lại lấy thêm vài cây gỗ đã để riêng, gát thêm vào đồng lửa.

Keisuke chợt nói: bụng nghe đau. “Chắc là tớ ăn phải thứ gì lạnh bụng rồi, phải đi ngay thôi.”

Junko nói: “VẬY anh về nhà nghỉ cho khỏe.”

“Ừ, thế vẫn hơn”. Keisuke nói, mặt nhăn nhó. “Đằng ấy thì sao?”

Ông Miyake nói: “Cô Junko thì tui đưa về cho, đừng lo”.

“Rứa thì xin ông lo giùm tui.” Keisuke nhại giọng ông Miyake, xong

rút lui.

Cô Junko lắc đầu nói:

“Anh chàng thật là ngờ ngáo. Lúc nào cũng hứng chí uống rượu cho lắm vào.”

“Nói rứa chớ, còn nhỏ mà động vô nhiều trí tuệ quá cũng chẳng hay ho chi. Hắn cũng có chỗ giỏi giang của hắn đó chớ.”

“Có thể thế, nhưng mà hầu như chẳng suy nghĩ gì sót cả.”

“Tuổi trẻ cũng có chỗ khó khăn đó chớ. Suy nghĩ cho lắm có khi cũng chẳng tới mô.”

Hai người lại ngồi lặng thinh trước ngọn lửa, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng. Thời gian rẽ đôi theo họ, trôi đi.

“Này ông Miyake, có điều này cứ thắc mắc mãi, hỏi ông có được không?”

“Điều chi đó cô?”

“Điều này có phần chạm vào đời tư đấy.”

Ông Miyake xoa lòng bàn tay vài lần lên má có những cọng râu đâm ra nham nhám.

“Không biết là chuyện chi nhưng mà cứ hỏi coi.”

“Ông Miyake không chừng đã có vợ ở đâu đấy phải không?”

Ông Miyake lại móc bình rượu trong túi áo khoác bằng da ra, mở nắp, uống chậm chậm vài hớp. Xong đây nắp lại, cho bình rượu vào túi áo, rồi nhìn mặt Junko nói:

“Khi không đột nhiên mà hỏi chuyện nó rứa?”

“Không đột nhiên đâu, lúc nãy đây đã có ý hỏi rồi. Lúc Keisuke đưa chuyện động đất ra hỏi, em nhìn nét mặt ông đã muốn hỏi ông đấy.”

Junko nói. “Lúc nhìn lửa, mắt người ta thường thật thà, như ông đã có lần bảo em đấy thôi.”

“Đúng đó.”

“Ông đã có con nữa phải không?”

“Ừ, có hai đứa.”

“Ở Kobe chứ gì?”

“Ừ. Tại ở đó có nhà cửa. Có lẽ cũng còn ở đó.”

“Nơi nào ở Kobe thế?”

“Phường Higashinada đó mà.”

Ông Miyake ngẩng đầu nheo mắt nhìn về hướng biển đêm đen kịt, xong lại nhìn về phía lửa nhóm.

“Bởi rứa, tui không có tư cách chi để chê cậu Keisuke là ngơ ngáo được. Chính tui đây cũng có suy nghĩ chi mô. Tui mới là vua ngơ ngáo đây, cô cũng hiểu chứ?”

“Ông có muốn nói gì thêm về chuyện này không?”

“Không. Chẳng muốn nói chi thêm.”

“Vậy ta ngừng đi.” Junko nói. “Nhưng mà em nghĩ ông Miyake là người tốt.”

“Không phải chuyện nớ mô.” Ông Miyake lắc đầu, tay cầm nhánh cây vẽ lên cát những hình thù gì không rõ. “Cô Junko có khi mô nghĩ tới chuyện mình sẽ chết theo cách chi không?”

Junko nghĩ ngợi một lúc rồi lắc đầu.

“Tui thì nghĩ tới nó hoài.”

“Ông Miyake nghĩ chết như thế nào?”

“Bị nhốt trong tủ lạnh đóng kín mà chết đó.” Ông Miyake đáp. “Có hoài đó chứ. Chuyện con nít thấy tủ lạnh hư người ta bỏ ngoài đường, thấy vui mà vô trong nớ chơi, rồi cửa tủ lạnh đóng chặt quá mở ra không được đành chịu chết ngộp trong nớ. Tui sợ chết kiểu đó.”

\*

Có thân cây lớn lật ngang, nứt nghiêng, tàn lửa bắn ra tứ tung. Ông Miyake đưa mắt nhìn nhưng không làm gì cả. Ánh lửa hắt lên mặt ông tạo ra khoảng tối có vẻ phi-hiện-thực trên mặt.

“Ở cái chỗ chật hẹp đó, trong bóng tối mịt mù, chết dần dần từng chút một. Phải chi tắt thở liền vì ngộp thở thì đỡ biết mấy, vậy mà không chết đơn giản rứa được. Không biết từ lúc mô mà không khí vô được chút ít, do đó mà không chết ngộp liền được. Phải một thời gian dài thiệt dài sau mới chết. Có kêu cứu cũng không ai nghe, không ai thèm để ý tới chuyện của tui. Chỗ quá hẹp tới không rạch chi được. Dù có quấy đập cách mấy đi nữa, cửa tủ lạnh cũng không mở.”

Cô Junko im lặng.

“Mấy lần tui chiêm bao thấy rứa rồi đó. Nửa đêm thức dậy toát mồ hôi đầy mình. Cứ chiêm bao thấy mình chết dần chết mòn trong khoảng đen tối đó, vừa phải quấy đập quần quai đau đớn. Mà mắt mở ra rồi cũng chưa hết chiêm bao. Đó mới là chỗ dễ sợ nhứt. Mắt mở ra, nghe cuống họng khô rang, mới bước vô nhà bếp mở cửa tủ lạnh kiếm nước uống. Tất nhiên là nhà tui đâu có tủ lạnh, nên tui không thể không biết đó chỉ là chiêm bao. Vậy mà khi nó quả thiệt chẳng để ý. Vừa nghĩ lạ quá, vừa mở cửa tủ lạnh. Bên trong tủ tối thui, đèn đuốc tắt ngúm hết. Nghĩ thầm chắc cắt điện chi đây, tui đút đầu vô tủ tìm nước uống. Vừa đút đầu vô thì có ngay bàn tay từ trong tủ thò ra chụp cổ tui. Lạnh ngắt như bàn tay người chết. Nắm cổ tui, kéo cả người tui vô trong tủ lạnh bằng một sức mạnh kinh hồn. Tui la lên một tiếng thiệt lớn, và lần ni thì mở mắt ra thiệt. Chiêm bao rứa đó, thấy hoài một thứ, y chang nhau. Mà mỗi lần cũng sợ khiếp vía

như nhau.”

Ông Miyake cầm nhánh cây chọc vào một thân cây cháy lệch lên, đẩy nó lại vị trí cũ.

“Chiêm bao mà như thiệt rứa, tui đã mấy lần tưởng mình chết thiệt rồi đó.”

“Từ lúc nào ông Miyake nằm mộng như thế?”

“Lâu lắm rồi, không nhớ nổi từ khi mô. Tỉnh thoảng có khi thoát được thứ chiêm bao nớ. Suốt một năm, ... à không, gần 2 năm trời, không chiêm bao như rứa. Mọi chuyện cũng có vẻ song suốt hơn trong khoảng đó. Nhưng rồi, làm cách chi cũng chiêm bao trở lại. Đúng cái khi mà mình tưởng là thoát rồi, khỏi lo rồi, thì lại bắt đầu chiêm bao trở lại. Mà đã bắt đầu rồi là chịu thua, không thoát được.” Ông Miyake lắc đầu.

“Nhưng mà với cô Junko thì chắc là không nên nói mấy chuyện u ám đó.”

“Không sao đâu.” Junko nói. Cô ngậm một miếng thuốc trên môi, đánh diêm châm hút một hơi thuốc dài. “Ông Miyake kể cho nghe đi.”

Lửa như đã sắp tàn. Đống cây trữ sẵn để thêm vào thì đã cho cả vào đống lửa rồi. Lúc này tiếng sóng vỗ vào bờ nghe như lớn hơn.

“Có nhà văn Mỹ tên là Jack London đó...”

“À, người viết truyện nhóm lửa đấy chứ gì?”

“Đúng rồi. Cô biết giỏi quá. Jack London từ lâu vẫn nghĩ là mình sẽ chết đuối trên biển, tin chắc là mình sẽ chết kiểu đó. Ban đêm đi lạc rồi té xuống biển chết đuối mà không ai hay biết chi hết”.

“Thế Jack London có chết đuối thật không?”

Ông Miyake lắc đầu: “Không, uống thuốc phiện tự tử chết.”

“Vậy thì dự cảm của ông ấy không đúng rồi. Hoặc có thể là ông ấy có

ý làm cho nó sai đi.”

“Trên bề mặt thì rứa đó.” Ông Miyake nói, rồi im lặng một lúc. “Nhưng mà trong một ý nghĩa chi đó thì ông ta cũng không sai. Jack London đã chết đuối một mình trên biển một đêm tối đen. Ông ta nghiện rượu, tuyệt vọng ngấm vô tới xương tủy. Ông ta đã trần trở đau đớn mà chết. Dự cảm đôi khi thay thế cho một thứ chi khác. Có khi dự cảm thay thế cho một thứ có thể còn sống động hơn cả hiện thực nữa. Đó là chỗ đáng sợ nhứt của cái hành vi gọi là dự cảm đó. Cô hiểu điều tui nói chớ?”

Junko cố gắng nghĩ về điều ông nói một lúc nhưng không hiểu được.

“Em thì chưa bao giờ nghĩ đến việc mình sẽ chết như thế nào.

Chuyện như thế chẳng thể nào nghĩ ra được đâu. Ngay cả chuyện sống như thế nào cũng đã hoàn toàn mờ mịt rồi, nói gì đến chuyện chết như thế nào.”

Ông Miyake gật đầu: “Nói rứa cũng đúng. Nhưng mà, từ cách mình chết cũng có thể suy ngược lên cách mình sống đó.”

“Đây là cách sống của ông Miyake hay sao?”

Ông Miyake ngồi xuống bên cạnh Junko. Ông có vẻ mệt và già hơn thường ngày. Đám tóc mọc dài như dựng đứng lên bên vành tai.

“Ông Miyake vẽ tranh gì thế nhỉ?”

“Khó giải thích lắm đó.”

Junko đổi câu hỏi:

“Thế gần đây nhất là tranh gì?”

“Mới 2 ngày trước đây, vừa vẽ xong phong cảnh có bàn ủi. Bên trong căn phòng có cái bàn ủi. Tranh chỉ vẽ vậy thôi.”

“Thế tại sao lại khó giải thích nhỉ?”

“Bởi vì thật ra không phải là cái bàn ủi.”

Junko ngược nhìn về mặt của người đàn ông.

“Bàn là mà lại không phải bàn là, thế là thế nào?”

“Đúng vậy đó.”

“Nghĩa là, nó thay thế cho một cái gì khác, phải không?”

“Có lẽ vậy.”

“Nghĩa là ông chỉ vẽ được nó khi dùng nó để thay thế cái gì khác?”

Ông Miyake im lặng gật đầu. Ngược nhìn lên trời thấy nhiều sao hơn lúc trước rất nhiều. Trăng đã dời đi một khoảng thật xa. Ông Miyake ném vào lửa nhánh cây cuối cùng ông cầm trên tay.

Junko nghiêng người tựa nhẹ vào vai ông. Y phục của ông thấm mùi hàng trăm ngọn lửa nhóm. Cô hít cái mùi lửa ấy vào một hơi dài.

“Này ông Miyake.”

“Chi cô?”

“Em hoàn toàn trống rỗng.”

“Vậy à?”

“Ừm.”

Cô nhắm mắt lại, bắt giắc nước mắt ứa ra. Nước mắt theo nhau chảy xuống má cô. Tay phải của cô bóp mạnh vào đầu gối của ông Miyake. Toàn thân cô rung lên nhè nhẹ. Ông Miyake quàng tay lên vai Junko, kéo nhẹ cô vào ngực mình. Nước mắt cô vẫn chảy dài.

Một hồi lâu, cô nói, giọng khàn đặc:

“Chẳng có gì cả thật đấy. Hoàn toàn trống rỗng.”

“Tui hiểu.”

“Ông hiểu thật đấy chứ?”

“Những chuyện như rứa thì tui rành lắm chớ.”

“Vậy em phải làm sao đây?”

“Cứ ngủ say một giấc, khi tỉnh dậy thì hết.”

“Đâu phải chuyện đơn giản thế.”

“Có lẽ. Có lẽ đâu phải chuyện đơn giản nữa.”

Có tiếng xèo nhỏ của nước bốc hơi từ thanh gỗ nào đấy. Ông Miyake ngẩng mặt lên, nheo mắt nhìn về phía đồng lửa một lúc.

“Vậy thì làm thế nào bây giờ?”

“Ừ, như vậy nè. Ngay bây chừ, cô có muốn chết chung với tui không?”

“Được chứ. Chết cũng được.”

“Nói thiệt đó chứ?”

“Thật chứ.”

Ông Miyake im lặng, tay vẫn còn vòng qua ôm vai Junko. Cô cúi mặt vào trong tấm áo khoác bằng da thân thuộc từ bao lâu nay của ông.

“Dù sao, chờ cho tới cháy hết đã.” Ông Miyake nói. “Đã mất công nhóm lửa rồi, thì ngồi coi chung. Lửa ni tắt hết, tối đen rồi, lúc đó sẽ chết chung.”

“Được thôi”. Junko nói. “Nhưng mà chết như thế nào?”

“Để nghĩ coi.”

\*

Junko nhắm mắt, ngửi thấy mùi lửa nhóm bao mình lại. Vòng tay ông Miyake đang quàng vai cô là của một người đàn ông trưởng thành mà sao có vẻ nhỏ bé và xương xẩu lạ lùng. Cô nghĩ mình không thể nào sống chung với một người đàn ông như thế này, có lẽ không làm sao vào được trong tâm hồn ông ấy. Nhưng chết chung thì có lẽ làm được.

Trong vòng tay ôm của ông Miyake, cô dần dần buồn ngủ. Chắc là vì mấy hớp rượu. Phần lớn mấy nhánh cây đã cháy thành tro cả rồi, chỉ còn thân gỗ trôi dạt lớn nhất là còn cháy lên ngọn lửa màu cam sáng



chói, cho hơi ấm dịu dàng trên làn da cô. Có lẽ cũng còn khá lâu thân gỗ ấy mới cháy hết.

“Em ngủ một tí được không?” Cô hỏi.

“Được chứ.”

“Lửa cháy hết thì nhớ đánh thức em dậy nhé.”

“Đừng lo, lửa tắt thì lạnh lắm, không kêu cũng mở mắt ra mà.”

Lời nói ấy như lặp đi lặp lại trong trí cô. “Đừng lo, lửa tắt thì lạnh lắm, không kêu cũng mở mắt ra mà.” Rồi cô cuộn người lại, chìm vào giấc ngủ bồng bênh thật say.

Phạm Vũ Thịnh dịch

Sydney, 1/2004

Nguyên tác tiếng Nhật, Airon No Aru Fukei, Shicho, 9/1999.

---

Chú thích của dịch giả:

[1] Đốt lửa (To Build a Fire), truyện ngắn của Jack London, tác giả Mỹ (1876-1916).

[2] 30.000 Yen, khoảng 300 USD.

[3] Kansai-ben: giọng nói của vùng phía Tây Nhật Bản, gồm Osaka, Kobe..., phân biệt với giọng nói của người vùng phía đông như Tokyo.

**Haruki Murakami**

**Thành phố của nàng, bầu cừu của nàng**

Dịch giả Hoàng Long

**Lời của người dịch:** Khung cảnh “riêng một góc trời”, con người hờ hững, thành phố buồn thiu. Chỉ có những lời nói vui tai của em bé gái giới thiệu về miền quê của mình: “R là một thành phố nhỏ, dân số thừa thớt chỉ khoảng 7500 người. Không có nhân vật nổi tiếng nào xuất thân từ đây nên tôi nghĩ rằng không ai trong các bạn từng nghe nói đến nơi này”. Những mỹ từ cao đẹp của nàng không thể gây hứng thú cho khách lãng du viếng thăm thành phố. Con phố nhỏ nằm yên, cô đơn từ khởi thủy. Những lời rao giảng kệ kinh đâu có thay thế được chính đời sống và những nỗi niềm của nó. Sự cô đơn là có thực. Và nỗi đau luôn có thực.

Thế cho nên khi thử nghiệm sinh việc nối kết hữu hình với đời sống của nàng, “tôi” đau đớn và phiền muộn: “Tuy nhiên có điều gì đã mất mát. Tôi cảm thấy như mình đang mặc một bộ quần áo đi mượn, không vừa vặn gì với người mình. tôi cảm thấy không thoải mái. Dây thừng trói chân tôi. Tôi cân nhắc xem mình có nên cắt bỏ nó bằng lưỡi dao cùn hay không. Nhưng nếu làm thế, sao tôi có thể trở về đây? Điều này làm tôi băn khoăn quá. Tuy nhiên tôi phải cắt sợi dây thừng. Phải chăng tôi đã uống quá nhiều bia? Phải chăng đó là ảo

giác mà tuyết gây ra. Đó là tất cả những gì tôi có thể nghĩ đến. Tôi đã trượt chân xuống dưới đôi cánh đen của thực tại”. Sau cùng, thành phố là thành phố, nàng là nàng và tôi là tôi. Chẳng ai có thể đổi chỗ cho nhau được. Niềm cô đơn còn đó cho mỗi con người.

Đợt tuyết đầu mùa trong năm đã bắt đầu rơi trên những con đường Sapporo, phía Bắc Nhật Bản. Sau những cơn mưa trời bắt đầu rắc tuyết. Nhưng chẳng bao lâu sau thì bắt đầu mưa trở lại. Tuy vậy trên những con đường Sapporo tuyết thực ra chẳng lấy gì làm lãng mạn lắm. Người ta đón nó cũng như đón một người bà con xa lạ vậy.

Hôm nay là thứ Sáu, ngày 23 tháng mười.

Khi rời phi trường Narita trên chuyến bay 747, tôi chỉ mặc độc cái áo sơ mi. Tôi chưa kịp nghe xong cuộn băng 90 phút bằng cái máy nghe nhạc Walkman thì tuyết đã bắt đầu rơi.

“Như thể tuyết đồng hành với chúng mình đấy nhỉ,” bạn tôi nói. “Theo lệ thường thì chúng ta sẽ bắt gặp trận mưa tuyết đầu tiên của năm đấy, và trời sẽ trở lạnh”.

“Trời sẽ rất lạnh phải không?”

“Không đùa được đâu. Trời sẽ lạnh lắm”.

Chúng tôi lớn lên nơi một làng nhỏ yên tĩnh ở Kobe, phía tây Nhật Bản. Nhà chúng tôi cách nhau khoảng năm mươi mét. Chúng tôi học chung với nhau từ tiểu học đến trung học. Cùng tham gia vào các cuộc du lịch của trường và hẹn hò với em út. Có lần chúng tôi đã say xỉn đến mức lăn ra ngoài cabin lúc cánh cửa xe bật ra. Sau khi tốt nghiệp trung học, chúng tôi vào hai trường khác nhau: tôi lên Tokyo còn anh ta lên phía bắc Hokkaido. Tôi đã cưới một nàng học cùng lớp ở Tokyo còn bạn tôi lấy một em cùng trường ở thị trấn Otaru ở Hokkaido. Tất cả đều do cuộc đời xô đẩy. Chúng tôi bị rắc bay đi như

những hạt cỏ quay cuồng trong gió.

Nếu như anh ta lên học ở Tokyo và tôi khăn gói vào trường cao đẳng Hokkaido, chắc hẳn cuộc đời chúng tôi sẽ xoay chuyển hoàn toàn khác. Có lẽ tôi sẽ làm việc cho một hãng du lịch, đi lang thang khắp tinh cầu. Và anh ta sẽ trở thành một nhà văn ở Tokyo. Nhưng định mệnh dẫn lối bắt tôi viết tiểu thuyết còn con đường anh ta đi là trở thành nhân viên du lịch. Và tuy thế mặt trời vẫn ngày ngày sáng soi trên đầu ta.

Anh bạn tôi có một đứa con trai lên sáu tuổi tên là Hokuto, và anh luôn mang theo trong ví mình ba tấm hình của cậu bé: Hokuto đang chơi đùa với cừu trong sở thú, Hokuto đang mặc bộ quần áo mùa thu trong đại hội trẻ em Shichigosan, Hokuto đang lái tên lửa trong khu vui chơi. Tôi nhìn từng tấm hình một. Mỗi tấm ba lần. Sau đó trả lại cho anh ta. Tôi làm một ngum bia và xơi vài miếng ruibe đá, tên một món ăn vùng Hokkaido.

- Này, thằng P khỏe không? - anh ta hỏi tôi.

- Khá tốt, - tôi trả lời. - Mới bữa trước tao “đụng” nó trên đường. Nó mới ly dị. Giờ đang chung chạ với một con bé trẻ măng.

- Còn thằng Q thế nào?

- Hắn làm cho một hãng quảng cáo, toàn viết những báo cáo tệ hại.

- Điều đó chẳng làm tao ngạc nhiên tý nào.

Vân vân và vân vân.

Chúng tôi trả bằng thẻ tín dụng và rời khỏi nhà hàng. Trời bắt đầu mưa trở lại.

- Này, gần đây mày có về Kobe không? - tôi hỏi.

- Không, - anh ta lắc đầu. - Quê hương quá xa xôi. Còn mày thì sao?

- Tao cũng không. Tao cũng thực sự không có khát vọng phải trở về.

- À ra vậy.

- Tao hình dung chắc khu phố mình thay đổi nhiều trong những năm qua.

Chúng tôi bước dọc theo những con đường ở Sapporo thêm mười phút nữa và nhanh chóng hết đề tài nói chuyện. Tôi trở về khách sạn của mình còn anh bạn thì quay về căn hộ nhỏ của anh ta.

- Đừng khách khí nhé. Nhớ giữ gìn sức khỏe đấy.

- Mà cũng thế nhé.

Đột nhiên tiếng ầm ầm của máy biến thế làm tôi chợt nhận ra rằng từ ngày mai chúng tôi sẽ cách xa nhau hơn 500 cây số. Trong vài ngày nữa, chúng tôi sẽ đi trên những con đường khác nhau. Và mỗi người sẽ quay về với những việc riêng hàng ngày chán ngắt của mình.

Chúng tôi sẽ tiếp tục vất vả leo trèo trên con dốc đời vô định như một thành viên của cuộc đua tranh nghiệt ngã.

Lê gót về khách sạn, tôi bật tivi, xem một chương trình truyền hình địa phương. Tôi leo lên giường để mặc đôi giày chưa cởi. Tôi ngọam một miếng bánh sandwich kẹp cá hồi xông khói và uống bia do người phục vụ phòng mang đến và lơ đãng nhìn lên màn hình.

Một người phụ nữ trẻ mặc bộ quần áo màu xanh xẫm đang đứng đơn độc giữa màn hình. Chiếc máy camera chiếu thẳng vào nàng giống như một loài cây ăn thịt kiên nhẫn. Hình ảnh nàng chiếm trọn camera. Góc quay không hề thay đổi. Tôi cảm thấy như mình đang xem một bộ phim của Goddard.

“Tôi đang làm việc ở bộ phận quảng cáo của chính quyền địa phương thị trấn R”- người phụ nữ nói. Nàng nói giọng địa phương một cách nhẹ nhàng và có chút ngập ngừng. Có lẽ chắc nàng hơi căng thẳng. “R là một thành phố nhỏ, dân số thừa thớt, chỉ khoảng

7500 người. Không có nhân vật nổi tiếng nào xuất thân từ đây nên tôi nghĩ rằng không ai trong các bạn từng nghe nói đến nơi này”.

Thật là tệ quá, tôi nghĩ.

“Ngành nghề chính của chúng tôi là nông nghiệp và sản xuất bơ sữa. Trồng lúa đã từng là ngành nghề chính ở thị trấn này. Nhưng những chính sách gần đây của chính phủ đã buộc chúng tôi phải chuyển toàn bộ sang trồng lúa mạch, lúa mì và rau để cung cấp cho vùng ngoại thành. Ở vùng ngoại ô thị trấn có bãi chăn thả gia súc với khoảng hai trăm con - 100 con ngựa và 100 con cừu. Vào thời điểm này, gia súc tiếp tục sinh sản mạnh. Trong vòng 3 năm tới chúng tôi sẽ thúc đẩy mạnh mẽ việc gia tăng lượng gia súc nhằm phục vụ sản xuất”.

Tôi thực sự không thể nào diễn tả được vẻ đẹp của nàng. Nàng khoảng 20 tuổi, đeo cặp kính gọng kim loại. Nàng cười như một cái tủ lạnh vỡ. Nhưng tôi nghĩ nàng thật tuyệt vời. Kỹ thuật quay Goddard đã “bắt” được những đặc điểm đẹp nhất của nàng. Và nó tiếp tục xoáy vào những điểm đó bằng ánh đèn chiếu soi tốt nhất. Nếu có ai trong chúng ta đứng khoảng mười phút trước máy quay thì có thể chúng ta cũng trông thật tuyệt vời. Đó là cái cách mà tôi nhìn thấy.

“Vào giữa thế kỷ 19 người ta đã tìm thấy bụi vàng ở sông R gần thành phố nhỏ của chúng tôi. Vì thế chúng tôi cũng được “hưởng sái” quả “bom bụi vàng” nhỏ bé này. Nhưng rồi bụi vàng cũng hết, những người khai thác vàng cũng chuyển đi, bỏ lại những “di sản” hằng hà sa số những lều và đường mòn trên núi. Đó thật sự là một chuyện đau lòng”

Tôi bỏ miếng bánh sandwich kẹp cá hồi hun khói cuối cùng vào

miệng và uống cạn chai bia.

“Một vài năm trước, dân số thành phố cao nhất khoảng 10 ngàn người. Tuy nhiên gần đây những gia đình bỏ việc đồng áng ngày càng nhiều. Một vấn đề khác là những người trẻ tuổi bắt đầu rời bỏ thành phố mà đến những vùng xung quanh. Hơn một nửa bạn cùng lớp của tôi đã chuyển đi. Nhưng những người quyết định ở lại thì đang làm hết sức mình cho thành phố”.

Nàng tiếp tục nhìn thẳng vào camera như thể đó là một chiếc gương có thể báo trước tương lai. Nàng dường như đang nhìn thẳng vào tôi. Lấy một chai bia khác từ tủ lạnh, tôi mở nắp và uống một ngụm thật lớn.

Thành phố của nàng.

Tôi chẳng khó khăn gì hình dung ra thành phố đó: một ga tàu bé tí nơi tàu chỉ dừng có 8 lần một ngày. Một lò sưởi nhỏ trong phòng đợi nhà ga. Một khu nhỏ bé khô cằn hình vòng cung để xe buýt rước khách. Một bản đồ hướng dẫn du lịch mà một nửa tên trong số đó gần như không đọc được. Một luống cúc vạn thọ và một dãy núi có những cây tần bì. Một con chó ghẻ lở chán sống. Một mẫu quảng cáo về những bộ đồng phục và thuốc đau đầu. Một con đường chính khá lớn nhưng vô dụng. Một tấm pano quảng cáo cho những lực lượng phòng vệ Nhật Bản. Một cửa hàng 3 tầng bày bán đủ loại quặng thương phẩm với nhiều hình dạng khác nhau. Một đại lý du lịch nhỏ bé. Một hợp tác xã nông nghiệp, một trung tâm lâm nghiệp và một khu bảo tồn động vật. Nhà tắm công cộng của thành phố ẩm ướt, heo hút với ống khói chọc thẳng lên trời. Phía bên trái ngay phía trước ngã tư, có hai tòa nhà nằm phía dưới. Đó là hội trường chính của thành phố, nơi nàng đang ngồi tại bàn làm việc trong bộ

phận quan hệ đối ngoại. Đúng là một thành phố nhỏ buồn tẻ. Nửa năm bị tuyết phủ vây. Nàng cứ ngồi ở bàn mà viết báo cáo:

“Chúng tôi sẽ sớm phân phối được phẩm để tẩy uế cừu. Nếu quan tâm, xin vui lòng điền thông tin theo mẫu và gửi lại cho chúng tôi càng sớm càng tốt”. Trở lại căn phòng nhỏ của tôi ở khách sạn Sapporo, tôi chợt nghiệm sinh ra sự nối kết hữu hình giữa tôi với đời nàng. Tôi đang tiếp xúc với sự hiện hữu của nàng. Tuy nhiên có điều gì đã mất mát. Tôi cảm thấy như mình đang mặc một bộ quần áo đi mượn, không vừa vặn gì với người mình. Tôi cảm thấy không thoải mái. Dây thừng trói chân tôi. Tôi cân nhắc xem mình có nên cắt bỏ nó bằng lưỡi dao cùn hay không. Nhưng nếu làm thế, sao tôi có thể trở về đây? Điều này làm tôi băn khoăn quá. Tuy nhiên tôi phải cắt sợi dây thừng. Phải chăng tôi đã uống quá nhiều bia? Phải chăng đó là ảo giác mà tuyết gây ra. Đó là tất cả những gì tôi có thể nghĩ đến. Tôi đã trượt chân xuống dưới đôi cánh đen của thực tại.

Thành phố của tôi và bày cừu của nàng.

Bây giờ chắc hẳn nàng đã dùng loại thuốc mới để tẩy uế cho cừu. Và tôi cũng thế, tôi cần chuẩn bị cho đàn cừu đối phó với mùa đông. Tôi phải gom cỏ khô và đổ đầy dầu lửa vào thùng. Tôi cũng phải lắp lại cửa sổ. Sau đó mùa đông sẽ bủa vây khắp những góc đường. “Đó là thành phố của tôi”. Nàng tiếp tục nói trên tivi. “Nó không hấp dẫn lắm nhưng nó là quê hương tôi. Nếu có dịp, mời bạn ghé thăm. Chúng tôi sẽ làm tất cả những gì có thể cho bạn.”

Và nàng như thể biến mất khỏi màn hình tivi. Tôi tắt tivi và tu nốt cốc bia còn lại. Tôi bắt đầu cân nhắc việc ghé thăm thành phố của nàng. Có thể nàng sẽ giúp tôi. Nhưng sau cùng chắc chắn tôi sẽ chẳng bao giờ đi thăm thành phố này. Tôi đã vứt bỏ quá nhiều thứ rồi. Ngoài trời



tuyết vẫn rơi. Một trăm con cừu khép mắt lại trong bóng tối.

***Hoàng Long dịch theo bản tiếng Anh của Kiki Her Town, Her Sheep***

---

Nguồn:

Được bạn: mickey đưa lên

vào ngày: 22 tháng 10 năm 2004